

## **HỎI - ĐÁP VỀ MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**





**BAN DÂN VẬN THÀNH ỦY HẢI PHÒNG**  
**LÊ TRÍ VŨ - BÙI TRUNG TIẾN**  
(Đồng chủ biên)

**HỎI - ĐÁP**  
**VỀ MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

LÊ TRÍ VŨ

**Trưởng Ban Dân vận Thành ủy**

**CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

BÙI TRUNG TIẾN

**Phó Trưởng Ban Dân vận Thành ủy**

**TỔ BIÊN SOẠN**

NGUYỄN ANH TÚ

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

ĐÀO CHUNG KIÊN

NGUYỄN THỊ HIỀN

HỒ CHÍ TRUNG

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN



**T**ôn giáo, tín ngưỡng xuất hiện từ rất sớm và là một hiện tượng xã hội phức tạp trong đời sống nhân loại. Việt Nam là một quốc gia, dân tộc đa tôn giáo, nhiều tín ngưỡng, bên cạnh các tôn giáo du nhập còn có các tôn giáo bản địa và một số “đạo lạ” xuất hiện những năm gần đây. Tôn giáo, tín ngưỡng có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Đồng bào các tôn giáo đều là con cháu Lạc Hồng, hòa đồng cùng dân tộc, sống “tốt đời, đẹp đạo”, có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước. Trong quá trình cách mạng, Đảng và Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; đoàn kết đồng bào các tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm nên sức mạnh to lớn của cách mạng Việt Nam.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta thực hiện nhiều chủ trương, chính sách đối với tín ngưỡng, tôn giáo, tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào các tôn giáo phát huy tinh thần yêu nước, đóng góp công sức cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, nghiêm cấm mọi sự lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây rối và xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá cách mạng.

Để góp phần giúp bạn đọc hiểu đúng bản chất những vấn đề cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo, làm cơ sở thực hiện tốt quan điểm, chủ trương, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Ban Dân vận Thành ủy Hải Phòng xuất bản cuốn sách *Hỏi - đáp về một số tín ngưỡng, tôn giáo* do các tác giả Lê Trí Vũ, Bùi Trung Tiến đồng chủ biên.

Cuốn sách trình bày dưới dạng hỏi - đáp một cách khái quát, ngắn gọn và dễ hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, giúp bạn đọc có những kiến thức cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo; hiểu rõ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, các hành vi lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo chống Đảng, Nhà nước và góp phần giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh trong tôn giáo, đảm bảo tính thượng tôn pháp luật.

Đây là lĩnh vực rộng, nhạy cảm, khó nghiên cứu. Các tác giả và ban biên tập đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, biên tập song nội dung cuốn sách khó tránh khỏi hạn chế. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 12 năm 2022*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



## LỜI GIỚI THIỆU



**T**ín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần chính đáng của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc Việt Nam trong quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước; nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Thực hiện nhất quán chủ trương tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật; các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và bình đẳng trước pháp luật; phát huy các giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp và nguồn lực của tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình phát triển đất nước đã được thể hiện qua các văn bản của Đảng, Nhà nước qua mỗi giai đoạn cách mạng.

Thành phố Hải Phòng là một cực phát triển quan trọng trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội thành phố đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn, góp phần thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết,

phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ thành phố.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn của đất nước, thành phố Hải Phòng và những vấn đề mới liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo, Trung ương Đảng, Nhà nước đã ban hành một số văn bản quan trọng để định hướng, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới. Ban Dân vận Thành ủy Hải Phòng tổ chức nghiên cứu, tập hợp, sưu tầm và biên soạn cuốn sách *Hỏi - đáp về một số tín ngưỡng, tôn giáo*, trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia, góp ý của Ban Dân vận Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ và các tổ chức tôn giáo trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Giáo Hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hải Phòng, Tòa Giám mục Hải Phòng, Hội thánh Tin Lành Hải Phòng, Thánh Thất Cao Đài Hải Phòng, nhằm giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; cán bộ, đảng viên, nhân dân có điều kiện thuận lợi trong việc tra cứu, học tập, tham khảo và vận dụng.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, nhưng do cuốn sách đề cập nhiều nội dung nên khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được các ý kiến góp ý của bạn đọc để lần xuất bản sau chất lượng cuốn sách được tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

BAN BIÊN SOẠN



## *Phần thứ nhất*

# **NHẬN THỨC CHUNG VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**



**Câu hỏi 1: Tín ngưỡng là gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016:

1. *Tín ngưỡng* là niềm tin của con người được thể hiện thông qua lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.

2. *Hoạt động tín ngưỡng* là hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng; tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các nghi lễ dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.

3. *Lễ hội tín ngưỡng* là hoạt động tín ngưỡng tập thể được tổ chức theo lễ nghi truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng.

4. *Cơ sở tín ngưỡng* là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác.

Có nhiều loại tín ngưỡng khác nhau, trong đó nổi bật là những loại tín ngưỡng về thờ vật tổ (Tôtem) hay thờ cúng tổ tiên; những tín ngưỡng xoay quanh vòng đời của con người - từ khi được hoài thai cho đến lúc qua đời; các tín ngưỡng liên quan đến quá trình sản xuất vật chất, nuôi sống con người (gọi là các tín ngưỡng nghề nghiệp); ngoài ra còn các tín ngưỡng tôn sùng, thờ cúng các vị thần như thành hoàng, thổ thần, các anh hùng dân tộc, thờ Mẫu...

**Câu hỏi 2: Tín ngưỡng và tôn giáo giống và khác nhau như thế nào?**

**Trả lời:**

Hiện nay có rất nhiều cách tiếp cận khác nhau về khái niệm tôn giáo. Hiểu theo nghĩa chung nhất, tôn giáo là tổ chức của những người có cùng niềm tin vào những điều thiêng liêng, huyền bí vượt khỏi thế giới tự nhiên. Tổ chức đó được định nên dựa vào một hệ thống giáo lý, giáo luật và lễ nghi nhất định.

Như vậy, tôn giáo vừa là một hình thái ý thức xã hội, vừa là một thực thể xã hội. Tôn giáo và tín ngưỡng đều có điểm chung là niềm tin của con người đối với một thế giới siêu nhiên, một cái thiêng ở bên ngoài thực tại xã hội. Tuy nhiên, nếu như tín ngưỡng chưa tạo ra một hệ thống các giáo lý, giáo hội và các lễ nghi một cách bài bản, chặt chẽ thì tôn giáo lại định hình được những yếu tố trên. Tôn giáo luôn có một giáo chủ và tạo dựng nên một hệ thống quan niệm kinh sách, giáo lý trong đó thể hiện một cách có hệ thống quan niệm về thế giới quan,

nhân sinh quan và thiết chế nên những nghi lễ thực hành tôn giáo bài bản. Giáo hội được tổ chức với sự phân chia cấp phẩm, chức năng có thứ bậc, rõ ràng. Việc thực hành tôn giáo cũng được tiến hành với những cơ sở thờ tự được định hình rõ nét cả phong cách lẫn các quy định có tính nguyên tắc. Xét ở nhiều góc độ, có thể nói rằng, tôn giáo là tín ngưỡng của những người cùng chung một tổ chức; có hệ thống giáo lý, giáo luật và lễ nghi... nhất định.

Có một điểm nữa cũng cần lưu ý giữa tín ngưỡng và tôn giáo đó là, cả tín ngưỡng và tôn giáo đều đặt niềm tin vào một thế giới siêu nhiên nhưng việc hướng tới và thực hành các nghi lễ lại có mục đích không hoàn toàn trùng khớp nhau. Tuy cũng mong muốn (cầu xin) được một cuộc sống bình an ở thực tại, nhưng “đích đến” quan trọng nhất của các tôn giáo là tạo một bệ đỡ vĩnh cửu cho con người ở thế giới bên kia - tức tìm cách hướng (và hướng dẫn) con người đến với thiên đàng, niết bàn sau khi chết. Còn đối với tín ngưỡng thì cơ bản là cầu xin các thần linh phù hộ độ trì cho cuộc sống hiện tại hơn là “thiết kế” một vị trí, một điểm đến cho con người sau khi đã cạn kiếp người.

**Câu hỏi 3: Tính đa thần/phiếm thần của tín ngưỡng Việt Nam được thể hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Phiếm thần là hình thức thờ cúng cùng một lúc, trong một cơ sở thờ tự nhiều vị thần có các nguồn gốc khác nhau nên không mang tính thuần nhất của một tín ngưỡng cụ thể nào.

Đó là sự pha trộn giáo lý và nghi thức của nhiều hình thức tín ngưỡng khác nhau trong một cộng đồng dân cư.

Ở Việt Nam, tính phiếm thần thể hiện khá rõ nét ở nhiều nơi từ Bắc đến Nam. Phổ biến và dễ nhận thấy nhất vẫn là những trường hợp biến đền/điện thành chùa, đưa thêm các vị Phật vào trong các đền thờ hoặc “Phật hóa” các vị thần, trong đó tạo nên những phức thể đa dạng trong các cơ sở thờ tự này. Ở miền Bắc, trước đây có những đền thờ được lập nên để thờ các vị nữ thần thuộc Tứ pháp là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Sau đó, đền thờ lại đặt thêm bàn thờ Phật rồi biến các nữ thần trên thành các vị Phật bà. Lại có nhiều nơi sau khi rước tượng Phật vào chính gian thì đưa ban thờ các vị Thổ thần và năm bà Ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) ra thờ ở các miếu nhỏ hai bên phía trước chùa tạo thành một dạng chùa được gọi là “*tiên Thần, hậu Phật*”. Những trường hợp ngược lại thì tạo thành “*tiên Phật, hậu Thần*”. Ở miền Nam, nhiều chùa bên cạnh thờ Phật có thờ cả bà Chúa Xứ hay bà Cửu Thiên Huyền Nữ... Có thể kể đến trường hợp chùa Ngọc Sơn (Hà Nội), được xây dựng vào thế kỷ XIX để thờ Phật<sup>1</sup>. Tuy nhiên sau đó, chùa lại được chuyển thành đền vì ngoài việc thờ Phật Adidã thì tại đây còn thờ Văn Xương Đế Quân, rồi Quan Vân Trường và Trần Hưng Đạo...

Sự linh hoạt, hài hòa và bao dung trong đời sống tâm linh của người Việt Nam dẫn đến nhiều phức hợp vừa chứa đựng

---

1. Hiện nay vẫn còn câu ca dao khẳng định về nguồn gốc “chùa” của cơ sở thờ tự này là: “*Rủ nhau xem cảnh Tây Hồ; Thăm cầu Thê Húc, thăm chùa Ngọc Sơn*”.

những yếu tố tôn giáo vừa chứa đựng những tín ngưỡng bản địa đó là bên cạnh các ban thờ Phật có cả ban thờ các vị thần có nguồn gốc xuất thân khác nhau. Có vị thần hết sức dân dã, lại có vị thần cực kỳ “quý phái”; có những vị đến từ huyền thoại, nhưng cũng có nhiều người là anh hùng dân tộc với nguồn gốc, chiến tích rõ ràng trong lịch sử. Sự nổi dài của hiện tượng phiếm thần Việt Nam chính là hình ảnh của tôn giáo Cao Đài - một tôn giáo nội sinh của người Việt trong đó đã chứng kiến sự hội ngộ của nhiều vị thần linh và nhân vật lịch sử đến từ nhiều vùng đất, nhiều tôn giáo khác nhau.

**Câu hỏi 4: Tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc Việt Nam gồm những hình thức nào?**

**Trả lời:**

Việt Nam là quốc gia gồm 54 dân tộc. Mỗi dân tộc có những nét văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng khác nhau và in đậm dấu ấn từ những điều kiện về tự nhiên và xã hội đặc thù. Nhìn nhận dưới góc độ đời sống tâm linh, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc trên đất nước Việt Nam hết sức đa dạng và phong phú. Có thể khái quát lại trong một số loại tín ngưỡng phổ biến sau:

*Thứ nhất*, thờ cúng tổ tiên hay thờ vật tổ. Đây là một loại tín ngưỡng có nguồn gốc lâu đời và rất quan trọng trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Kinh. Những dân tộc khác như Thái, Nùng, Hoa, Dao, Mường... cũng tồn tại loại hình tín ngưỡng này nhưng dưới những sắc thái và hình thức

biểu hiện khác nhau. Ngoài ra, ở nhiều dân tộc khác như Khomú, Mảng, Xinhmun có tín ngưỡng thờ cúng vật tổ (Tôtem) cũng có nhiều điểm tương đồng với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên, tín ngưỡng vật tổ lại tôn thờ các biểu trưng là các cây, con vật nào đó khi cho rằng đó chính là tổ tiên của mình và thị tộc của mình có cùng huyết thống với các biểu trưng đó.

*Thứ hai*, loại tín ngưỡng vòng đời, bao gồm những tín ngưỡng liên quan đến sự ra đời, trưởng thành rồi những nghi lễ tang ma, cúng tế sau khi con người qua đời. Những tín ngưỡng này ở các dân tộc Việt Nam là rất đa dạng. Người Kinh có một loạt các lễ từ tang ma cho đến cúng giỗ rồi cải táng... Người Mông, Dao, Mường có nghi thức đưa hồn người chết về *quê hương xa xưa* hay lên trời. Các dân tộc ở Tây Nguyên có nghi lễ bỏ mả; người Lô Lô, Dao làm ma khô...

*Thứ ba*, loại hình tín ngưỡng nghề nghiệp, bao gồm những tín ngưỡng trong sinh hoạt sản xuất nông nghiệp; tín ngưỡng thờ Thánh sư (Ông tổ - người sáng lập ra một ngành nghề); tín ngưỡng thờ thần tài; tín ngưỡng ngư nghiệp... Mỗi một dân tộc có một cách thức thể hiện tín ngưỡng nghề nghiệp khác nhau, nhưng tất cả đều thể hiện mong muốn đạt được kết quả tốt đẹp, hanh thông trong lao động, sản xuất để nâng cao đời sống của mình.

*Thứ tư*, tín ngưỡng thờ Thần. Trong đời sống tâm linh của các dân tộc Việt Nam đều có chung quan niệm về sự tồn tại một thế giới siêu nhiên bên cạnh thế giới hiện thực, ở đó,

những thần linh luôn theo dõi và điều chỉnh mọi hành vi của con người bằng sự ban ơn, phù hộ hay giáng họa, trừng phạt. Việc thờ cúng các thần linh được thực hiện hầu khắp ở các dân tộc Việt Nam. Hệ thống thần linh được thờ cúng cũng hết sức đa dạng - từ thần linh tổ tiên đến thành hoàng, thổ địa: từ các thần nhà trời đến các anh hùng trong lịch sử; từ các thần linh trong phạm vi một gia đình cho đến buôn, làng và cả đất nước...

**Câu hỏi 5: Những đặc điểm của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam?**

*Trả lời:*

*1. Đặc điểm của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam*

- Việt Nam là quốc gia đa tín ngưỡng, tôn giáo.
- Tính đan xen, hòa đồng, khoan dung của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.
- Yếu tố nữ trong hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.
- Thần thánh hóa những người có công với làng, nước.
- Tín đồ các tôn giáo Việt Nam hầu hết là nông dân lao động.

*2. Lý do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam có những đặc điểm trên*

Sở dĩ tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam có những đặc điểm trên là do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và đặc trưng văn hóa. Việt Nam là một quốc gia nằm giữa ngã ba của Đông Nam Á, vốn là nơi giao lưu của các luồng tư tưởng, văn hóa khác nhau. Với địa hình

phong phú và đa dạng lại ở vùng nhiệt đới gió mùa, thiên nhiên vừa ưu đãi, vừa đe dọa cộng đồng người sống ở nơi đây, do đó, họ thường nảy sinh tâm lý sợ hãi, nhờ cậy vào sự che chở của lực lượng tự nhiên. Việt Nam có lịch sử lâu đời và nền văn minh hình thành sớm, lại kề bên hai nền văn minh lớn của loài người là Trung Hoa và Ấn Độ, nên tín ngưỡng, tôn giáo có ảnh hưởng sâu sắc từ hai nền văn minh ấy.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử chống ngoại xâm, những người có công lớn trong việc giúp dân, cứu nước được cả cộng đồng tôn sùng và đời đời thờ phụng. Trong tâm thức của người Việt luôn tiềm ẩn, chứa đựng đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”. Điều đó được thể hiện khá rõ nét trong đời sống sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của người dân.

Đặc điểm tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và đặc trưng văn hóa có ảnh hưởng lớn đến đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

**Câu hỏi 6: Vì sao tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam có đặc điểm đan xen, hòa đồng, khoan dung? Điều đó được thể hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

1. *Tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam có đặc điểm đan xen, hòa đồng, khoan dung*

Bản tính của người Việt Nam là cởi mở, bao dung, không hẹp hòi, kỳ thị, khép kín. Dù là tín ngưỡng, tôn giáo nào, từ đâu đến thì cộng đồng người Việt Nam cũng sẵn sàng chấp nhận khi nó không vi phạm đến lợi ích quốc gia và đi ngược lại



truyền thống văn hóa dân tộc. Khổng giáo và Đạo giáo từ Trung Hoa lan xuống, Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang nước ta từ rất sớm vẫn song song tồn tại một cách hòa bình cùng với tín ngưỡng bản địa. Kể cả về sau khi một số tôn giáo phương Tây thâm nhập vào Việt Nam, tuy có xa lạ với truyền thống văn hóa dân tộc, nhưng vẫn được chấp nhận. Nếu có giai đoạn lịch sử nào đó bị cộng đồng dân tộc mặc cảm, định kiến là khi tín ngưỡng, tôn giáo ấy bị lực lượng phản động lợi dụng đi ngược lại lợi ích của dân tộc.

Do điều kiện lịch sử, từ khi dựng nước đến nay, mối quan tâm lớn nhất và thường trực trong mỗi người dân Việt Nam là cảnh giác và đề phòng nạn ngoại xâm. Vì vậy, bất luận là tôn giáo nào, từ đâu đến thì vị trí của nó trước hết phải được sự khảo nghiệm của lịch sử dựng nước và giữ nước, sau nữa, phải tôn trọng tôn giáo truyền thống và hòa đồng với tín ngưỡng bản địa.

Trong lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của các hình thức tôn giáo, sự kế thừa, bảo lưu, ảnh hưởng, tác động lẫn nhau là xu hướng chung. Sự ra đời của Kitô giáo đã kế thừa Do Thái giáo và tín ngưỡng truyền thống. Phật giáo cơ bản phủ nhận đạo Balamôn về quan điểm chính trị - xã hội, nhưng cũng kế thừa nhiều mặt từ tôn giáo này.

Khác với một số nước phương Tây, ở Việt Nam không có tôn giáo nào giữ vai trò thống trị suốt chiều dài lịch sử dân tộc, mà vị trí, vai trò của từng tôn giáo gắn liền với sự hưng thịnh, suy tàn của các triều đại phong kiến trong tiến trình phát triển nhất định của lịch sử dân tộc.

*2. Tính đan xen, hòa đồng, khoan dung của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam*

Trên điện thờ của một số tôn giáo thường có sự hiện diện của một số vị thần, thánh, tiên, phật... của nhiều tôn giáo được gọi là “thờ phối”. Hiện tượng này thấy rõ ở Phật giáo Đại Thừa và điển hình là đạo Cao Đài.

Đối với người Việt Nam, rất khó xác định tiêu chuẩn tôn giáo cụ thể của họ. Không ít người sẵn sàng chấp nhận thờ cúng cả thần, thánh, tiên, phật lẫn thổ công, hà bá... Họ không chỉ thờ phụng ở đình, chùa, am miếu, mà còn khấn vái “tứ phương” kể cả ở gốc cây, mô đất, hốc đá, khúc sông... Họ có thể đều đặn đến chùa mà vẫn say sưa hầu bóng; có thể vừa chịu đủ những phép bí tích mà vẫn ham bói toán, tử vi; vừa tham gia các nghi lễ tôn giáo lớn mà vẫn chăm chỉ thờ cúng tổ tiên, tổ chức hội làng.

Về phía giáo sĩ, ở Việt Nam có nhiều tăng, ni, phật tử thông thạo giáo lý Phật giáo, đồng thời cũng am hiểu triết thuyết Khổng Mạnh và nghiên cứu cả Đạo giáo. Ngược lại, các thầy pháp của Đạo giáo (phù thủy, chiêm tinh, bói toán) cũng không hề bài bác Phật giáo và Khổng giáo. Thực tế có nhiều nhà Nho nương thân trong chốn cửa thiền và cũng không ít tăng ni có tư tưởng yếm thế, tu tiên.

Giáo lý của các tôn giáo lớn ở Việt Nam có không ít những điều khác biệt và trong lịch sử tồn tại của nó cũng xuất hiện những mâu thuẫn nhất định. Cá biệt có hiện tượng phê phán, bài bác lẫn nhau, nhưng nhìn chung, chưa có sự đối đầu để dẫn

đến chiến tranh tôn giáo. Nếu có mâu thuẫn dẫn đến xung đột thì đó cũng chỉ vì lý do chính trị mà tôn giáo như một hình thức biểu hiện.

Khái quát lại, tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam là hòa đồng, đan xen, nương tựa, hỗ trợ lẫn nhau. Truyền thống “tam giáo đồng nguyên”, “ngũ chi hợp nhất” được kết tinh trong đạo Cao Đài. Những tôn giáo độc thần như Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo du nhập vào nước ta cũng như tôn giáo nội sinh như Cao Đài, Hòa Hảo ít nhiều đều có tính đan xen, hòa đồng dung hợp với nhau và với tín ngưỡng bản địa. Nhờ có tính khoan dung, hiếu hòa của tôn giáo đã khiến cho một đất nước đa dân tộc và đa tôn giáo như Việt Nam vẫn giữ được truyền thống đoàn kết toàn dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo.

**Câu hỏi 7: Vì sao tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam lại in đậm tính nữ? Điều đó được thể hiện như thế nào?**

*Trả lời:*

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử chống ngoại xâm, người phụ nữ có vị trí, vai trò quan trọng trong xã hội. Họ không chỉ gánh vác công việc nặng nề, thay chồng nuôi con ở hậu phương, mà có người còn trực tiếp cùng nam giới xông pha nơi trận mạc. Không phải chỉ có Bà Trưng, Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa chống giặc ngoại xâm vào những thế kỷ đầu Công nguyên mà giai đoạn lịch sử nào cũng có phụ nữ nổi lên đóng góp trên các lĩnh vực.

Ở một xứ sở trồng cấy lúa nước thuộc nền văn minh nông nghiệp vốn coi trọng yếu tố âm - đất - mẹ, người mẹ biểu tượng cho ước muốn phong đăng, phồn thực - hình tượng của sự sinh sôi, nảy nở, sự trường tồn của giống nòi, sự bao dung của lòng đất.

Vì vậy, một trong những đặc điểm đáng quan tâm trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam là truyền thống tôn thờ yếu tố nữ.

Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam in đậm tính nữ thể hiện từ Bắc đến Nam, ở đâu cũng có nơi thờ tự thể hiện sự tôn vinh nữ thần như: Đền thờ Bà chúa kho (Bắc Ninh), Bà chúa Liễu ở Phú Tây Hồ (Hà Nội), Bà chúa Đen (Tây Ninh), Bà chúa Xứ (An Giang)... Những cơ sở thờ tự ấy đã và đang là nơi thu hút nhiều người, không phải chỉ có giới nữ đến cầu khẩn, nhờ cậy sự phù hộ, độ trì của Chúa bà, Thánh mẫu.

Các tôn giáo lớn từ Công giáo đến Khổng giáo và nhất là Hồi giáo vốn không coi trọng nữ giới, nhưng khi du nhập vào Việt Nam đã phải thay đổi ít nhiều cho phù hợp với vai trò của người phụ nữ và sự nhìn nhận, đánh giá của xã hội đối với họ. Dưới con mắt của một số tín đồ Công giáo và Phật giáo, Đức bà Maria và Phật bà Quan Âm có khi còn gần gũi, thân thiết và quan trọng hơn cả Đức Chúa Giêsu và Phật Thích Ca Mâu Ni.

Nhiều nơi như đền, miếu, phủ... đã trở thành nơi dâng hương hoa, oản, quả nhằm thờ phụng những bậc thánh thần thuộc giới nữ. Vì lẽ đó, có ý kiến cho rằng ở nước ta có đạo thờ Mẫu. Thần thánh mang dạng nữ khá phổ biến, rất đa dạng và phong phú. Điều đó phản ánh vai trò nhiều vẻ của người phụ

nữ ở thế giới hiện hữu. Có mẫu là thiên thần, cũng có mẫu là nhân thần; có mẫu tạo dựng nên giống nòi; lại có mẫu có công đánh giặc giữ nước; có mẫu xuất hiện từ huyền thoại, nhưng có mẫu lại là con người lịch sử - cụ thể. Có mẫu xuất thân từ những gia đình quyền quý, có mẫu được tôn vinh chỉ là người bình dân nghèo khổ; có mẫu lo giúp dân đuổi giặc, có mẫu lại chăm lo cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Phải chăng sự hiện diện của nữ thần ở mọi nơi làm cho con người an tâm như sự có mặt của người phụ nữ trong gia đình và xã hội.

**Câu hỏi 8: Vì sao người Việt Nam thường thần thánh hóa những người có công với gia đình, làng, nước?**

**Trả lời:**

Lịch sử Việt Nam là lịch sử chống ngoại xâm và chống thiên tai. Hàng nghìn năm, các thế lực bên ngoài đã nuôi hy vọng đồng hóa dân tộc ta bằng nhiều hình thức. Dù có chịu ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa khác nhau nhưng dân tộc ta không bị hòa đồng mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa riêng. Các tôn giáo ngoại lai du nhập vào Việt Nam dù giáo lý có sâu sắc, tổ chức có chặt chẽ đến đâu vẫn không thể đẩy lùi, lấn lướt được tín ngưỡng bản địa, tôn giáo truyền thống; ngược lại, muốn tồn tại và phát triển, các tôn giáo ngoại lai vẫn phải hòa nhập cùng tín ngưỡng bản địa.

Người Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, trọng tình, luôn hướng về cội nguồn: “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả

nhớ người trồng cây” nên tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam cũng thấm đượm tinh thần ấy. Truyền thống này được thể hiện trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và được ghi nhận rõ nét trong hệ thống đình, đền, miếu, phủ, v.v. trong cả nước. Đó là truyền thống quý báu mà Đảng ta đang khuyến khích: “Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân”<sup>1</sup>.

**Câu hỏi 9: Việc thần thánh hóa những người có công với gia đình, làng, nước được thể hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Từ xa xưa ở Việt Nam đã hình thành ba cộng đồng vốn gắn bó chặt chẽ với nhau, đó là: gia đình, làng xóm và quốc gia.

Gia đình là tế bào của xã hội. Dù giàu nghèo, sang hèn có thể khác nhau, nhưng nhà nào cũng có bàn thờ ông bà, cha mẹ - những người đã khuất. Đối với người Việt Nam, thờ cúng tổ tiên không đơn thuần chỉ biểu hiện tình cảm, nhớ ơn những người có công sinh thành, nuôi dưỡng cho con cháu trưởng thành mà còn được quan niệm ông bà, tổ tiên như những vị thần hộ mệnh cho con cháu mạnh khỏe, hưởng phúc, tránh họa ở ngay thế giới hiện hữu.

Làng xóm Việt Nam có cơ cấu, thiết chế rất chặt chẽ. Tuy làng, xã luôn có quan hệ mật thiết với nhà nước trung ương

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2003, t.62, tr.60.

nhưng lại có tính độc lập tương đối. Mỗi làng có tục lệ, phong tục, lối sống riêng. Trong phạm vi làng, xã từ lâu đã hình thành tập tục thờ cúng thần địa phương, việc thờ cúng này trở nên phổ biến ở nhiều tộc người. Tục thờ thành hoàng, thần bản, thần mường làng nào cũng có. Mỗi làng bản có thể thờ một vị nhưng cũng có làng thờ đến năm, bảy vị thành hoàng. Những vị thành hoàng ấy được coi như thần bản mệnh của cộng đồng làng, xã.

Thành hoàng thường là những người có công với dân, với nước được nhân dân tôn vinh. Có người đã từng là tướng lĩnh có công trong trận mạc, cũng có vị đỗ đạt cao hay có công khai phá đất đai, lập nghề nghiệp mới... Thành hoàng hầu hết là nam, nhưng cũng có thể là nữ; có người là con người lịch sử, nhưng có người là con người trong huyền thoại; cũng có cả nửa huyền thoại, nửa lịch sử. Có thiên thần cũng có cả nhân thần; có chính thần nhưng có làng thờ cả dị thần, yêu thần, tà thần hoặc ở tầng lớp thấp như: thần ăn xin,... Không kể lai lịch, đẳng cấp sang hèn hay giàu nghèo, một khi được nhân dân thừa nhận và tôn vinh làm thành hoàng, thì cả cộng đồng làng, xã ấy nhất mực kính trọng. Nhìn chung, hầu hết những vị thành hoàng ở nước ta được nhân dân ngưỡng mộ lâu dài đều là những vị thần có công đánh giặc, giữ nước, mở mang bờ cõi. Còn những nghi thức thờ tà thần, dị thần... dần dần bị loại bỏ khỏi đời sống tinh thần của nhân dân.

Đặc điểm của xã hội phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng là việc suy tôn cá nhân thành người đại diện tối cao của cả cộng đồng, quốc gia cũng như địa phương. Vua được coi là thiên tử “con trời”, không chỉ có quyền hành cai quản thế giới hiện hữu,

mà còn điều khiển cả thế giới vô hình. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia thường được coi như bắt nguồn từ một vị vua. Tuy vua có uy quyền tối thượng ở cõi trần thế nhưng vẫn phụ thuộc và bị trời chi phối. Nhưng dù sao, thiên tử - một nhân vật nửa người, nửa thần này vẫn là người đại diện tối cao của trời hộ mệnh cho cả quốc gia.

Những người có công với gia đình, làng xóm, đất nước đều được người Việt Nam tôn vinh, sùng kính. Nhiều vị có đóng góp trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế đã được hậu thế thờ phụng để ghi tạc công ơn.

Ở Việt Nam, Hùng Vương được coi là Quốc tổ, giỗ tổ Hùng Vương trở thành quốc lễ, có sức mạnh quy tụ và đoàn kết cộng đồng.

### ***Câu hỏi 10: Tôn giáo là gì?***

#### ***Trả lời:***

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội đa dạng và phong phú, vì vậy đã có nhiều người đưa ra những khái niệm khác nhau về tôn giáo.

Thuật ngữ religion (tôn giáo) xuất phát từ gốc Latinh cổ, (religo) có nghĩa là “gắn bó”, hay “ép buộc”. Thuật ngữ “religion thoát tiên được sử dụng ở châu Âu để chỉ một tôn giáo... sau đó thành khái niệm mang tính phổ quát để chỉ mọi tôn giáo”<sup>1</sup>. Xét về ý nghĩa lý luận, tôn giáo là sự tưởng

---

1. Đặng Nghiêm Vạn: *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.16-19.



tượng, quan niệm, ý nguyện, tình cảm của con người; xét về ý nghĩa thực tiễn, nó là cử chỉ, hành vi, thao tác hoạt động của con người.

Tôn giáo còn được hiểu là sự phản ánh mối quan hệ giữa con người với thần thánh; giữa thế giới vô hình với thế giới hữu hình; giữa cái thiêng liêng với cái trần tục.

Theo tiếng Hán, tôn giáo chủ yếu chỉ một số những hình thể tôn giáo có thể chế, có tổ chức, nhưng thực chất tôn giáo còn bao hàm tất cả sự sùng kính trong tâm khảm con người: “Nhắc đến tôn giáo, thì liên tưởng đến đền miếu nguy nga, nhà thờ cao lớn đồ sộ, và tất cả những phương diện vật chất có thể chế có tổ chức; không ngờ rằng, các tôn giáo vật chất có hình thức ấy, đều bắt nguồn từ tinh thần không có hình thức. Cái danh từ religion này, ý nghĩa của nó, không phải đơn thuần chỉ tổ chức có thể chế, mà nó còn bao hàm tất cả sự sùng kính trong tâm khảm con người”<sup>1</sup>.

Vậy, theo nghĩa rộng nhất, “tôn giáo” có nghĩa là: “sự trung tín với tập hợp những niềm tin hay lời giảng dạy về những điều huyền bí về sự sống sâu xa nhất và khó nhất”<sup>2</sup>.

**Câu hỏi 11: Hãy nêu những bộ phận hợp thành của một tôn giáo?**

**Trả lời:**

G.V. Plekhanov cho rằng, tôn giáo là: “Hệ thống các quan

---

1. Trác Tân Bình: *Lý giải tôn giáo*, Nxb. Hà Nội, 2007, tr.18.

2. John Renard: *Tri thức tôn giáo qua các vấn nạn và giải đáp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005, tr.25.

niệm, tình cảm và hành động ít nhiều ổn định”<sup>1</sup>. Theo ông, đây là ba yếu tố hạt nhân của tôn giáo trong bất kỳ thời kỳ lịch sử nào.

Một số nhà tôn giáo học Trung Quốc còn chia tôn giáo thành hai yếu tố và bốn lớp chứa đựng: Yếu tố bên trong bao gồm hai lớp: quan niệm tư tưởng và thể nghiệm tình cảm; yếu tố bên ngoài gồm hai lớp: thể chế tổ chức và hành vi hoạt động tôn giáo. Hay nói cách khác là hai bộ phận lớn tính tôn giáo và quần thể tôn giáo<sup>2</sup>.

Có quan niệm cho rằng, tôn giáo gồm 5 bộ phận cấu thành:

- Sự tồn tại của nhóm người có cùng niềm tin tôn giáo (tín ngưỡng).

- Đối tượng thờ phụng tôn giáo liên tưởng đến những khái niệm thánh thần, về cái thiêng, cái siêu nhiên.

- Tôn giáo là tổng hòa của các tín ngưỡng.

- Tôn giáo có hệ thống hành động và lễ nghi.

- Tôn giáo bao gồm những khuôn mẫu nhất định để răn dạy, khuyến bảo, cấm kỵ để điều chỉnh hành vi của con người.

Một số người còn tiếp tục chi tiết hóa những bộ phận cấu thành của tôn giáo, khi phân thành 7 bộ phận như sau:

- Niềm tin vào một hoặc một số đấng siêu nhiên sáng tạo ra tất cả, có vai trò quyết định đối với vận mệnh của con người

---

1. PGS.TS. Nguyễn Đức Lữ: *Tìm hiểu về tôn giáo và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Hành chính và Vinacin-Book, Hà Nội, 2010, tr.18.

2. Dẫn theo Trác Tân Bình: *Lý giải tôn giáo, Sdd.*

trong cuộc sống hiện tại cũng như trong cuộc sống ở thế giới bên kia; đó là đấng toàn thiện, toàn năng.

- Có hệ thống kinh kệ giải đáp những vấn đề như nguồn gốc của vũ trụ, nguồn gốc của con người, nơi đến của linh hồn sau khi chết...

- Có người sáng lập.

- Có bộ máy tổ chức.

- Có giới chức sắc chuyên làm nhiệm vụ rao giảng giáo lý, hình thành niềm tin đối với tôn giáo nhất định.

- Có hệ thống lễ nghi được quy định một cách rõ ràng, chặt chẽ và thống nhất đối với mọi tín đồ của tôn giáo đó.

- Có những điều răn đe, cấm kỵ (giáo luật), thậm chí có những trừng phạt nếu vi phạm vào điều cấm kỵ.

Kết cấu của tôn giáo được nhiều người đồng tình hơn cả khi cho rằng, tôn giáo gồm có: Ý thức tôn giáo (có hai mức độ có liên quan chặt chẽ, đó là tâm lý tôn giáo và hệ tư tưởng tôn giáo), nghi lễ tôn giáo và tổ chức tôn giáo.

### **Câu hỏi 12: Tôn giáo được ra đời từ khi nào?**

#### **Trả lời:**

Tôn giáo nảy sinh rất sớm, từ trong xã hội nguyên thủy. Tôn giáo ra đời từ xa xưa của lịch sử nhân loại, lịch sử tôn giáo không thể tách khỏi lịch sử xã hội loài người mà có quan hệ chặt chẽ với các hình thái kinh tế - xã hội. Cùng với sự phát triển của các hình thức cộng đồng và các mối quan hệ xã hội, tôn giáo cũng hoàn thiện và chặt chẽ dần. Tôn giáo tồn tại

và phát triển ở nhiều tộc người, ảnh hưởng cũng như chịu ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa và qua các giai đoạn lịch sử, nên đã hình thành các hình thức và các kiểu tôn giáo khác nhau. Việc phân loại tôn giáo đang còn nhiều ý kiến chưa thống nhất.

Ph. Ăngghen chia lịch sử nhân loại thành hai giai đoạn lớn là thời đại dã man và văn minh. Thời đại dã man là thời đại con người sống trong các cộng đồng thị tộc, bộ lạc với trình độ sản xuất còn thấp kém, chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước chưa xuất hiện. Khi giai cấp chưa xuất hiện, xã hội đã hình thành những hình thức tôn giáo phù hợp với xã hội đó.

**Câu hỏi 13: Tôn giáo có bao nhiêu loại?**

**Trả lời:**

Cùng với sự phát triển của các hình thức cộng đồng và các mối quan hệ xã hội, tôn giáo cũng hoàn thiện và chặt chẽ hơn. Tôn giáo tồn tại và phát triển ở nhiều tộc người, chịu ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa và qua các giai đoạn lịch sử, nên đã hình thành các hình thức, loại và các kiểu tôn giáo khác nhau. Có thể chia tôn giáo thành nhiều loại: tôn giáo đa thần, độc thần; tôn giáo tự nhiên và xã hội; tôn giáo lớn và tôn giáo nhỏ; tôn giáo truyền thống và “tôn giáo mới”; tôn giáo thuộc văn minh du mục và nông nghiệp; tôn giáo thời cộng đồng nguyên thủy, thời kỳ cổ đại, trung đại và hiện đại...

Ph. Ăngghen chia xã hội ra thành hai giai đoạn lớn: thời kỳ dã man và văn minh. Dựa vào đó, có thể phân thành ba kiểu

tôn giáo chủ yếu: tôn giáo thời nguyên thủy, các tôn giáo dân tộc và tôn giáo thế giới.

**Câu hỏi 14: Hãy nêu bản chất và nguồn gốc của tôn giáo?**

**Trả lời:**

**1. Bản chất của tôn giáo**

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, về bản chất, tôn giáo không chỉ là hình thái ý thức xã hội mà còn là một thực thể xã hội. Với tư cách là hình thái ý thức xã hội, tôn giáo phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Điều này được Ph. Ăngghen chỉ ra rằng: “Nhưng tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”<sup>1</sup>.

**2. Nguồn gốc của tôn giáo**

Tôn giáo xuất hiện từ ba nguồn gốc chủ yếu sau:

- Nguồn gốc kinh tế - xã hội

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, do trình độ của lực lượng sản xuất và điều kiện sinh hoạt vật chất còn rất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên. Vì vậy, người nguyên thủy đã gán cho thiên nhiên những sức mạnh siêu nhiên.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.20, tr.437.

Nhưng về sau, bên cạnh những sức mạnh tự nhiên lại xuất hiện những sức mạnh xã hội. Khi xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giai cấp hình thành, đối kháng giai cấp nảy sinh. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp và con người càng chịu tác động của nhiều yếu tố tự phát, ngẫu nhiên, may rủi, bất ngờ... với những hậu quả khó lường nằm ngoài ý muốn và khả năng điều chỉnh của mình. Một lần nữa, con người lại bị động, bất lực trước lực lượng tự phát nảy sinh trong lòng xã hội.

Sự bần cùng về kinh tế, nạn áp bức về chính trị, sự hiện diện của những bất công xã hội, cùng với những thất vọng, bất lực trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp bị trị - đó là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

*- Nguồn gốc nhận thức*

Các nhà duy vật trước C. Mác thường nhấn mạnh về nguồn gốc nhận thức của tôn giáo, còn những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin lại quan tâm trước hết đến nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo. Chính vì vậy mà học thuyết duy vật của C. Mác đã vượt lên trên các nhà duy vật đương thời. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác - Lênin không phủ nhận nguồn gốc nhận thức của tôn giáo mà còn làm sáng tỏ một cách có cơ sở khoa học nguồn gốc đó.

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Chức năng của khoa học là tìm hiểu, khám phá ra những điều mà nhân loại chưa biết; vận dụng các tri thức đã biết để tiếp tục nhận thức và cải tạo tự nhiên, xã hội và bản thân con người

ngày một tiến bộ hơn. Song, ở thời kỳ lịch sử cụ thể thì khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, mà điều gì khoa học chưa giải thích được thì điều đó thường chỉ được giải thích một cách hư ảo qua các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng trình độ dân trí thấp kém vẫn là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo còn gắn liền với đặc điểm của quá trình nhận thức của con người về thế giới khách quan - đó là quá trình phức tạp đầy mâu thuẫn. Nhận thức của con người là một quá trình thống nhất giữa nội dung khách quan và hình thức chủ quan của nhận thức. Một mặt, hình thức phản ánh càng đa dạng, phong phú bao nhiêu thì con người càng có khả năng nhận thức đầy đủ, sâu sắc thế giới khách quan bấy nhiêu; mặt khác, do đặc điểm của quá trình nhận thức từ cảm giác, tri giác, biểu tượng, khái niệm, phán đoán đến suy lý không chỉ tạo ra khả năng nhận thức đầy đủ thế giới mà còn có khả năng phản ánh sai lầm và xa rời hiện thực.

Tính phức tạp của quá trình nhận thức đã tạo ra khả năng xuất hiện các quan niệm sai lầm mang tính hư ảo của tôn giáo.

*- Nguồn gốc tâm lý*

Vấn đề ảnh hưởng của yếu tố tâm lý, tình cảm con người đối với sự ra đời và tồn tại của tôn giáo đã được các nhà vô thần cổ đại nghiên cứu. Họ thường đưa ra những luận điểm: “Sợ sợ hãi sinh ra thần linh”. V.I. Lênin tán thành và phân tích thêm: “Sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản, - mù quáng vì quần chúng nhân dân không thể đoán trước được nó, - là thế lực bất cứ lúc nào trong đời sống của người

vô sản và người tiểu chủ, cũng đe dọa đem lại cho họ và đang đem lại cho họ sự phá sản “đột ngột”, “bất ngờ”, “ngẫu nhiên”, làm cho họ phải diệt vong, biến họ thành một người ăn xin, một kẻ bần cùng, một gái điếm, và dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là *nguồn gốc* sâu xa của tôn giáo hiện đại”<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, không phải chỉ có sự sợ hãi trước sức mạnh tự phát của tự nhiên và xã hội mới dẫn con người đến nhò cạy ở thần linh, mà ngay cả những tình cảm tích cực như lòng biết ơn, sự kính trọng, tình yêu thương... trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người cũng được thể hiện qua các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo.

**Câu hỏi 15: Hãy nêu những tính chất cơ bản của tôn giáo?**

**Trả lời:**

*1. Tính lịch sử*

Tôn giáo còn tồn tại lâu dài, nhưng không phải là hiện tượng xã hội vĩnh hằng, bất biến mà có tính lịch sử. Tôn giáo có bước khởi đầu, biến động và sẽ mất đi, khi mà: “Con người không chỉ mưu sự, mà lại còn làm cho thành sự nữa, - thì chỉ khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh vào tôn giáo mới sẽ mất đi, và cùng với nó bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không có gì để phản ánh nữa”<sup>2</sup>.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.17, tr.515-516.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.20, tr.439.



## *2. Tính quần chúng*

Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ các tôn giáo chiếm tỷ lệ cao trong dân số thế giới, mà còn ở chỗ tôn giáo là một trong các hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người hy vọng vào hạnh phúc hư ảo ở thế giới bên kia, song nó luôn phản ánh khát vọng của những người bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Khi thể hiện tính quần chúng, tôn giáo thường có tính nhân văn, nhân đạo, hướng thiện. Con người luôn đặt ra để thỏa mãn nhu cầu về vật chất và tinh thần. Tôn giáo là một trong những nhu cầu tinh thần của bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân lao động.

## *3. Tính chính trị*

Ở thời kỳ công xã nguyên thủy, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới quanh mình. Nhưng, khi xuất hiện giai cấp thì tôn giáo thường phản ánh lợi ích giai cấp và đấu tranh giai cấp. Như vậy, tính chính trị của tôn giáo chỉ có khi xã hội đã phân chia giai cấp, khi có những lực lượng chính trị lợi dụng tôn giáo vì mục đích ngoài tôn giáo.

Trong lịch sử và đương đại, những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra, thực chất vẫn là xuất phát từ những lợi ích vật chất của những lực lượng xã hội khác nhau. Trước khi có cuộc đấu tranh giữa các giai cấp trên mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự... thường diễn ra cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, tôn giáo. Những cuộc đấu tranh hệ tư tưởng tôn giáo luôn là một

bộ phận của đấu tranh giai cấp. Và khi xã hội còn giai cấp thì tôn giáo cũng luôn bị các giai cấp thống trị bóc lột sử dụng như một công cụ quan trọng để bảo vệ lợi ích của mình.

Có thể thấy, đông đảo quần chúng tín đồ đến với tôn giáo là nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần. Song trên thực tế, tôn giáo đã và đang bị các lực lượng chính trị lợi dụng cho mục đích ngoài tôn giáo.

**Câu hỏi 16: Hãy nêu những chức năng cơ bản của tôn giáo?**

**Trả lời:**

*1. Chức năng thế giới quan*

Mỗi tôn giáo, để trở thành một tôn giáo đích thực đều phải giải đáp câu hỏi: Thế giới này (kể cả tự nhiên và xã hội) là gì? Do đâu mà có? Vận hành theo những quy luật nào? Đằng sau cái thế giới hữu hình này là cái gì? Có thể nhận thức được không? v.v.. Dù phản ánh hư ảo thế giới khách quan, nhưng tôn giáo luôn có kỳ vọng đáp ứng nhu cầu của con người về nhận thức thế giới: tự nhiên, xã hội và chính con người.

Có những tôn giáo, ví dụ Kitô giáo, Phật giáo, Hồi giáo đã xây dựng cho mình một thế giới quan tương đối hoàn chỉnh theo quan điểm riêng.

*2. Chức năng dền bù hư ảo*

Con người trong thế giới đời thường luôn bị sức ép của những sức mạnh tự nhiên cũng như xã hội (sự bóc lột giai cấp) không tìm được lời giải thích chính xác về nguyên nhân của những bất bình đẳng xã hội và biện pháp khắc phục nó,

cũng như bất lực trong cuộc đấu tranh giai cấp, phải sống trong nỗi lo sợ khốn cùng, bất hạnh, trong khi chưa được soi sáng bởi một chân lý - chân lý cách mạng - có thể tìm thấy trong tôn giáo những giải đáp làm nguôi ngoai đi những khổ đau và ấp ủ một hy vọng hư ảo. Đó là sự cứu rỗi của Chúa nhân từ, của Đức Phật từ bi, sự thưởng phạt công minh đối với hành vi của mỗi người ngay trong trần thế và khả năng đến được cõi hạnh phúc, vĩnh hằng (Thiên đường, Niết bàn...), thông qua một quy tắc sống an phận, chịu đựng, hướng thiện, tu tâm dưỡng tính, những phương thức để đạt mục đích cuối cùng như tôn giáo đã chỉ ra. Sự đền bù hư ảo của tôn giáo, nhưng lại có tác dụng hiện thực, bởi nhờ có nó mà trong những lúc khổ đau tuyệt vọng nhất con người vẫn được an ủi và vẫn nuôi một hy vọng vượt qua, hạn chế được những hành vi vô nghĩa hoặc gây hại cho đồng loại.

### *3. Chức năng điều chỉnh*

Tôn giáo đã tạo nên hệ thống những chuẩn mực giá trị đạo đức. Những chuẩn mực ấy không chỉ duy trì trong quá trình thực hiện các nghi thức tôn giáo mà còn điều chỉnh cả hành vi của con người trong đời sống thường nhật khi ứng xử với con người trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Qua những điều cấm kỵ, răn dạy, tôn giáo đã điều chỉnh hành vi của mỗi tín đồ trong đời sống cộng đồng.

### *4. Chức năng liên kết*

Tôn giáo có khả năng liên kết những người cùng tín ngưỡng. Họ có chung một niềm tin, cùng bị ràng buộc bởi giáo lý,

giáo luật, cùng thực hiện một số nghi thức tôn giáo và những điểm tương đồng khác. Sự liên kết giữa các cộng đồng cùng tôn giáo chặt chẽ và lâu bền. Tuy nhiên, đôi khi tôn giáo cũng bị lợi dụng để phục vụ cho âm mưu chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết toàn dân tộc. Vì vậy, bên cạnh chức năng liên kết, tôn giáo cũng có khả năng bị phân ly vì sự khác biệt tín ngưỡng...

**Câu hỏi 17: Các nguyên tắc ứng xử với tôn giáo là gì?**

**Trả lời:**

Ứng xử với tôn giáo cần dựa vào bốn nguyên tắc sau:

*Một là*, khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

*Hai là*, tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

*Ba là*, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

*Bốn là*, cần phân biệt hai mặt nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo.

**Câu hỏi 18: Khi giải quyết vấn đề nảy sinh từ tôn giáo cần lưu ý những yêu cầu gì?**

**Trả lời:**

*Một là*, đoàn kết rộng rãi quần chúng có tín ngưỡng cũng như quần chúng không có tín ngưỡng và đồng bào các tôn giáo khác nhau nhằm phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước

mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Động viên đồng bào có đạo đóng góp nguồn lực vật chất, tinh thần... cho sự nghiệp đổi mới và dân chủ hóa đời sống xã hội, giành thắng lợi cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

*Hai là*, phát huy tinh thần yêu nước, thương dân, chuyên cần việc đạo của các vị chân tu trong hàng ngũ chức sắc, tu sĩ. Hướng các giáo hội thành những tổ chức hoạt động thuần túy tôn giáo, một giáo hội ở một nước độc lập hành đạo phù hợp với lợi ích dân tộc, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách và pháp luật của Nhà nước.

*Ba là*, kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động chống phá sự nghiệp cách mạng của toàn dân, đi ngược lại lợi ích của quốc gia, dân tộc. Nghiêm cấm những phần tử tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những kẻ gây hoang mang, kích động, chia rẽ, bè phái... làm ảnh hưởng xấu đến xã hội và những hành vi phạm pháp khác. Làm cho quần chúng - trước hết là tín đồ các tôn giáo, thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của những phần tử lợi dụng tôn giáo để phá hoại cách mạng và tự giác đấu tranh với chúng.

***Câu hỏi 19: Hãy nêu những hình thức tôn giáo sơ khai trong xã hội cộng đồng nguyên thủy?***

***Trả lời:***

***1. Tôtem giáo***

Tôtem giáo là hình thức tôn giáo cổ sơ nhất tồn tại khá phổ biến trong các tộc người nguyên thủy ở thời kỳ cuối của công

xã thị tộc. Thuật ngữ Tôtem bắt nguồn từ ngôn ngữ Agônkin của người Anh đienđeng châu Mỹ và thuật ngữ này được đưa vào sách báo châu Âu cuối thế kỷ XVIII, sau đó được sử dụng rộng rãi trong các tài liệu khoa học. Nghĩa đen của Tôtem là họ hàng hay có họ hàng.

Tôtem thể hiện niềm tin vào mối liên hệ gần gũi, huyết thống giữa một nhóm người với một loài động vật, cây cỏ, đồ vật, hiện tượng nào đó (chủ yếu là động vật). Giống, vật, hoặc loài cây được nhận làm thủy tổ của một cộng đồng thị tộc, bộ lạc, được các thành viên của cộng đồng trân trọng và bảo vệ. Trong cộng đồng thị tộc có thần thoại về vị thủy tổ và có những điều cấm kỵ, nghi lễ thờ cúng liên quan đến các vị tổ đó. Tôtem giáo phản ánh tư tưởng của xã hội thị tộc khi con người còn gắn bó chặt chẽ với môi trường sống, còn nhờ cậy và phụ thuộc nhiều ở tự nhiên. Tuy nhiên, Tôtem giáo cũng phản ánh quan hệ cộng đồng của thị tộc, bộ lạc. Trong xã hội hiện đại vẫn còn dấu vết khá rõ của Tôtem. Ví dụ: những người thổ dân ở Ôxtrâyliya coi con Kangaroo là tổ tiên của mình; người Ấn Độ thờ cúng động vật khá phổ biến; ở Việt Nam, người Dao coi con Long Khuyển ngũ sắc là tổ tiên của mình; người Thái, người Mường thường gắn Tôtem với dòng họ; họ Hoàng, Lương, Lộc của người Thái kiêng hổ; họ Lò, Chăm kiêng quạ; họ Hà kiêng con cuốc... Trước kia gặp vật tổ chết họ chôn cất, thậm chí làm ma rất tử tế.

Tôtem giáo là hình thức tôn giáo sơ khai, nhưng còn lưu lại cho đến ngày nay. Ví dụ, tục ăn bánh thánh của người theo Công giáo có nguồn gốc từ Tôtem giáo. Ở Trung Quốc, dấu ấn của

Tôtem còn thấy trong Đạo giáo. Chẳng hạn, mẹ của Hoàng đế Nghiêu có thai với một con rồng đỏ, mẹ của Lão Tử có thai nhờ một ngôi sao sa xuống. Trong đạo Sintô của người Nhật, sự thờ cúng động vật gắn liền với Tôtem giáo: thờ cáo, khỉ, rắn, rùa... Ở Ấn Độ, thờ cúng động vật lại càng phổ biến.

### *2. Bái vật giáo*

Bái vật giáo là lòng tin vào thuộc tính siêu nhiên của những vật chất như hòn đá, gốc cây, lá bùa, tượng, tranh... Về sau, Bái vật giáo trở thành đối tượng thờ cúng của các tôn giáo. Bái vật giáo ra đời là sự thối hỏng, phóng đại những tính năng thực tế của đồ vật và gắn cho đồ vật đó những khả năng siêu phàm. Một hòn đá, một mẫu gỗ, một chiếc răng thú rừng... cũng có thể trở thành vật thiêng, được bảo vệ, giữ gìn một cách đặc biệt và được coi là đối tượng để con người cầu xin hoặc đưa vào nghi lễ giúp cho con người đạt được những gì mà họ mong muốn. Việc dùng bùa hộ mệnh của một số người trong xã hội hiện đại là dấu vết của bái vật giáo còn sót lại.

### *3. Ma thuật giáo*

Ma thuật giáo là loại hình tín ngưỡng nguyên thủy thể hiện niềm tin vào một người nào đó có phép lạ mà người thường không có. Người này có khả năng giao tiếp với thần linh và mang sức mạnh của thần linh nhằm cứu giúp hoặc làm hại người khác. Người này có các tên gọi khác nhau, như: thầy phù thủy, thầy mo...

### *4. Vật linh giáo*

Vật linh giáo là hình thức tôn giáo ra đời vào giai đoạn cuối của thời kỳ công xã thị tộc. Vật linh giáo hình thành là bước tiến

của tư duy con người và cũng là cơ sở cho sự xuất hiện của các tôn giáo dân tộc sau này. Vật linh giáo chỉ xuất hiện khi con người có khả năng hình thành những khái niệm về thế giới siêu linh, và tưởng tượng về “thế giới bên kia”. Con người nguyên thủy tin ở linh hồn có thể tác động để đem lợi hoặc gây hại cho chính mình và vật thể khác. Các vật đó có thái độ và hành vi giống với con người, nhân cách hóa và thần linh hóa là đặc trưng của vật linh giáo.

Con người thời nguyên thủy nhìn nhận thiên nhiên xung quanh như các vật thể sống động giống bản thân mình. Quan niệm về linh hồn được hình thành từ những quan sát thiên nhiên và quan sát chính bản thân mình của con người nguyên thủy. Ban đầu linh hồn được xem là một thể hữu hình như máu lưu thông trong cơ thể, sau nữa được xem như hơi thở. Dần dần cùng với sự phát triển của ngôn ngữ và tư duy trừu tượng, linh hồn được quan niệm là một thể vô hình có khả năng trú ngụ trong cơ thể, hay tách lìa cơ thể, có thể tiếp tục sống bên ngoài cơ thể sau khi con người đã chết. Đó chính là bước sơ khai của quan niệm về linh hồn bất tử, về thế giới bên kia sau khi chết và sự luân hồi, quả báo mà sau này các tôn giáo thế giới đã kế thừa. Trong tất cả các tôn giáo đều có bóng dáng của quan niệm hữu linh dưới hình thức niềm tin vào sự tồn tại của thần thánh, ma quỷ...<sup>1</sup>.

---

1. Xem Lê Sĩ Giáo: *Dân tộc học đại cương*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.175-216.



### *5. Saman giáo*

Saman giáo là một hình thức tôn giáo nguyên thủy tồn tại khá phổ biến trong thời kỳ cuối của chế độ thị tộc. Saman giáo quan niệm, một người nào đó có khả năng đặc biệt làm trung gian giao tiếp giữa thế giới trần tục và thế giới siêu nhiên, giữa con người với thần thánh, ma quỷ. Người có khả năng này thường là các thầy pháp Saman có khả năng đặc biệt, có thể cầu xin thần linh cứu giúp con người thoát khỏi bệnh tật và hiểm họa bằng các hành vi nhảy múa, ca hát, hú gọi... hoặc bắt quyết, trừ tà. Saman còn tồn tại cho đến ngày nay ở các dân tộc thiểu số và gắn với tục hầu đồng, hầu bóng của người Kinh trong tín ngưỡng thờ Mẫu.

**Câu hỏi 20: Tôn giáo như thế nào được gọi là tôn giáo dân tộc, tôn giáo khu vực và tôn giáo thế giới?**

**Trả lời:**

#### *1. Tôn giáo dân tộc*

Thời kỳ xã hội thị tộc tan rã, trình độ sản xuất phát triển, xã hội phân hóa thành các giai cấp, quốc gia, dân tộc ra đời, Nhà nước xuất hiện đã tạo cơ sở cho sự hình thành các tôn giáo dân tộc với những điện thờ, nghi thức riêng nhằm củng cố và phát triển cộng đồng dân tộc. Như vậy, tôn giáo dân tộc chỉ ra đời khi hình thành các quốc gia, dân tộc.

Đặc trưng của tôn giáo dân tộc là tính chất quốc gia, dân tộc của nó. Các vị thần được tạo lập là những vị thần mang

tính quốc gia/dân tộc và quyền lực của các vị thần này chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia ấy. So với các hình thức tôn giáo trước đó, tôn giáo dân tộc hoàn thiện hơn, điều đó thể hiện sự phát triển của nền sản xuất và các hình thức cộng đồng. Ví dụ, đạo Hindu, đạo Xích của Ấn Độ, Anh giáo của người Anh...

### *2. Tôn giáo khu vực*

Giữa tôn giáo dân tộc và thế giới còn có loại hình tôn giáo trung gian là tôn giáo khu vực. Tôn giáo khu vực là loại hình tôn giáo tồn tại và ảnh hưởng ở một số quốc gia trong một khu vực nhất định. Có thời kỳ lịch sử, nhiều khu vực trên thế giới đã xuất hiện các đế chế có khả năng chi phối nhiều quốc gia. Do nhu cầu phát triển sản xuất, thống nhất thị trường, thâm tóm và bành trướng quyền lực đã xuất hiện kiểu tôn giáo khu vực. Khi công nghiệp xuất hiện, mở mang giao lưu quốc tế, một số tôn giáo khu vực lại phát triển trở thành tôn giáo thế giới. Nhưng cũng có tôn giáo cho đến nay vẫn chỉ là tôn giáo khu vực, như Khổng giáo, Đạo giáo là một ví dụ.

### *3. Tôn giáo thế giới*

Sự xuất hiện tôn giáo thế giới (còn gọi là tôn giáo quốc tế: Phật giáo, Kitô, Hồi giáo...) là những dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của các hình thức tôn giáo. Khác với tôn giáo dân tộc, tôn giáo thế giới là tôn giáo có tính đa quốc gia, vượt khỏi phạm vi cộng đồng dân tộc, nhà nước. Tôn giáo thế giới có

nhieu tín đồ ở các quốc gia, khu vực, châu lục và ảnh hưởng về kinh tế, chính trị, văn hóa... đến nhiều cộng đồng dân tộc, khu vực và các châu lục khác nhau.

**Câu hỏi 21: Hãy nêu những mặt tích cực và tiêu cực của tôn giáo?**

**Trả lời:**

**1. Mặt tích cực của tôn giáo**

Tôn giáo luôn phản ánh khát vọng của quần chúng về một xã hội bình đẳng, tự do, bác ái. Tôn giáo là phong trào phản kháng của giai cấp bị trị: “Chủ nghĩa Cơ Đốc cũng như chủ nghĩa xã hội của công nhân, cả hai đều đề xướng sự giải phóng nhân dân khỏi nô lệ và nghèo khổ”<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh thấy rõ những giá trị đạo đức của tôn giáo, Người nói:

“Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái.

Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi.

Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa”<sup>2</sup>.

Tính trừ ác, hướng thiện giáo dục đạo đức con người là đặc trưng vốn có của tôn giáo. Giá trị văn hóa và đạo đức của tôn giáo cần được bảo lưu và phát triển. Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Bộ Chính trị nhắc lại tinh thần Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990: “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều

---

1. Nguyễn Đức Lữ: “Hồ Chí Minh về tôn giáo - tư duy sáng tạo độc đáo”, tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2-3/2010, tr.43.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.7, tr. 95.

phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”<sup>1</sup>. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng có nêu: “Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo”<sup>2</sup>.

## 2. Tính tiêu cực của tôn giáo

Tôn giáo có vai trò lớn trong đời sống xã hội, nhưng cũng có ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến xã hội; có khi tôn giáo bị lợi dụng vì mục đích chính trị phản động; có khi có người lợi dụng tôn giáo vì mục đích kinh tế và hoạt động mê tín dị đoan... Tôn giáo thường hạn chế sự phát triển tư duy duy vật, khoa học; phần nào hạn chế tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc kiến tạo hạnh phúc nơi trần thế.

**Câu hỏi 22: Hãy nêu tình hình phát triển tôn giáo trên thế giới hiện nay?**

### Trả lời:

Có nhiều cách đánh giá thực trạng tôn giáo trên thế giới đương đại. Nhiều người cho rằng, tôn giáo đang phục hồi và phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia. Dù bản thân tôn giáo có sự biến đổi sâu sắc về nhiều mặt trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhưng nhìn chung tôn giáo đang có cơ hội thể hiện vai trò, vị trí của mình trong một thế giới đầy biến động. Sự phục hồi và chấn hưng tôn giáo không phải chỉ là sự trở về với tôn giáo truyền thống, xu hướng dân tộc hóa, mà còn là sự đổi mới, cách tân tôn giáo hoặc thay thế bằng những giáo phái mới mang đậm tính thế tục.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.62, tr.57.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.272.

Khi đề cập tới sự hồi sinh của tôn giáo vào thiên niên kỷ thứ III, các tác giả cuốn sách *Các xu thế lớn năm 2000* khẳng định: “Vào buổi bình minh của thiên niên kỷ thứ III có dấu hiệu không thể nhầm lẫn về sự hồi sinh của nhiều giáo phái khắp thế giới”<sup>1</sup>. Về sự gia tăng của các trào lưu bảo thủ tôn giáo, tác giả của cuốn *Sự đảo lộn của thế giới địa chính trị thế kỷ XX* viết: “Thời gian cuối thế kỷ này được đánh dấu bằng sự khẳng định một sự phục hồi tôn giáo... Phong trào này bắt đầu từ giữa những năm 70”<sup>2</sup>. Nhìn chung, bức tranh tôn giáo thế giới là đa màu sắc với những tốc độ phát triển khác nhau ở từng tôn giáo, từng thời kỳ lịch sử, cũng như mỗi quốc gia và châu lục. Trong những thập kỷ qua, các tôn giáo lớn trên thế giới đều khẳng định vai trò, vị trí trong đời sống chính trị - xã hội ở thế giới hiện đại.

Trên thế giới ngày nay có nhiều loại tôn giáo, nhưng trong số các tôn giáo lớn trên thế giới đang tồn tại, có hai tôn giáo phát triển số lượng tín đồ với tốc độ nhanh nhất, đó là: Hồi giáo và Tin Lành.

### **Câu hỏi 23: Vì sao hiện nay tôn giáo lại phát triển?**

*Trả lời:*

Tôn giáo có xu hướng phát triển do một số nguyên nhân sau:

---

1. Xem John Naisbitt, Patricia Aburdene: *Các xu thế lớn năm 2000* (Trần Ngọc Hiến, Nguyễn Trọng Tiến dịch), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.

2. Maridôn Tuarené: *Sự đảo lộn của thế giới: địa chính trị thế kỷ XX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.133.

*Thứ nhất*, những mâu thuẫn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ngày nay rất gay gắt.

Chiến tranh lạnh kết thúc, nhân loại chưa được sống trong môi trường hòa bình, ổn định và thịnh vượng với những thành quả về kinh tế, khoa học, kỹ thuật đã đạt được, thực tế cho thấy ở không ít nơi những mâu thuẫn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... không dịu đi, mà ngược lại có nơi, có lúc trở nên gay gắt. Mâu thuẫn giữa khu vực này với khu vực khác, giữa quốc gia này với quốc gia khác, mâu thuẫn về dân tộc, giai cấp... đang trở nên chông chéo, đan xen làm cho thế giới trở nên xáo trộn và thiếu ổn định. Khoảng cách giàu, nghèo, bóc lột và bị bóc lột ngày càng mở rộng và gia tăng không chỉ trong phạm vi một nước, mà mang tính toàn cầu.

*Thứ hai*, trật tự thế giới đang có sự biến động khó đoán định trước, giá trị đạo đức đang thay đổi, tệ nạn xã hội gia tăng.

Thế giới hai cực đã chuyển thành thế giới mà ở đây sự phân chia quyền lực chưa rõ ràng, chứa đựng những yếu tố bất trắc khó lường... Điều đó đã tạo nên tâm lý bất an trong xã hội. Hơn nữa, trên thế giới vẫn đang còn không ít những tệ nạn xã hội như: mại dâm, cờ bạc, trộm cắp, ma túy, bạo lực, khủng bố quốc tế..., sự suy thoái về đạo đức, sự xuống cấp về lối sống, sự biến động về thang bậc giá trị xã hội, tâm lý thất vọng và bế tắc nảy sinh ở ngay những nước được mệnh danh là “văn minh”. Chiến tranh sắc tộc, dân tộc và tôn giáo xảy ra ở nhiều nơi.

*Thứ ba*, khủng hoảng niềm tin về mô hình xã hội tương lai.

Từ khi xã hội có giai cấp và ách áp bức giai cấp thì ước mơ về một xã hội bình đẳng, tự do, bác ái... luôn ấp ủ trong lòng quần chúng nhân dân lao động. Tôn giáo đã phần nào phản ánh được nguyện vọng ấy, song tôn giáo vẫn chỉ là “hạnh phúc hư ảo” của nhân dân.

Khi chủ nghĩa xã hội hiện thực xuất hiện thì mơ ước của những người có tôn giáo về cõi thiên đường hư ảo giảm dần, nhường chỗ cho việc thực hiện ước mơ thiết lập được “thiên đường” ở ngay nơi trần thế. Song, nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đã dẫn đến chủ nghĩa xã hội hiện thực bị sụp đổ ở Đông Âu và Liên Xô. Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản không phải là mô hình xã hội lý tưởng mà con người vươn tới. Đổ vỡ và thất vọng về mô hình xã hội tương lai, người ta đi tìm chỗ dựa tinh thần nơi tôn giáo.

*Thứ tư*, những hậu quả tiêu cực của sự phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới.

Con người đã đạt được những thành tựu kỳ diệu trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội là nhờ sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới. Đồng thời, những cuộc cách mạng ấy cũng để lại những hậu quả nặng nề mà nhân loại đang phải gánh chịu.

Ngày nay, tình trạng môi trường bị suy thoái như: rừng cây đang bị tàn phá, tài nguyên bị cạn kiệt, không khí và nguồn nước bị ô nhiễm đang diễn ra ngày càng nhiều. Hậu quả là trái đất nóng lên, tầng ôzôn đang bị phá hoại, “mái nhà chung” của

nhân loại đang bị xuống cấp, biến đổi khí hậu... Điều đó làm cho lời tiên tri về “nạn hồng thủy mới”, “ngày tận thế” lại có dịp phát triển, tạo cơ hội cho tôn giáo truyền thống chấn hưng và các giáo phái mới xuất hiện.

**Câu hỏi 24: Xu hướng vận động của tôn giáo hiện nay trên thế giới là gì?**

**Trả lời:**

Thời đại ngày nay đang có sự biến đổi nhanh chóng và sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và do đó, tôn giáo cũng biến động theo. Ngày nay, người ta bàn nhiều đến xu hướng chính trị hóa tôn giáo, thương mại hóa tôn giáo, quốc tế hóa tôn giáo... Tuy nhiên, sự biến động của tôn giáo đang diễn ra theo mấy xu hướng chủ yếu sau đây:

- Xu hướng đa dạng hóa tôn giáo.
- Xu hướng thế tục hóa tôn giáo.
- Xu hướng dân tộc hóa tôn giáo.
- Xu hướng xuất hiện các giáo phái mới, trong đó có một số giáo phái phi nhân tính, phản văn hóa.

*1. Xu hướng đa dạng hóa tôn giáo*

Đa dạng hóa tôn giáo là tôn giáo đang diễn ra với nhiều hình thức, nhiều kiểu cách và loại hình khác nhau. Xu hướng đa dạng hóa tôn giáo đang diễn ra trái chiều, cùng tồn tại với tình trạng: bảo thủ và đổi mới, thoái trào và phục hưng, xung đột và hòa giải, liên hợp và phân ly, cạnh tranh và hợp tác với nhiều loại, nhiều kiểu, nhiều hình thức, tính chất, đặc điểm và nhiều cách thức tổ chức khác nhau. Là một hình thái



ý thức xã hội, tôn giáo luôn biến động, đổi thay theo tồn tại xã hội. Xu hướng đa dạng hóa tôn giáo được thể hiện rõ ở xu hướng phân ly, tách biệt từ những tôn giáo lớn.

Một khi cá nhân càng được khẳng định, thậm chí đến mức cường điệu hóa vai trò cá thể để dẫn đến chủ nghĩa cá nhân thái quá ở một số nước thì tôn giáo cũng đang có xu hướng giảm dần tính cộng đồng. Xu hướng này được thể hiện ở sự phân lập, tách biệt thành các giáo phái nhỏ hơn, thậm chí “cá thể hóa tôn giáo”. Hiện tượng này thấy khá rõ ở một số nước phát triển.

Bên cạnh xu hướng phân ly, tách biệt hiện nay, thì dường như đang diễn ra một xu hướng ngược lại, đó là xu hướng “liên tôn”, “đại kết”, “hòa hợp”, “khoan dung” (hay ít nhất cũng tôn trọng lẫn nhau) kể cả những tôn giáo trong quá khứ đã từng xoay lưng, đối đầu với nhau. Xu hướng hòa hợp, liên tôn, khoan dung tôn giáo thấy rõ ở Giáo hội Công giáo khi có thái độ đối với anh em đồng đạo và ngoại đạo và thái độ khoan dung vốn có của Phật giáo. Nếu xu hướng ly tâm tôn giáo biểu hiện cho hiện tượng giải lãnh thổ và dân chủ hóa đời sống xã hội thì xu hướng hướng tâm lại là sự phản ánh thế giới đang có xu hướng khu vực hóa, toàn cầu hóa.

## *2. Xu hướng thế tục hóa tôn giáo và biểu hiện của nó*

Thế tục hóa tôn giáo là quá trình thích nghi của giáo hội các tôn giáo với những điều kiện đang thay đổi của thế giới đương đại.

Dưới tác động của làn sóng toàn cầu hóa, xu thế thế tục hóa tôn giáo được nhiều người chú ý. “Thế tục hóa” ở đây bao hàm hai ý:

- Thế tục hóa tức là “phi thần thánh hóa”, và
- Giải thích hiện tượng tự nhiên, xã hội một cách huyền hoặc, thần bí qua ý tưởng tôn giáo được thay bằng cách giải thích có lý tính, gần với hiện thực hơn. Tất nhiên, về bản chất hệ thống giá trị của tôn giáo vẫn được bảo lưu chứ không mất hết tính “thiên”.

Thế tục hóa cũng có nghĩa là tôn giáo đang tích cực tiến vào thế giới, trở lại với hiện thực, trực diện với cuộc sống và đang cố gắng giải quyết những vấn đề của nhân gian.

Xu hướng “thế tục hóa” đã thúc đẩy tôn giáo thâm nhập sâu rộng vào đời sống con người và trái ngược với xu hướng thần thánh hóa, thiêng liêng hóa. Cho dù tính siêu nhiên là đặc trưng của tôn giáo, nhưng ngày nay tôn giáo đang có xu hướng gần với đời sống hiện thực hơn, có “lý trí hơn”, gạt dần tính huyền hoặc, phi lý. Tuy trong bản chất của mình, các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo đều liên quan đến thần, thánh, trời, Phật, ma quỷ và những phép màu... song, những năm gần đây có xu hướng giảm dần sự huyền hoặc, thần bí trong niềm tin tôn giáo. Sự phát triển của khoa học - kỹ thuật cùng với nâng cao dân trí, thông tin đa chiều, toàn diện và phong phú... đã làm cho niềm tin tôn giáo truyền thống có tính “hư ảo” bị phai nhạt.

Ngay như một số tôn giáo vốn có cả hệ thống giáo lý đồ sộ, giáo luật rất nghiêm ngặt, tổ chức chặt chẽ và do đó đã tạo nên

niềm tin ăn sâu vào đời sống tinh thần của tín đồ hàng nghìn năm thì ngày nay đã không còn mang tính toàn vẹn, tuyệt đối như xưa nữa. Không ít người chệnh mảng, thờ ơ với việc học giáo lý. Những phép bí tích như: giải tội, hôn phối... của Công giáo ngày càng mang ý nghĩa sinh hoạt đời thường hơn là ý nghĩa thiêng liêng tôn giáo. Những ngày lễ lớn trong tôn giáo mang giá trị văn hóa nhiều hơn là tâm linh thuần túy. Trong một bộ phận tín đồ, việc tham gia sinh hoạt tôn giáo không phải chỉ do niềm tin vào Thượng đế, thánh thần mà còn do thói quen. Những sinh hoạt ấy ngày càng được xem như một tập tục truyền thống của gia đình và những hoạt động cộng đồng cùng tín ngưỡng. Một số giáo hội và giáo sĩ quan tâm ngày càng nhiều đến nhu cầu của con người ở thế giới hiện hữu, thậm chí vượt qua cả những quy định đôi khi rất ngặt nghèo của một số giáo hội các tôn giáo.

Sự biến động của điều kiện kinh tế - xã hội đương đại cũng tác động mạnh mẽ đến sinh hoạt tôn giáo.

Tôn giáo từ chỗ chỉ chú ý hướng về thế giới "bên kia" thì ngày nay càng tỏ ra trực tiếp quan tâm phục vụ cho chính bản thân con người nơi trần thế. Dù tinh thần của cộng đồng Vatican gặp không ít khó khăn trong quá trình thực hiện, nhưng cần ghi nhận cộng đồng đó đã là bước khởi đầu hướng tôn giáo thực sự quan tâm đến con người ở thế giới hiện hữu.

Trong xu hướng thế tục hóa tôn giáo, cũng cần cảnh giác trước xu hướng chính trị hóa khi lợi dụng quan hệ tôn giáo với dân tộc để thực hiện mục đích ngoài tôn giáo. Xu hướng dung tục hóa với những chủ trương kích thích dục vọng thấp hèn,

bản năng của con người như: tình dục, bạo lực, ham muốn vật chất và một số tôn giáo đang có xu hướng thương mại hóa với việc dựa vào sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo để đạt mục đích kinh tế... cần được xã hội và giáo hội các tôn giáo lên án.

### *3. Xu hướng dân tộc hóa tôn giáo*

Xu hướng dân tộc hóa tôn giáo là hiện tượng khôi phục, giữ gìn, chấn hưng và phát triển những loại hình tín ngưỡng, tôn giáo gắn với bản sắc văn hóa dân tộc nhằm tăng sức đề kháng trước nguy cơ của hiện tượng “xâm lăng văn hóa”.

Trước xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, trong đó có cả tham vọng xâm lăng văn hóa, một số dân tộc đang ra sức giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa riêng của mình qua hình thức tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống, tôn giáo nội sinh và tín ngưỡng dân gian. Đồng thời, những tôn giáo ngoại nhập cũng đang có xu hướng biến đổi cho phù hợp với phong tục truyền thống, bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc, quốc gia. Hiện tượng trở về với tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống, nội sinh xảy ra không chỉ ở những dân tộc còn lạc hậu chậm tiến mà ở cả một số nước có nền kinh tế phát triển và văn minh lâu đời. Xu hướng dân tộc hóa tôn giáo trước kia phổ biến diễn ra ở những nước có nguy cơ thâm nhập và bành trướng bởi tôn giáo ngoại lai, thì nay có biểu hiện lan sang nhiều nước.

Dĩ nhiên, dân tộc hóa tôn giáo cũng không loại trừ được xu hướng khu vực hóa và quốc tế hóa tôn giáo.

Sự hẫng hụt trong tư tưởng, sự đứt đoạn trong tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống sẽ tạo cơ hội không chỉ cho sự du

nhập tôn giáo từ nước ngoài mà còn là sự xuất hiện “tôn giáo mới”.

**Câu hỏi 25: Thế nào là “hiện tượng tôn giáo mới”? Tôn giáo mới có biểu hiện tiêu cực hay không? Ở Việt Nam có bao nhiêu “hiện tượng tôn giáo mới”?**

*Trả lời:*

*1. Khái niệm “hiện tượng tôn giáo mới”*

“Hiện tượng tôn giáo mới” đang có nhiều danh xưng khác nhau, như “đạo lạ”, “giáo phái mới”, “tà giáo”, “dị giáo”. Đây là hiện tượng xã hội nổi lên gần đây trên thế giới, nhưng mỗi khái niệm trên có mức độ, ý nghĩa khác nhau để chỉ loại hình “tôn giáo” này. Việc phân loại để đặt cho “hiện tượng tôn giáo mới” là vấn đề không đơn giản. Ở đây tạm gọi là “tôn giáo mới” với nghĩa tương đối của nó, nghĩa là các loại “tôn giáo mới” xuất hiện gần đây.

*2. Sự xuất hiện của các hiện tượng “tôn giáo mới”*

Về mốc thời gian để khẳng định là “tôn giáo mới” cũng đang còn ý kiến khác nhau. Tuy chưa có sự khẳng định dứt khoát, song nói chung thường coi những tôn giáo xuất hiện ở thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, sau Chiến tranh thế giới thứ hai là tôn giáo mới. Trong một bài viết của mình, học giả Cao Sư Ninh người Trung Quốc cho rằng: “Tôn giáo mới là chỉ toàn thể tôn giáo xuất hiện cùng với tiến trình hiện đại hóa thế giới từ giữa thế kỷ XIX, nó đã thoát khỏi quỹ đạo của tôn giáo truyền thống và đưa ra một số giáo lý,

lễ nghi mới”<sup>1</sup>. Còn ở nước ta, có thể coi những loại tôn giáo hình thành và du nhập vào Việt Nam đầu thế kỷ XX (nhất là sau năm 1975) được xem như dấu mốc để coi là “tôn giáo mới” khi phân biệt với “tôn giáo truyền thống”.

### *3. Những biểu hiện tiêu cực của hiện tượng “tôn giáo mới”*

Trong một thế giới đầy biến động, tôn giáo phản ánh thế giới ấy cũng phải đổi thay. Nhưng trước các xu hướng vận động đa chiều của tôn giáo (có cả tích cực lẫn tiêu cực; tiến bộ và phản tiến bộ), người ta có lý do để lo ngại trước sự xuất hiện của những “tôn giáo mới” mà trong đó có một số phản ánh tham vọng quyền lực hoặc phi nhân tính phản văn hóa, với những biểu hiện: kích thích tình dục, loạn luân, bạo lực, tự sát... gây hậu quả xấu cho xã hội. Rõ ràng, không phải là tất cả nhưng trong số “tôn giáo mới” có loại đang gây hậu quả xấu cho xã hội.

### *4. Các “hiện tượng tôn giáo mới” ở Việt Nam?*

Hiện nay trên cả nước có hoạt động của khoảng 83 “hiện tượng tôn giáo mới” và một số hiện tượng liên quan đến tín ngưỡng, tâm linh. Các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện dưới hai dạng: hiện tượng tôn giáo mới từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam (hiện tượng tôn giáo mới ngoại nhập) và hiện tượng tôn giáo mới hình thành từ trong nước (hiện tượng tôn giáo mới nội sinh). Các hiện tượng tôn giáo mới đa phần gắn với hoặc gần với một tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đặc biệt là

---

1. Cao Su Ninh: “Thư bàn về hiện đại hóa với tôn giáo mới”, *Nghiên cứu tôn giáo thế giới*, số 4/1999.

các tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành... Các hiện tượng tôn giáo mới thường xuất hiện và phát triển mạnh ở vùng nông thôn, vùng sâu, xa, nhất là địa bàn khu vực đồng bằng sông Hồng, Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ đã thu hút được một số lượng người tin theo, như:

- *Nhóm tâm linh liên quan đến lợi dụng danh xưng Chủ tịch Hồ Chí Minh* (với khoảng trên 20 tên gọi khác nhau: “Đạo Bà Điền”, Nguyễn Điền, Hoàng Thiên Long, Ngọc Phật Hồ Chí Minh, “Đạo Bác”, “Đạo Bác Hồ”, Đạo Thanh minh vì dân tộc, Văn hóa tâm linh vô sản Hồ Chí Minh, Đạo “Bà Cấm”, Đạo “Bà Lương”, Đạo luật ơn nghĩa và nhân nghĩa,... hoạt động ở trên 30 tỉnh, thành phố trong cả nước.

- *Long Hoa Di Lặc* (tên gọi khác: Long Hoa Chính pháp, Long Hoa Tam muội, Long Hoa Tam hội, Hội Phật Tiên Long Hoa Di Lặc, Pháp môn Di Lặc, Đạo “Bà Ân”, Đạo Long Hoa,...) là một pháp tu được tiếp thu từ nhiều tôn giáo để xây dựng lên như: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Bửu Sơn Kỳ hương, Phật giáo Hòa Hảo,... Sau đó, Long Hoa Di Lặc đã xuất hiện và hoạt động tại 31/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Hiện nay, Long Hoa Di Lặc hoạt động chủ yếu ở Hòa Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Giang, Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Thái Bình, Thanh Hóa, Lâm Đồng.

- *Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ*, dù mới chỉ xuất hiện tại Việt Nam chưa lâu, song, đã phát triển mạnh và hoạt động bất hợp pháp ở hơn 30 tỉnh, thành phố với hàng nghìn người tham gia, nhất là ở Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa,...

**Câu hỏi 26: Tính đa tôn giáo ở Việt Nam thể hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Nước ta là nơi thuận lợi cho việc giao lưu của nhiều luồng tư tưởng, văn hóa khu vực và thế giới, lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của hai nền văn minh lớn Trung Hoa và Ấn Độ, đồng thời là một nước có nhiều dân tộc cư trú ở nhiều khu vực với điều kiện tự nhiên, khí hậu, lối sống phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Hơn nữa, người Việt Nam vốn có bản tính cởi mở, khoan dung chứ không kỳ thị, khép kín. Vì thế, cùng một lúc họ có thể tiếp nhận nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Từ những hình thức tôn giáo, tín ngưỡng sơ khai đến hiện tại, từ tôn giáo phương Đông cổ đại đến phương Tây cận, hiện đại, tất cả đã và đang cùng tồn tại bên cạnh tín ngưỡng dân gian, bản địa của nhiều dân tộc, bộ tộc khác nhau.

Có những tôn giáo du nhập vào Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên, lại có những tôn giáo xuất hiện ở nước ta vào những thập niên đầu thế kỷ này. Có tôn giáo với số lượng hàng triệu tín đồ, nhưng có tôn giáo lại có số lượng tín đồ không đáng kể. Lịch sử đã từng chứng minh một số tôn giáo đã có ảnh hưởng lớn đến đời sống, nếp nghĩ và văn hóa của cả cộng đồng, đã góp phần nâng cao ý thức dân tộc. Nhưng cũng có tôn giáo trong quá trình du nhập, hình thành và tồn tại đã bị các thế lực chính trị lợi dụng vì mục đích ngoài tôn giáo. Lịch sử hình thành và du nhập, số lượng tín đồ, vai trò xã hội



cũng như tác động chính trị... của các tôn giáo ở nước ta cũng rất khác nhau.

**Câu hỏi 27: Vì sao tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam hầu hết là nông dân lao động? Các tín đồ này có đặc điểm gì?**

**Trả lời:**

Dù Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhưng vẫn là nước nông nghiệp, nông dân còn chiếm tỷ lệ rất lớn trong dân số. Người nông dân có nhu cầu tâm linh khá cao, cùng là công nhân thì: “Lòng mộ đạo của công nhân nông nghiệp đương nhiên mạnh hơn công nhân công nghiệp”.

Tín đồ xuất thân từ nông dân có đặc điểm: Dù là tín đồ của tôn giáo nào, bản chất của người nông dân vốn vẫn là những con người cần cù lao động, có lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc ngoại xâm và bọn bóc lột. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tín đồ các tôn giáo đã đóng góp đáng kể cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc. Đồng bào có đạo luôn gắn bó với cách mạng. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, họ luôn có nguyện vọng tha thiết là được sống “tốt đời, đẹp đạo” cùng toàn dân phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, tín đồ các tôn giáo Việt Nam đa số là nông dân nên hiểu giáo lý không sâu sắc, nhưng lại rất chăm chỉ thực hiện những nghi lễ tôn giáo và sinh hoạt cộng đồng

tín ngưỡng. Họ đến với tôn giáo chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu tình cảm hơn là nhận thức. Hoạt động tôn giáo có biểu hiện thực dụng, vì thế hiện tượng mê tín dị đoan dễ len lỏi vào hoạt động tín ngưỡng tôn giáo. Lợi dụng tâm lý thực dụng và tiểu nông nên có một số người có hành vi “buôn thần, bán thánh” làm cho bầu không khí văn hóa tâm linh bị vẩn đục.

**Câu hỏi 28: Vì sao một số tôn giáo ở nước ta thường bị các thế lực phản động trong và ngoài nước lợi dụng vì mục đích chính trị?**

**Trả lời:**

Do hoàn cảnh lịch sử và vị trí địa chính trị nên dân tộc ta thường là đối tượng cho các lực lượng ngoại bang nuôi ý đồ thôn tính và nô dịch; mà tôn giáo thường là phương tiện hữu hiệu để đạt tham vọng ấy. Trải qua những thời kỳ chống ngoại xâm triền miên, liên tục và kéo dài, tuy mức độ có khác nhau, nhưng giai đoạn lịch sử nào thì các giai cấp thống trị bóc lột, lực lượng ngoại xâm cũng vẫn chú ý sử dụng tôn giáo vì mục đích ngoài tôn giáo.

Thực tế ấy đã làm cho nhân dân ta luôn phải cảnh giác chống âm mưu lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phản động. Hiện nay, Việt Nam vẫn là đối tượng mà các lực lượng thù địch lợi dụng tôn giáo tập trung chống phá.

**Câu hỏi 29: Những điểm tương đồng và khác biệt giữa tôn giáo với chủ nghĩa xã hội?**

**Trả lời:**

**1. Điểm tương đồng**

Tôn giáo và chủ nghĩa xã hội đều phản ánh khát vọng về sự giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bất công, nô dịch và nghèo khổ. Tôn giáo và chủ nghĩa xã hội đều là phong trào phản kháng của giai cấp bị trị đối với giai cấp thống trị bóc lột. Sự hy sinh cho lý tưởng của các vị giáo chủ và chức sắc, tín đồ các tôn giáo cũng giống như những người chiến sĩ cách mạng. Vì vậy, giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội có sự tương đồng nhất định về giá trị văn hóa, đạo đức.

**2. Điểm khác biệt**

Giữa tôn giáo với chủ nghĩa xã hội có điểm khác biệt về thế giới quan và nhân sinh quan, về phương pháp thực hiện mục tiêu giải phóng. Tôn giáo thường hướng con người tìm hạnh phúc trọn vẹn ở thế giới bên kia, thứ hạnh phúc hư ảo của nhân dân. Còn chủ nghĩa xã hội khoa học hướng con người vào cuộc cách mạng nhằm xây dựng xã hội trong hiện thực.

Cả đạo Cơ Đốc với chủ nghĩa xã hội đều tuyên truyền sự giải phóng con người trong tương lai khỏi cảnh nô lệ và nghèo khổ. Sự khác biệt là ở chỗ: “Đạo Cơ Đốc tìm sự giải thoát ấy trong cuộc sống trên trời, ở thế giới bên kia sau khi chết, còn chủ nghĩa xã hội tìm nó ở thế giới bên này, ở việc tổ chức lại xã hội”<sup>1</sup>.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.22, tr. 663.

Sự khác biệt giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội cơ bản nằm trong khuôn khổ của thế giới quan cũng như phương pháp và lực lượng thực hiện sứ mệnh giải phóng con người. Đạo đức tôn giáo, về hệ tư tưởng có sự khác biệt cơ bản đối với đạo đức xã hội chủ nghĩa - một trong những bộ phận cấu thành nên tư tưởng chủ nghĩa xã hội khoa học. Đạo đức tôn giáo được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng tôn giáo, còn đạo đức cộng sản chủ nghĩa xây dựng trên cơ sở thế giới quan khoa học mácxít.

**Câu hỏi 30: Có bao nhiêu tổ chức tôn giáo được công nhận ở Việt Nam hiện nay?**

**Trả lời:**

Tính đến tháng 12/2020, nước ta có 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân và cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, bao gồm:

- Tổ chức tôn giáo: 37 tổ chức.

- Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo: 4 tổ chức và 1 pháp môn.

- 1 tôn giáo (Bửu Sơn Kỳ Hương) có một số chùa tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận Ban Trị sự, Ban Quản trị chùa.

Cụ thể như sau:

1. Phật giáo: Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
2. Công giáo: Giáo hội Công giáo Việt Nam.
3. Tin Lành.

- Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc);
- Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam;
- Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam);
- Hội thánh Tin Lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam;
- Hội truyền giáo Cơ Đốc Việt Nam;
- Tổng hội Báp - tít Việt Nam (tên gọi cũ là Tổng hội Báp-tít Việt Nam Ân điển - Nam Phương);
- Giáo hội Báp - tít Việt Nam (tên gọi cũ là Hội thánh Báp-tít Việt Nam - Nam Phương);
- Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam;
- Hội thánh Mennonite Việt Nam;
- Hội thánh Liên hữu Cơ Đốc Việt Nam;
- Giáo hội Phúc Âm Ngũ tuần Việt Nam.

#### 4. Cao Đài.

- Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên;
- Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo;
- Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu;
- Hội thánh truyền giáo Cao Đài;
- Hội thánh Cao Đài Tây Ninh;
- Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo;
- Hội thánh Bạch y liên đoàn Chơn lý;
- Hội thánh Cao Đài Chơn lý;
- Hội thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan;
- Hội thánh Cao Đài Việt Nam Bình Đức;
- Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh vô vị;

5. Phật giáo Hòa Hảo: Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo.
6. Hồi giáo.
  - Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh;
  - Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh An Giang;
  - Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận;
  - Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Tây Ninh;
  - Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Ninh Thuận;
  - Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Bình Thuận;
  - Ban Quản trị thánh đường (Islam) Hà Nội (Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định công nhận Ban Quản trị thánh đường).
7. Tôn giáo Baha'i: Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam.
8. Tịnh độ Cư sỹ Phật hội: Giáo hội Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam.
9. Cơ đốc Phục lâm: Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam.
10. Phật giáo Tứ Ân Hiếu nghĩa: Phật hội Tứ Ân Hiếu nghĩa.
11. Minh Sư đạo: Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo.
12. Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu: Hội thánh Minh lý đạo - Tam Tông Miếu.
13. Balamôn giáo.
  - Hội đồng chức sắc Chăm Balamôn tỉnh Ninh Thuận;
  - Hội đồng chức sắc Chăm Balamôn tỉnh Bình Thuận.
14. Mặc môn: Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giêsu Kitô Việt Nam.

15. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon: Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon.
16. Bửu Sơn Kỳ Hương .

**Câu hỏi 31: Thế nào là tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc? Hội đoàn tôn giáo là gì? Những cơ sở nào được gọi là cơ sở tôn giáo? Hoạt động tôn giáo là gì? Những người nào được gọi là tín đồ, nhà tu hành, chức sắc, chức việc?**

**Trả lời:**

*Tổ chức tôn giáo* là tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo.

*Tổ chức tôn giáo trực thuộc* là tổ chức thuộc tổ chức tôn giáo, được thành lập theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo.

*Hội đoàn tôn giáo* là hình thức tập hợp tín đồ do tổ chức tôn giáo lập ra nhằm phục vụ hoạt động tôn giáo.

*Cơ sở tôn giáo* gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo.

*Hoạt động tôn giáo* là hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo.

*Tín đồ* là người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận.

*Nhà tu hành* là tín đồ xuất gia thường xuyên thực hiện nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật và quy định của tổ chức tôn giáo.

*Chức sắc* là tín đồ được tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử để giữ phẩm vị trong tổ chức.

*Chức việc* là người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức.



## *Phần thứ hai*

### **MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM**



**Câu hỏi 32:** Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt diễn ra như thế nào?

**Trả lời:**

Thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng có từ lâu đời ở nước ta. Tín ngưỡng này bắt nguồn từ thẳm sâu triết lý “Uống nước nhớ nguồn”, thể hiện đạo hiếu, lòng kính trọng của con cháu đời sau đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ - những người đã tạo dựng nên dòng họ và sinh thành ra mình. Là người Việt Nam, ai cũng thuộc lòng câu ca dao:

Công cha như núi Thái Sơn,  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.  
Một lòng thờ mẹ, kính cha,  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Từ những tình cảm hết sức tự nhiên và thiêng liêng ấy, việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ từ bao đời đã trở thành một nếp tâm linh đẹp của người Việt.

Ở Việt Nam, các làng xã thường có những nhà thờ họ để thờ từ vị thủy tổ khai sinh ra dòng họ trở xuống. Nhiều dòng họ đông người thì dưới nhà thờ họ là các nhà thờ chi, phái. Đối với từng gia đình lại có bàn thờ gia tiên để thờ từ ông tổ bốn đời trở lại. Trong *An Nam phong tục sách*, tác giả Mai Viên Đoàn Triển có viết: Nhà giàu sang có đặt thần chủ các vị cao, tằng, tổ, khảo bốn đời. Thần chủ làm bằng gỗ táo viết họ, tên, quan tước, ngày, tháng, năm sinh và ngày mất của gia tiên vào đó, cất vào hộp, khi cúng tế thì mang thần chủ ra cúng tế, xong thì lại cất vào hộp. Qua năm đời, tức là vị tổ tiên ấy đã xa thì đem đốt thần chủ đi để giữ đúng cái nghĩa chỉ nên thờ đến vị tổ bốn đời mà thôi<sup>1</sup>.

Bàn thờ tổ tiên luôn được đặt ở vị trí trang trọng, sạch sẽ nhất trong nhà. Trong ngôi nhà truyền thống của người Việt, bàn thờ tổ tiên thường được đặt ở căn (gian) giữa. Trên bàn thờ tổ tiên, tùy theo từng hoàn cảnh kinh tế của mỗi gia đình để có sự bày biện các đồ lễ nhiều ít khác nhau. Bộ *Tam sự* gồm một lư/đỉnh hương, hai cây đèn. Lư hương được đặt chính giữa ban thờ, hai cây đèn ở hai bên. Bộ *Ngũ sự* gồm lư/đỉnh hương, hai chân nến hoặc hai cây để đĩa dầu thắp đèn, hai con hạc. Bộ *Thất sự* gồm lư/đỉnh hương, đôi chân nến, đôi hạc và đôi lọ lộc bình... Tuy nhiên, những đồ thờ thông dụng nhất thường gồm có bát hương, đèn, nến, bình hoa, hộp trà, đài rượu.

---

1. Dẫn theo Mai Viên Đoàn Triển: *An Nam phong tục sách* (Nguyễn Tô Lan dịch chú, giới thiệu), Nxb. Hà Nội, 2008.

Mọi sự bày trí đều bảo đảm sự trang trọng và nhất mực thành kính đối với tổ tiên.

Điều độc đáo trong việc thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam đó là, người Việt còn tôn vinh và luôn xem ông bà, tiên tổ chính là những vị thần hộ mệnh của gia đình, dòng họ. Vào những dịp kỵ giỗ, sau khi thu hoạch hoa quả, nếp, gạo mới hay đứng trước những công việc hệ trọng, các gia đình thường sửa soạn lễ, thắp hương cầu khẩn, kính cáo gia tiên, xin tổ tiên “phù hộ, độ trì” để mọi việc hanh thông. *An Nam phong tục sách* có viết: “Ngày Tết phải cúng cáo, ngày giỗ phải cúng cáo, có hoa quả đầu mùa, gạo mới hay việc hiếu hi đều phải cúng cáo... Lễ không cứ to nhỏ, chỉ cần rất mực thành tâm”<sup>1</sup>. Chính điều này đã góp phần tạo nên sự giao hòa giữa xưa và nay, giữa những thế hệ đã khuất với người đang sống. Và cũng bởi truyền thống đó mà tổ tiên, ông bà vẫn như luôn hiện diện, gần gũi trong đời sống tâm linh và thường nhật của người Việt Nam.

**Câu hỏi 33: Tục thờ Vua Hùng của người Việt diễn ra như thế nào?**

**Trả lời:**

Thờ cúng Vua Hùng - vị vua *Tổ* của người Việt Nam là một nét tín ngưỡng hết sức đặc sắc. Cội nguồn của hoạt động này có thể nhìn thấy từ truyền thuyết “Âu Cơ - Lạc Long Quân” cho đến “Trăm trứng nở trăm con”, 50 người con theo mẹ

1. Dẫn theo Mai Viên Đoàn Triển: *An Nam phong tục sách*, *Sđđ*.

Âu Cơ lên vùng đất Phong Châu (nay là Phú Thọ), rồi người con cả lập ra nước Văn Lang, trở thành Vua Hùng. Mười tám đời Vua Hùng nối nhau dựng nước, mở cõi, dạy dân trồng lúa nước và định ra những nghi lễ theo tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp như thờ thần lúa, thần mặt trời để cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Để ghi nhớ công lao to lớn của các Vua Hùng, nhân dân đã lập đền thờ tưởng niệm trên núi Nghĩa Lĩnh và lấy ngày 10 tháng 3 âm lịch hằng năm là ngày giỗ Tổ. Từ đó, qua nhiều thời đại, nhiều triều đại khác nhau, người dân Việt Nam vẫn một lòng hướng về ngày giỗ Tổ với câu ca dao đã khắc sâu vào tâm thức:

*Dù ai đi ngược về xuôi,*

*Nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười, tháng Ba.*

Trong dịp Giỗ tháng Ba này, việc thờ vua Hùng được tiến hành từ ngày 9 đến hết ngày 11. Ngày chính lễ là mùng 10 với nghi thức Tế lễ bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của Nhà nước tại đền Thượng - nơi ngày xưa vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ, ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giày để nhắc lại nguồn cội lúa nước và công đức dạy dân trồng lúa của các vua Hùng.

Có thể khẳng định, tín ngưỡng thờ cúng vua Hùng là một nghi lễ mang tầm quốc gia, nằm trong mạch nguồn của tâm thức, niềm tin rằng cả dân tộc Việt Nam đều cùng chung một giống nòi “con Rồng, cháu Tiên”, cùng chung một nguồn cội rồi nối dài đến các dòng họ, gia đình. Giáo sư Ngô Đức Thịnh cho rằng: “Tục thờ vua Hùng của người Việt thực chất đó là sự

phóng đại của tục thờ tổ tiên của gia tộc, dòng họ trở thành thờ Quốc tổ của dân tộc”<sup>1</sup>. Từ năm 2001, Chính phủ ban hành quy định về quy mô tổ chức Giỗ tổ Hùng Vương theo năm chẵn, năm tròn và năm lẻ. Năm 2009, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã quy định chi tiết về các nghi thức liên quan đến Giỗ Tổ (địa điểm, phẩm vật, trang phục, âm nhạc...). Ngày 06/12/2012, tại kỳ họp lần thứ bảy, Ủy ban Liên chính phủ Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể thế giới đã chính thức công nhận tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở tỉnh Phú Thọ, Việt Nam là *Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*. Điều này càng làm cho lễ hội Giỗ tổ thêm phần trang trọng và có một sức lan tỏa rộng lớn.

Thông qua việc thờ cúng một vị vua Tổ, những người dân Việt Nam cùng tìm được một mạch nguồn chung về tâm linh, từ đó xích lại gần nhau hơn để trở thành một khối đoàn kết keo sơn, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách.

**Câu hỏi 34: Tín ngưỡng thờ cúng vật tổ (Totemism) là gì?**

**Trả lời:**

Tín ngưỡng thờ cúng vật tổ hay còn gọi là *Tôtem giáo (Totemism)* được xem là hình thức tôn giáo cổ xưa nhất của nhân loại. Các nhà nghiên cứu về dân tộc trên thế giới như Tocarep, Đôlatarep, Khaitun... đều cho rằng, tín ngưỡng thờ

---

1. Ngô Đức Thịnh: *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.18.

cúng vật tổ là một hình thức tín ngưỡng sơ khai ra đời trong giai đoạn đầu của thời kỳ xã hội thị tộc. Tín ngưỡng này nhằm thể hiện niềm tin vào mối liên hệ gần gũi, huyết thống giữa một nhóm người với một loài động vật, cây cỏ, đồ vật, hiện tượng nhất định nào đó.

Trong thời kỳ thị tộc sơ khai, khi con người còn gắn bó chặt chẽ với môi trường sống, họ phải nhờ cậy, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Một cộng đồng thị tộc, bộ lạc nhận một giống, vật hoặc một loại cây để làm thủy tổ của mình. Họ cho rằng, cộng đồng của mình được chính vị thủy tổ đó sinh ra nên các thành viên trong cộng đồng cần bảo vệ, thờ phụng vị thủy tổ. Chính từ quan niệm này, cả cộng đồng thị tộc, bộ lạc sẽ kiêng không bao giờ dám xúc phạm hay nghĩ đến việc ăn thịt Tôtem. Không những thế, họ còn biến Tôtem trở thành một biểu tượng thiêng, có những hành vi ứng xử biểu hiện sự vô cùng thành kính. Hiện nay, một trong những dấu hiệu còn lại của tín ngưỡng thờ cúng vật tổ là việc nhiều dân tộc, dòng họ có họ của mình xuất phát từ những loại vật, động vật nào đó.

***Câu hỏi 35: Thế nào là tín ngưỡng vòng đời người?***

***Trả lời:***

Vòng đời người là một chu trình, được tính từ khi một con người bắt đầu được thụ thai, sinh ra cho đến khi chết. Xuất phát từ quan niệm cho rằng, mỗi con người để được ra đời, tồn tại, trưởng thành và mất đi đều chịu sự sắp xếp, chi phối và quyết định bởi (hệ thống) các thần linh thuộc thế

giới siêu nhiên, có thể hiểu *tín ngưỡng vòng đời người* là những nghi lễ mà gia đình, tộc họ hay rộng hơn là của một cộng đồng thực hiện cho mỗi con người. Tín ngưỡng này đã thể hiện khá rõ nét về cách ứng xử của cộng đồng người đối với một cá nhân, cũng là sự ứng xử đối với toàn bộ xã hội và toàn bộ thế giới tự nhiên bao quanh con người.

Tín ngưỡng vòng đời người thường có những nghi lễ tập trung vào ba giai đoạn cơ bản của cuộc đời mỗi một con người là *sinh ra, trưởng thành, về già và chết đi*. Mỗi giai đoạn trên lại được chia thành những phân đoạn chi tiết hơn. Cụ thể là, giai đoạn *sinh* bao gồm thai nghén, sinh đẻ và tuổi sơ sinh, tuổi thiếu niên; giai đoạn *trưởng thành* bao gồm tuổi thiếu niên, thành đinh và hôn nhân...; giai đoạn *về già và chết đi* bao gồm lên lão, chết đi, ma chay và thờ cúng cho cuộc sống ở *thế giới bên kia*. Tùy theo từng cộng đồng, dân tộc khác nhau mà sẽ có sự nhấn mạnh vào những nghi lễ trong một giai đoạn nào đó hoặc trải đều cho tất cả các giai đoạn nêu trên. Việc thực hành tín ngưỡng vòng đời người cũng tùy vào các dân tộc khác nhau để có những hình thức nghi lễ khác nhau.

**Câu hỏi 36: Tín ngưỡng vòng đời người được chia thành mấy giai đoạn?**

**Trả lời:**

Tín ngưỡng vòng đời người được chia thành 3 giai đoạn cơ bản sau:

1. Những tín ngưỡng liên quan đến giai đoạn hình thành thai nhi và mới chào đời (giai đoạn *sinh*) như: những kiêng khem khi mang thai; tục xin áo quần cũ cho trẻ sơ sinh mặc; tục chôn nhau thai, đốt phong long; cúng đầy tháng...

2. Những tín ngưỡng giai đoạn *trưởng thành*: thờ thần bản mệnh; lễ thành đinh ở con trai và cài trâm ở con gái; những nghi lễ liên quan đến việc cưới xin như lễ vấn danh, lễ tơ hồng, lễ lại mặt...

3. Những tín ngưỡng khi về già và chết đi như: lễ lên lão; khao lão; cúng lục tuần; lễ thượng thọ..., tiếp đó là khi qua đời và thờ cúng người chết. Những tín ngưỡng này bắt đầu bằng nghi lễ cúng và chôn cất người chết như các lễ phạt mộc, nhập quan, thiết linh sàng, thành phục rồi chuyển cữu, yết tổ; hạ huyệt, thành phần... cho đến quá trình thờ cúng người chết sau khi đã mồ yên, mả đẹp như lễ 3 ngày, lễ 49 ngày, lễ 100 ngày, giỗ đầu...

Có nhiều cách phân chia các tín ngưỡng vòng đời người thành các giai đoạn khác nhau, nhưng tựu trung lại vẫn xoay quanh hành trình của một đời người từ khi mang thai cho đến cả khi đã yên nghỉ nơi chín suối.

**Câu hỏi 37: Tục cúng mụ và lễ đầy cữ của người Việt diễn ra như thế nào?**

**Trả lời:**

Tục cúng mụ và lễ đầy cữ của người Việt là một phong tục được tổ chức để bày tỏ lòng biết ơn đối với các bà mụ đã nặn ra



đưa bé, giúp cho mẹ tròn con vuông và cầu mong vạn sự cát tường sẽ đến với bé trong tương lai. Theo quan niệm dân gian, sự ra đời của một hài nhi thường nhận được sự chung tay, góp sức của bà Mụ Chúa cùng 12 bà mụ (12 bộ Tiên nương). Tục cúng mụ được tổ chức khi đứa bé được sinh ra tròn ba ngày gọi là lễ *đây cũ*.

Các lễ vật bày biện cho lễ cúng này thường được chia thành 12 bộ giống hệt nhau dành cho 12 bà mụ và một bộ có kích thước lớn hơn dành cho bà Mụ Chúa. Cụ thể: 13 đôi hài xanh, trong đó có 1 đôi to hơn; 13 nén vàng xanh, trong đó có 1 nén to hơn; 13 bộ váy xanh, trong đó có 1 bộ to hơn; 13 miếng trầu cánh phượng, trong đó có 1 miếng tằm to hơn; 13 bộ đồ chơi, trong đó có 1 bộ to hơn; 13 con cua sống, 13 con ốc sống, mỗi loại có 1 con to hơn; 13 phần phẩm oản, bánh kẹo, hoa quả, trong đó có một phần nhiều hơn... Bên cạnh đó là một mâm lễ mặn, một lọ hoa tươi nhiều màu cùng nhiều tiền vàng. Bởi vì là các “bà mụ”, nên việc bày biện cũng thường phải có tính thẩm mỹ cao; đặc biệt là phải kiểm lễ chu đáo để chắc chắn không được có sự chênh lệch nhiều, ít khác biệt giữa 12 bà mụ nhằm đề phòng sự không hài lòng của các bà. Cũng cần lưu ý thêm là, các lễ vật trong tục cúng *đây cũ* ở các địa phương khác nhau cũng có khác nhau. Trong *Việt Nam phong tục*, Phan Kế Bính có ghi: “Trong lễ cúng thì dùng 12 đôi hài, 12 miếng trầu, cua, ốc, nham, bánh đúc... Vì ta tin rằng có 12 bà mụ nặn ra người”<sup>1</sup>.

1. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr.9.

Sau khi bày biện lễ nghi xong, người nhà thắp ba nén hương rồi bồng đứa bé ra trước hương án mà bày tỏ lòng cảm ơn và khẩn xin các thần linh cùng các bà mẹ giúp đỡ cho đứa bé mạnh khỏe, thành đạt. Bài văn khẩn có đoạn: “*Cúi xin chư vị tiên bà, chư vị tôn thần giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì, vuốt ve, che chở cho cháu được ăn ngoan, ngủ yên, hay ăn, chóng lớn, vô bệnh, vô tật, vô tai ương, vô hạn, vô ách; phù hộ cho cháu bé được tươi đẹp, thông minh, sáng láng, thân mệnh bình yên, cường tráng, kiếp kiếp được hưởng vinh hoa phú quý...*”<sup>1</sup>. Khẩn xong thì chấp hai tay của đứa bé lại mà vái ba vái. Sau đó đợi hương tàn thì hóa vàng đồ lễ, phóng sinh tôm, cua và cùng nhau thụ lộc, ăn cỗ mừng vui khi dòng họ có thêm một thành viên mới.

Cạnh lễ cúng đầy cũ, khi đứa bé tròn một tháng và tròn một năm, gia đình lại làm tiếp những lễ nghi tương tự như lễ đầy cũ. Dĩ nhiên tên gọi của những lễ sau này có khác đi dựa vào thời gian, đó là lễ *đầy tháng* và lễ *đầy năm*.

**Câu hỏi 38: Lễ thành đinh của con trai và lễ cài trâm ở con gái là gì?**

**Trả lời:**

Lễ thành đinh hay còn gọi là lễ trưởng thành, là một trong những nghi lễ khá phổ biến ở các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Đây là một trong những lễ rất quan trọng trong các

1. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục, Sđd*, tr.13.

nghi lễ vòng đời người; nghi lễ này vừa mang ý nghĩa tâm linh, vừa tạo dấu ấn để đánh dấu sự trưởng thành của một đứa bé trở thành người lớn cả về nhận thức lẫn giới tính.

Đối với dân tộc Kinh, lễ thành đinh được thực hiện khá đơn giản với việc gia đình sắm sửa một coi trầu, rượu để trình làng khi con trai đến 18 tuổi. Nhiều dân tộc khác, nghi lễ trưởng thành thường được thực hiện cho nhiều đứa trẻ một lần và mang tính cộng đồng cao. Người chịu lễ phải trải qua nhiều thử thách để thể hiện những năng lực của mình. Các dân tộc ở Tây Nguyên thì thường đưa ra một thử thách thực sự như vào rừng tìm diệt được thú dữ đưa về trình diện trước buôn làng. Một số nơi khác thì phải chịu những đau đớn về thể xác như cà răng, căng tai. Với nghi lễ có tính trang nghiêm và thử thách này, một cậu bé bắt đầu được cộng đồng công nhận trở thành thành viên chính thức, có quyền được kết hôn và có quyền lợi cũng như nghĩa vụ với bản làng.

Đối với người Dao Đầu Bàng tại xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, lễ thành đinh được gọi là lễ Tú cái được thực hiện hết sức độc đáo với mở đầu là những diễn xướng mang nội dung diễn tả lịch sử hình thành vũ trụ và lịch sử hình thành con người. Thông qua đó, lồng vào các lời răn dạy làm người, những bài học đạo đức sẽ theo đứa trẻ suốt từ đây về sau nhằm góp phần xây dựng và định hình một nhân cách, một lối sống lương thiện, hướng về cộng đồng và nguồn cội. Sau đó, những cậu bé đến kỳ được làm lễ sẽ mặc những trang phục truyền thống mới, đi vòng quanh một chảo lửa lớn để

xua đuổi tà ma và tăng thêm sự mạnh mẽ của một đấng nam nhi. Vị thầy mo sẽ đứng trên một đàn cao niệm chú đuổi tà ma. Tiếp đến, những cậu bé đứng lên đàn và tự ngã xuống phía dưới - nơi có 12 tấm chăn đã được nhiều người căng hứng sẵn với 12 sợi dây thừng để bó lại. Sau khi can đảm dám nhảy xuống đất và thoát được ra ngoài, những cậu bé ấy sẽ được mọi người thừa nhận là những người đàn ông thực sự của cộng đồng.

Đối với con gái thì lễ cài trâm được thực hiện là lễ đánh dấu tuổi trưởng thành của người con gái. Những cô bé khi còn nhỏ thì để tóc xoắn tự nhiên. Khi đến tuổi 15, gia đình cũng sẽ làm lễ rồi thực hiện nghi thức vấn tóc lên và lấy cây trâm cài lại. Thời xưa, sau nghi lễ này, người con gái đã trở thành người lớn và có thể lấy lập gia đình.

**Câu hỏi 39: Lễ tơ hồng trong ngày cưới của người Việt diễn ra như thế nào?**

**Trả lời:**

Lễ tơ hồng là một nghi lễ được thực hiện tại gia đình chú rể ngay sau khi rước dâu về đến nhà. Đối với người Việt, nghi lễ này được thực hiện khá đơn giản nhưng không kém phần trang trọng nhằm bày tỏ lòng biết ơn đối với ông Tơ, bà Nguyệt đã giúp đôi trai gái nên vợ thành chồng.

Lễ tơ hồng bắt đầu bằng việc bày một hương án giữa sân với đầy đủ các vật phẩm như hương đèn, xôi, gà, trầu rượu. Cô dâu, chú rể cùng đứng bên nhau trước hương án, lạy bốn

lạy rồi quỳ xuống. Hai trợ tế, người thì chuốc rượu, người đọc bài tế, kính cẩn bày tỏ lòng biết ơn đối với ông To, bà Nguyệt. Bài tế cũng bày tỏ ước nguyện được phù hộ độ trì để đôi vợ chồng trẻ được sống mạnh khỏe, bình an, sinh con đẻ cháu đề huề và sống với nhau sát son chung thủy đến đầu bạc, răng long.

Sau khi bài tế kết thúc, cô dâu, chú rể phục xuống lễ tạ rồi đứng lên vái thêm ba vái, vậy là “lễ tất” (kết thúc lễ). Lúc này, đôi vợ chồng trẻ mới cùng nhau vào nhà, thực hiện lễ yết Tổ họ, kính cáo gia tiên; trình báo với ông bà, cha mẹ và ra mắt họ hàng.

Lễ tơ hồng được bắt nguồn từ tích *Nguyệt Lão dưới trăng*. Chuyện kể rằng, có một chàng trai trẻ tên là Vi Cố, một đêm trăng sáng bèn cất bước thơ thần dạo chơi. Đang đi trên đường, chàng trai gặp một ông lão tay cầm một chuỗi dây tơ màu hồng thắm, mắt chăm chú nhìn vào một cuốn sách đang mở trước mặt. Thấy người đọc sách giữa đêm trăng, Vi Cố ngạc nhiên lắm, bèn mon men ghé đến hỏi. Ông lão cho biết mình chính là Nguyệt Lão, người chuyên xe chỉ thắm, kết duyên cho những đôi trai gái theo cuốn sách đã định sẵn. Vi Cố tò mò dò hỏi về người vợ sau này của mình là ai. Ông lão trả lời, vợ tương lai của chàng là con một người ăn mày đang ở ngoài cổng chợ huyện, muốn biết mặt thì sáng mai ra đấy sẽ thấy. Hôm sau, Vi Cố ra chợ và quả nhiên thấy có một người ăn mày đang bồng một cô bé mặt mũi lem luốc, áo quần bẩn thỉu. Lo lắng cho một tương lai sống bên người vợ nhếch nhác như vậy, Vi Cố bèn vung dao chém vào đầu cô bé rồi bỏ chạy. Hơn mười năm sau,

Vi Cố được quan Thứ sử vùng Trương Châu gả con gái cho. Đó là một cô gái ngoan hiền, xinh đẹp nhưng lại có một vết sẹo nhỏ do thuở hàn vi bị một kẻ điên đâm ở chợ, rồi được quan Thứ sử đem về nhận làm con nuôi. Vi Cố thảng thốt nhận ra cô bé ngày xưa; và càng ngạc nhiên hơn nữa khi điều mà Nguyệt Lão nói dưới đêm trăng hôm nào đã ứng thành sự thật cho dù chàng đã tìm cách chạy trốn nó. Tích chuyện có ý khẳng định về việc hôn nhân vợ chồng là do trời định sẵn; rằng “Tơ hồng Nguyệt Lão tiên thiên”. Thuật ngữ “Nhân duyên trời định” cũng mang hàm nghĩa đó. Khi một đôi trai gái được nên duyên vợ chồng thì cần có lễ cảm ơn Nguyệt Lão đã kết duyên xuất phát từ tích này mà ra. Ở Việt Nam, lễ tơ hồng ở mỗi địa phương có những biến tấu khác nhau về nghi thức. Những năm gần đây, trong xu hướng phát triển của những đám cưới hiện đại và giản lược bớt các nghi lễ rườm rà thì nghi lễ trên rất ít được tiến hành như trước đây.

**Câu hỏi 40: Lễ ăn hỏi là gì?**

**Trả lời:**

Lễ ăn hỏi là một trong những nghi lễ quan trọng trong việc hôn nhân truyền thống của người Việt. Để thực hiện nghi lễ này, gia đình nhà trai gồm chú rể cùng bố mẹ, ông bà, những người họ hàng thân thích và một số bạn bè (thường là những người chưa vợ, chưa chồng) sẽ đem lễ vật đến nhà gái. Việc đem lễ vật (sính lễ) đến tặng nhà gái được xem như là sự cảm ơn công lao sinh thành, dưỡng dục của gia đình nhà gái để

nhà trai hôm nay có được một con dâu về nhà chồng. Lễ vật thường có các loại bánh như bánh phu thê, bánh cốm, bánh chưng, bánh dày, xôi gấc, lợn quay, cau trầu, rượu và có thể có nhẫn hoặc hoa tai... Lễ vật không nhất thiết phải nhiều, nhưng tất cả phải là số lẻ và đựng trong các tráp. Số người dự lễ của nhà gái cũng tương ứng với nhà trai. Đặc biệt, việc trao và nhận lễ phải được tiến hành một cách trang trọng để thể hiện thịnh tình “sui gia”. Một phần lễ vật được trân trọng đặt lên bàn thờ gia tiên của nhà gái. Cô dâu, chú rể cung kính thắp hương cáo gia tiên rồi ra rót nước mời mọi người uống. Vật lễ sẽ được “lại quả” cho nhà trai một ít, số còn lại sẽ chia cho họ hàng thân thuộc.

Với nghi lễ này, cô gái và chàng trai chính thức trở thành dâu và rể của gia đình bên kia và được gia đình đồng ý là thành viên trong gia đình với cách xưng hô là “con” và gọi “bố, mẹ”. Lúc này, mọi sự xem như “ván đã đóng thuyền”, chỉ còn chờ ngày cưới để ra mắt họ hàng, chòm xóm.

**Câu hỏi 41: Lễ khao lão, mừng thọ là gì?**

**Trả lời:**

Nếu như lễ thành đinh, cài trâm nhằm đánh dấu sự trưởng thành của các thanh niên thì khao lão cũng là một lễ nghi để chứng thực một giai đoạn trong vòng đời người, đó là từ trung niên lên lão làng. Trong *An Nam phong tục sách* viết: “Trong dân gian, năm mươi tuổi thì lên lão làng. Giản tiện thì biện lễ trầu rượu hoặc nộp tiền cọc dăm ba quan, một hai chục quan, cầu kỳ

thì biện lễ vật sống, sắm sửa cỗ bàn bái thần nơi đình miếu, đãi toàn dân gọi là khao lão”<sup>1</sup>.

Lễ nghi cơ bản của việc khao lão là gia đình người được lên lão biện một mâm trầu rượu ra báo cáo ở đình làng; sau đó trở về nhà, con cháu nội ngoại cùng sum vầy quanh người được lên lão. Nhân vật chính của buổi lễ sẽ ngồi ở chính giữa nhà, con cháu phân theo thứ bậc đứng cung kính hai bên từ trong ra. Con trai đứng bên trái, con gái đứng bên phải. Lễ lên lão thường rất đơn giản với một bài văn chúc thọ, có ban *tư văn hành lễ* trợ tế và sau đó cử ba tuần rượu. Lần lượt con cháu theo thứ bậc từ cao xuống thấp sẽ bước đến trước người lên lão, nói những lời chúc tốt đẹp rồi tế sống hai lạy. Ở những gia đình có điều kiện, lễ khao lão tổ chức rất linh đình với nhiều mâm cao, cỗ trọng và mời các chức dịch, dân chúng trong làng cùng đến dự. Những nhà khó khăn thì chỉ cần sắm sửa ít trầu rượu ra đình báo cáo với quan viên rồi về nhà làm lễ cúng đủ. Những người già khoảng 70 tuổi trở lên còn được con cháu tổ chức lễ mừng thọ, thượng thọ. Cũng để bày tỏ sự kính trọng đối với người già, nhiều vùng quê ở Việt Nam còn có việc tổ chức yến lão. Cứ đến dịp mở hội làng hay những lễ lớn trong làng thì làng lại cử phường bát âm đến rước người già một cách trọng thể ra đình. Lão trên 100 tuổi được rước bằng võng điều có 4 lọng xanh; lão trên 90 tuổi được rước bằng võng điều với 2 lọng xanh; lão 80 tuổi thì được rước bằng võng xanh, đòn

1. Xem Mai Viên Đoàn Triển: *An Nam phong tục sách, Sđđ.*



cong vói 1 lọng; lão 70 tuổi thì được rước bằng võng xanh, đòn ổng vói 1 lọng. Tại đình làng, các cụ được xếp ngời các chiếu trên dưới theo thứ tự tương ứng với tuổi và được khao tiệc gọi là yến lão.

Đây là phong tục thể hiện một thái độ sống “kính trên nhường dưới”, nhất mực yêu thương, kính trọng “cây cao bóng cả” của người Việt Nam - một dân tộc được biết đến với truyền thống nhân ái và coi trọng lễ nghĩa.

**Câu hỏi 42: Lễ tang của người Việt Nam diễn ra như thế nào?**

**Trả lời:**

Lễ tang là những nghi thức của những người trong gia đình nhằm chuẩn bị hành trang và tiễn đưa người qua đời về nơi yên nghỉ cuối cùng. Tùy từng địa phương khác nhau mà các công đoạn nghi lễ có khác nhau, nhưng tựu trung sẽ có một số công việc cơ bản sau đây: Khi một người qua đời, những người thân sẽ làm lễ *mộc dục*, tắm rửa sạch sẽ cho người chết rồi đặt lên giường, lấy bát com, quả trứng để cúng. Người thân sẽ bỏ vào miệng người chết một ít gạo và tiền gọi là *phạm hàm* sau đó mới khâm liệm. Khi người chết đã nhập vào quan tài thì sẽ lập bàn thờ và linh vị. Lúc này lễ *thành phục* mới bắt đầu, thân nhân gia quyến sẽ mặc đồ tang để cúng tế và chính thức phát tang, tiếp khách phúng viếng. Trước lễ an táng có lễ yết cáo tổ tiên, rước quan tài hoặc hồn bạch đến nhà thờ họ nhằm báo cáo với gia tiên về người quá cố sẽ về châu tổ tiên. Khi đưa tang, người con trưởng đi trước hoặc sau quan tài

theo tục “Cha đưa, mẹ đón”. Những người khác trong gia đình theo thứ tự thân sơ để lần lượt có vị trí bên quan tài. Sau khi hạ huyệt, mọi người đi quanh huyệt, vốc một nắm đất bỏ xuống huyệt đưa tiễn người quá cố. Sau việc an táng người chết là những nghi lễ tiếp theo như *mở cửa mả, 49 ngày, 100 ngày, giỗ...* Đó là một tiến trình thờ cúng người qua đời hết sức phong phú. Với những nghi thức này, người đã đi xa như vẫn còn hiện diện trong cuộc sống hiện tại với những người thân yêu của mình.

**Câu hỏi 43: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa là gì?**

**Trả lời:**

Để khẳng định chủ quyền về lãnh thổ ở Biển Đông, ngay từ khi vào trấn nhận phía Nam, chúa Nguyễn đã cho lập Hải đội Hoàng Sa, vượt trùng khơi ra trấn giữ, bảo vệ hải đảo quê hương. Đội Hoàng Sa được lấy 70 định suất là người của làng An Vĩnh, An Hải trong đất liền và tại đảo Lý Sơn. Số người này được chia đều cho các tộc họ và theo nguyên tắc luân phiên nhau, nếu người con trưởng ở nhà lo việc tế tự thì người con thứ phải đăng lính. Dẫu biết sẽ phải đương đầu với muôn vàn hiểm nguy nhưng những người dân ở đây vẫn sẵn sàng vượt trùng khơi để bảo vệ biên trời của Tổ quốc. Những câu ca dao mang dấu ấn lịch sử hào hùng một thời nay vẫn được người dân đảo Lý Sơn ghi tạc trong lòng, rằng:

Hoàng Sa mây nước bốn bề,  
Tháng Hai (Ba) khao lề thế lính Hoàng Sa.

*Hay*

Hoàng Sa đi có về không,  
Lệnh vua sai phải, quyết lòng ra đi.

Biết trước về sự khó khăn, thậm chí khó bề bảo toàn tính mạng khi linh sứ mệnh thiêng liêng giữ gìn bờ cõi giữa nghìn trùng sóng nước lênh đênh, lễ khao lễ thế lính được người dân nơi đây tổ chức long trọng với hy vọng cầu mong cho người ra đi được bình yên trên biển cả và có thể may mắn trở về. Cứ vào dịp tháng hai đến tháng ba âm lịch, trước khi những đoàn thuyền rẽ sóng trùng khơi vươn mình ra biển vì nghĩa cả, việc tổ chức lễ lại được tiến hành.

Lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa vừa cầu mong cho những người lên đường bình an vô sự, vừa để tưởng nhớ đến người lính phải bỏ mình cùng sóng nước với mong muốn vong hồn của họ được bình yên nơi suối vàng (trường hợp này thường gọi là “Khao lễ thế lính”). Do vậy, các linh vị bằng giấy màu đỏ ghi tên những người lính tử nạn cùng những chiếc thuyền lễ và các hình nộm luôn có mặt trong các lễ cúng này. Lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa thường được tổ chức tại nhà thờ tộc họ hoặc nhiều tộc họ cùng làm lễ khao lễ tại một cơ sở tín ngưỡng chung của làng. Ngoài những nghi lễ, từ lễ yết, lễ chánh tế, lễ ngoại đàn, lễ thế lính đến lễ thả thuyền thế mạng, còn có lễ cầu siêu, lễ thả hoa đăng, lễ đua thuyền và những hình thức diễn xướng như hát bộ, múa lân... Đây là một sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa mang tính biểu tượng, minh chứng cho lòng yêu nước, ý thức về chủ quyền lãnh thổ đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của ông cha từ ngàn xưa. Ngày nay, lễ hội này là

một tiếng nói góp phần khẳng định chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam và nhắc nhở, giáo dục cho thế hệ trẻ hiểu về văn hóa truyền thống của dân tộc, về lòng tự hào, tình yêu đối với quê hương, đất nước.

**Câu hỏi 44: Cúng cô hồn là gì?**

**Trả lời:**

Trong quan niệm của dân gian, không phải bất cứ ai khi chết đều có thể siêu thoát để đầu thai kiếp khác. Có những trường hợp do nghiệp chướng còn nặng nợ hoặc bị chết bất đắc kỳ tử, chết oan uổng... thì hồn vẫn phải lang thang, vất vưởng đây đó trong nhân gian, những linh hồn này được gọi là các cô hồn. Vì không thể nhập vào cõi nào để yên ổn nên những linh hồn này phải chịu đói rét, rách rưới với bao nhiêu khổ ải, đọa đày. Chính vì vậy, các cô hồn hay bực tức mà sinh ra quấy phá người sống. Quan niệm dân gian còn cho rằng, các cô hồn thường rất linh thiêng nên khả năng tác động đến người sống là rất cao. Bởi vậy, nhiều nơi thường lập nên các am, miếu để thờ cúng cô hồn. Việc lập các am, miếu là để các cô hồn có chỗ nương tựa, nhờ đó mà không vất vưởng rồi tụ tập lại để quấy quả người sống nữa. Có nơi, nhân dân còn lập am tại các nghĩa địa, thờ những người chết đường, chết chợ, những hành khất, ăn xin không rõ tông tích - gọi là *am chúng sinh*.

Cứ đến ngày rằm tháng bảy, nhiều nhà lại sắm sửa một mâm cỗ cúng cô hồn - hay còn gọi là cúng *xá tội vong nhân*.

Những vật phẩm của cỗ cúng này thường có vàng mã, hương hoa, gạo muối, xôi, chè... và đặc biệt không bao giờ thiếu là món cháo loãng (cháo Thánh). Nhiều nơi còn múc cháo ra lá đĩa để chia cho đủ bởi có nhiều cô hồn quá. Sở dĩ có món cháo này vì dân gian cho rằng, do bị đọa đày khổ sở nên cỗ họng của các cô hồn bị bóp hẹp lại, khó nuốt những thức ăn khác. Nhiều người lại cho rằng, trong số các cô hồn, có nhiều hài nhi “hữu sinh, vô dưỡng”, bị mất khi còn quá nhỏ - thậm chí ngay khi chưa đến ngày, đến tháng chào đời, nên không thể ăn thức ăn bình thường được. Lại đến độ rằm tháng bảy, dân gian còn mời các vị sư về tụng kinh siêu độ, giúp cho các cô hồn sớm được siêu thoát ra khỏi kiếp vất vưởng này.

**Câu hỏi 45: Tại sao phải thờ thần bản mệnh?**

**Trả lời:**

Thần bản mệnh là vị thần phù hộ cho mỗi một cá nhân. Trong quan niệm của người Việt Nam, bất cứ ai sinh ra, có mặt trên cõi đời đều theo sự chiếu mệnh của một vì sao nào đó trên cõi trời, từ đó đã mang sẵn một căn số nhất định. Tất cả điều này được tính theo sự phối hợp của can và chi để ứng vào một con vật cầm tinh là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi và các can số là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Với niềm tin về vị thần hộ mệnh theo suốt cuộc đời, dân gian đưa ra tục thờ thần bản mệnh nhằm mong vị thần này

phù hộ, nâng đỡ trong cuộc sống để đạt được những kết quả may mắn. Đặc biệt, những người có lá số tử vi chỉ ra vị sao chiếu mệnh không tốt thì càng phải cầu cạnh, thờ cúng thần bản mệnh để mong thần bảo trợ giúp vượt qua những tai ương, xui rủi trong đời sống thường nhật.

Vì thần bản mệnh là vị thần phù hộ cho mỗi cá nhân nên việc thờ cúng cũng mang tính riêng tư của từng người. Nhiều người thờ thần bản mệnh của mình ở trong phòng riêng. Có người làm tượng thần bản mệnh để luôn đeo ở bên mình.

**Câu hỏi 46: Vì sao có tục cúng ba ngày, 49 ngày, 100 ngày cho người mất?**

**Trả lời:**

*Lễ cúng ba ngày*, còn gọi là lễ mở cửa mả, được thực hiện vào ngày thứ ba sau khi chôn cất người qua đời (Có nơi lại cúng ba ngày sau khi qua đời, những nơi theo tục lệ này không nhiều và cũng không hợp lý, vì có nhiều gia đình - nhất là trước đây, quan người mất trong nhà nhiều ngày mới đưa đi chôn, vậy không thể làm lễ cúng ba ngày khi người qua đời vẫn còn ở trong nhà!). Nhiều sách giải thích rằng, sở dĩ có lễ cúng ba ngày là xuất phát từ lễ tế ngu, tức lễ tế cho yên ổn hồn, phách. Lễ tế ngu được thực hiện bằng ba lễ nhỏ vào ba ngày tính từ khi chôn người đã mất. Thứ nhất là lễ *sơ ngu*, thực hiện khi về đến nhà sau khi chôn cất người chết xong. Thứ hai là lễ *tái ngu*, thực hiện vào ngày thứ hai nếu như ngày này rơi vào trực "Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý" (những ngày rơi vào trực này được gọi là ngày nhu).

Còn nếu như rơi vào những ngày “Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm” (ngày cương) thì phải tổ chức thêm lễ *tam ngu*. Về sau, người dân giản lược từ ba lễ trên còn lại một lễ *tam ngu* và được gọi là lễ *ba ngày*. Vào ngày này, những người thân trong gia đình cùng đến phần mộ người vừa mất để sửa sang lại cho đẹp; đắp thêm đất cho tròn mộ và làm rãnh thoát nước cho sạch sẽ, khang trang.

Có người còn đưa ra cách giải thích thêm về nguyên gốc của lễ ba ngày là vì trong quá trình tang gia bối rối dễ xảy ra những sai sót đối với những người đến hộ tang hay phúng viếng. Vì vậy, sau ba ngày, mờ yên, mà đẹp thì gia chủ thực hiện lễ này không chỉ lo cho người đã khuất mà để có lời cảm ơn và phân bua thông cảm với họ hàng, chòm xóm.

Lễ 49 ngày còn gọi là lễ *chung thất*, dựa trên quan niệm cho rằng, mỗi người sau khi đã cạn phận người ở chốn dương gian thì phải đi qua 7 lần phán xét ở 7 điện âm ty. Mỗi điện như vậy phải đi trong 7 ngày. Như vậy, phải mất tất cả 49 ngày mới có thể siêu thoát được. Vì vậy, lễ cúng 49 ngày đánh dấu (và cầu mong) cho sự siêu thoát của người qua đời. Những người thân trong gia đình lại tề tựu, cùng đi thăm mộ, sửa sang phần mộ, thắp hương rồi về nhà làm mâm cơm cúng cho người quá cố.

Lễ 100 ngày còn gọi là lễ *tốt khóc* - tức thôi khóc. Cũng như lễ 49 ngày, vào đúng 100 ngày sau khi tiễn đưa người quá cố, mọi người trong gia đình lại quy tụ làm lễ cúng cho người đã khuất. Có người giải thích rằng, con người sau khi chết, tuy xác đã được chôn sâu dưới ba thước đất, âm dương muôn

phần cách biệt, nhưng phần hồn thì vẫn phảng phất đâu đó quanh nơi ở cũ với những người thân trong gia đình. Đối với những người thân trong gia đình, trước cảnh biệt ly vĩnh viễn thì sự sầu thương bi thảm là lẽ bình thường, vì vậy nên vẫn hay buồn đau khóc lóc. Chính những giọt nước mắt của người thân càng làm hồn người đã khuất thêm phần quyến luyến không nỡ rời bỏ tất cả để siêu thoát đầu thai kiếp khác. Vì lẽ đó, cần làm lễ 100 ngày như một sự báo hiệu và nhắc nhở mọi người thôi khóc lóc; đừng làm người chết nặng lòng mà không dứt đi được.

Xét ở một khía cạnh tích cực, lễ cúng 100 ngày cũng có một ý nghĩa đáng quý đó là khuyên nhủ những người còn sống đừng quá bi lụy. Khi người chết không thể sống lại được nữa thì người sống vẫn cần tinh táo và lạc quan để tiếp tục sống bởi họ vẫn phải làm tròn trách nhiệm đối với gia đình, xã hội.

#### **Câu hỏi 47: Thế nào là tín ngưỡng nghề nghiệp?**

##### **Trả lời:**

Tín ngưỡng nghề nghiệp là loại tín ngưỡng liên quan đến quá trình con người lao động, sản xuất vật chất để nuôi sống mình và tạo dựng, duy trì sự tồn tại của xã hội. Tín ngưỡng nghề nghiệp bao gồm cả sự thờ cúng lẫn các ma thuật nhằm cầu xin các vị thần linh trong thế giới siêu nhiên phù trì giúp đỡ để việc lao động, sản xuất được tiến hành hanh thông, phát đạt.

Trong quan niệm của dân gian, mỗi một loại nghề nghiệp khác nhau còn có một (hoặc một số) vị thần bảo hộ riêng cho



ngành nghiệp đó, như thần nông bảo trợ cho việc sản xuất lúa, gạo, khoai, sắn; thần tài bảo trợ cho việc buôn bán; thần cá ông bảo trợ cho nghề chài lưới... Vì vậy, cộng đồng những người chung một nghề đều tìm cách kết lại thành các phường, hội để cùng nhau thành kính tôn thờ, cầu xin vị thần bảo hộ của nghề mình giúp đỡ.

Một số tín ngưỡng nghề nghiệp cơ bản đó là, *tín ngưỡng nông nghiệp* với những nghi lễ như tín ngưỡng phồn thực, thờ Tứ pháp, lễ thờ cúng thần nông...; tín ngưỡng thờ Thánh sư nhằm thờ những ông tổ của nghề thủ công; tín ngưỡng thờ thần tài liên quan đến nghề buôn bán; các tín ngưỡng liên quan đến ngư nghiệp như thờ cá ông, thờ cô bác...

#### **Câu hỏi 48: Nguồn gốc của tín ngưỡng nông nghiệp?**

##### **Trả lời:**

Tín ngưỡng nông nghiệp xuất phát từ những đất nước có nền sản xuất nông nghiệp là cơ bản như Việt Nam. Với triết lý âm - dương điều hòa, các cư dân nông nghiệp thường quan niệm rằng, sự hòa quyện hài hòa giữa hai yếu tố âm và dương sẽ là cơ sở để vạn vật sinh sôi, nảy nở, mùa màng tốt tươi. Trên thực tế, nghề làm nông nghiệp của người Việt luôn chịu không ít những thử thách khắc nghiệt từ thiên nhiên. Thiên tai, lũ lụt luôn là nỗi ám ảnh thường trực to lớn, khiến cuộc sống của các cư dân nông nghiệp Việt Nam luôn ẩn chứa nhiều bất trắc khôn lường. “Thủy - Hỏa - Đạo - Tặc” là những thứ giặc đáng sợ và cần đề phòng. Chế ngự được thiên tai, có được mưa thuận,

gió hòa vẫn là khát vọng lớn của người Việt. Khát vọng rất thực tế này có tính thường trực và lớn dần lên rồi chìm vào đời sống tâm linh để trở thành một tín ngưỡng mang đậm dấu ấn nông nghiệp. Với quan niệm đó, tín ngưỡng nông nghiệp ra đời với mong muốn tìm được sự linh ứng từ trời đất cho mưa thuận, gió hòa:

“Ơn trời mưa nắng phải thì,  
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu”.

Để có được sự “phải thì” ấy, nhiều lễ nghi, thờ tự liên quan đến nông nghiệp đã được hình thành và thực hiện suốt cả chu trình trông trọt và thu hoạch.

**Câu hỏi 49: Các hình thức cơ bản của tín ngưỡng nông nghiệp ở người Việt Nam là gì?**

**Trả lời:**

Mỗi công đoạn trong quy trình sản xuất nông nghiệp đều có những hoạt động thờ cúng, tín ngưỡng cụ thể, trong đó nổi bật là một số hình thức sau:

- Nghi lễ *cầu mưa* và *cầu tạnh* với việc thờ bốn vị thần mây, mưa, sấm, chớp thường gọi chung là thờ Tứ pháp.

- Tín ngưỡng *phồn thực* cầu mong có sự điều hòa âm - dương để mưa thuận, gió hòa, vạn vật sinh sôi, “trâu đàn, thóc đồng”.

- *Thờ cúng thần lúa* được biểu trưng thành một nữ thần Mẹ đáng kính.

- Các nghi lễ *xuống đồng* với một nghi thức hết sức đặc biệt đó là tịch điền - nhà vua tham gia lễ cúng đất trời rồi đích thân xuống ruộng, cày những luống cày đầu tiên cho một mùa vụ mới.

- *Tết cơm mới* - như sự trình báo với tổ tiên về kết quả của một mùa vụ vừa thu hoạch và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với đất trời, tổ tiên đã phù hộ cho một vụ mùa ăn nên, làm ra.

- *Thờ cúng thần nông* diễn ra bằng hành động thờ phụng một cách cung kính và rước thần nông cùng trâu thần của triều đình và các quan lại. Việc thờ cúng, tôn vinh vị thần của nông nghiệp này là một trong những bằng chứng rõ nét nhất về các tín ngưỡng của một quốc gia sinh sống dựa vào cây lúa cũng như nghề nông tự bao đời nay.

#### **Câu hỏi 50: Tứ pháp là gì?**

##### **Trả lời:**

Tứ pháp là bốn vị nữ thần trong tín ngưỡng Việt Nam, đó là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Đối với một quốc gia sinh sống chủ yếu dựa vào việc sản xuất nông nghiệp trồng lúa như Việt Nam thì luôn chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi các yếu tố tự nhiên - đặc biệt là mưa để có nguồn nước phục vụ sản xuất trồng trọt. Với trực quan của mình, người dân cho rằng chính bốn yếu tố mây, mưa, sấm, chớp đã tạo nên mưa - nguồn nước cơ bản cho cuộc sống. Xuất phát từ thực tế này, người Việt Nam tôn bái và thần thánh hóa các yếu tố trên thành những vị thần linh rồi thờ cúng để cầu xin được sự chở che tạo nên mưa thuận, gió hòa cho mùa màng tươi tốt. Pháp Vân là nữ thần mây,

Pháp Vũ là nữ thần mưa, Pháp Lôì là nữ thần sấm và Pháp Điện là nữ thần chớp.

Trong dân gian Việt Nam, việc thờ Tứ pháp được thực hiện khá phổ biến - đặc biệt ở vùng đồng bằng Bắc Bộ với bốn trung tâm lớn là vùng Thường Tín, Từ Liêm, Hoài Đức thuộc Hà Nội; vùng Kim Bảng, Thanh Liêm, Duy Tiên thuộc Hà Nam; vùng Thuận Thành, Gia Lâm, Đông Ngàn thuộc Bắc Ninh và Hà Nội; vùng các làng Liên Trang, Trai Trang, Thụy Trang thuộc Hưng Yên.

**Câu hỏi 51: Tứ pháp - sự giao lưu giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa được thể hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Ngay tên gọi “Tứ pháp” cũng đã ít nhiều biểu hiện sự giao lưu giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa của người Việt: Pháp Vân - Phật làm mây; Pháp Vũ - Phật làm mưa; Pháp Lôì - Phật làm sấm và Pháp Điện - Phật làm chớp. Trở về với nguồn cội truyền thuyết của xuất xứ việc thờ Tứ pháp, dù có những dị bản khác nhau nhưng tất cả đều dựa trên một nội dung chính kể về một vị sư tên là Khâu Đà La từ Ấn Độ đến chùa Luy Lâu vào khoảng năm 170. Sư Khâu Đà La được một người tên là Tu Định thuộc làng Mãn Xá, huyện Siêu Loại mời về nhà rồi hằng ngày sai con gái là Man Nương mang hoa quả cho sư. Khâu Đà La nhận Man Nương làm môn đệ. Ông trao cho nàng một chiếc gậy và bảo khi nào gặp hạn hán thì chọc xuống đất lấy nước rồi vào rừng ở. Man Nương tự nhiên mang thai, mười bốn tháng

sau sinh con và vào rừng tìm trả cho sư. Khâu Đà La niệm chú cho một cây đại thụ chẻ đôi ra rồi bỏ nửa vào đó. Một dịp đại hạn, đất đai khô cằn, nứt nẻ, Man Nương nhớ đến chiếc gậy của Khâu Đà La nên lấy ra, chọc xuống đất. Bỗng nhiên những mạch nước từ đó phun lên đủ cho cả vùng dùng. Một lần, mưa gió bão bùng đánh bật cây đại thụ cuối về vùng Luy Lâu, mọi người cùng nhau ra đưa cây vào bờ nhưng không thể được. Đến khi Man Nương lội xuống kéo thì cây nhẹ nhàng theo tay nòng lên bờ. Sĩ Vương biết chuyện bèn cho người xẻ gỗ làm thành bốn bức tượng để thờ. Khi xẻ cây, trong khối gỗ có một hòn đá lăn xuống nước. Lại một lần nữa, nhờ Man Nương mà viên đá có thể vớt được lên - đó chính là Thạch Quang Phật, con của Man Nương trong cây đại thụ. Man Nương ôm đá đặt vào lòng một bức tượng. Từ ngày thờ bốn bức tượng trên, toàn vùng Luy Lâu mưa thuận, gió hòa; hạn hán, bão lụt không còn diễn ra. Mọi người tôn sùng và đặt tên cho các bức tượng là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Bức tượng được Man Nương đặt Thạch Quang Phật vào là tượng Pháp Vân.

Nội dung của câu chuyện cũng đã nói đến sự giao hòa giữa vị sư - Phật giáo từ Ấn Độ với cô gái - bước ra từ dân gian Việt để rồi có một “sản phẩm” chung là Thạch Quang Phật. Sau đó, Thạch Quang Phật lại hóa thân vào những bức tượng Tứ pháp được thờ phụng trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam<sup>1</sup>. Không

---

1. Thạch Quang Phật tức là vị Phật Thạch Quang, hay còn gọi là Bụt đá; mẹ Man Nương cũng trở thành Phật: Phật Mẫu. Nhiều nơi còn tôn là Phật bà Quan Âm.

những thế, từ huyền thoại đến cuộc sống, việc các vị thần Tứ pháp được thờ trong nhiều ngôi chùa - thậm chí nhiều nơi những bức tượng này được tạc lớn hơn cả tượng các vị Phật, chính là minh chứng nói lên sự kết hợp uyển chuyển giữa Phật giáo với văn hóa bản địa của người Việt. Những ngôi chùa thờ Phật ở Ấn Độ và những ngôi chùa thờ các vị thần bản địa của người Việt - trong đó có Tứ pháp là một hình ảnh tiêu biểu nói lên việc “bản địa hóa” các yếu tố tôn giáo đến từ bên ngoài. Điều này cũng thể hiện rõ nét một đặc điểm của tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam, đó là sự khoan dung, hài hòa và linh hoạt khi tiếp nhận những yếu tố văn hóa, tôn giáo đến từ bên ngoài vào chung trong căn nhà dân tộc Việt Nam.

**Câu hỏi 52: Nghi lễ cầu mưa là biểu hiện của tín ngưỡng nào?**

**Trả lời:**

Nghi lễ cầu mưa là biểu hiện của tín ngưỡng nghề nghiệp - cụ thể hơn là tín ngưỡng nông nghiệp. Theo X.A. Tocarep, những nghi lễ như vậy thường xuất phát chính từ sự bất lực của con người trong quá trình trồng trọt, rằng: “*Cây trồng không phải bao giờ cũng được mùa, mà mùa màng bị phụ thuộc vào những điều kiện mà con người viện đến sự phù trợ, giúp đỡ việc trồng cấy, từ đó các nghi lễ ma thuật ra đời*”<sup>1</sup>. Người Việt lại có quan niệm cho rằng, sự giao hòa của âm - dương là cội rễ của mọi sự sinh

---

1. X.A. Tocarep: *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.423.

sôi nảy nở, mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt; mà sự hài hòa âm - dương ấy lại chịu sự chi phối, quyết định của một lực lượng siêu nhiên bên ngoài con người. Vì vậy, để thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, gặp những năm hạn hán, thời tiết khắc nghiệt thì cư dân trong vùng lại hội tụ nhau cùng góp của, góp sức, thực hiện nghi lễ cầu mưa nhằm cầu mong có sự phù hộ của lực lượng siêu nhiên giúp đỡ:

“Lạy trời mưa xuống,  
Cho nước tôi uống,  
Cho ruộng tôi cày...”

Nghi lễ cầu mưa được nhiều dân tộc ở Việt Nam thực hiện và được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đây không chỉ là một nghi lễ mang tính tín ngưỡng (lễ), mà còn là dịp để cộng đồng trong làng, bản hội tụ, bàn chuyện sản xuất, bày tỏ lòng thành kính với đất trời, tổ tiên và còn để những đôi trai gái gặp gỡ, giao duyên (hội). Theo thời gian, những nghi lễ như cầu mưa gắn bó chặt chẽ và trở thành một hình thức sinh hoạt văn hóa tâm linh cộng đồng trong đời sống tinh thần của những dân tộc sản xuất nông nghiệp như Việt Nam.

**Câu hỏi 53: Thế nào là tín ngưỡng phồn thực?**

**Trả lời:**

Trong tiếng Hán, “phồn” có nghĩa là nhiều, “thực” là sự nảy nở, sinh sôi. Phồn thực là khái niệm nhằm chỉ những vấn đề liên quan đến quá trình sinh sôi, nảy nở của vạn vật trong tự nhiên, trong đó có con người. Thực chất, tín ngưỡng phồn thực

được nảy sinh và gắn bó chặt chẽ với cuộc sống của các cư dân trong các quốc gia sống bằng nghề nông.

Nhận thức về sự cần thiết của việc duy trì và phát triển sự sống phải xuất phát từ hai hình thức sản xuất là lương thực nhằm duy trì cuộc sống và con người đồng thời duy trì nòi giống, người Việt Nam đã nêu lên một triết lý mộc mạc nhưng sâu sắc, đó là cần thiết phải có sự giao hòa giữa âm và dương, hài hòa giữa trời và đất, hòa hợp giữa nam và nữ nhằm tạo nên quá trình đơm hoa, kết trái, sinh sôi, nảy nở.

Từ triết lý đậm chất văn hóa dân gian (folklore), tín ngưỡng phồn thực ra đời với việc thờ *cơ quan sinh dục* (sinh thực khí) và *hành vi giao phối*. Như trên đã nêu, tín ngưỡng phồn thực không chỉ riêng có ở Việt Nam mà là một trong những tín ngưỡng khá phổ biến đối với các quốc gia nông nghiệp ở khu vực Đông Nam Á. Riêng ở Việt Nam, tín ngưỡng này được thể hiện một cách hết sức đa dạng ở nhiều tộc người khác nhau và trong các hình thức hội họa, điêu khắc, kiến trúc cho đến các hoạt động thờ cúng và lễ hội khác nhau. Đây là một hình thức tín ngưỡng thể hiện rõ khát vọng sống mãnh liệt.

*Sinh* là sinh đẻ, *thực* là nảy nở, *khí* là công cụ. *Sinh thực khí* là khái niệm nhằm chỉ cơ quan sinh dục của con người gồm cả nam và nữ. Thờ cơ quan sinh thực khí là việc dùng các biểu tượng có tính đặc tả, phóng đại hoặc cách điệu về các bộ phận sinh dục nam và nữ để thờ cúng. Trong quan niệm hết sức mộc mạc, cụ thể và đầy tính hình tượng của người dân Việt xa xưa thì việc thờ cúng những bộ phận sinh dục và hoạt động tính



dục sẽ giúp cộng đồng “cầu được, ước thấy”, để nhờ đó, con cháu sinh sôi, mùa màng tươi tốt, bội thu. Không những thế, người xưa còn tin rằng năng lượng thiêng ở thiên nhiên hay ở con người có khả năng truyền sang vật nuôi và cây trồng nên những nghi thức thờ cúng trên sẽ giúp việc chăn nuôi và trồng trọt cũng gặt hái được kết quả như mong muốn.

Việc thờ sinh thực khí là biểu hiện của một tín ngưỡng in đậm dấu ấn của một đất nước nông nghiệp trồng lúa nước còn chịu nhiều khó khăn, nghèo nàn. Từ thực tế đời sống đầy bấp bênh của những vụ mùa thất bát, từ tình trạng tỷ lệ tử trong sinh nở và nuôi dưỡng cho đến những mất mát do những cuộc chiến chống ngoại xâm triền miên... khiến trong tâm thức người Việt từ ngàn xưa luôn ước vọng có một sự phồn thực, con đàn cháu đống. Đạt được kết quả này được xem là cái phúc lớn của dân tộc, dòng họ và mỗi gia đình.

Thờ hành vi giao phối là việc nhiều nơi tổ chức các nghi lễ trong đó có những hành động đặc tả hoặc cách điệu lại những hành vi giao phối giữa nam và nữ. Việc thờ hành vi giao phối của người Việt đã xuất hiện từ thời xa xưa. Trên nắp thạp đồng có niên đại khoảng 500 năm trước Công nguyên, tại Đào Thịnh, Yên Bái thể hiện xung quanh hình mặt trời với các tia sáng là tượng bốn đôi nam nữ đang giao hợp. Thân thạp khắc chìm hình những con thuyền nối đuôi nhau để hai con cá sấu và rồng gắn ở mũi và lái của hai chiếc thuyền chạm vào nhau trong tư thế giao hoan. Rất nhiều những trò diễn trong các lễ hội như tục tắt đèn trong đêm tế giã hội tại làng La (Hoài Đức, Hà Nội) vào ngày 7 tháng Giêng; tục chen trong lễ hội của làng Nga Hoàng

(Võ Giàng, Bắc Giang); trò múa ông Đùng - bà Đà trong hội làng Quang Lang (Thụy Hải, Thái Thụy, Thái Bình)... đều thể hiện điều này.

Không như một số người cho rằng, việc diễn xuất các hành vi giao phối trong nghi lễ dân gian là biểu hiện sự dâm ô, dung tục hóa còn sót lại trong tín ngưỡng Việt Nam; thực tế hoạt động trên là sự biểu đạt rõ nét về triết lý sống hài hòa âm - dương để hướng đến sự no đủ, hạnh phúc. Như trên đã nêu, việc thờ hành vi giao phối cũng như cơ quan sinh thực khí liên quan chặt chẽ đến tín ngưỡng phồn thực. Thờ hành vi giao phối nhằm thể hiện mong muốn, khát khao mãnh liệt trong tâm thức con người về sự giao hòa giữa âm và dương, giữa trời và đất, giữa nam và nữ nhằm tạo nên quá trình đơm hoa, kết trái, sinh sôi, nảy nở. Như vậy, trong hoạt động thờ cúng trên đã hàm chứa sâu xa một ý nghĩa về sự sinh tồn, trường tồn của nòi giống từ đời này sang đời khác.

**Câu hỏi 54: Mối liên hệ giữa trống đồng và tín ngưỡng phồn thực được biểu hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Là một tín ngưỡng độc đáo và ra đời từ thời xa xưa trong đời sống của người dân Việt Nam, tín ngưỡng phồn thực để lại dấu ấn sâu đậm và khá phổ biến trong nhiều di tích còn lại cho đến ngày nay, trong đó có trống đồng.

Trong tâm tưởng của người Việt cổ, chiếc trống đồng là biểu tượng sức mạnh, quyền lực của cộng đồng và cũng là một

trong những biểu tượng tiêu biểu của nền văn hóa Đông Sơn. Hình ảnh trống đồng tỏa ra những sắc thái in đậm tín ngưỡng phồn thực. *Đầu tiên* là cách đánh trống. Trống đồng không được đánh bằng dùi trống theo cách thông thường như hiện nay, mà thay bằng dùi trống là những chiếc chày dài. Người đánh trống hoặc là hai người một theo từng cặp nam - nữ, hoặc nhiều người nhưng cũng theo lối nam - nữ xen kẽ đứng vây quanh trống, dùng những chiếc chày dài ấy mà đâm lên mặt trống. Những động tác này chính là sự mô phỏng lại động tác giao phối giữa nam và nữ, đực và cái. *Thứ hai* là những hoa văn trên trống. Nhìn từ trên xuống, chính giữa tâm mặt trống được khắc hình mặt trời với những tia sáng biểu trưng cho sinh thực khí nam, và giữa các tia sáng là một hình lá với khe ở giữa biểu trưng cho sinh thực khí nữ. Nội dung thờ sinh thực khí chính là điểm nhấn trung tâm của trống. Bên cạnh đó, các hình ảnh về con cóc được bố trí xung quanh mặt trống với mong ước là “cậu ông trời” sẽ gọi mưa thuận, gió hòa cho mùa màng tốt tươi.

Tìm hiểu trên các trống đồng thời kỳ Đông Sơn đều có các hình ảnh tính giao của động vật và con người được khắc trên mặt trống, thân trống và cả phần đế. Bố cục mặt trống là những vòng tròn đồng tâm bao lấy ngôi sao nhiều cánh mà giữa hai cánh lại có hình như đôi cá úp bụng vào nhau biểu hiện sự giao phối âm dương. Trên mặt hoặc thân trống có hình của hươu đực, hươu cái đang chạy, bò đực, bò cái, nam nữ già gạo, nhảy múa, thường luồng giao nhau, chơi chồng nụ chồng hoa... Tất cả đều thể hiện những biểu tượng triết lý phồn thực của người dân Việt Nam.

**Câu hỏi 55: Những trò diễn, trò chơi, phong tục mang tính phồn thực là gì?**

**Trả lời:**

Từ tâm linh đến cuộc sống, từ lễ tục đến hội hè, tín ngưỡng phồn thực được nối dài và hiện rõ từ nghệ thuật cho đến các trò diễn, trò chơi, phong tục trong dân gian ở nhiều miền quê, nhiều thế hệ. Về nghệ thuật, đơn cử các hình ảnh được điêu khắc, chạm trổ tại các ngôi đình, ở Bắc Bộ với hình ảnh nam nữ nô đùa, ân ái hay chọc ghẹo nhau. Nhiều nhà nghiên cứu đã thống kê được hàng loạt cảnh tượng mang tính phồn thực như vậy được chạm khắc ở đình Lỗ Hạnh (xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), đình Phù Lưu (xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), đình Diềm (xã Hòa Long, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), đình Trà Cổ (Quảng Ninh), đình Chu Quyến (xã Chu Minh, huyện Ba Vì, Hà Nội), đình Phú Lão (xã Đào Mỹ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), đình Hồi Quan (Từ Sơn, Bắc Ninh)... Hình ảnh trai làng và cả quan binh chọc ghẹo các cô gái tắm dưới đầm sen là những hình chạm sinh động, dí dỏm và thấm đượm tính phồn thực dân gian.

Đối với các trò diễn và tục rước sinh thực khí, trước đây, vùng Đồng Kỵ (thuộc Từ Sơn, Bắc Ninh) vào ngày mồng sáu tháng Giêng âm lịch lại tổ chức lễ rước thần. Đi đầu đoàn rước là một bô lão, tay cầm hai sinh thực khí âm - dương bằng gỗ. Vị bô lão vừa làm động tác mô tả sự giao hợp vừa hát câu “Cái sự làm sao, cái sự làm vầy. Cái sự thế này, cái sự làm sao”. Tại các làng Khúc Lạc, Dị Nậu (Tam Nông, Phú Thọ) cũng có tục

*rước nữ nương* với sự diễn xướng của 18 nam và 18 nữ tay cầm các sinh thực khí gỗ. Đặc biệt tại đây còn diễn ra tục cướp sinh thực khí bằng gỗ để lấy may. Ngoài ra có thể kể đến các tục như tắt đèn, chen, trai gái ném pháo hay các hình thức đối đáp giao duyên... ở nhiều làng quê đều là sự thể hiện của tín ngưỡng phồn thực. Theo tục tắt đèn, vào một dịp nào đó trong lễ hội (đêm mở hội hoặc giã hội,...), mọi đèn đuốc sẽ được tắt để trai gái thoải mái đùa nghịch, ôm ấp nhau. Trò chơi bắt chạch trong chum ở làng Văn Trung (Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc) cũng tương tự như vậy. Trong hội, các đôi trai gái dùng một tay ôm chặt nhau, còn tay kia thì cùng thò vào chum bắt chạch. Đôi nào bắt được chạch mà tay kia vẫn ôm ấp, âu yếm nhau thì sẽ thắng và nhận được phần thưởng của làng. Có thể nói, cha ông ta ngày xưa đã nghĩ ra những trò chơi vừa thể hiện triết lý nhân sinh, vừa gần gũi đời thường, lại đầy tính sáng tạo và hóm hỉnh.

**Câu hỏi 56: Tại sao lại có nghi lễ hạ điền?**

**Trả lời:**

Lễ hạ điền hay còn gọi là tịch điền có nghĩa là xuống ruộng/xuống đồng - tức bắt đầu việc cày cấy của một vụ mùa mới. Nhiều người cho rằng, lễ hạ điền được khởi xướng bởi vua Thần Nông ở Trung Quốc. Đây là vị vua nổi tiếng bởi việc đã chế tác ra các loại cày, bừa và dạy dân cách thức làm ruộng. Không những thế, để khích lệ mọi người chăm chỉ cuốc cày, vua Thần Nông còn chọn một dịp tốt vào đầu năm để mở hội, cúng tế đất trời rồi đích thân xuống cày vài đường cày để khích

lệ dân chúng chí thú với nghề nông. Tiếp sau vua là các quan lại, sĩ phu cũng xuống cày. Khu ruộng trên sẽ được chăm sóc chu đáo để lấy lúa gạo, hoa màu dùng cho việc tế lễ. Nghi lễ hạ điền, theo thời gian, được tổ chức bài bản và trang trọng hơn.

Ở Việt Nam, lễ hạ điền cũng được thực hiện từ thời vua Lê Đại Hành. Đến thời Lý, lễ này càng được tổ chức long trọng và thực sự trở thành một trong những ngày hội chính của đất nước. Đặc biệt thời vua Lý Thái Tông, ông đã nhiều lần đích thân xuống ruộng thực hiện cày tịch điền. Thời nhà Nguyễn, các vị vua Nguyễn còn cho xây đàn Thần Nông và có đài quan canh để nhà vua ngự xem cày. Thời này lại có hệ thống nhà làm việc, nhà kho... để cất giữ những sản phẩm được thu hoạch từ chính những ruộng tịch điền này. Cứ đến dịp xuân, lễ hạ điền lại được các triều đại phong kiến trang trọng tổ chức với việc nhà vua cúng tế đất trời và đích thân cày xong ba luống rồi trao cày cho quan Phủ doãn và quan Thượng thư Bộ Hộ. Sau đó, nhà vua ngự đến đài quan canh chứng kiến các quan văn võ đại thần, các hoàng thân quốc thích và cả các chức sắc, bô lão sở tại cày tiếp.

Ở các vùng quê, vào ngày lễ hạ điền, từ sáng sớm, các quan viên kỳ mục cùng các bô lão đã đến đình làng làm lễ tế Thành hoàng và cáo yết Thần Nông. Sau đó, cả làng nô nức kéo nhau ra khoảnh ruộng công cạnh đình làng. Đầu tiên làng sẽ làm lễ cúng thổ địa rồi mỗi làng chọn một người cao niên, am hiểu đồng áng, con cháu đê huê, cuộc sống hạnh phúc gọi là *Chúa đồng* để hạ điền. Chúa đồng lội xuống ruộng, cày một vòng quanh một cây nêu bằng tre tươi đủ cành, lá có buộc một đụn

lúa nhiều bông, chắc hạt. Dân làng vừa hò reo cổ vũ, vừa té nước và bùa giả làm mưa, bão. Nếu Chúa đồng vắn đứng vững và cày được những đường cày đẹp thì mọi người hân hoan tin chắc năm đó mùa màng sẽ tươi tốt, bội thu.

Với những đất nước từ ngàn xưa đến nay đều sinh sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp, thì việc tổ chức các lễ nghi như hạ điền là điều dễ hiểu. Điều này vừa thể hiện một chính sách khuyến nông, trọng nông, vừa thể hiện sự nhìn nhận đúng mức vai trò của nghề nông trong đời sống của người dân Việt Nam. Lễ hạ điền còn đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh và thể hiện khát khao cháy bỏng của cả dân tộc hướng đến một cuộc sống cơm no, áo ấm và bình yên, hạnh phúc.

**Câu hỏi 57: Tết Cơm mới mang ý nghĩa và mục đích như thế nào?**

**Trả lời:**

Tết Cơm mới thường được tổ chức vào khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10 âm lịch. Đây là dịp thóc lúa, ngô, khoai đã được thu hoạch. Người nông dân có thể lau mồ hôi, mỉm cười nhìn lại thành quả của một năm vất vả “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”.

Trong thời điểm ít nhiều thư thái ấy, nhiều dân tộc trong đại gia đình Việt Nam tổ chức Tết Cơm mới nhằm mừng một năm (vụ) mùa màng thuận lợi và tạ ơn trời đất cùng các thần linh, tiên tổ, đặc biệt là Tiên Nông - vị tiên lo việc nhà nông, đã phù hộ cho công việc cấy cày đạt kết quả như ý. Chính vì vậy

mà trong khi dâng lễ Cơm mới, mọi người thường khấn “... Ơn Trời đất Phật Tiên, Chư vị Tôn thần; Sau nhờ ơn Tổ tiên gây dựng, kể công tận khổ biết là bao; Đến nay con cháu đời đời, hưởng miếng trầu cam; Gánh nếp tẻ đầu mùa; Nghĩ đến ơn xưa cày bừa vun xới; Nay nhân mùa gặt hái, sửa nồi cơm mới, kính cẩn dâng lên”<sup>1</sup>...

Nhiều nơi còn cho rằng, đây là dịp Thiên đình cử thần Tam Thanh xuống trần gian xem xét việc tốt xấu để về tâu với Ngọc Hoàng. Do vậy, mọi nhà phải tiến hành làm lễ cầu thần Tam Thanh ban phúc lành, tránh tai họa. Vật lễ thường có trong tết này là bánh dày, chè kho cùng với những sản vật như cốm, chuối trứng cuốc, hồng... và tất nhiên không thể thiếu được đĩa xôi, bát cơm nấu từ gạo mới của mùa. Trong *Phong tục làng xóm Việt Nam*, các tác giả Nhất Thanh, Vũ Văn Khiếu viết: “Cuối tháng chín sang tháng mười, đất trồng mùa gặt hái xong, lại nhân đang mùa cốm, hồng, chuối trứng cuốc và chim ngói bầy được, là của ngon, nhiều nơi có tục ăn Tết Cơm mới...”<sup>2</sup>.

Đối với nhiều dân tộc ở vùng núi của Việt Nam thì Tết Cơm mới thường rất quan trọng - có thể được sánh với Tết Nguyên đán của người Kinh. Chính vì vậy, các nghi thức cúng tế trong dịp này được tổ chức đa dạng và long trọng. Đặc biệt, nhiều lễ hội cũng tung bừng mở ra để người dân được vui chơi sau những tháng ngày lao động vất vả.

---

1, 2. Nhất Thanh, Vũ Văn Khiếu: *Phong tục làng xóm Việt Nam*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr.309.



### **Câu hỏi 58: Tại sao phải thờ cúng Thần Nông?**

#### **Trả lời:**

Thần Nông được xem là vị hoàng đế đầu tiên của đất nước Trung Quốc, được tôn vinh là người đã có công trong việc dạy dân cày bừa, làm nông. Từ xuất xứ này nên nhắc tên Thần Nông, ít người biết đến ông với tư cách hoàng đế mà thường là ông tổ của nghề cày cuốc. Việc thờ cúng Thần Nông theo đó cũng là sự thể hiện lòng biết ơn và cầu mong vị thần này giúp đỡ để việc làm nông tránh được những thiên tai, lũ lụt và gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp. Hình ảnh Thần Nông thường được thể hiện trong hình bóng của một đứa trẻ chăn trâu.

Ở nước ta, hàng năm, việc cúng tế Thần Nông được thực hiện vào ngày lập Xuân. Lễ tế này được quan lại triều đình thực hiện long trọng. Trong cuốn sách *Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán, hội và lễ hội các dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ* có ghi về hoạt động này như sau: “Trước ngày lập Xuân hai ngày, tại gần cửa Đông Ba (ngày nay là cửa Chính Đông), các quan Khâm thiên giám cho lập một cái đài hướng đông. Trâu và tượng Thần Nông cũng được đưa tới lưu tại phủ Thừa Thiên để ngày hôm sau các quan trong phủ mới rước từ phủ tới đài. Các quan vận lễ phục, có lính vác grom đao, tàn lọng, cò quạt đi theo”<sup>1</sup>. Các địa phương cũng đồng loạt thực hiện lễ nghi này dưới sự phụ trách của vị quan đầu tỉnh.

---

1. Thu Huyền - Ái Phương: *Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán, hội và lễ hội các dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2011, tr.194.

Để cầu Thần Nông hộ trì cho mùa tới được no đủ, sau khi rước lễ, trâu và tượng Thần Nông đều được đem chôn xuống đất.

**Câu hỏi 59: Thánh sư và tín ngưỡng thờ Thánh sư là gì?**

**Trả lời:**

Thánh sư hay còn gọi là Tổ sư, Tiên sư, cũng có nơi gọi là Nghệ sư, là người được tôn vinh vì có công khai sáng ra một ngành, nghề nào đó và truyền lại cho các thế hệ về sau kế tục. Vì công lao này nên họ được thờ phụng và tôn xưng là Ông tổ nghề. Thánh sư có trường hợp là người thật, có trường hợp lại mang dáng vẻ của huyền thoại, được những người cùng một nghề theo đuổi nên và thiêng hóa nhằm tôn vinh nghề nghiệp của mình. Cũng có rất nhiều Thánh sư vốn chỉ là những người lao động hết sức bình dị nhưng nhờ có công tạo ra nghề mới và truyền dạy cho mọi người cùng làm theo. Điều này là hết sức dễ hiểu bởi người Việt thường có xu hướng thần thánh hóa những người có công với cộng đồng, dân tộc cho dù người đó có nguồn gốc xuất thân như thế nào.

Cùng với việc thờ cúng Thánh sư hằng ngày hoặc theo các lễ rằm, mừng một thì dịp giỗ Thánh sư là một lễ lớn của những người trong nghề, gọi là ngày *giỗ phùng*. Vào ngày này, cả hội phùng và các gia đình tổ chức cúng Thánh sư để tỏ lòng tưởng nhớ ông tổ nghề của mình. Trong dịp giỗ này, các phùng viên đều cung kính cúi đầu khẩn tế Thánh sư, rằng: “Cúi xin Chư vị Tôn thần Thánh sư thương xót tín chủ, giáng

lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ chúng con toàn gia an lạc, công việc hanh thông. Người vượng, lộc tài tăng tiến, tâm đạo mở mang, sở cầu tất ứng, sở nguyện tòng tâm”.

**Câu hỏi 60: Thánh sư thường được thờ ở đâu?**

**Trả lời:**

Tín ngưỡng thờ Thánh sư biểu hiện rõ thông qua việc những người cùng một nghề hợp nhau lại, lập nên miếu Thánh sư để hằng ngày nhang khói thờ phụng. Không chỉ thờ Thánh sư tại miếu chung của phường, hội, mỗi một gia đình còn lập bàn thờ Thánh sư tại gia đình mình để tiện bề ngày ngày hương khói và cầu xin Thánh sư phù hộ cho việc làm nghề được hanh thông, phát đạt.

Đối với trường hợp thờ tại gia đình thì bàn thờ Thánh sư được đặt một bên. Tuy bàn thờ cũng được làm trang trọng, đẹp đẽ nhưng vẫn không được đặt ở giữa nhà, vì vị trí chính giữa này được dành cho bàn thờ tổ tiên. Bàn thờ Thánh sư gồm có bài vị ghi tên, họ của vị Thánh sư cũng như nghề nghiệp mà Thánh sư đã tạo nên. Sau bài vị là ảnh hoặc tượng của Thánh sư (nếu có). Phía trước bài vị là một chiếc bàn nhỏ kê dài rượu; trước bàn là bát hương, đỉnh trầm với hai cây đèn hai bên. Ngoài cùng là một y môn phủ kín. Y môn này chỉ được vén lên trong những dịp làm lễ mời Thánh sư hiển linh, chứng giám.

**Câu hỏi 61: Bàn thờ vọng là gì?**

**Trả lời:**

Vọng là hướng về. Bàn thờ vọng là bàn thờ được lập nên để hướng về quê cha, đất tổ - nơi có phần mộ và ban thờ chính của tổ tiên, cha mẹ. Bàn thờ vọng vì vậy được lập trong trường hợp một người phải sống xa quê hương; họ sẽ lập một bàn thờ rồi hướng vọng về quê và cũng tổ chức cúng, giỗ, hương khói đối với ông bà, cha mẹ trong những dịp giỗ, tết. Khi lập một bàn thờ vọng, người lập thường trở về quê chính, làm lễ cáo gia tiên tại ban thờ chính sau đó xin chuyển một bát hương phụ về nơi xa xứ để thờ cúng. Cũng có trường hợp sau khi thắp hương xong, chỉ cần lấy mấy cây hương đang cháy dở đem về nơi thờ mới thắp tiếp. Bàn thờ vọng thường được đặt ở phía hướng về quê hương, để khi làm lễ thì người làm lễ cũng sẽ hướng về quê cha, đất tổ mà vái lạy.

Cũng tương tự như vậy là *đền thờ vọng* (hay còn gọi là *vọng tự*). Nhiều thiện nam, tín nữ cùng mến mộ, tín ngưỡng hướng về một chùa chiền, cửa Phật nào đó nhưng do đường xá xa xôi, khó có thể hành hương đến đấy để làm lễ đều đặn nên họ sẽ góp công, góp của rồi cùng nhau dựng nên một ngôi đền khác; sau đó trở về đền, chùa chính làm lễ cáo rồi xin bát hương về đặt vào đền thờ mới để thờ tự.

Đây là một nét phong tục đẹp và có tính nhân văn cao. Hành động trên nhắc nhở con cháu, những người xa quê luôn nhớ về nguồn cội. Dù phải sống nơi phương xa nhưng tổ tiên, cha mẹ, những đấng sinh thành luôn hiện diện trong trái tim và

suy nghĩ của họ để rồi tiên tổ quê hương dõi theo và chờ che cho cháu con.

**Câu hỏi 62: Thờ các vị hành khiển là gì?**

**Trả lời:**

Trong quan niệm dân gian, có mười hai vị thần thay mặt Ngọc Hoàng để cai quản thế gian. Mười hai vị thần này được gọi là *Thập nhị hành khiển vương hiệu* hay nôm na là *mười hai đại vương hành khiển*. Theo lệnh của Ngọc Hoàng, mỗi vị hành khiển một năm dẫn quân binh xuống trần gian làm việc theo chu kỳ của 12 con giáp - bắt đầu là năm Tý đến giáp vòng là năm Hợi rồi lại sang vòng mới. Khi vị hành khiển nào đang đảm nhận việc coi sóc của mình thì được gọi là *Đương niên chi thần*. Vị này xem xét mọi việc hay dở của từng người, từng gia đình đến làng xã và cả nước rồi tâu lên Ngọc Hoàng để định công tội mà thưởng phạt công minh. Song hành với 12 vị hành khiển là 12 phán quan lo việc ghi chép công tội của mọi người. Vương hiệu của 12 vị hành binh, hành khiển và phán quan là:

*Năm Tý:* Chu Vương hành khiển, Thiên Ôn hành binh chi thần, Lý Tào phán quan. *Năm Sửu:* Triệu Vương hành khiển, Tam Thập lục thương hành binh chi thần, Khúc Tào phán quan. *Năm Dần:* Ngụy Vương hành khiển, Mộc Tinh hành binh chi thần, Tiêu Tào phán quan. *Năm Mão:* Trịnh Vương hành khiển, Thạch Tinh hành binh chi thần, Liễu Tào phán quan. *Năm Thìn:* Sở Vương hành khiển, Hỏa Tinh hành binh chi thần, Biểu Tào phán quan. *Năm Tỵ:* Ngô Vương hành khiển,

Thiên Hải hành binh chi thần, Hứa Tào phán quan. *Năm Ngọ*: Tần Vương Hành khiển, Thiên Hao hành binh chi thần, Ngọc Tào phán quan. *Năm Mùi*: Tông Vương hành khiển, Ngũ Đạo hành binh chi thần, Lâm Tào phán quan. *Năm Thân*: Tề Vương hành khiển, Ngũ Miếu hành binh chi thần, Tống Tào phán quan. *Năm Dậu*: Lỗ Vương hành khiển, Ngũ Nhạc hành binh chi thần, Cự Tào phán quan. *Năm Tuất*: Việt Vương hành khiển, Thiên Bá hành binh chi thần, Thành Tào phán quan. *Năm Hợi*: Lưu Vương hành khiển, Ngũ Ôn hành binh chi thần, Nguyễn Tào phán quan.

Hằng năm, cứ dịp giao thừa là các vị hành khiển lại làm thủ tục “giao ban”, người trở lại trời, người xuống nhận nhiệm vụ tiếp tục cai quản thế gian. Giờ phút ấy, thiên binh vạn mã rầm rập đi đầy trời. Vì vậy, trong phút giao thừa hằng năm, người dân lại làm mâm cúng ngoài trời để tiễn vị đại vương hành khiển năm cũ và chào đón đại vương hành khiển năm mới. Gia chủ phải khấn tên của vị đương niên chi thần. Lễ vật cúng thường có giấy tiền, vàng bạc, gạo, muối, trầu cau, trà, rượu, một con gà luộc và vài chén cháo...

**Câu hỏi 63: Thờ bà Cô, ông Mãnh là gì?**

**Trả lời:**

Trong gia đình, nhiều trường hợp “lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống”, có người tuổi còn nhỏ, chưa kịp lập gia đình đã qua đời nên không có con cái thờ tự. Trong trường hợp này, bố mẹ, anh em thân thích trong gia đình sẽ lập một bàn thờ

để thờ chung cho tất cả những người trẻ đã khuất ấy. Dân gian thường gọi những người đó là bà Cô, ông Mãnh. Theo quan niệm dân gian, những người chết trẻ thường rất linh thiêng, họ thường xuyên hiển linh để phù trợ hoặc quấy quả người sống - đặc biệt là đối với trẻ nhỏ. Với quan niệm đó, khi trong nhà có người đau ốm, bệnh tật, nhiều người thường hay nghĩ đến việc bị các vị này quở phạt nên ngay lập tức thắp hương van vái.

Vì tuổi tác còn nhỏ nên bà Cô, ông Mãnh không thể ngồi ngang hàng, ngang vị với ông bà, tổ tiên nên bàn thờ của họ thường đặt một bên ban thờ gia tiên và thấp hơn một chút hoặc đặt ở dưới gầm thờ ông bà. Nhiều nơi làm những am riêng, đặt ngoài trời để thờ. Những vật dụng cúng tế trên bàn thờ cũng thường rất đơn giản là bài vị, lư hương, ngọn đèn, hai chén nước và bình hoa. Vào ngày rằm, mồng một hay lễ, tết và ngày giỗ, gia đình lại sắm sửa lễ vật để cúng bà Cô, ông Mãnh.

#### **Câu hỏi 64: Thế nào là lễ Nghinh Ông?**

##### **Trả lời:**

Cứ vào hai dịp là mùa xuân (tháng giêng hoặc tháng hai âm lịch) và mùa thu (khoảng tháng bảy hoặc tháng tám âm lịch), toàn thể cộng đồng ngư dân các tỉnh ven biển lại tổ chức lễ hội rất trang trọng và tôn kính để tế Đức Ông. Lễ Nghinh Ông là một trong những lễ quan trọng trong những dịp trên.

Vào tối trước ngày chính lễ, các vị lão trượng trong làng làm một lễ cúng chay để cầu siêu tế độ cho những người bị rui

ro buông mình trên sóng nước rồi trang trọng báo cáo, cung thỉnh thần Nam Hải và các vị thủy thần, thành hoàng, thổ thần, các vị tiên hiền về việc tổ chức lễ. Sáng sớm hôm sau, lễ Nghinh Ông bắt đầu diễn ra. Đây chính là nghi lễ nhằm đón rước thần Nam Hải cùng chư thần về dự lễ hội. Những người tham gia lễ Nghinh Ông có chánh tế, các bồi tế, tư văn, ban nhạc lễ... Có nơi còn có đội chèo bả trạo và đội grom theo hầu..., tất cả lên ba chiếc thuyền được trang trí cờ hoa rực rỡ, có bày hương án, bài vị và lễ vật rã sóng hướng ra biển khơi. Bên cạnh ba thuyền trên là nhiều thuyền ghe lớn nhỏ cũng được trang hoàng lộng lẫy cùng ra biển nghênh Ông. Dọc theo đường rước, các ngư dân thắp hương, bày lễ vật nghênh đón. Khi cách đất liền khoảng 3 km, hương án được bày lên, chánh tế cung kính báo cáo rồi xin rước thần Nam Hải cùng chư thần về chánh điện để làm lễ chánh tế. Khi đoàn rước về đến đất liền, đã có sẵn nhiều người mở chiêng trống rộn ràng chào đón. Bên cạnh đó còn cả múa lân, múa rồng cung nghinh trang trọng rước Ông về lảng. Những lễ nghi thể hiện sự tôn kính và cầu xin được Đức Ông cùng chư thần phù hộ sẽ tiếp tục được tổ chức tại đây.

Lễ Nghinh Ông là một trong những lễ hội nước lớn nhất của ngư dân trên sóng nước. Đây là dịp để bà con vạn chài bày tỏ lòng biết ơn Đức Ngư Ông là hộ thần trên biển và phù hộ cho họ sau một mùa mới, biển lặng gió hòa, lưới nặng cá đầy cho cuộc sống thêm phần an khang phát đạt.



**Câu hỏi 65: Hình thức múa hát bả trạo trong lễ Nghinh Ông diễn ra như thế nào?**

**Trả lời:**

Trong tiến trình lễ hội tôn kính Đức Ông Nam Hải, xen giữa các nghi lễ trang trọng, đầy chất thiêng liêng còn chứng kiến sự có mặt của hình thức múa hát bả trạo.

Chiết tự ta thấy, “bả” là *nắm chắc* hay *khoát*, “trạo” là *mái chèo*. Hát múa bả trạo là hình thức mang hơi hướng của diễn xướng dân gian với đạo cụ chính là những mái chèo, được tiến hành trong nghi lễ chánh tế Đức Ông. Khi các bước hiến tế đã hoàn tất thì hoạt động múa hát bả trạo bắt đầu. Múa hát bả trạo như là hình thức hầu thần và cũng là sự khai đầu cho yếu tố hội.

Nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra rằng, đây là loại hình nghệ thuật tổng hợp bao gồm các yếu tố tuồng, nghi lễ, múa dân gian, dân ca. Hát bả trạo cũng dùng các hình thức hát nam, hát khách, tán, nói lối. Bên cạnh đó còn có một số điệu hò, lý, như hò chèo ghe, hò kéo neo với sự góp mặt của các nhạc cụ dân tộc như đàn nhị, đàn cò, trống cơm. Một đội hát bả trạo khoảng từ 12 đến 20 người, tay thường cầm mái chèo sơn đen, trắng, ở giữa có hình mặt trăng màu vàng; đôi khi còn điểm xuyết một số dụng cụ thông dụng khác khi đi biển như lưới, gàu tát nước... Khi diễn xướng, Tổng mũi sẽ dẫn đầu đoàn, tiếp đến là Tổng khoang rồi Tổng lái. Những người còn lại chia ra đứng đối xứng hai bên, mỗi bên từ 6 đến 10 người, tất cả tạo thành hình một con thuyền chuẩn bị tiến ra biển. Với sự khởi xướng

của Tổng mũi, cả đội bắt đầu diễn xướng. Xuyên suốt nội dung của múa hát bả trạo là những lời ca cung kính và ngợi ca công đức biển trời của Đức Ông đối với ngư dân. Những lời hát, điệu múa thường linh hoạt, mạnh mẽ để biểu đạt sức mạnh và sự lạc quan của những người đi biển.

Hình ảnh các ngư dân lấp lánh hiện lên đây can trường, bản lĩnh và đoàn kết một lòng để vượt qua sóng to, gió lớn, những cơn cuồng nộ bất thường của biển cả. Đôi khi, nội dung diễn xướng cũng trở nên trầm mặc sâu lắng. Đó là khi biểu đạt sự nhớ thương, đau xót đối với những người đã phải bỏ mình trên biển cả mênh mông.

Hình thức múa hát bả trạo vừa mang ý nghĩa hầu thần, vừa phục vụ nhu cầu giải trí cho người dân. Đặc biệt hơn, thông qua hoạt động này, những sắc thái văn hóa, tâm linh đậm đà chất biển cũng như cách thức ứng xử của con người với biển cả đã được phác họa nên vô cùng sâu sắc và ấn tượng.

***Câu hỏi 66: Nguồn gốc của tín ngưỡng thờ thần là gì?***

***Trả lời:***

Tín ngưỡng thờ thần là một nét tâm linh phổ biến của người Việt Nam. Trong quan niệm dân gian, thần linh là một lực lượng thiêng, hội tụ nhiều chức năng, phép thuật để có khả năng cứu giúp, bảo ban che chở cho dân làng. Do cuộc sống phải nương tựa rất nhiều vào những yếu tố từ bên ngoài nên việc tôn vinh, phong thần cho các yếu tố đó cũng như những người có công với cộng đồng đã tạo nên một hệ thống các thần rất phong phú ở

Việt Nam. Căn cứ vào nguồn gốc, chức năng cai quản của các vị thần, có thể phân chia các vị thần thành hai loại. Thứ nhất, những vị thần có nguồn gốc tự nhiên (nhiên thần) như thần Núi, thần Sông, Thổ thần, Hà Bá, Nam Hải đại vương, Đông Hải đại vương, Linh Lang... Thứ hai, những thần có nguồn gốc con người (nhân thần) như Cao Sơn, Quý Minh, Thục An Dương Vương, Công chúa Thục Côn, Mai Hồng, Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, Đinh Lôi, Hoàng Tê, Trần Hưng Đạo...

Ở Việt Nam, hầu hết các làng, xã đều thờ ít nhất là một vị thần. Việc thờ thần, ngoài tỏ lòng biết ơn công lao của thần đối với dân tộc, đất nước và xóm làng thì người dân còn cầu mong được các thần linh che chở, bảo vệ cho dân làng trước thiên tai của tự nhiên và biến động của xã hội. Khi thờ thần thì việc cúng bái cũng được chú trọng thực hiện một cách đều đặn vào các ngày sóc, vọng trong tháng. Trong *An Nam phong tục sách*, tác giả Mai Viên Đoàn Triển cho rằng: “Bốn mùa, thượng điền, hạ điền, thường tân, thánh húy, thần đàn đều cúng tế. Hằng năm có một đại lễ gọi là lễ cầu phúc (tháng giêng, tháng hai, tháng năm, tháng tám tùy từng địa phương). Đồ thờ gồm có áo mũ triều phục, long đình, kiệu bát cống, cờ, lọng, nghi trượng, chuông, trống. Lễ vật dùng các con vật như trâu, bò, lợn, gà hoặc dùng đồ chay như bánh chưng, bánh dày, bánh khảo, chè đậu, chuối xanh... Lễ tế thần cực kỳ đầy đủ, thanh khiết, thành tâm, tôn kính”<sup>1</sup>.

1. Xem Mai Viên Đoàn Triển: *An Nam phong tục sách*, *Sđđ*.

**Câu hỏi 67: Thế nào là tín ngưỡng thờ thành hoàng?**

**Trả lời:**

Tín ngưỡng thờ thành hoàng là việc một cộng đồng làng, xã cùng thờ cúng một vị thần nào đó nhằm cầu mong được vị thần đó bảo trợ cho cả cộng đồng để được bình yên và vượt qua mọi hoạn nạn trong cuộc sống. Theo tác giả Ngô Đức Thịnh: “Nếu thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng chính của cộng đồng gia tộc, thì thờ thành hoàng là tín ngưỡng chính của cộng đồng làng”<sup>1</sup>. Tín ngưỡng thờ thành hoàng là công việc mang tính tâm linh, được cả cộng đồng làng, xã cùng góp công sức xây đình thờ rồi cứ đến các dịp quan trọng thì cả làng - đứng đầu là các vị bô lão lại sắm lễ vật đến cúng vái, thờ tự nhất mực thành kính.

Ở Việt Nam, thành hoàng còn được gọi là phúc thần, tức vị thần ban phúc cho mọi người trong làng. Các vị thành hoàng làng xuất phát từ nhiều thành phần khác nhau:

*Thứ nhất*, những vị thần có nguồn gốc từ trời như các vị thần Tứ pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện); các thánh Mẫu hay các tinh tú như Nam Tào, Bắc Đẩu, Tam Tinh đại vương...

*Thứ hai*, những vị thần có nguồn gốc tự nhiên như Thổ thần, Sơn thần, Thủy thần...

*Thứ ba*, các nhân thần. Đây có thể là các nhân vật lịch sử như Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo... Cũng có thể là các danh nhân, những vị tổ sư khai sáng ra một nghề nghiệp

---

1. Ngô Đức Thịnh: *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Sđđ, tr.78.

như Thiều Hoa công chúa, được cho là tổ sư nghề dệt vải, lụa; Vũ Quan là tổ sư nghề nón, áo toại; Không Lộ là tổ sư nghề đúc đồng... Đó còn là những người có công khai hoang lập ấp, mở mang dân trí hay có những công lao lớn với cộng đồng (một) làng, xã như Nguyễn Công Trứ với công lao lấn biển, khẩn hoang vùng Tiền Hải, Hải Hậu, Thái Bình; Quận công Lê Bình giúp dân đắp đê, làm thủy lợi...

Dấu xuất thân có khác nhau nhưng khi đã được tôn vinh là thành hoàng của làng thì đều được cộng đồng làng, xã đó cung kính thờ tự. Tín ngưỡng thờ thành hoàng vừa là yếu tố gửi gắm ước mong được sống bình an, hạnh phúc, vừa là yếu tố nhằm tạo nên chất kết dính các thành viên trong làng, xã trở thành một cộng đồng đoàn kết, bền vững.

**Câu hỏi 68: Thành hoàng có nguồn gốc như thế nào?**

**Trả lời:**

Khái niệm “Thành hoàng” có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhằm chỉ vị thần bảo hộ cho một thành thị, một tòa thành lớn (thành có hào nước bao quanh gọi là *thành trì*; thành không có nước bao quanh gọi là *thành hoàng*). Tuy nhiên, khi vào nước ta lại có sự biến đổi dưới sự điều chỉnh bởi nền văn hóa bản địa của người Việt để trở thành một tín ngưỡng mang tính đặc thù của nông thôn Việt Nam. Thành hoàng lúc này không còn là vị thần bảo hộ của riêng cho các khu tòa thành nữa mà trở thành vị thần che chở, ban phúc cho các thôn làng (ở Trung Quốc, bảo hộ cho các thôn làng là nhiệm vụ được “giao phó” cho các thổ thần).

Vị thành hoàng đầu tiên ở Trung Quốc là Thủy Dung, là vị hóa thân ở trên tường và cửa thành để bảo vệ thành bang. Ở Việt Nam, một trong những vị thành hoàng đầu tiên là thần Tô Lịch, bảo hộ cho thành Đại La với tên gọi Đô phủ Thành hoàng thần quân. Chuyện Thần Tô Lịch trong sách *Việt điện u linh* viết rằng: “Thời Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh thứ 2 (năm 822), tên Đô hộ Lý Nguyên Hỷ (hoặc Gia) thấy ngoài cửa bắc thành Long Biên có một dòng nước chảy ngược mà địa thế khả quan, mới tìm khắp, chọn một nơi cao ráo tốt, để có dòi phủ lý đến đó... Nhân dịp ấy, y mới giết trâu đặt rượu, mời khắp các vị kỳ lão hương thôn đến dùng và thuật rõ là muốn tâu vua Tàu xin phụng Vương (ý nói đến thần sông Tô Lịch) làm Thành hoàng. Trên dưới đều đồng lòng... Đến khi Cao Biền đắp thành Đại La, nghe đủ sự linh dị, thì lập tức sắm lễ điện tế, dâng cho hiệu là Đô phủ Thành hoàng thần quân. Đòi Lý Thái Tổ lúc đòi đô, thường mộng thấy một cụ đầu bạc, phảng phất trước bệ rồng... (Sau khi hỏi rõ lai lịch) nhà vua liền khiến quan Thái Chức (chức quan lo việc cầu đảo phúc lành) đưa rượu chè đến tế, phong làm Quốc đô Thăng Long Thành hoàng đại vương. Dân cư (đến) cầu đảo hay tề nguyện điều chi, thì lập tức họa phúc linh ứng ngay”<sup>1</sup>.

Sự ra đời của tín ngưỡng thờ thành hoàng biểu hiện một sự dung hợp giữa vai trò to lớn của cộng đồng làng, xã trong đời sống của người Việt Nam sống bằng nghề nông nghiệp lúa

---

1. Lý Tế Xuyên: *Việt điện u linh* (Ngọc Hồ dịch), Nxb. Cửu Long, 1992, tr.104-105.

nước với tính thống nhất, xuyên suốt về chủ quyền của một quốc gia độc lập. Dưới sự lãnh đạo của một nhà nước phong kiến tập quyền - đứng đầu là một vị vua, sẽ tạo nên tinh thần đoàn kết, keo sơn giữa các bộ phận, các dân tộc, vùng, miền trong toàn lãnh thổ. Mặt khác, nó cũng khẳng định tính độc lập tương đối của cộng đồng làng, xã với những hoàn cảnh, điều kiện sống, nét văn hóa và phong tục, tập quán nhất định. Hai yếu tố trên vừa hài hòa, vừa có sự điều chỉnh lẫn nhau. Bởi vậy, mới có việc vua có thể phong thần cho các thành hoàng và quy định các nghi thức cúng tế.

Tuy nhiên cũng không ít trường hợp “Phép vua thua lệ làng”. Dân làng quyết định các vị thành hoàng của mình - cho dù điều đó không hẳn đã làm cho triều đình thích thú, miễn sao người đó thực sự có công với làng, nước, sống trong lòng dân và được nhân dân yêu thương, tôn kính.

***Câu hỏi 69: Thành hoàng thường được thờ ở đâu?***

***Trả lời:***

Thành hoàng được thờ ở đình làng. Mỗi làng đều có một đình làng để thờ vị thần chung này. Thậm chí nhiều nơi, mỗi thôn trong làng lại có riêng một đình làng của mình. Đình làng có kết cấu thường gồm một Nội điện, là nơi uy nghiêm nhất để thờ thần vị. Ở ngoài là nhà đại bái, chia thành ba khoảng. Khoảng giữa gọi là Trung đình, là nơi để tế tự, chỉ những già làng, trưởng lão mới được ngồi ở đây. Hai bên là Tả gian và Hữu gian, ở trong có ban thờ Thổ công hay Bộ hạ

của thần hoặc thờ hậu thần; ở ngoài làm nơi cho tư vấn, hàng giáp ngồi giải lao.

Ban đầu, đình làng là nơi đơn thuần được xây dựng với mục đích thực hiện việc thờ cúng thành hoàng vào các dịp tết, giỗ. Theo thời gian, vai trò của đình làng ngày càng lớn hơn và trở thành trung tâm sinh hoạt cộng đồng của mỗi làng, xã Việt Nam. Có thể xem đây là biểu tượng văn hóa, tâm linh của đời sống nông thôn Việt Nam - nơi diễn ra các cuộc hội họp của làng. Khi có những công việc hệ trọng, liên quan đến cả làng, các quan viên, hương lão, sắc mục lại tề tựu về đình làng để bàn bạc. Vì vậy, đình làng là nơi ra các quyết định cho mọi hoạt động trọng yếu. Cũng từ đó, đình làng trở thành trung tâm diễn ra các lễ hội. Mọi lễ hội và những sinh hoạt cộng đồng quan trọng của làng trong năm đều được tiến hành dưới sự che chở và giám sát của vị thành hoàng làng. Trong cuốn sách *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, tác giả Nguyễn Duy Hinh còn cho rằng: “Thành hoàng làng thực chất là tín ngưỡng phúc thần đóng vai trò liên kết cộng đồng người trong một cộng đồng lãnh thổ nông nghiệp hữu hạn, làm nơi quy y tâm linh cho cư dân”<sup>1</sup>. Thực vậy, với vai trò là “trụ sở” cất giữ và thực hiện việc thờ cúng thành hoàng, những cuộc hội làng trống giông cờ mở trong những dịp xuân thu định kỳ đã khiến cho đình làng vừa linh thiêng, vừa gần gũi trong đời sống người dân nông thôn Việt Nam.

1. Dẫn theo Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu tôn giáo, Nguyễn Duy Hinh: *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2022.



**Câu hỏi 70: Thành hoàng có những cấp bậc nào?**

**Trả lời:**

Mỗi vị thần khi được nhân dân tôn làm thành hoàng, đều có một tên thụy riêng và được chia thành nhiều loại như thiên thần, nhiên thần, âm thần, dương thần. Thành hoàng được chia thành ba cấp bậc đó là *Thượng đẳng thần*, *Trung đẳng thần* và *Hạ đẳng thần*.

*Thượng đẳng thần* là những vị thiên thần thuộc cõi trời được cho là hết sức linh ứng với những tác động lớn lao trong cuộc sống người dân như Đông thiên vương, Sóc thiên vương, Liễu Hạnh công chúa... Ngoài những vị thiên thần thì *Thượng đẳng thần* còn là những nhân thần, có tên tuổi trong lịch sử rõ ràng như: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... Sở dĩ họ cũng được xếp vào bậc *Thượng đẳng thần* bởi họ đã có những công lao to lớn đối với dân tộc. Khi những bậc anh hùng này mất đi, các vị vua thường cho họ bằng cách ra lệnh cho nhân dân nhiều vùng lập đền thờ với tư cách là thành hoàng. Có nhiều vị anh hùng thì không cần đến lệnh vua vẫn được nhân dân vinh danh *Thượng đẳng thần*.

*Trung đẳng thần* là những vị thần được dân của một làng quê nào đó tự lập nên để thờ tự từ nhiều đời, có họ tên mà không rõ công trạng hoặc là có quan tước mà không rõ họ tên.

*Hạ đẳng thần* do dân xã thờ phụng, mà không rõ sự tích ra làm sao, nhưng cũng là những chính thần. Đáp ứng mong muốn của nhân dân, họ được phong là *Hạ đẳng thần*.

Dù là Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần hay Hạ đẳng thần nhưng khi đã được nhân dân tôn kính làm thành hoàng thì các vị thần đều bình đẳng trong sự tôn kính nhất mực của nhân dân, rằng: “Phàm vị nào thể hiện dấu thiêng rõ ràng, triều đình đều ban cấp sắc văn giao cho dân thờ phụng”.

**Câu hỏi 71: Thế nào là thờ tiền hiền, hậu hiền?**

**Trả lời:**

Tiền hiền và hậu hiền là những người có công khai phá đất đai, dựng đình, lập làng, tạo dựng nghề nghiệp cho một cộng đồng sinh sống. Tuy nhiên, cụm danh từ “Tiền hiền” và “Hậu hiền” chỉ mang nghĩa chung chung là người có công gây dựng cơ đồ cho làng, xóm. Thực tế, tùy vào công lao, sự nghiệp của từng vị để có những định danh cụ thể hơn như: tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ để chỉ tiền hiền là những người có công quy dân lập làng và vị hậu hiền có công xây dựng các công trình cơ bản cho làng, xã như đình, chùa, lăng, miếu... Tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai canh để chỉ vị tiền hiền có công quy dân lập làng và vị hậu hiền có công giúp dân mở mang ruộng đất canh tác. Tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai khẩn để chỉ vị tiền hiền có công quy dân lập làng; sau đó vì một lý do nào đó làng bị phân ly tứ tán để rồi vị hậu hiền lại thực hiện việc quy dân lập làng mới trên cơ sở làng cũ.

Với những công lao to lớn đối với cộng đồng nên khi các vị này qua đời, người dân trong làng tôn kính lập bài vị nêu tên tuổi và công đức của họ rồi rước vào thờ trong đình làng.

Cho nên cứ đến những dịp lễ lớn của làng như lễ Kỳ Yên, lễ tế tiên hiền, hậu hiền, xuân thu nhị kỳ - đặc biệt là đến ngày giỗ của các vị tiên hiền, hậu hiền cả làng lại tổ chức cúng tế bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình đối với thần linh và các bậc tiền bối. Thông thường, bàn thờ tiên hiền và hậu hiền thường được đặt phía sau chính điện thờ thành hoàng cách chính điện bằng một bức tường ngăn, ở phía sau này, ở giữa thường đặt bàn thờ tiên sư, hai bên là bàn thờ tiên hiền, hậu hiền. Việc thờ các vị tiên hiền, hậu hiền là một nét tín ngưỡng mang đậm chất nhân văn và nằm trong mạch chảy của đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.

**Câu hỏi 72: Tục thờ tiên hiền được thể hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Tiên hiền là người có công khai hoang, lập làng, dựng đình như đã nêu trên; còn tiên hiền lại là những người có khoa mục, đỗ đạt ở làng, ở cấp độ quốc gia, đó là việc lập ra văn miếu, văn chỉ, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối..., thờ phụng Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương và các vị tiên triết, tiên hiền của Nho giáo. Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho dựng Văn Miếu ở Kinh đô Thăng Long là minh chứng rõ nhất. Còn ở mỗi một làng quê Việt Nam thường lập một đàn thờ đặt ở nơi cao ráo gần đình làng để thờ phụng, ghi gương những người đỗ đạt, khoa bảng vừa tôn vinh, vừa cho con cháu noi gương học tập. Đàn thờ cũng có hai loại, loại có lợp mái thì gọi là *Văn từ*, nếu là một đàn thờ lộ thiên thì gọi là *Văn chỉ*. Những làng có nhiều người đỗ đạt thì có sự phân chia thờ tự thành ba hạng.

*Hạng thứ nhất* thờ những vị đỗ đại khoa là Tiến sĩ hoặc làm quan từ tam, tứ phẩm trở lên, được thờ ở ban thờ giữa. *Hạng thứ hai* là những người đỗ trung khoa là cử nhân hoặc làm quan từ lục, thất phẩm trở lên, thờ ở hữu ban. *Hạng thứ ba* là những người đỗ tiểu khoa là tú tài hay làm quan bát, cửu phẩm, thờ ở tả ban. Những làng tuy chưa có ai đậu khoa bảng thì vẫn lập đàn thờ để thờ các vị Tiên Thánh sư là Khổng Tử, Chu Văn An; có nơi còn thờ các vị làm quan, hào lý, tổng mục, thầy đồ, thầy khóa, tuy những vị này chưa có khoa bảng gì.

Hàng năm, cứ đến dịp tốt trong tháng hai và tháng tám âm lịch - gọi là *xuân thu nhị kỳ*, dân làng lại thông qua Hội Tư vấn của làng để tổ chức lễ tế một cách trang trọng. Đây là phong tục tín ngưỡng nhằm tôn vinh những người đã chí thú đèn sách làm rạng danh cho làng, tổng, thể hiện tinh thần hiếu học, coi trọng chữ nghĩa của dân tộc và mong muốn các bậc khoa bảng tiên hiền sẽ phù hộ cho những thế hệ tiếp theo cũng công thành danh toại trên con đường học vấn. Thông qua đó, giáo dục các thế hệ cháu con biết nỗ lực học tập theo gương các vị tiên hiền.

### **Câu hỏi 73: Thế nào là tục hèm?**

#### **Trả lời:**

Cuộc sống của các cư dân trồng lúa nước ở Việt Nam trước đây luôn phải chịu nhiều bất trắc, khó khăn đến từ thiên nhiên khiến họ không khỏi âu lo, sợ hãi. Việc hướng đến một thế giới thần linh nhằm tìm sự chở che và phù hộ cho tai qua nạn khỏi, cuộc sống bình yên là lẽ thường thấy. Từ niềm tin vào một thế giới siêu nhiên, những nghi lễ cúng tế dần được hình thành.

Những cách thức tạo sự liên hệ giữa thần và người; âm và dương được xác lập. Nhiều phép tắc, kiêng kỵ để không “phạm húy” trước các thần linh và người đã khuất cũng được định ra - trong đó một trong những biểu hiện rõ nét nhất chính là tục hèm.

Hèm là những hành động, nghi lễ mang tính bí mật, riêng tư được một cộng đồng hay gia đình nào đó “quy ước” để thực hiện với các thần linh, thành hoàng hay những người đã khuất trong gia đình. Tục hèm còn là hoạt động mô phỏng lại một thói quen, tính cách hay sở thích nào đó của đối tượng được thờ cúng vào những dịp lễ hội, cúng tế đối tượng. Ngoài ra, tục hèm còn thể hiện ở việc kiêng gọi tên của đối tượng được thờ cúng.

**Câu hỏi 74: Tục hèm gồm những dạng nào?**

**Trả lời:**

Những kiêng kỵ mang tính hèm là hết sức phong phú, đa dạng. Đó có thể là những nghi lễ được thực hiện riêng và bí mật của một làng, xã đối với vị thành hoàng của mình. Những nghi lễ đó chỉ các vị bô lão trong cộng đồng ấy nắm giữ để thực hiện và tuyệt đối không tiết lộ với các làng, xã khác, kể cả với triều đình. Theo quan niệm dân gian, tục hèm là những quy ước riêng có của một cộng đồng với những vị thần bảo hộ của mình. Trong những dịp cúng, lễ, họ sẽ thực hiện các quy ước đó để khi nhận được những tín hiệu, các thần bảo hộ sẽ hiển linh và đáp ứng những cầu mong của cộng đồng. Chính vì vậy, việc bí mật khi thực hiện các dấu chỉ đó là tối quan trọng.

Tục hèm còn là những cách thức kiêng kỵ tất cả những gì liên quan đến đối tượng được thờ cúng. Ví như đối với ông bà, cha mẹ là những người đã khuất thì con cháu tuyệt đối không được vô cớ gọi tên mà phải tìm cách đọc chệch sang một âm khác. Khi một người hấp hối, người thân sẽ hỏi về một cái tên để rồi sau này sẽ gọi trong những lần cúng giỗ. Đây chính là việc đặt tên thụy, tên hiệu cho người sắp chết. Những trường hợp không kịp làm như trên thì ngay khi một người vừa qua đời người thân ghé sát bên tai khẩn đọc tên hèm. Đối với đàn ông khi qua đời, tên hèm thường được dùng là chữ Trục; phụ nữ thì dùng chữ Từ. Trong lễ giỗ phải đọc tên tổ tiên, chủ lễ phải đọc thật khẽ để không ai nghe thấy; âm điệu cũng thật nhẹ nhàng, thành kính. Khi đặt tên cho trẻ, bố mẹ cũng phải lần giờ, tìm hiểu thật kỹ càng tên tuổi các vị tổ tiên, tiên bối trong gia phả, sao cho không được đặt trùng tên với các bậc tiên tổ tránh phạm húy.

Tục hèm còn là sự kết nối những mối liên hệ nào đó có liên quan đến đối tượng thờ cúng. Ví như một cộng đồng làng Hát Môn thờ cúng Hai Bà Trưng thì sẽ không ăn bánh trôi trước ngày 6 tháng 3 vì hai bà đã ăn bánh này ngày 6 tháng 3 trước khi tuấn tiết. Nhiều nơi, vào dịp cúng giỗ, gia đình sẽ nấu những món ăn mà khi còn sống, người quá cố thường (thích) ăn.

Vào những dịp giỗ, tết, khi làm mâm cơm để cúng cho người quá cố, ngoài những món thông dụng như xôi, gà, cá, thịt... thì con cháu của người quá cố còn làm thêm món ăn khá độc đáo; đôi khi dường như không phù hợp với những dịp “mâm cao cỗ đầy” nhưng vẫn được sắp lên mâm cúng một cách

trân trọng. Đó không hẳn là những món cao lương mỹ vị mà đôi khi là ít khoai nướng, chén mắm ruốc..., - những món ăn mà người quá cố thích hoặc thường ăn khi còn ở dương gian.

**Câu hỏi 75: Nguồn gốc của tục thờ thần tài, biểu hiện, ý nghĩa và mục đích?**

**Trả lời:**

Việc thờ thần tài được thực hiện khá phổ biến trong dân gian - đặc biệt là những người làm nghề buôn bán. Điều này xuất phát từ sự tích: Xưa, có một lái buôn tên là Âu Minh, anh làm nghề buôn bán nhưng hiền lành và chân chất vì vậy được Thủy thần tặng cho một người hầu gái tên là Như Nguyệt (có nhiều dị bản cho rằng, Như Nguyệt là một đứa trẻ). Từ khi có Như Nguyệt trong nhà, việc buôn bán của Âu Minh trở nên phát đạt và chẳng mấy chốc đã thành người giàu có nhất vùng. Vào một dịp Tết Nguyên đán nọ, Như Nguyệt làm một điều gì đó không đúng và Âu Minh đùng đùng nổi giận đùng đùng chửi đánh nàng. Như Nguyệt sợ hãi chui vào đồng rác bên xó cửa ẩn nấp rồi biến mất. Thật kỳ lạ, từ khi Như Nguyệt bỏ đi, việc làm ăn buôn bán của Âu Minh ngày càng sa sút và chàng trở thành một người nghèo khó. Mọi người cho rằng, Như Nguyệt chính là vị thần Tài Lộc - người đã đem lại sự giàu có thịnh vượng cho Âu Minh; vì đui nàng đi nên sự thịnh vượng cũng rời bỏ chàng không thương tiếc. Từ đấy, để cầu mong được thần tài gõ cửa đến trú ngụ và phù hộ cho việc làm ăn của gia đình, nhiều người lập bàn thờ thần tài trong

nhà của mình. Vì Như Nguyệt trốn trong đồng rác nên bàn thờ thần Tài thường được lập ở dưới đất và ở góc tối của nhà. Cũng bởi vậy, cứ dịp Tết Nguyên đán, nhiều nơi có tục kiêng quét rác vì sợ sẽ quét và đổ mất sự may mắn của một năm mới đang đến.

Nhiều người cho rằng, tục thờ thần Tài có nguồn gốc từ Trung Quốc và theo chân người Hoa đến Việt Nam. Hiện nay, những người làm nghề buôn bán thường đặt ban thờ thần tài ở một góc dưới đất, ngay cửa ra vào. Ban thờ thần tài được dán giấy đỏ, bài vị cũng màu đỏ ghi: *Ngũ phương Ngũ hổ Long thần; Tiên hậu Địa chúa Tài thần*. Hai bên thường có hai câu đối: *Thổ năng sinh bạch ngọc; Địa khả xuất hoàng kim*. Trước bài vị còn đặt những thoi vàng giấy và mâm bông ngũ quả. Ban thờ thường hướng ra phía cửa chính để cầu mong thần tài đoái hoài đến mà được làm ăn phát đạt.

**Câu hỏi 76: Nguồn gốc của tục thờ Thổ công, biểu hiện, ý nghĩa và mục đích?**

**Trả lời:**

Có khá nhiều cách quan niệm khác nhau về vị thần Thổ công. Nhiều nơi thì nhập Thổ công với thần Táo quân để thờ. Trong quan niệm của dân gian Việt Nam, vua bếp lại là một bộ ba gồm hai ông, một bà nhằm trông coi việc bếp núc - tức phạm vi hoạt động của bộ ba này hẹp hơn. Lại có nơi phân định trách nhiệm, chức năng của ba vị thần một cách khá rạch ròi là, Thổ công có nhiệm vụ trông coi bếp núc, Thổ địa trông coi nơi ăn ở



và Thổ kỳ lãnh phần trông coi ruộng vườn. Như vậy, có nghĩa là Thổ công chỉ là một trong ba vị Táo quân. Thổ công là vị thần cai quản về đất đai, nhà cửa.

Một quan niệm dễ được chấp nhận hơn đó là, Thổ công là một dạng thần đất. Người Việt Nam có câu “Đất có Thổ công, sông có Hà bá”, mỗi một vùng đất sẽ có một vị Thổ công cai quản. Từ quan niệm này nên bất cứ có việc gì liên quan đến đất đai (động thổ) như xây cất, đào ao, đào giếng... thì dân gian thường làm lễ cúng Thổ công. Thổ công được xem là vị thần bảo trợ cho cuộc sống bình yên và hạnh phúc cho mỗi gia đình hiện sống trên vùng đất của thần này cai quản.

Quan niệm của dân gian cho rằng, sự sống của con người cũng như vạn vật đều xuất phát từ đất và nhờ đất mà sinh sôi, nảy nở. Đất chính là yếu tố đem đến sự sống. Khi kết thúc sự sống đó, vạn vật lại trở về với đất, hòa mình vào đất. Chính vì vậy, tín ngưỡng thờ Thổ công xét đến cùng cũng tương tự như việc thờ Mẹ đất, biểu hiện sự cầu xin và biết ơn đối với đất đai, nơi ngọn nguồn của mọi sự sống.

### **Câu hỏi 77: Thế nào là tín ngưỡng thờ Mẫu?**

#### **Trả lời:**

Thờ Mẫu - tức thờ Mẹ, là một trong những tín ngưỡng độc đáo của dân tộc Việt Nam. Xuất phát của tín ngưỡng thờ Mẫu là một hành trình dài mà một trong những điểm đầu tiên là việc thờ ngọn nguồn của cuộc sống trong biểu tượng các nữ thần mẹ. Với sự giao lưu, ảnh hưởng của Đạo giáo đến từ Trung Hoa, đã

hình thành nên tín ngưỡng mới là thờ Tam phủ, Tứ phủ. Đến khoảng thế kỷ XVI tín ngưỡng thờ Mẫu trở thành một sinh hoạt văn hóa có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội và tâm thức của người Việt Nam.

Ở thờ Mẫu, những yếu tố cơ bản của một tôn giáo đã xuất hiện một cách khá hệ thống. Đó là hệ thống các điện thần, các phủ được sắp xếp bài bản; hệ thống các thần linh cũng đa dạng và có thứ tự lớp lang, trung tâm là Tam tòa Thánh Mẫu. Với vị trí tối cao (giáo chủ) của Thánh Mẫu Liễu Hạnh - được xem là hóa thân của Mẫu Thượng Thiên; về mặt lễ nghi, ở thờ Mẫu, nghi lễ Hầu bóng đóng vai trò cơ bản. Không những vậy, trong các không gian thờ Mẫu ở Việt Nam thường gắn liền với các sinh hoạt diễn xướng độc đáo. Đó vừa là những lễ nghi nhằm kết nối với thế giới linh thiêng, vừa tạo nên một không gian sinh hoạt cộng đồng đầy tính nghệ thuật với sự hòa quyện giữa các yếu tố âm nhạc - hát - múa... Việc thờ Mẫu đã thể hiện một giá trị nhân văn lớn lao của người Việt Nam trong việc ứng xử với tự nhiên và hướng về cội nguồn. Từ đó thể hiện một sự yêu thương, ngưỡng mộ và tôn kính trước những gì thuộc về yếu tố âm - đặc biệt là đối với người phụ nữ. Điều này đã tạo nên một nét đẹp độc đáo trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người Việt Nam: *đê cao, tôn thờ yếu tố âm*.

***Câu hỏi 78: Mẫu Tam phủ, Tứ phủ là gì?***

***Trả lời:***

Mẫu Tam phủ là yếu tố thuộc tín ngưỡng thờ Mẫu với việc thờ các Mẫu thần thuộc ba phủ, đó là:

- Thiên phủ: Phủ thuộc về miền trời, thờ mẫu đệ nhất, tức là Mẫu Thượng Thiên, người có nhiệm vụ cai quản bầu trời và có quyền lực điều khiển các yếu tố như mây mưa, sấm chớp, gió bão...

- Nhạc phủ: Phủ thuộc về miền rừng núi, thờ mẫu đệ nhị, tức là Mẫu Thượng Ngàn, người có nhiệm vụ cai quản toàn bộ các yếu tố thuộc về vùng rừng núi, cây cối, chim chóc, thú rừng...

- Thủy phủ: Phủ thuộc về miền sông nước, thờ mẫu đệ tam tức là Mẫu Thoải, người đóng vai trò chúa tể của tất cả những yếu tố thuộc về miền sông nước. Đây cũng là thần góp phần bảo hộ cho việc nông gia và chài lưới.

Mẫu Tứ phủ cũng bao gồm ba Mẫu trên và thêm một Mẫu nữa, đó là Địa phủ là phủ thuộc về miền đất. Vị mẫu thần này quản lý vùng đất đai và là nguồn gốc cho mọi sự sống. Dĩ nhiên, tùy theo từng vùng mà cũng có những quan niệm khá khác biệt về các đối tượng thần linh trong Tam phủ và Tứ phủ. Nhiều nơi ở miền Bắc cho rằng, Mẫu Thiên chính là Liễu Hạnh công chúa; nhưng một số nơi khác lại cho rằng Mẫu Liễu Hạnh là mẫu thứ tư trong hệ thống Tứ phủ công đồng (tức Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải và Mẫu Liễu Hạnh). Riêng ở điện Hòn Chén thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, vị nữ thần của người Chăm là Thiên Y A Na lại được nhập vào hệ thống Tứ phủ và thờ làm Mẫu Thiên. Điều này cũng dễ hiểu khi yếu tố văn hóa của từng vùng đất đã cùng hòa nhập vào mạch nguồn tâm linh tôn thờ Mẫu, tôn thờ Người Mẹ - yếu tố văn hóa mang giá trị nhân văn mà bất

cứ vùng đất nào trên lãnh thổ Việt Nam cũng luôn ghi nhận và hướng đến.

**Câu hỏi 79: Ngọc Hoàng là gì?**

**Trả lời:**

Trong đời sống tâm linh của người Việt thì ông Trời - tức Ngọc Hoàng hay Ngọc Hoàng Thượng đế có một vai trò hết sức to lớn. Đây chính là vị vua của Thiên đình, cai quản toàn bộ bầu trời, mặt đất, biển cả và cõi âm phủ. Ngọc Hoàng đứng đầu tất cả các thần, tiên, có quyền lực tối cao với các quyền năng tự nhiên như mây, mưa, sấm, chớp, nước, lửa... Điều này có thể nhận thấy rất rõ là, người Việt Nam thường ngửa mặt kêu trời cầu mong phù hộ. Đứng trước những khó khăn, thách thức thì người Việt Nam thường “lạy trời, lạy đất”, rồi thì thầm cầu nguyện “nhờ trời”, “xin trời thương xót”, “mong trời có mắt”... Lúc đau buồn tội độ thì cũng than vãn thống thiết “trời ơi là trời”; khi hạnh phúc vô biên cũng “on trời, on đất” ví như “on trời mưa nắng phải thì”...

Từ ông trời của cuộc sống dân dã bước vào thờ Mẫu, vị thần này cũng vẫn đóng vai trò là đấng tối cao nhưng đã có dáng dấp rõ ràng được định vị hơn trong tên gọi Ngọc Hoàng. Đây là vị thần có quyền ra lệnh cho các vị thần khác thực hiện các ý định của mình cũng như xét phong thần hay xử phạt đối với các vị thần, tiên. Ngọc Hoàng trong thờ Mẫu còn được tôn xưng là Vua cha Ngọc Hoàng. Theo tín ngưỡng của đạo này thì Ngọc Hoàng là cha của Thánh Mẫu Liễu Hạnh và cũng là đấng

thần chủ tối cao nhất. Trong các đền, phủ, miếu thờ Thánh Mẫu thường bao gồm nhiều ban thờ khác nhau. Có thể kể ra một số ban thờ cơ bản đó là: Ngọc Hoàng, Tam tòa Thánh Mẫu gồm Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Địa Tiên Thánh Mẫu; Ngũ vị Vương Quan; Tứ vị Thánh Bà hay Tứ vị Châu Bà; Ngũ vị Hoàng tử; Thập nhị Vương cô; Thập nhị Vương cậu; Quan ngũ Hồ và Ông Lốt (Rắn) và Vương Phụ, Vương Mẫu cùng các vị tổ tiên sinh thành ra Thánh Mẫu. Như vậy, Ngọc Hoàng vẫn luôn giữ ngôi vị là bậc thánh cao nhất trong tâm thức dân gian hay trong tín ngưỡng thờ Mẫu.

Tuy được tôn xưng ngôi vị số một nhưng trên thực tế, thờ Mẫu vẫn thể hiện sự chú ý đến các Mẫu, xem những vị nữ thần này mới là những “nhân vật trung tâm” để thờ cúng, cầu xin chứ không phải là đấng tối cao Ngọc Hoàng. Điều này đã thể hiện phần nào tính dung hợp trong đời sống tín ngưỡng tâm linh của người Việt Nam: các tín ngưỡng, tôn giáo vẫn luôn tìm cách dung hợp, tạo thế đứng hài hòa với nhau, từ đó mới thể hiện yếu tố bản sắc riêng của mình. Cũng nhờ vậy, tín ngưỡng thờ Mẫu vẫn nằm gọn trong dòng chảy của đời sống tâm linh của người Việt Nam nói chung, mặt khác thờ Mẫu vẫn là thờ Mẫu theo đúng nghĩa riêng.

***Câu hỏi 80: Tam tòa Thánh Mẫu là gì?***

***Trả lời:***

Tam tòa Thánh Mẫu là ban thờ ở hàng thứ hai trong các đền, phủ thờ Thánh Mẫu. Tuy là hàng thứ hai (sau Ngọc Hoàng

Thượng đế) nhưng Tam tòa Thánh Mẫu lại đóng vai trò trọng yếu trong thờ Mẫu. Họ chính là biểu trưng cho quyền năng sáng tạo vũ trụ duy nhất, nhưng lại hóa thân thành Tam vị (hoặc Tứ vị) Thánh Mẫu, cai quản các miền khác nhau của vũ trụ: trời, đất, nước và thượng ngàn. Tam tòa Thánh Mẫu thường được bố trí ở Hậu cung (cung cấm) là nơi thâm nghiêm nhất; phía ngoài tiếp đến là ban thờ Ngọc Hoàng rồi tiếp nữa là các vị khác. Tam tòa Thánh Mẫu bao gồm:

*Thứ nhất là, Mẫu đệ nhất Thượng Thiên (mẫu nghi thiên hạ). Đó chính là bà Chúa Liễu Hạnh. Đây là tượng Mẫu ở vị trí cao nhất, chính giữa, thường có sắc phục màu đỏ.*

*Thứ hai là, Mẫu đệ nhị Thượng Ngàn cai quản rừng xanh. Bà hiện diện dưới hình một bức tượng có sắc phục màu xanh ở phía bên tay phải của Mẫu đệ nhất.*

*Thứ ba là, Mẫu đệ tam, cai quản tất cả mạch nguồn sông nước. Bà ở về phía trái của Mẫu đệ nhất.*

**Câu hỏi 81: Tín ngưỡng thờ tứ vị Thánh Bà hay Tứ vị Châu Bà là gì?**

**Trả lời:**

Tứ vị Châu Bà thuộc hàng thứ tư trong các đền, phủ thờ Thánh Mẫu. Đây là những vị được hóa thân, phục vụ trực tiếp Tứ vị Thánh Mẫu. Các vị Châu Bà gồm: *Thứ nhất*, Châu đệ nhất, được coi là hóa thân của Mẫu đệ nhất Thượng Thiên khi thỉnh đồng, là vị Châu tối thượng, đứng đầu hàng Châu ngự tại Ngọc điện, Thượng giới. *Thứ hai*, Châu đệ nhị; được xem là hóa thân

của Mẫu Thượng Ngàn - vị Thánh thống soái trong các hàng Châu, cai quản núi non, sơn cước thượng ngàn. Khi ngự đồng châu, bà mặc áo xanh thêu hoa, đầu vấn khăn xanh, đặc trưng cho Nhạc phủ. Châu đệ nhị còn cài trâm hoa, tay cầm mồi lửa tượng trưng cho bó đuốc đi rừng. *Thứ ba*, Châu đệ tam; được coi là hóa thân của Mẫu Thoải. Bà mặc y phục và khăn trùm màu trắng, nét mặt khá trầm buồn. Châu đệ tam ngự tại thủy phủ thiên thai chốn Thoải cung, Tam phủ để cai quản các sông, suối, biển, hồ, mạch nước và cho thuyền bè trên sông trên biển được bình yên. *Thứ tư*, Châu đệ tứ Khâm sai đứng đầu Địa phủ, là người tra sổ thiên đình để đổi số nhân sinh; khi ngự đồng bà hoá thân dưới dạng Châu Thoải phủ, khi giáng trần bà mặc áo trắng, múa đôi mái chèo; khi lại hoá thành Thánh Mẫu Thiên phủ, mặc áo đỏ, múa quạt. Bà còn xuất hiện trong sắc áo vàng thêu rồng, một tay cầm kiếm, một tay cầm cờ để đi cứu dân.

**Câu hỏi 82. Lên đồng - một hoạt động nghi thức gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu?**

**Trả lời:**

Thờ mẫu là một tín ngưỡng mang tính dân gian, trong đó những hoạt động nghi thức được biểu hiện đan xen giữa các truyền thuyết, các bài chầu văn với hình thức múa bóng, hầu bóng và lên đồng. Trong những hoạt động nghi thức đó thì *lên đồng* (hay còn gọi là *hầu thánh*, *hầu đồng*) được xem là nét đặc trưng, là nghi thức không thể thiếu trong thờ mẫu Tam phủ, Tứ phủ.

Lên đồng là nghi thức nhập hồn của các vị thần linh (thánh giáng) vào người đứng giá hầu đồng (gọi chung là Thanh đồng; nam giới thì gọi là “Cậu”, nữ giới được gọi là “Cô” hoặc “Bà đồng”). Một buổi lên đồng gồm nhiều “giá hầu” và thánh giáng phải theo thứ tự từ cao xuống thấp, từ Thánh Mẫu đến hàng Quan, hàng Châu, ông Hoàng, hàng Cô và hàng Cậu. Số lượng giá hầu trong một buổi lên đồng có khi lên tới 36 giá. Đến giá hầu nào thì Thanh đồng lại thay đổi từ trang phục đến khăn châu, cò quạt... cho tương thích. Các bàn thờ được trang trí rực rỡ màu sắc với những đồ thờ cúng trang trọng nhằm tạo nên một không gian thờ cúng trang nghiêm tại các đền, điện thờ. Toàn bộ quá trình lên đồng đều được bao bọc trong một môi trường hoạt động diễn xướng với âm nhạc, hát văn, múa đồng làm nền cho lễ nghi tín ngưỡng. Khi Thanh đồng nhập giá, thường có bốn phụ đồng ngồi quỳ phía dưới cùng nghiêng ngả và nhảy múa hưởng ứng Thanh đồng theo nhịp những lời hát văn - một loại hình âm nhạc đặc trưng của nghi lễ lên đồng. Đến giá đồng có Ông Hoàng, Cô, Cậu thì sự giao hòa giữa người hầu đồng với cộng đồng rất cao và thân thiện. Những người tham gia cùng vỗ tay, ca hát và nhảy múa với thánh đang nhập đồng tạo nên một sự giao hòa đầy tính cộng đồng của diễn xướng dân gian.

Gạt bỏ những yếu tố mê tín dị đoan, lên đồng là một hình thức diễn xướng dân gian mang những giá trị văn hóa nghệ thuật khá độc đáo, đặc sắc, tạo nên không khí tưng bừng, vui tươi và tính cố kết cộng đồng cao. Nhiều nội dung trong buổi



lên đồng còn mang ý nghĩa tôn vinh các anh hùng trong lịch sử và ca ngợi vẻ đẹp của đất nước, quê hương.

**Câu hỏi 83: Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay thế nào?**

**Trả lời:**

Từ khi bước vào thời kỳ đổi mới và nhất là từ sau năm 1990 đến nay, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam sôi động và đang có chiều hướng gia tăng. Lễ hội trong các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo được tổ chức rầm rộ với quy mô ngày càng lớn và diễn ra khắp mọi miền của Tổ quốc. Lễ Noel, lễ Phật Đản và những buổi lễ quan trọng khác của các tôn giáo và tín ngưỡng dân gian trở thành ngày hội chung của toàn dân, lôi cuốn hàng vạn người tham gia.

Mỗi dịp đầu xuân, người dân náo nức đến đình, đền, miếu, phủ, nhà thờ, thánh thất... dâng hương lễ Phật, cầu lộc, cầu tài và những nhu cầu tâm linh khác... Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ là nhu cầu tâm linh của các tín đồ mà còn là nhu cầu sinh hoạt văn hóa của cả cộng đồng. Nhu cầu chính đáng ấy được chính quyền các địa phương tạo điều kiện để đáp ứng, làm cho tín đồ, chức sắc các tôn giáo an tâm, phấn khởi, ngày càng tin tưởng vào chủ trương, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

Việc xây dựng, sửa chữa, tu bổ nơi thờ tự diễn ra khắp nơi; các lớp bồi dưỡng, đào tạo, hoặc phong bỏ, chuyển chuyển, cũng như in ấn, xuất bản các ấn phẩm tôn giáo, cũng như hoạt động đối ngoại tôn giáo đều gia tăng. Hàng chục triệu tín đồ

các tôn giáo khác nhau đã, đang và sẽ tiếp tục cùng nhau và cùng những người không có tôn giáo tìm thấy sự tương đồng ở mục tiêu phấn đấu cho: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Số linh mục, giám mục tấn phong ngày một tăng. Sinh hoạt của đạo Công giáo sống động từ giáo họ, giáo xứ đến giáo phận... làm cho bà con giáo dân rất phấn khởi.

Ở Việt Nam, tín đồ chức sắc các tôn giáo đã và đang yên tâm hành đạo, tin tưởng ở chính sách đối với tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta. Họ gắn bó với dân tộc theo đường hướng: “Đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, thực hiện “sống phúc âm giữa lòng dân tộc”, “nước vinh, đạo sáng”, với tấm lòng “kính Chúa yêu nước”, vừa hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với Tổ quốc; vừa làm tròn bổn phận của một tín đồ đối với tôn giáo; hăng hái thi đua lao động sản xuất, tham gia các hoạt động xã hội góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

**Câu hỏi 84: Việt Nam có bao nhiêu tín đồ, chức sắc, nhà tu hành, cơ sở thờ tự, cơ sở đào tạo tôn giáo?**

**Trả lời:**

Nước ta là nơi giao lưu của các nền văn hóa Đông - Tây nên có sự du nhập của nhiều tôn giáo, cùng với tôn giáo nguyên thủy, nội sinh. Nhìn chung, đa số nhân dân có tín ngưỡng và chịu ảnh hưởng của Nho giáo và Phật giáo. Đã có thời kỳ, Phật giáo được coi là quốc đạo (thế kỷ XI - XV). Cho đến tháng 12/2021, Việt Nam có 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo đã được công nhận và cấp đăng ký hoạt động với hơn 26 triệu tín

đồ tôn giáo (chiếm 27% dân số), trên 54.000 chức sắc, trên 135.000 chức việc, 29.000 cơ sở thờ tự<sup>1</sup>. Trong đó:

- Phật giáo hiện nay ở Việt Nam có khoảng hơn 14 triệu tín đồ, gần 54.169 chức sắc, trên 18.544 cơ sở thờ tự. Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 47 cơ sở đào tạo, trong đó có 4 Học viện Phật giáo (Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Cần Thơ); 1 trường trung, cao đẳng Phật học; 34 trường trung cấp Phật học; 8 lớp cao đẳng Phật học.

- Công giáo có 27 giáo phận, khoảng 7 triệu tín đồ; 2 Hồng y, 3 tổng giám mục, 46 giám mục (trong đó có 28 giám mục đương nhiệm và 18 giám mục đã nghỉ hưu), khoảng 5.000 linh mục triều và linh mục dòng, có khoảng 200 dòng tu, tu hội, tu đoàn, với hơn 31 nghìn nam tu sĩ, nữ tu sĩ; khoảng 9.000 cơ sở tôn giáo (nhà thờ, nhà nguyện, cơ sở đào tạo, trụ sở tòa giám mục; cơ sở dòng tu).

Giáo hội Công giáo Việt Nam có 12 cơ sở đào tạo, gồm: 1 Học viện Công giáo Việt Nam; 1 Học viện Thần học Thánh Phêrô Lê Tuy tại Tổng Giáo phận Hà Nội và 10 đại chủng viện (Đại Chủng viện Thánh Giuse Hà Nội; Đại Chủng viện Thánh tâm Thái Bình; Đại Chủng viện Đức Mẹ Vô nhiễm Bùi Chu (Nam Định); Đại Chủng viện Vinh Thanh (Nghệ An); Đại Chủng viện Huế (Thừa Thiên Huế); Đại Chủng viện Sao Biển

---

1. Theo số liệu báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ tại Hội nghị tổng kết của Bộ Nội vụ năm 2021.

Nha Trang (Khánh Hòa); Đại Chủng viện Thánh Giuse Thành phố Hồ Chí Minh; Đại Chủng viện Thánh Quý (Cần Thơ); Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc và Cơ sở 2 Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc tại Đà Lạt).

- Đạo Tin Lành có khoảng 1,12 triệu tín đồ thuộc 100 tổ chức, hệ phái khác nhau; gần 800 tổ chức tôn giáo trực thuộc; khoảng 5.500 điểm nhóm; khoảng 2.300 chức sắc (bao gồm các phẩm mục sư, mục sư nhiệm chức và truyền đạo); có gần 7.000 chức việc, trong đó 100% chức sắc đồng thời là chức việc. Hiện có 3 cơ sở đào tạo tôn giáo của Đạo Tin Lành: Viện Thánh kinh Thần học thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Thánh kinh Thần học Hà Nội thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) tại Thành phố Hà Nội; Trường Kinh thánh Cơ Đốc thuộc Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam được chấp thuận thành lập năm 2017 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đạo Cao Đài có khoảng hơn 1,24 triệu tín đồ; trên hơn 13.000 chức sắc, hơn 1.300 cơ sở thờ tự hoạt động ở 38 tỉnh, thành phố. Từ năm 1992 đến nay, Nhà nước đã công nhận tổ chức tôn giáo đối với 10 hội thánh Cao Đài, 21 tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập và cấp đăng ký hoạt động tôn giáo đối với 1 pháp môn Cao Đài.

- Phật giáo Hòa Hảo: Năm 2021 có trên 1,5 triệu tín đồ; trên 4.000 chức việc; 50 chùa đã được Nhà nước công nhận, trong đó ở An Giang 14 chùa, Đồng Tháp 23 chùa, Cần Thơ 8 chùa. Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã hoạt động trên 20 tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Tịnh độ Cư sĩ Phật Hội: Tính đến tháng 5/2021, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có 214 chi hội, mỗi chi hội đều có phòng thuốc Nam phước thiện và chùa với khoảng 1,5 triệu tín đồ, hội viên; có hơn 600 chức sắc, 2.200 chức việc, gần 800 thầy thuốc (y sĩ) và hơn 400 y sinh, phân bố ở 20 tỉnh, thành phố. Trụ sở chính của Giáo hội đặt tại Tổ đình Hưng Minh Tự, số 45 đường Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa: Theo thống kê của Văn phòng Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa, tính đến tháng 4/2021 có khoảng 78.000 tín đồ, sinh sống tập trung tại 16/63 tỉnh, thành phố. Số lượng chức sắc, chức việc của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có khoảng 500 người (trong đó có 24 vị trưởng gánh còn lại là chức việc - cư sĩ, thông tín và thủ lễ). Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 74 cơ sở thờ tự.

- Hồi giáo: có hơn 80.000 tín đồ, trong đó có khoảng 51.000 tín đồ Hồi giáo Bàni và khoảng 32.000 tín đồ Hồi giáo Islam. Tín đồ Hồi giáo Islam tập trung ở 14 tỉnh, thành phố. Số lượng chức sắc, chức việc Hồi giáo có hơn 1.000 người; trong đó, Islam hơn 600 người, Bàni hơn 400 người. Số lượng cơ sở thờ tự của Hồi giáo là 89 cơ sở; trong đó Chăm Islam có 54 cơ sở, Chăm Bàni có 25 cơ sở.

- Đạo Balamôn

Tính đến năm 2020, đạo Balamôn có khoảng 68.000 tín đồ (ở Ninh Thuận là 48.000 tín đồ, ở Bình Thuận có gần 20.000 tín đồ), cộng đồng Chăm Balamôn có hơn 400 chức sắc, chức việc. Bên cạnh các chức sắc Balamôn còn có các thầy cúng dân

gian như thầy bóng, thầy võ trống paranung, thầy kéo đàn Kanhi, bà bóng,...

Cơ sở thờ tự chủ yếu của người Chăm Balamôn là hệ thống các đền, tháp và các cơ sở nhỏ lẻ khác như miếu, lăng, dinh, nhà tự, chùa,... Hiện nay, ở cả hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận có 37 cơ sở. Đa số các đền, tháp có niên đại từ xa xưa và đã được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa.

- Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương

+ Về tín đồ: Theo thống kê tính tới tháng 4/2021, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có khoảng 10.000 tín đồ sinh sống chủ yếu ở An Giang, Đồng Tháp, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre.

+ Về chức sắc, chức việc: Đặc điểm của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là không có chức sắc, không hình thành tổ chức giáo hội nên đạo Bửu Sơn Kỳ Hương phát triển theo phương pháp truyền thừa, truyền giảng giáo lý của Thầy tổ cho các đệ tử thân tín, lớp trước truyền lại cho lớp sau, tùy thuộc vào khả năng truyền giảng và uy tín của các ông Đạo. Vì vậy, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương chỉ có chức việc quản tự tại các chùa, không phân chia đơn vị tín đồ làm cơ sở của đạo.

+ Về cơ sở thờ tự: Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có 12 cơ sở thờ tự (chùa, đền, miếu) ở các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Bến Tre; trong đó có 8 cơ sở đã được Nhà nước công nhận về mặt tổ chức với mô hình Ban Trị sự chùa hoặc Ban Quản tự.

- Đạo Baha'i

Tính đến năm 2021, tôn giáo Baha'i có khoảng 7.000 người

tin theo ở 45 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Số lượng chức việc tôn giáo Baha'i ở Việt Nam là hơn 300 người.

Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam có trụ sở làm việc của Hội đồng tinh thần Baha'i Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và 2 cơ sở tôn giáo ở thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Thuận. Trong đó, cơ sở tôn giáo đặt tại thành phố Đà Nẵng được gọi là trung tâm Baha'i. Ngoài ra, sinh hoạt tôn giáo của các hội đồng địa phương chủ yếu diễn ra tại nhà riêng của tín đồ.

- Minh Sư đạo
- + Chức sắc: hơn 150
- + Chức việc: trên 200
- + Tín đồ: hơn 5 nghìn
- + Cơ sở tôn giáo: 52
- Minh Lý đạo
- + Chức sắc: khoảng 100
- + Chức việc: 100
- + Tín đồ: trên 650 tín đồ
- + Cơ sở tôn giáo: 4

**Câu hỏi 85: Sự xuất hiện của Phật giáo như thế nào?**

**Trả lời:**

Ấn Độ cổ đại là một quốc gia rộng lớn ở miền Nam châu Á, có lịch sử lâu đời và có nền văn minh sớm phát triển, đạt đến trình độ rực rỡ. Chế độ đẳng cấp là một đặc điểm của xã hội Ấn Độ cổ đại. Sự phân biệt đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại rất khắc nghiệt, được phản ánh trong các quy phạm

của xã hội nhằm đề cao các tầng lớp trên và hợp thức hóa quyền được bóc lột của họ. Đây là cơ sở xã hội quan trọng làm cho Phật giáo, với tư cách là một trào lưu tư tưởng, mang tính phản kháng chống lại hiện tượng bất bình đẳng xã hội xuất hiện.

Phật giáo xuất hiện ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ VI (trước Công nguyên). Người sáng lập ra Phật giáo là Thích Ca Mâu Ni.

Theo truyền thuyết, người sáng lập Phật giáo là Thái tử Tất Đạt Đa sinh năm 563 (trước Công nguyên), con vua Tịnh Phạn trị vì một xứ nhỏ ở trung lưu sông Hằng là Ca tỳ la vệ (nước Népan hiện nay). Cuộc sống giàu sang nơi cung đình khiến ông không hay biết những gì diễn ra với bao bi kịch của kiếp người ở ngoài xã hội. Năm 17 tuổi, ông lấy vợ và sinh được một người con trai đặt tên là La Hầu La. Sau bốn lần trực tiếp đi ra ngoài thành và tận mắt chứng kiến nỗi khổ của kiếp người, ông quyết đi tìm con đường cứu khổ. Năm 29 tuổi, ông vượt thành đi xuất gia. Sau 6 năm tu khổ hạnh, ông nhận thấy rằng, lối tu đó cũng không giải thoát con người khỏi nỗi đau sinh, lão, bệnh, tử. Theo ông, tu khổ hạnh hay chủ trương khoái lạc cũng đều là những cực đoan phi lý như nhau. Bằng sự kiên trì thiền định quán chiếu lý duyên sinh dưới cây Bồ đề, sau 49 ngày ông đã giác ngộ. Từ đó, ông được tôn xưng là Phật Thích Ca Mâu Ni. Ông bắt đầu sự nghiệp hoằng hóa của mình, thu nạp đệ tử, thành lập các tăng đoàn Phật giáo. Vào năm 483 (trước Công nguyên) ông tạ thế, hưởng thọ 80 tuổi.



**Câu hỏi 86: Phật giáo thống nhất trong mái nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam như thế nào?**

**Trả lời:**

Thống nhất Phật giáo vốn là nguyện vọng chung của tăng ni, phật tử cả nước. Từ năm 1945 cho đến trước năm 1981, tăng ni, phật tử Việt Nam đã khởi xướng và tiến hành bốn cuộc vận động nhằm đi đến thống nhất Phật giáo:

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1951.

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1960.

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1964.

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1980.

Đến ngày 7/11/1981, tại chùa Quán Sứ, 165 vị đại biểu đại diện cho 9 tổ chức hệ phái Phật giáo cả nước là: Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam; Giáo Hội Phật giáo Việt Nam thống nhất; Giáo Hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam; Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh; Giáo Hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam; Hội đoàn sư sãi yêu nước miền Tây Nam Bộ; Giáo Hội Khất sĩ Việt Nam; Giáo Hội Thiên Thai giáo quán tông; Hội Phật học Việt Nam, đã thảo luận trên tinh thần hòa hợp, trong điều kiện đất nước thống nhất, giang sơn quy về một mối, nhất trí hợp nhất 9 hệ phái thành một với danh xưng là “Giáo hội Phật giáo Việt Nam”. Đây là tổ chức hợp pháp, duy nhất đại diện cho Phật tử trong và ngoài nước.

**Câu hỏi 87: Đặc điểm của giáo lý và kinh sách của Phật giáo?**

**Trả lời:**

Giáo lý là lý luận, học thuyết của một tôn giáo.

Giáo lý Phật giáo thể hiện ở Tam Tạng kinh điển là: Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng (pháp tạng). Chữ “tạng” theo nghĩa tiếng Hán là: kho tàng.

Quy y Tam Bảo là nghi lễ chính thức thừa nhận một người trở thành tín đồ Phật giáo. Quy là trở về, hướng về, còn y là nương tựa, quay trở về nương tựa, làm theo Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng.

Phật bảo là người giác ngộ có đức tính tự giác, giác tha hành viên mãn (mình giác ngộ rồi lại giác ngộ cho người khác như mình). Đức Phật chính là Phật bảo.

Pháp bảo là những phép tắc, khuôn khổ làm cho người hiểu và giữ gìn tự tính.

Tăng bảo còn gọi là Tăng già, vốn phiên âm Hán - Việt từ Phạn ngữ Sangha.

Thuật ngữ Sangha vốn có trước khi đạo Phật xuất hiện, dùng để chỉ các nhà tu hành của các tôn giáo cổ đại ở Ấn Độ. Đạo Phật đã tiếp thu và sử dụng khái niệm Sangha để chỉ giáo đoàn của mình. Vậy Tăng già là khái niệm để chỉ đệ tử Phật sống và hành đạo từ bốn người trở lên hòa hợp với nhau.

Vậy quy y Tam Bảo là trở về nương tựa vào ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng nhằm bỏ ác, làm thiện, diệt khổ, đạt vui tiến lên giải thoát, giác ngộ.

### ***Câu hỏi 88: Niết bàn là thế nào?***

#### ***Trả lời:***

Niết bàn là một trong những khái niệm cơ bản của Phật giáo, chỉ cảnh giới an lạc tuyệt đối vĩnh viễn thoát khỏi vòng

sinh tử luân hồi, là mục đích mà mọi Phật tử đều mong muốn đạt tới. Niết bàn có nghĩa là rời khỏi sự u mê (Niết = rời, bàn = sự u mê). Niết bàn dịch từ âm tiếng Phạn nirvāna là ra khỏi rừng rậm vô minh, ý là “Diệt”, “Diệt độ”, “Tịch diệt”... Nói chung là chỉ một cảnh giới tinh thần sau khi từ bỏ “sinh tử” luân hồi, là lý tưởng cao nhất trong quá trình tu tập của tín đồ Phật giáo. Niết bàn được chia thành Hữu dư Y Niết bàn và Vô dư Y Niết bàn. Hữu dư Y Niết bàn là không chỉ thấy niềm vui ở “thế giới bên kia” mà còn là niềm vui của con người ở ngay cõi trần thế. Như Đức Phật lúc còn tại thế, an nhiên tự tại trước mọi hoàn cảnh. Vô dư Y Niết Bàn là trạng thái không còn sinh tử luân hồi, có đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

**Câu hỏi 89: Thế giới quan và nhân sinh quan của Phật giáo thể hiện qua một số học thuyết Phật giáo như thế nào? Những hiểu biết về “Tứ diệu đế”?**

**Trả lời:**

Thế giới quan Phật giáo thể hiện trong các thuyết: Nhân duyên; Nhân quả; Vô thường, Vô ngã; Nghiệp báo; Luân hồi...

Nhân sinh quan Phật giáo là hệ thống gồm quan điểm về con người, đời người, thể hiện trong bốn nguyên lý cơ bản, gọi là Tứ diệu đế.

“Tứ diệu đế” là quan niệm được phản ánh trong bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật nhằm cắt nghĩa bản chất sự khổ của nhân sinh, nguyên nhân gây ra đau khổ, sự an vui khi diệt khổ và con đường diệt trừ sự đau khổ. “Tứ diệu đế” là bốn chân lý huyền diệu nhất, bao gồm:

Khổ đế: Theo Phật giáo, bản chất khổ của con người là do con người tự gây nên trong cuộc sống của mình, khổ có nhiều, nhưng tóm lại được phân thành 8 loại, gọi là bát khổ. Bát khổ gồm: sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ (khổ vì phải xa người mình yêu thương), oán tăng hội khổ (là khổ vì phải gần người mình oán ghét), ngũ ấm xí thịnh khổ (khổ vì sự hội tụ của 5 yếu tố: sắc, thọ, tưởng, hành, thức - là sự tổng hợp của các khổ trên) và vô vàn khổ khác.

Tập đế: Giải thích nguyên nhân của đau khổ. Phật giáo cắt nghĩa nguyên nhân của sự khổ từ sự ngu tối (vô minh) và lòng khát ái (ái dục) của con người. Cũng do vô minh và ái dục mà con người sống, suy nghĩ, hành động không đúng đắn (chấp thủ, tà kiến, vọng động...). Có nghĩa là do ngu tối và khát ái mà con người không nhận thấy được thực tướng của vạn vật là giả, là huyễn... Từ nhận thức sai lầm, con người có hành động sai lầm và lời nói sai lầm, vì vậy, sinh ra đau khổ.

Tập đế được chia thành bốn nhóm, gồm:

- Tham, sân, si;
- Kiến hoặc, tư hoặc;
- Trần sa hoặc;
- Vô minh hoặc;

Diệt đế: là kết quả hạnh phúc, giải thoát và an lạc. Diệt hết những nguyên nhân đau khổ nói trên, diệt khổ từ gốc và sống một nếp sống hạnh phúc và an vui. Nói cách khác, người ta sẽ ngộ Phật pháp, đạt đến sự giải thoát khỏi đau khổ sinh tử.

Đạo đế: là con đường tu dưỡng để thành đạo (được giải thoát). Đạo đế gồm 8 con đường gọi là "Bát chính đạo" (hay "Tam học"), gồm:

- Chính kiến	Tuệ
- Chính tư duy	
- Chính ngữ	Giới
- Chính nghiệp	
- Chính mệnh	
- Chính tinh tấn	
- Chính niệm	Định
- Chính định	

**Câu hỏi 90: Vô thường, vô ngã, nhân quả, luân hồi, nghiệp báo là gì?**

*Trả lời:*

### 1. Vô thường

Là sự thường xuyên biến đổi của vũ trụ, muôn vật và con người. Nói cách khác, không có gì là thường hằng, thường trụ. Ngược lại, mọi vật luôn biến đổi theo chu trình: Sinh - Trụ - Dị - Diệt hay Thành - Trụ - Hoại - Không. Đối với con người là: Sinh - Lão - Bệnh - Tử. Vì vậy, con người và mọi vật luôn là dòng biến hoại liên tục. Theo nghĩa đó, sự tồn tại của sự vật là giả, tạm, hư huyền, không chân thực.

### 2. Vô ngã

Là không có thực thể, mọi sự vật, hiện tượng do nhân duyên mà nhiều thứ kết hợp tạo thành nên cũng không có “tự ngã”, con người về thực chất, nhờ nhân duyên mà có sự nhóm

hợp của 5 năm yếu tố là: sắc, thọ, tướng, hành, thức (vật chất và tinh thần). Khi các yếu tố kia biến hoại thì con người cũng biến hoại.

### 3. Nhân quả, luân hồi, nghiệp báo

Theo quan niệm của Phật giáo: mọi hoạt động của con người (thân, khẩu, ý) đều để lại một kết quả nhất định, trong đó, nhân có trước quả và quả phụ thuộc vào nhân: gieo nhân lành gặt quả thiện hay gieo gió thì gặt bão. Tùy thuộc vào việc con người tạo ra nguyên nhân thế nào mà họ được lãnh nhận quả tương xứng. Nhà Phật gọi đó là nghiệp báo. Như vậy, nghiệp báo được xem là kết quả hoạt động của con người (thân, khẩu, ý) mà tất yếu họ phải gánh chịu (có thể trong hiện tại hoặc tương lai, có thể đến ngay tức khắc hoặc quá trình về sau...). Con người lệ thuộc trong vòng sinh tử (luân hồi). Vì vậy, muốn thoát khỏi vòng sinh tử (không sinh, không diệt), phải tích tập đủ nghiệp thiện. Lúc đó một cảnh giới an lạc sẽ hiện ra, đó là Niết Bàn. Như vậy, đạo Phật cho rằng, mọi hiện tượng trên thế giới đều do nhân duyên mà sinh ra. Luân hồi: Là bánh xe quay qua 6 ngã (Thiên, Nhân, Atula, Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sinh). Do con người lúc sống tạo tác qua ba nơi Thân, Khẩu, Ý mà chịu quả báo trong sáu ngã luân hồi; làm thiện thì sinh Thiên, hoặc trở lại làm người, làm ác thì đọa địa ngục, làm ngã quỷ, súc sinh. Đạo Phật cho rằng, mọi người đều được quyết định bởi hành vi mà họ làm trong quá khứ, “người làm điều thiện thì gặp thiện, người làm điều ác thì gặp ác”. Vì vậy, chỉ có thông qua sự tu hành nghiêm khắc dưới sự dẫn dắt của Đạo Phật mới có thể giải thoát được khỏi vòng luân hồi.

**Câu hỏi 91: Ngũ giới, Lục độ, Lục hòa, Thập thiện, Tứ ân là gì?**

**Trả lời:**

**Ngũ giới** là năm điều ngăn cấm, năm điều phải giữ của người Phật tử. Sở dĩ đức Phật đặt ra năm giới vì Ngài mong muốn người Phật tử tại gia hưởng được quả báo tốt đẹp, nên thụ Tam Quy rồi phải trì Ngũ Giới. Người đã quy y là nấc thang đầu tiên, nếu không giữ giới có nghĩa là dừng lại tại đó, không tiến bước tới nữa. Năm giới này không những được phúc báo trên đường giải thoát, mà còn đem lại trật tự, an vui cho gia đình và hòa bình, an lạc cho thế giới.

Người Phật tử tại gia đã quy y giữ từ một tới năm giới sau đây: không sát sinh; không trộm cướp; không tà dâm; không nói dối; không dùng chất gây nghiện, chất làm mất trí tuệ.

**Lục độ** là bố thí, trì giới, tinh tiến, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ.

**Lục hòa** là 6 điều hòa hợp:

- Thân hòa cùng ở: Mọi người sống với nhau phải hòa thuận với nhau, đùm bọc nhau.

- Giới hòa cùng tu: Mọi người phải tôn trọng nội quy, quy định, chấp hành luật pháp.

- Khẩu hòa không tranh cãi: Nói lời hòa nhã, ôn tồn không cãi cọ, gây gổ.

- Ý hòa cùng vui: thống nhất về ý chí, ý tưởng hiền hòa, chia sẻ niềm vui với nhau.

- Kiến hòa cùng giải: Trong sự sống chung, mỗi người hiểu

biết, khám phá được điều gì, phải giải bày chỉ bảo cho người khác hiểu.

- Lợi hòa đồng quân: Có lợi ích gì thì chia đều cho nhau, cùng hưởng như nhau.

**Thập thiện** là 10 điều hành thiện (hay còn gọi là 10 ác duyên) được nêu ra để chúng sinh thực hành đạo hạnh Bồ đề theo tôn chỉ: tránh việc ác, làm việc thiện; gồm:

*Thứ nhất:* không sát sinh (phải tôn trọng cuộc sống của muôn loài)

Thân 03	<i>Thứ hai:</i> không trộm cắp
	<i>Thứ ba:</i> không tà dâm
	<i>Thứ tư:</i> không nói dối
Khẩu 04	<i>Thứ năm:</i> không nói lời thêu dệt
	<i>Thứ sáu:</i> không nói lời hai chiều
	<i>Thứ bảy:</i> không nói lời độc ác
Ý 03	<i>Thứ tám:</i> không tham lam
	<i>Thứ chín:</i> không thù hận
	<i>Thứ mười:</i> không si mê

**Tứ ân** là bốn ơn nghĩa. Đó là: ơn cha mẹ, ơn người giúp đỡ, ơn quốc gia xã hội và ơn tam bảo. Ngoài ra, đạo Phật còn có nhiều quy định khác về đạo hạnh tín đồ. Nhìn chung, giới tỳ kheo phải thụ lãnh 250 giới và tỳ kheo ni phải thụ lãnh 348 giới, để tự điều chỉnh hành vi và lối sống của mỗi người đưa đến cho hành giả nếp sống đạo hạnh.



**Câu hỏi 92: Thế nào là hệ phái Bắc tông và hệ phái Nam tông?**

**Trả lời:**

Bắc tông và Nam tông là hai hệ phái Phật giáo được hình thành từ cuộc kết tập Phật giáo lần thứ hai do không có sự đồng nhất trong việc giải thích các giới luật giữa các chư Tăng già chiếm thiểu số gọi là Thượng tọa bộ có xu hướng bảo thủ và chư Tăng trẻ chiếm đa số gọi là Đại chúng bộ có xu hướng canh tân.

Thượng tọa bộ, tiếng Sanskrit là Sthaviravada, tiền thân của hệ phái Nam tông (Sansk, Hinayana hay Theravada), trong sách báo khoa học, hệ phái này còn được gọi với các tên như Phật giáo Nam tông, Phật giáo Theravada, Phật giáo Nam truyền.

Đại chúng bộ, tiếng Sanskrit là MahaSanghika, tiền thân của hệ phái Bắc tông (Sansk, Mahayana), trong sách báo khoa học, hệ phái này còn gọi là Phật giáo Đại thừa, Phật giáo Bắc truyền. Ở Việt Nam, cả hai hệ phái Bắc tông và Nam tông đều cùng tồn tại.

**Câu hỏi 93: Phật tử, Đại đức, Thượng tọa, Hòa thượng, Ni sư, Ni trưởng, Pháp chủ là gì?**

**Trả lời:**

**Phật tử:** Theo cuốn *Thuật ngữ tôn giáo Anh - Việt - Pháp*, Phật tử là tín đồ đạo Phật<sup>1</sup>. Theo khoản 6 Điều 2 Luật tín ngưỡng,

---

1. Trần Nghĩa Phương: *Thuật ngữ tôn giáo Anh - Việt - Pháp*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001.

tôn giáo: Tín đồ là người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận. Phật tử là tín đồ Phật giáo được tổ chức Phật giáo công nhận theo hình thức của tổ chức đó.

**Đại đức:** Theo Nội quy của Ban Tăng sự do Ban thường trực Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đại đức là danh xưng thuộc hàng đại chúng là những vị tăng đã thụ giới tỳ kheo.

**Thượng tọa:** Theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sửa đổi lần thứ VI và thông qua ngày 22/11/2017, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII nhiệm kỳ 2017 - 2022 thì Thượng tọa là hàng giáo phẩm có tuổi đời từ 45 và 25 tuổi hạ trở lên (tuổi hạ hay hạ lạp là một cách thức tính thời gian công đức tu hành của một tu sĩ Phật giáo), có đạo hạnh, có công đức với đạo pháp và dân tộc, do Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội đề nghị lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để xét duyệt, đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn và tấn phong tại Hội nghị Trung ương Giáo hội và Đại hội Phật giáo toàn quốc với một nghị quyết và được Đức Pháp chủ ban hành Giáo chỉ tấn phong.

**Hòa thượng:** Theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sửa đổi lần thứ VI và thông qua ngày 22/11/2017, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII nhiệm kỳ 2017 - 2022, Hòa thượng là hàng giáo phẩm thượng tọa có tuổi đời từ 60 và 40 tuổi hạ trở lên, có đạo hạnh, có công đức với đạo pháp và dân tộc, do ban trị sự tỉnh hội, thành hội đề nghị lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để xét duyệt, đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn và tấn phong tại Hội nghị Trung

ương Giáo hội và Đại hội Phật giáo toàn quốc với một nghị quyết và được Đức Pháp chủ ban hành Giáo chỉ tấn phong.

**Ni sư:** Theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ni sư là hàng giáo phẩm của ni giới có tuổi đời từ 45 và 25 tuổi hạ trở lên, có đạo hạnh, có công đức với đạo pháp và dân tộc, do ban trị sự tỉnh hội, thành hội đề nghị lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để xét duyệt, đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn và tấn phong tại Hội nghị Trung ương Giáo hội và Đại hội Phật giáo toàn quốc với một nghị quyết và được Đức Pháp chủ ban hành Giáo chỉ tấn phong.

**Ni trưởng:** Ni trưởng là hàng giáo phẩm ni sư có tuổi đời từ 60 và 40 tuổi hạ trở lên có đạo hạnh, có công đức với đạo pháp và dân tộc, do ban trị sự tỉnh hội, thành hội đề nghị lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để xét duyệt đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn, được Hội nghị Trung ương Giáo hội thông qua và Đại hội Phật giáo toàn quốc tấn phong với một nghị quyết được Đức Pháp chủ ban hành Giáo chỉ tấn phong. Ni trưởng được hiểu theo nghĩa là hàng nữ giáo phẩm Phật giáo được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tấn phong theo Hiến chương của Giáo hội và được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

**Pháp chủ:** là vị Hòa thượng thành viên của Hội đồng Chứng minh được Đại hội Phật giáo toàn quốc Việt Nam suy tôn và là người đứng đầu Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, do Hội đồng Chứng minh suy cử theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

**Câu hỏi 94: Phật là gì? Phật A Di Đà là ai? Di lặc là ai?**

**Trả lời:**

Phật là chữ viết tắt của Phật Đà, là danh hiệu chỉ những người giác ngộ, được phiên âm từ tiếng Phạn hoặc tiếng Pa li Buddha, dịch ý sang Hán - Việt là giác giả, tức “người tỉnh thức”, “giác ngộ”. Ý nghĩa của từ “Phật” có thể được hiểu như là: vị Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni, một bậc giác ngộ Phật tính, hoặc thể tính tuyệt đối bất khả tư nghị. Phạn ngữ “Buddha” (Phật) xuất nguyên từ căn “Budh” có nghĩa là hiểu biết hay thức tỉnh. Gọi là Phật (Buddha) vì Ngài hiểu biết đầy đủ bốn chân lý thâm sâu cao thượng (Tứ diệu đế), và từ giấc mơ vô minh Ngài đã thức tỉnh. Chẳng những hoàn toàn thấu triệt mà Ngài còn có đủ khả năng truyền bá Giáo pháp nên cũng được tôn là Samma Sambuddha (âm là Tam Miệu Tam Bồ Đề), bậc Chính đẳng Chính giác, Chính biến tri, để phân biệt với chư Phật Độc giác (Pacceka Buddha, âm là Bích Chi Phật), chỉ thấu triệt giáo lý mà không thể rọi sáng cho kẻ khác, tự giác mà không thể giác tha.

Phật A Di Đà là danh từ phiên âm có gốc từ tiếng Phạn, dịch nghĩa là “vô lượng thọ, vô lượng quang”. A Di Đà là tên của một vị Phật được tôn thờ nhiều nhất trong Đại thừa. A Di Đà giáo chủ cõi cực lạc (tiếng Phạn: sukhāvātī) ở phương Tây. Phật A Di Đà được tôn thờ trong Tịnh Độ tông tại một số nước như: Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... tượng trưng cho từ bi và trí tuệ. Tương truyền rằng một trong số những kiếp luân hồi của Đức Phật A Di Đà từng là một nhà vua. Sau khi phát tâm

mộ đạo, vị vua này từ bỏ ngôi báu đi xuất gia và trở thành một tỳ kheo với tên là Pháp Tạng (sa. dharmākara). Ngài quyết tâm tu hành thành Phật và phát nguyện tiếp dẫn chúng sinh vào cõi Cực lạc của mình và cũng sẽ thành Phật. Phật A Di Đà lập 48 đại nguyện nhằm giúp chúng sinh giải thoát.

Trong lịch sử Phật giáo, việc tôn xưng A Di Đà là một mốc phát triển quan trọng. Phép niệm danh hiệu Phật A Di Đà là một cách tu dưỡng của Phật tử vãng sinh cực lạc, không phải trải qua vô số kiếp. Đây là cách tu dưỡng gồm tự lực và dựa vào Tha lực, dựa vào đại nguyện của Phật A Di Đà, một phép tu “nhẹ nhàng, dễ dàng”. Đó là phép tu niệm danh hiệu “Nam mô A Di Đà Phật” đến nhất tâm bất loạn thì được sinh vào cõi Cực lạc.

**Di Lạc:** Theo kinh sách, Đức Phật Di Lạc xuất thân từ một gia đình quý tộc Bà La Môn ở thôn Kiếp Ba Lợi thuộc Nam Thiên Trúc (Ấn Độ cổ đại). Di Lạc là phiên âm từ Phạn ngữ có nghĩa là “Từ Thị” (lòng từ bi). Phật Di Lạc là đệ tử của Phật, nhập diệt trước Phật. Bồ Tát Di Lạc được trình bày với tướng mập, bụng tròn, cười vui vẻ, trẻ con quần quýt xung quanh.

Có thuyết cho rằng, Bồ Tát Di Lạc là người khởi xướng hệ phái Duy thức của Đại Thừa, là người truyền giáo lý Duy thức cho Bồ Tát Vô Trước.

Tín ngưỡng Phật Di Lạc đã được lưu truyền rất sớm tại Trung Quốc thuộc dòng Đại thừa, sau này truyền sang nước ta và có ảnh hưởng rất sâu đậm. Ngay từ đời Tây Tần (265 - 316) đã có những bức tranh vẽ Phật Di Lạc, thường mô tả Phật Di Lạc cũng giống như các vị Bồ Tát khác.

Theo truyền thuyết, Bồ Đại Hòa Thượng có thân hình béo tốt, y phục tùy tiện, ngôn ngữ hành vi đều không câu nệ tiêu tiết, có biệt tài dự đoán lành dữ, biết trước nắng, mưa, gió, bão rất linh nghiệm, thần bí khôn lường. Năm Trinh Minh thứ hai đời Hậu Lương (916), Bồ Đại Hòa Thượng ngồi trên một tảng đá ở Nhạc Lâm Tự mà nhập tịch. Ông để lại một bài kệ viết rằng: “Di Lạc đúng Di Lạc, phân thân ra muôn vàn. Mọi lúc đi dạy người đời mà người đời không biết”.

Dựa vào bài kệ đó, người ta cho rằng Hòa thượng Khế Thủ chính là Phật Di Lạc hóa thân chuyển thế, bèn an táng thân thể của ông tại một nơi cách Nhạc Lâm Tự 2 dặm về phía tây, lập tháp thờ phụng đặt tên là “Am Di Lạc” và xây gác, đắp tượng... Dần dần, theo năm tháng, tượng Bồ Đại Hòa Thượng được lưu truyền khắp mọi nơi với bụng lớn, miệng cười tươi tắn lạc quan, khi đứng, khi đi với tích tượng quây túi vải, khi ngồi với 5 đứa trẻ quanh mình tạo nên hình tượng “Ngũ tử quây Di Lạc”, hoặc ngồi với 6 đứa trẻ tượng trưng cho “Lục tặc - Lục căn” đã được giáo hóa.

Theo thời gian, tượng tranh về Phật Di Lạc ngày càng phong phú, sinh động, với hình tượng của thần tài ban phát tiền tài, phú quý bằng hình tượng Phật Di Lạc quảy bị tiền hoặc với tay nâng hoặc tung lên những nén vàng lấp lánh... Đây cũng chính là những mong ước thiết thực nhất, gần gũi nhất của mọi người về giàu sang, phú quý.

#### **Câu hỏi 95: Bồ tát và La hán là ai?**

##### **Trả lời:**

Bồ tát là người giác ngộ. Bồ tát là viết tắt của Bồ đề tát đỏa, cách phiên âm tiếng Phạn Bodhisattva sang âm Hán, dịch là

giác hữu tình, hoặc Đại sĩ. Trong Phật giáo Đại thừa, Bồ tát là một hành giả sau khi hành trì các Ba La Mật đã thành tựu Phật quả, nhưng nguyện không nhập Niết bàn khi chúng sinh còn chưa giác ngộ.

Chư Bồ tát thường cứu độ chúng sinh và sẵn sàng đón nhận, chịu thay mọi đau khổ cho chúng sinh và chia sẻ những thành quả, phúc đức của mình cho kẻ khác.

Bồ tát là nhân vật tiêu biểu của Phật giáo Đại thừa. Đặc trưng của vị Bồ tát là thương yêu chúng sinh rộng lớn. Trong Phật giáo Nam tông cũng có từ Bồ tát nhưng chỉ được dùng để chỉ Phật Thích Ca khi Người chưa thành Phật. Những người ôm ấp chí nguyện lớn lao, thoát khỏi ngu si, tăm tối, từ đó giác ngộ thì đều được gọi là Bồ tát. Trong chùa Việt Nam hiện thờ rất nhiều vị Bồ tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Thế Âm, Địa Tạng, Di lặc...

La Hán (theo tiếng Phạn là Arhat, đọc theo âm Hán là A La Hán, gọi tắt là La Hán) có nghĩa là giết hết giặc phiền não, chỉ một thánh nhân, một người đã đạt cấp “vô học” (không cần phải học gì nữa, vì cái gì trên đời cũng biết) của thánh đạo, không bị ô nhiễm và phiền não chi phối.

A La Hán là hiện thân của sự giác ngộ cao nhất trong thời Phật giáo nguyên thủy. Khác với hình ảnh của Bồ tát, hiện thân của Phật giáo Đại thừa của thời hậu thế là hình ảnh được nhấn mạnh với mục đích giải thoát mọi chúng sinh. A La Hán là các vị đã giải thoát 10 trói buộc thế gian như: ngã kiến, nghi ngờ, chấp đắm giới luật, tham, sân hận, sắc tham, vô sắc tham, kiêu mạn, hội họp không yên (trạo), vô minh. A La Hán được xem là

người đã từ bỏ ô nhiễm, bỏ các gánh nặng, đã đạt mục đích và tâm thức đã được giải thoát.

Theo quan niệm của Nam tông, La hán là ngôi thánh cao nhất trong bốn ngôi thánh, Phật Thích ca là đại La hán, các đại đệ tử của Ngài cũng là La hán. 16 vị La hán vâng sắc lệnh của Phật cư trú mãi ở thế gian này tế độ chúng sinh mà không nhập diệt. Trên thực tế người ta tạc thêm 2 vị nữa thành 18 vị La hán.

Còn theo quan niệm của Đại thừa, La hán là một vị thánh nhưng tu chưa đạt tới quả vị Phật. Tượng Phật nhìn chung được chế tác theo khuôn mẫu, công thức quy định. Còn các vị La hán các nghệ nhân chế tác theo các sự tích mà vị La hán hiện thân tu tập hoặc hiện thân độ chúng sinh. Chính vì vậy ta thường bắt gặp các tượng La hán với sắc thái, tư thế rất đa dạng và sinh động.

**Câu hỏi 96: Chạy đàn, Nam mô A Di Đà Phật và Cúng dường nghĩa là gì?**

**Trả lời:**

**Chạy đàn** là một nghi thức Phật giáo, theo đó các tín đồ vừa tụng kinh vừa đi quanh biểu tượng Phật theo chiều kim đồng hồ. Các chùa cổ Việt Nam đều có khoảng trống sau điện Phật để tín đồ chạy đàn quanh điện thờ. Trong các đàn tràng Phật giáo hay nghi thức mai táng theo Phật giáo đều có chạy đàn. Một hình thức chạy đàn khác là vịn vào cối kinh vừa đẩy vừa tụng kinh niệm Phật. Tại chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) có cối kinh rất đẹp. Chạy đàn còn thấy ở Đạo giáo và nhiều tôn giáo khác ở Việt Nam.



**Niệm Nam mô A Di Đà Phật** có nghĩa như sau:

Nam mô: có 6 nghĩa: kính lễ, quy y, phụng thờ, cứu ngã, độ ngã, quy mạng.

A: có nghĩa là vô, không.

Di Đà: có nghĩa là lượng.

Phật: người giác ngộ.

Vậy “Nam mô A Di Đà Phật” nghĩa là: Kính lễ đấng giác ngộ vô lượng, cũng có nghĩa là: Con quay về nương tựa vào đấng giác ngộ vô lượng.

Cũng có cách giải thích khác:

Nam: Quy y để diệt tội.

Mô: Cải đổi tội lỗi xưa.

A Di: Diệt trừ tam đồ khổ.

Đà Phật: Diệt trừ mười ác duyên.

Vậy “Nam mô A Di Đà Phật” nghĩa là: Quy y để diệt tội lỗi, diệt trừ tam đồ khổ và mười ác duyên.

Câu niệm Phật như trên thông thường là của người tu theo Tịnh độ tông, tỏ lòng quy y, tôn kính đức giáo chủ cõi Cực lạc là Phật A Di Đà, mong muốn được Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh cõi của Ngài.

Trong kinh *Quán vô lượng thọ Phật* có viết: chí thành niệm “Nam mô A Di Đà Phật” một tiếng diệt được tội nặng trong 80 ức kiếp sinh tử. Cho đến những kẻ phạm ngũ nghịch, thập ác mà lúc lâm chung, niệm “Nam mô A Di Đà Phật” trong thời gian “mười niệm” bằng 10 giây mà nhất tâm bất loạn cũng đặng vãng sinh.

**Cúng dường:** Cúng dường là nuôi dưỡng khiến Tam Bảo hằng còn ở đời này; là cung cấp và nuôi dưỡng Phật tâm,

Phật tính của mình. Tất cả những sự bao bọc, giúp đỡ, gìn giữ để Tam Bảo thường còn đều gọi là cúng dường.

**Câu hỏi 97: Quá trình du nhập, tồn tại và phát triển Phật giáo ở Việt Nam như thế nào?**

**Trả lời:**

Nhiều sử gia cho rằng, Phật giáo được truyền vào nước ta trực tiếp từ Ấn Độ, trước cả Trung Quốc. Nhưng cụ thể vào thời gian nào thì vẫn là vấn đề còn tranh luận. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho là vào khoảng thế kỷ I (sau Công nguyên), Phật giáo trở thành một tôn giáo đã thịnh hành ở nước ta. Qua hệ thống những cứ liệu về số lượng tăng sĩ, chùa chiền, cùng những công trình dịch thuật kinh điển, v.v., tại trung tâm Luy Lâu cho thấy, đến thế kỷ I (sau Công nguyên), Phật giáo đã khẳng định vai trò của mình trong đời sống văn hóa, tâm linh của người Việt. Khi ấy, Luy Lâu đã là một trung tâm Phật giáo hình thành sớm nhất trong khu vực, trước cả các trung tâm của Trung Quốc như Bành Thành hay Lạc Dương. Tuy nhiên, trung tâm Luy Lâu được hình thành vào thời gian nào thì vẫn chưa thể khẳng định chính xác. Những sử liệu còn lại chỉ cho chúng ta biết trung tâm Luy Lâu ở nửa cuối thế kỷ I (sau Công nguyên), đã là một trung tâm Phật giáo hoàn chỉnh với số lượng khoảng 500 tăng sĩ, xây dựng 20 chùa và dịch được 15 bộ kinh.

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam chủ yếu theo đường biển, một phần khác là theo đường bộ, trong bối cảnh nước ta đang bị phong kiến phương Bắc đô hộ. Khi ấy, các loại hình tín ngưỡng bản địa như: thờ thần tự nhiên, thờ tổ tiên... đã phát

triển khá mạnh, nhưng người Việt chấp nhận và đã dần bản địa hóa Phật giáo cho phù hợp với văn hóa dân tộc. Phật giáo không chỉ hòa hợp với tín ngưỡng dân gian mà còn hòa hợp với cả Khổng giáo và Lão giáo để hình thành “Tam giáo”. Nhìn chung, với tư tưởng khoan dung, từ bi hỷ xả, vô ngã, vị tha, v.v., Phật giáo truyền vào Việt Nam một cách êm thấm, bằng con đường hòa bình.

Triều đại nhà Lý kéo dài 216 năm và nhà Trần là 175 năm là thời kỳ Phật giáo hưng thịnh nhất.

Tuy nhiên, cuối thời Trần sang thời Lê về sau, Phật giáo không còn giữ được vị thế như thời Lý - Trần nữa.

Từ khi nhà Hậu Lê thành lập, và nhất là từ khi vua Lê Thánh Tông lấy Khổng giáo làm quốc học thì đạo Phật chính thức suy thoái trong một thời gian dài tiếp theo. Sang thời Nguyễn, Khổng giáo là hệ tư tưởng chính thống, Nho giáo thay thế Phật giáo trên vũ đài chính trị, nhưng Phật giáo vẫn tồn tại phổ biến ở làng xã và cùng Lão giáo hợp thành phức thể “Tam giáo đồng nguyên”, trong đó mỗi tôn giáo đáp ứng một phương diện của cuộc sống con người.

Dưới sự cai trị của nhà Nguyễn (cả trước và sau khi thực dân Pháp xâm lược), Phật giáo tiếp tục suy vi. Vào những năm 30 của thế kỷ XX, một số nhà tu hành cũng như một số nhân sĩ, trí thức đã đứng ra vận động phong trào “Chấn hưng Phật giáo”. Kể từ đó, Phật giáo có sự khởi sắc. Một bộ phận Phật giáo đi vào hoạt động có tổ chức, một số cơ sở đào tạo tăng tài lần lượt ra đời.

Dưới chế độ Mỹ - Diệm, Phật giáo bị chèn ép. Năm 1963, để tự bảo vệ mình và bảo vệ dân tộc, các phật tử đã xuống đường cùng toàn dân chống Mỹ - Diệm.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta hoàn toàn độc lập và thống nhất đã tạo thuận lợi cho Phật giáo thống nhất 9 hệ phái. Sau một thời gian chuẩn bị ngày 07/11/1981, Đại hội đại biểu thống nhất Phật giáo đã long trọng tổ chức ở Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã lập ra Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thông qua Hiến chương chương trình hoạt động và bầu ra các cơ quan lãnh đạo (Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự). Đây là sự kiện lịch sử đặc biệt của Phật giáo Việt Nam, vì nó đáp ứng nguyện vọng tha thiết của tăng ni, phật tử, đồng thời tạo điều kiện cho Phật giáo đồng hành cùng dân tộc, hoằng dương Phật pháp.

Trong khung cảnh hòa bình, thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, đông đảo tăng ni, phật tử đã có cơ hội thực hành phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”.

Phật giáo ở Việt Nam gồm hai hệ phái lớn: Bắc tông và Nam tông. Tuy nhiên, hệ phái Bắc tông ở nước ta có số lượng tín đồ đông đảo hơn. Hệ phái Nam tông chủ yếu ở vùng đồng bào Khmer thuộc miền Tây Nam Bộ. Đối với Bắc tông ở Việt Nam có các hệ phái chủ yếu là: Thiên tông Tịnh Độ Tông và Mật tông. Ngoài ra, Phật giáo ở Việt Nam còn có hệ phái khác; trong đó có khất sĩ. Khất sĩ ban đầu có ý nghĩa là người đi khất thực (đi xin ăn). Người đi khất thực để nuôi sống mình. Trên xin giáo pháp của Phật để nuôi sống tuệ mạng, dưới xin thức ăn của người đời để nuôi sống thân mạng. Theo cuốn *Từ điển*

Phật học Hán Việt, nhất là 1 hệ phái trong 9 tổ chức thành viên thống nhất thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam<sup>1</sup>. Hệ phái nhất được Tổ sư Minh Đăng Quang sáng lập từ năm 1944 với chí nguyện: “Nói truyền Thích Ca chánh Pháp”.

Lịch sử Phật giáo thường biến động gắn liền với lịch sử dân tộc. Dù cho thời thế đổi thay, vận nước chuyển vần, nhưng Phật giáo nước nhà luôn đồng hành cùng dân tộc suốt chiều dài lịch sử.

Khái quát lại, lịch sử Phật giáo Việt Nam trải qua bốn giai đoạn: Từ đầu Công nguyên đến hết thời kỳ Bắc thuộc là giai đoạn hình thành và phát triển rộng khắp; Thời Nhà Lý - Nhà Trần là giai đoạn cực thịnh; Từ đời Hậu Lê đến cuối thế kỷ XIX là giai đoạn suy thoái; Từ giữa thế kỷ XX đến nay là giai đoạn phục hưng.

**Câu hỏi 98: Sự xuất hiện của chùa thờ Phật và đặc điểm của chùa thờ Phật ở Việt Nam?**

*Trả lời:*

### **1. Sự xuất hiện của chùa thờ Phật**

Chùa: tiếng Phạn đọc là Stupa, tiếng Hán gọi là Tháp, Tháp Bà, Thúy Đờ Bà, Phù Đờ, Schu-a, Việt Nam gọi Chu-a = Chua => Chùa, là nơi thờ Phật.

Khi Phật giáo mới ra đời, chùa chưa xuất hiện. Đức Thích Ca Mâu Ni và các đệ tử của Ngài khi đi hành đạo và khuyên giáo

---

1. Phân viện Nghiên cứu Phật học: *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.

thường trú đêm tại hốc cây, hang đá. Sau có một người tên là Cấp Cô Độc mua khu vườn của Thái tử Kỳ Đà làm tịnh xá dâng cho Phật để ở và giảng kinh thuyết pháp. Từ đó mới bắt đầu có chùa. Có thể nói, đó là ngôi chùa đầu tiên ở Ấn Độ và cũng là ngôi chùa đầu tiên trên thế giới. Còn tại Trung Quốc, theo cuốn sách *La bích chí dư*, ngôi chùa đầu tiên được xây dựng là vào năm Vĩnh Bình đời Hán Minh đế (29 - 75), đó là chùa Hồng Lô. Về tên gọi, không phải ngay từ khi xuất hiện, nơi dùng để các nhà tu hành Phật giáo thuyết pháp, hành đạo có tên là “chùa”, mà tùy từng thời điểm và tùy từng địa phương lại có tên gọi khác nhau. Ở Ấn Độ gọi là Tăng già lam.

Ở Trung Quốc, thời Ngụy Võ đế (đầu thế kỷ III) gọi là Chiêu đề. Năm Đại nghiệp đời Tùy Dạng đế (605 - 617) gọi là Đạo tràng. Đến đời Đường (618 - 907) mới gọi là tự (chùa). Ở Việt Nam, theo nhiều nguồn thư tịch cổ, vào thế kỷ II, Phật giáo được truyền vào Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), khi ấy đã xây dựng được 20 ngôi chùa.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dường như làng nào của Việt Nam (chỉ ít là ở đồng bằng Bắc Bộ) cũng có một ngôi chùa, thậm chí có làng có đến vài ba ngôi chùa. Chùa là để thờ Phật. Tuy nhiên, tìm hiểu kiến trúc và tín ngưỡng thờ tự các ngôi chùa của Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Nam tông cũng có đặc điểm khác nhau.

## 2. Đặc điểm của Chùa thờ Phật ở Việt Nam

Chùa ở Việt Nam rất đa dạng, nhưng phổ biến theo hình chữ “công”. Một số chùa theo hình chữ “tam”, chữ “đình” chữ

“quốc”. Trong khuôn viên chùa, người ta xây dựng các hạng mục công trình theo hai cách. Một là, cấu trúc theo mô hình chữ “quốc”; hai là, cấu trúc theo hình chuỗi vồ và phân chia thành năm khu vực kiến trúc: trung tâm, tiền, hậu, tả, hữu. Tại khu vực trung tâm, công trình kiến trúc được ưu tiên là tòa tiền đường, tòa tam Bảo, hai tòa hành lang và nhà tổ. Hai tòa hành lang được xây dựng vuông góc với tòa tiền đường và nối từ hai đầu nhà tiền đường với hai đầu nhà tổ, tạo thành khối kiến trúc khép kín. Thông thường, tòa tiền đường của những ngôi chùa thuộc Phật giáo đại thừa của các làng hầu hết có hướng tây hoặc tây - nam.

**Câu hỏi 99: Các tượng thờ trong chùa được bố trí thế nào? Ý nghĩa của các tượng thờ trong chùa?**

*Trả lời:*

### **1. Các tượng thờ trong tiền đường (bái đường)**

Bước vào chùa phải qua tam quan. Tam quan thường được xây dựng như ngôi nhà ba cửa. Có chùa có hai tam quan: tam quan nội và tam quan ngoại.

Trước chính điện là nhà bái đường (còn gọi là tiền đường) ở hai bên có tượng hai vị hộ pháp. Hộ pháp gồm hai pho tượng rất lớn mang hình võ tướng với bộ áo giáp, đầu đội mũ, tay cầm binh khí hoặc đứng, hoặc ngồi trên lưng sư tử mà dân gian thường gọi là “ông Thiện” và “ông Ác”.

Phía bên phải tiền đường còn có tượng thần Thổ địa. Đó là vị thần gìn giữ cõi đất. Tượng thường có hình tướng oai vệ: mặt đỏ, vẻ mặt nghiêm nghị.

Lại có thuyết khác giải thích vị thần này không phải là thần Thổ địa mà là ông Trưởng giả Cấp Cô độc. Ông đã mua vườn lập tịnh xá rước Phật về thuyết pháp. Người ta thờ ông như người có công xây chùa và cứu giúp trẻ em và người cô đơn như lúc ông còn sống. Vì vậy, người ta thường gọi tượng được thờ ở vị trí này là Đức ông (hay Đức Chúa). Đối xứng với Đức ông, ở phía bên trái Bái đường còn có tượng thánh tăng hay còn gọi là A nan.

Có chùa thay vị trí của Đức ông bằng Quan Công và Châu Xương, Quan Bình hai bên.

Cũng có chùa, tượng Đức ông không đặt ở Bái đường mà thờ riêng ở một ngôi miếu cạnh chùa.

Ở Bái đường còn có tượng Thập điện Diêm vương. Theo sách nhà Phật, khi người chết, cứ bảy ngày lại phải qua một cửa điện dưới âm phủ để cho một vị Minh Vương xét hỏi về việc thiện ác đã làm trên nhân gian. Mỗi cửa ngục như vậy đều có những ông vua Diêm La truy xét và coi ngục là những quý sứ đầu trâu, mặt ngựa sẵn sàng hành hình, tra tấn những linh hồn đã mắc tội.

Các chùa ở Việt Nam thường có 10 vị vua cai quản 10 cửa điện.

## **2. Các tượng thờ trong chính điện**

Nơi bố trí tượng Phật chủ yếu là tại chính giữa tòa tam bảo, còn gọi là thượng điện hay chính điện. Việc bố trí tượng để thờ phụng trong các ngôi chùa ở Việt Nam cũng khá linh hoạt, nhưng thường bố trí sắp xếp tượng Phật ở tam bảo theo thứ tự như sau:



- Lớp cao nhất là tượng tam thế. Sát tường tòa tam bảo là nơi thờ ba vị tam thế: A Di Đà (Phật quá khứ), Thích Ca (ngồi giữa, Phật hiện tại), Di lặc (Phật tương lai).

- Lớp thứ hai là Di đà tam tôn: Ngồi giữa là Đức Phật A Di Đà trong tư thế tọa thiền. Hai bên tượng A Di Đà là hai vị bao giờ cũng ở tư thế đứng và có kích thước nhỏ hơn. Đó là Bồ tát Quán Thế Âm đứng bên trái và Bồ tát Đại Thế Chí đứng bên phải.

- Lớp thứ ba: chính giữa là Đức Phật Thích ca (có thể đứng hoặc tọa trên tòa sen), hai bên là tôn giả Ca Diếp và A Nan Đà, là hai vị đại đệ tử đã giúp cho Thích ca trong công cuộc truyền giáo khi ngài còn tại thế. Cũng có thể là Bồ tát Văn Thù (cuối sư tử xanh) là vị Bồ tát tiêu biểu trí tuệ và Bồ tát Phổ Hiền (cuối voi trắng) biểu trưng cho hành động.

- Lớp thứ tư là tòa Cửu Long diễn tả sinh động và đầy đủ truyền thuyết thời điểm Đức Phật Thích Ca ra đời. Trên tòa Cửu Long, có 9 đầu rồng phun nước để tắm cho Phật Thích Ca sơ sinh, Đế Thích, Phạm Thiên và các chư Thiên tán hoa cúng dâng,...

Trên đây là bốn lớp tượng thờ cơ bản và phổ biến thường thấy ở các ngôi chùa Đại thừa ở các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ. Có thể có thêm các lớp khác.

- Lớp thứ năm (có chùa thêm): là sự thờ phối với Đạo giáo. Ngồi giữa là Ngọc Hoàng thượng đế; hai bên là Nam Tào, Bắc Đẩu, hoặc là Phạm Vương và Đế Thích.

Tại góc tam bảo phía bên trái thờ Quan Âm Tống Tử, góc bên phải thờ Bồ tát Địa Tạng.

Ngoài ra, trong một số ngôi chùa ở Việt Nam còn chế tác ra khá nhiều tượng để phụng thờ.

### 3. Các tượng thờ trong tăng đường

Nhà tăng đường chủ yếu là nơi thờ các vị tổ sư (nên còn gọi là nhà thờ tổ).

Gian giữa của tăng đường thường thờ tượng Bồ Đề Đạt Ma và các vị tổ sư ở chùa. Ban thờ hậu gồm tượng của những người có công đóng góp, công đức, tiền của cho việc xây dựng chùa.

### 4. Các tượng thờ ở hành lang

Nhà hành lang ở các ngôi chùa Bắc Bộ khá uyển chuyển, có thể là hai dãy nhà chạy song song hai bên chính điện, cũng có thể cùng chung mái với chính điện. Ở đây thường bố trí các tượng La Hán. Có chùa có đủ 18 vị La Hán bày ở hai bên, có chùa nhiều hơn hoặc ít hơn. Nhìn chung, tượng Phật được chế tác theo khuôn mẫu, công thức quy định. Còn các vị La Hán được tạo theo các hình tướng thị hiện giáo hóa chúng sinh. Chính vì vậy, ta thường thấy các tượng La Hán với sắc thái, tư thế rất đa dạng và sinh động.

#### - Phật Quán Thế Âm

Quán Thế Âm là một trong bốn vị đại Bồ tát đã thành Phật từ lâu rồi nhưng thị hiện Bồ tát để giúp Phật Thích Ca giáo hóa chúng sinh của Phật. Sở dĩ gọi là Quán Thế Âm vì vị Bồ tát này đã dày công tu luyện nhiều kiếp với lòng từ bi cứu khổ mà Ngài có khả năng nghe được tiếng kêu than nhỏ nhất của chúng sinh đang khổ đau ở khắp mọi nơi.

Vốn có lòng từ bi quảng đại vô biên, lại có phép thần thông biến hóa, Ngài thường hiện ở các sắc tướng khác nhau, khi là đàn ông, lúc là đàn bà, cũng có khi là nhà sư, ông vua, hoàng hậu... là những người đức độ để cứu vớt chúng sinh.

Sắc tướng của ngài và danh hiệu thường gặp là: Quán Âm vô úy, Nam hải Quán Thế Âm, Thiên thủ Thiên nhãn Quán Âm Bồ Tát, Phật bà Quán âm, Quán Âm Thị Kính, Quán Âm tông tử... Gần đây, trong những ngôi chùa ở các tỉnh phía Bắc xuất hiện khá nhiều tượng Đức Quán Âm tay cầm cành dương liễu để vẩy nước cam lộ cho chúng sinh. Quán Thế Âm trong điện thờ Phật giáo Ấn Độ có hình nam tướng, còn ở nước ta hầu hết là nữ tướng.

- Hộ pháp

Trong hai gian bên cạnh nhà bái đường (còn gọi là tiền đường), hầu hết ở các ngôi chùa ở phía Bắc Việt Nam có sự hiện diện của hai pho tượng rất lớn mang hình võ tướng với bộ áo giáp đội mũ, tay cầm binh khí đứng, hoặc ngồi trên lưng sư tử. Đó là Hộ pháp, có trách nhiệm bảo vệ Phật pháp, bảo hộ chúng sanh, độ đời, tiêu trừ mọi tai họa, hàng phục ma chướng,... để tâm trong sạch mà hướng phật.

Có hai thuyết kể về lai lịch hai pho tượng này. Thuyết thứ nhất diễn tả hai vị Hộ pháp thiện thần trong số các Kim cương thần tướng bảo vệ Phật pháp. Còn thuyết thứ hai cho rằng, tượng bên trái là Khuyến thiện (ông Thiện), bên phải là Trừng ác (ông Ác).

**Câu hỏi 100: Kitô giáo là gì?**

**Trả lời:**

Kitô giáo là danh từ chỉ các tôn giáo tin thờ Chúa Kitô. Trong Kinh Thánh, khi đi truyền đạo, Chúa Giêsu được môn đồ Phêrô tuyên xưng là Đức Kitô, con Thiên Chúa. Kitô gốc tiếng Hy Lạp là Christos có nghĩa là Đấng được xức dầu. Thuật ngữ này đồng nghĩa với từ Messiah trong tiếng Do Thái cổ, hay Messia trong tiếng Latinh, có nghĩa là Đấng Thiên Sai. Từ gốc nghĩa này, Kitô giáo trong tiếng Pháp gọi là Christianisme, tiếng Anh gọi là Christianity và tiếng Hán Việt gọi là Cơ Đốc.

Danh xưng Kitô hữu được sử dụng đầu tiên vào năm 40 sau Công nguyên để chỉ các giáo đoàn Kitô giáo ở thành Antiôkia, thủ đô Siry. Trong quá trình phát triển, Kitô giáo phân hóa thành bốn phái chủ yếu: Công giáo, Chính thống giáo, Tin Lành và Anh giáo.

**Câu hỏi 101: Công giáo là gì?**

**Trả lời:**

Công giáo là một trong bốn giáo phái lớn nhất của Kitô giáo. Từ "Công giáo" gốc tiếng Hy Lạp là Katholicos, tiếng Latinh là Catholica, tiếng Anh là Catholic, tiếng Pháp là Catholique đều có nghĩa là phổ quát. Danh xưng này được dùng từ đầu Công nguyên, thời các sứ đồ, để chỉ các cộng đoàn Kitô giáo đầu tiên sống chung với nhau theo kiểu công xã và các sinh hoạt tôn giáo của họ được thực hiện dưới bóng của

Do Thái giáo. Giáo hội tự xưng là “Giáo hội Công giáo” bắt đầu khoảng năm 170 sau Công nguyên. Đến thế kỷ III, đặc biệt thế kỷ IV, danh xưng Công giáo được sử dụng phổ biến hơn và được kinh Tin Kính của Công đồng Nixê I (năm 325) xác định là một trong bốn thuộc tính của Giáo hội Công giáo, với lời tuyên xưng “Chỉ có một giáo hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền”. Sau khi Kitô giáo bị chia rẽ thành hai giáo hội Đông và Tây, thì danh xưng Công giáo được dùng chỉ cho Giáo hội Tây phương có thủ phủ tại Rôma, có hệ thống tổ chức chung trên toàn thế giới.

Công giáo ban đầu du nhập vào nước ta được gọi là đạo Hoa Lang, tức là tôn giáo của người Hà Lan. Cũng có người cho rằng, từ Hoa Lang được dịch từ chữ Farang, có ý chỉ tôn giáo hay đạo của người Bồ Đào Nha. Từ đầu thế kỷ XVII, một số giáo sĩ đã giải thích đạo của họ là đạo Kitô, theo phiên âm chữ Hán đọc là Thiên Chủ, phiên âm Hán Nôm đọc là Thiên Chúa (tức đạo Chúa Trời). Người đầu tiên sử dụng chữ Thiên Chủ là giáo sĩ Bozumi trong một tài liệu bằng tiếng Việt của ông đề ngày 20/5/1622, tại Nước Mặn (Quy Nhơn). Nhưng cũng có giáo sĩ chủ trương dùng tiếng Việt, Việt hóa cách phiên âm đạo. Trong “Phép giảng tám ngày”, giáo sĩ Alexandre de Rhodes, thay vì dùng chữ Thiên Chủ, Thiên Chúa, đã dùng chữ Chúa Trời, Đức Chúa Trời, đạo Thánh Đức Chúa Trời, để chỉ đạo Công giáo. Thuật ngữ Thiên Chúa giáo hay đạo Thiên Chúa được chính thức sử dụng đầu tiên trong văn bản nhà nước tại Điều 2, Hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862), ký giữa triều đình Tự Đức với nước Pháp. Thuật ngữ này được dùng phổ biến đặc

biệt vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đến những năm 30 của thế kỷ XX, thuật ngữ Công giáo mới bắt đầu được sử dụng. Thuật ngữ này được dùng đầu tiên trong một cuốn sách của Địa phận Bùi Chu năm 1934. Nhưng phải đến năm 1945, thuật ngữ Công giáo mới chính thức được sử dụng để gọi đoàn thể quần chúng Hội Công giáo Cứu quốc Việt Nam, trong Mặt trận Việt Minh. Ngày nay, cách gọi đạo Công giáo trở nên phổ biến trong các văn bản chính thức của Nhà nước.

Tổ chức Công giáo là một thiết chế có tính thống nhất trên phạm vi toàn cầu, gồm ba cấp: Trung tâm điều hành hoạt động tôn giáo của đạo Công giáo trên toàn thế giới là Tòa thánh Vatican, do Đức Giáo hoàng đứng đầu, có Hồng y đoàn, Giám mục đoàn cùng các cơ quan giúp việc khác. Giáo hội địa phương là những giáo phận có tính độc lập tương đối được giao phó cho giám mục quản trị về mọi mặt. Giáo hội cơ sở là giáo xứ do linh mục cai quản dưới thẩm quyền của Giám mục giáo phận. Ngoài ra, còn có các tổ chức có tính liên kết như giáo miền, giáo tỉnh, giáo hạt...

**Câu hỏi 102: Người sáng lập, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và các bí tích của Kitô giáo?**

**Trả lời:**

### **1. Người sáng lập Kitô giáo**

Chúa Giêsu là người sáng lập ra Kitô giáo. Theo Thánh kinh, Ngài sống vào đầu thế kỷ I sau Công nguyên, con ông Giuse thợ mộc và bà Maria người làng Nagiaret, cách Giêrusalem

8 km về phía nam. Năm 30 tuổi, ngài bắt đầu đi truyền đạo và bị giới tư tế người Do Thái ghen ghét quy tội phản loạn chống lại đế quốc La Mã nên bị kết án tử hình, bị đóng đinh vào cây thập tự trên núi Sọ, trong thành Giêrusalem. Đối với Kitô giáo, ngài là con Thiên Chúa, Ngôi Hai Thiên Chúa, Đấng Cứu Thế của nhân loại. Cuộc khổ nạn và cái chết của ngài chính là sự cứu rỗi tinh thần cho nhân loại. Chính vì vậy, ngài trở thành Đấng Trung Gian cứu độ duy nhất giữa Thiên Chúa và nhân loại. Bằng cái chết và sự sống lại, ngài đã phục hồi tương quan giữa Thiên Chúa và nhân loại đã bị gián đoạn vì tội Tổ tông.

## **2. Sự xuất hiện của Kitô giáo**

Kitô giáo xuất hiện đầu tiên ở vùng Palestin vào đầu Công nguyên, khi đó vùng đất này thuộc đế quốc La Mã. Đức Giêsu là người sáng lập ra Kitô giáo. Theo lịch sử, ngài sinh vào khoảng năm 8 - 4 trước Công nguyên và chết khoảng năm 28 - 30 sau Công nguyên. Khi còn nhỏ sống cùng gia đình, khoảng 30 tuổi đi truyền đạo trong cộng đồng người Do Thái. Trong quá trình truyền đạo, ngài chọn 12 môn đồ thân cận. Trong khi truyền đạo, ngài bị những người Do Thái đả phá và chính quyền La Mã xét tội mưu phản, ngài bị đóng đinh vào cây thập tự. Những người Kitô hữu tin rằng ngài đã sống lại và hiện ra cùng các môn đệ 40 ngày để lập ra giáo hội.

## **3. Giáo lý, giới luật, lễ nghi, tổ chức của Kitô giáo**

Những vấn đề cơ bản về giáo lý, giới luật, lễ nghi và tổ chức của Kitô giáo đều được thể hiện trong Kinh thánh. Đối với

Kitô giáo, tác giả duy nhất của Kinh thánh là Thiên Chúa. Kinh thánh, chứa đựng nền tảng giáo lý của Kitô giáo, những lời răn dạy, giới luật của Thiên Chúa cho con người, là lời Chúa được các tông đồ viết ra dưới sự linh ứng của Thiên Chúa. Các sách Kinh Thánh, gồm 73 cuốn được viết từ khoảng thế kỷ IX trước Công nguyên đến thế kỷ I sau Công nguyên gồm hai phần: Cựu Ước và Tân Ước. Cựu Ước là bộ sách thánh của người Do Thái gồm 46 cuốn. Tân Ước gồm 27 cuốn kể về cuộc đời và hoạt động của Chúa Giêsu và của các tông đồ. Tất cả các hệ phái của Kitô giáo đều thừa nhận và lấy Kinh thánh làm nền tảng giáo lý thiêng liêng, riêng hệ phái Tin Lành chỉ thừa nhận 63 cuốn (36 cuốn Cựu Ước và 27 cuốn Tân Ước).

#### **4. Giới luật của Kitô giáo**

Các tôn giáo đều có những giới luật nhằm rèn luyện đạo đức và duy trì tổ chức. Kitô giáo có những hệ thống giới luật chặt chẽ, song tập trung vào 10 điều răn của Chúa. Mười điều răn chế định hai mối quan hệ cơ bản: con người với Thiên Chúa và con người với con người. Hai mối tương quan ấy thực hiện một tinh thần cơ bản là kính Chúa và yêu người.

*Mười điều răn của Chúa :*

- Thờ phượng một Đức Chúa Trời và kính mến Người trên hết mọi sự.
- Chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ.
- Giữ ngày Chúa nhật.
- Thảo kính cha mẹ.
- Chớ giết người.
- Chớ làm sự dâm dục.



- Chớ lấy của người.
- Chớ làm chứng dối.
- Chớ muốn vợ chồng người.
- Chớ tham của người.

Mười điều răn ấy tóm về hai điều này mà chớ: Trước kính mến một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự, sau lại yêu người như mình ta vậy.

Giới luật còn thể hiện ở 6 điều răn Hội Thánh:

- Xem lễ ngày Chúa Nhật cùng các ngày lễ buộc.
- Chớ làm việc các ngày Chúa Nhật cùng các ngày lễ buộc.
- Xưng tội trong một năm ít là một lần.
- Chịu mình Thánh Đức Chúa Giêsu trong mùa Phục Sinh.
- Giữ chay những ngày Hội Thánh buộc.
- Kiên tịnh ngày thứ sáu cùng các ngày khác Hội Thánh dạy.

Bảy bí tích của Kitô giáo:

- Là phép Rửa Tội.
- Là phép Thêm sức.
- Là phép Minh Thánh Chúa.
- Là phép Giải tội.
- Là phép Xức dầu Thánh.
- Là phép Truyền chức thánh.
- Là phép Hôn phối.

**Câu hỏi 103: Những ngày lễ quan trọng của Công giáo và số lượng chức sắc tín đồ Công giáo ở Việt Nam hiện nay ?**

**Trả lời:**

- Giáo hội Công giáo có rất nhiều ngày lễ được quy định trong lịch phụng vụ. Trong năm có các ngày lễ trọng buộc các tín hữu tham dự sau:

Lễ Giáng sinh: 25 tháng 12.

Lễ Phục sinh, kỷ niệm Chúa Giêsu chịu chết và sống lại.

Lễ Chúa Giêsu lên trời: bốn mươi ngày sau Chúa phục sinh.

Lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống: 10 ngày sau lễ Chúa lên trời.

Lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời: 15 tháng 8.

Lễ Các Thánh: 1 tháng 11.

Ngoài các lễ buộc trên còn có lễ Chúa Nhật quanh năm và một số lễ khác mà các tín hữu đều sốt sắng tham gia để được hưởng nhiều ân phúc.

- Về số lượng chức sắc, tín đồ Công giáo ở Việt Nam hiện nay: Tính đến năm 2020, Giáo hội Công giáo Việt Nam có trên 7 triệu tín đồ, chiếm 7% dân số cả nước; 2 Hồng y (lịch sử Công giáo Việt Nam có 6 hồng y), 3 tổng giám mục đương nhiệm; 46 giám mục, trong đó có 28 giám mục đương chức và 18 giám mục về hưu; hơn 5.000 linh mục triều và dòng; 25 nghìn nam nữ tu sĩ; khoảng 9.000 cơ sở tôn giáo (nhà thờ, nhà nguyện, cơ sở đào tạo, tòa giám mục, cơ sở dòng tu).

**Câu hỏi 104: Adam là ai? Amen nghĩa là gì? Chúa và Chúa Ba Ngôi là thế nào? Thiên đàng, địa ngục, luyện ngục là gì?**

**Trả lời:**

*Adam* tiếng Do Thái cổ (Hêbrơ) có nghĩa là con người đầu tiên. Theo Kinh Thánh, Adam được Thiên Chúa sáng tạo theo hình ảnh của Chúa. Vợ ông là Eva có nghĩa là mẹ của sự sống và các con ông là Cain, Aben và Set. Họ sống trong vườn địa đàng, nhưng bị trục xuất ra ngoài vì ăn trái cấm, “cây biết lành dữ” bất tuân lệnh Thiên Chúa. Trong quan niệm của Kitô giáo,

Adam và Eva là thủy tổ loài người và là người phạm tội và ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại phải gánh tội gọi là tội Tổ Tông truyền.

*Amen* gốc tiếng Do Thái cổ, được dịch ra tiếng Hy Lạp và Latinh, là lời khẳng định long trọng bày tỏ sự đồng ý hay xác tín của mình. Người Công giáo dùng từ này để kết thúc lời cầu nguyện, lời kinh hay nghi lễ với nghĩa là “xin được như ý nguyện”, “tôi tin như vậy” hay “ước gì được như vậy”. Cũng có người giải thích “Amen” có nghĩa là “sự trung thành, trung tín, niềm tin tưởng tuyệt đối” vào điều mình cầu nguyện hay đoạn kinh vừa đọc.

*Chúa:* Theo quan niệm của Kitô giáo, Chúa là hữu thể duy nhất, là tinh thần hoàn hảo tuyệt đối và là tạo hóa của muôn loài. Chúa là đấng duy nhất tồn tại thật, còn tất cả mọi sự vật, hiện tượng khác chỉ tồn tại theo ý muốn của Thiên Chúa.

*Chúa Ba Ngôi:* Theo quan niệm Kitô giáo, Thiên Chúa là Một và độc nhất trong bản thể nhưng lại là Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Mỗi ngôi có chức năng riêng. Chúa Cha: tạo dựng; Chúa Con: cứu chuộc; Chúa Thánh Thần: thánh hóa. Ba Ngôi cùng bản thể “Tam vị nhất thể” đều là Thiên Chúa, ngang bằng nhau, không hơn, không kém, được tôn vinh như nhau, quyền phép như nhau, tức là đồng vinh, đồng đẳng, đồng quyền. Các hệ phái Kitô giáo đều tin nhận Thiên Chúa Ba Ngôi nhưng có chút khác nhau. Người Công giáo cho là Chúa Con bởi Chúa Cha mà ra, Chúa Thánh Thần bởi Chúa Cha và Chúa Con mà ra. Chính Thống giáo cho là Chúa Cha sinh Chúa Con, Chúa Con sinh ra Chúa Thánh Thần.

Đây là nguyên cơ dẫn đến cuộc đại ly khai giữa Công giáo và Chính Thống giáo vào thế kỷ XI.

*Thiên đường* là nơi và tình trạng hưởng hạnh phúc siêu nhiên trọn vẹn, thường được đồng hóa với Trời hay Nước Trời.

Đức Giêsu đã nói đến thiên đường khi hứa với người trộm có lòng ăn năn sám hối trên thập giá. Chỉ có hai chỗ khác nữa trong Thánh Kinh, người ta dùng chữ thiên đường thay cho Nước Trời. Hạnh phúc được hưởng trên thiên đàng chủ yếu là được thấy và yêu Chúa trực tiếp, được hiểu biết, yêu mến và vui hưởng các tạo vật. Bao lâu chưa có sự phục sinh trong ngày phán xét cuối cùng thì chỉ có linh hồn những người công chính mới được lên thiên đàng. Chúa Kitô và Mẹ Người lên thiên đàng cả hồn và xác ngay, còn mọi người sau ngày phán xét cuối cùng mới được lên thiên đàng cả hồn và xác. Mặc dù tất cả mọi người cùng được thấy và cùng được hưởng một Thiên Chúa nhưng không phải ai cũng sẽ được hạnh phúc ở mức độ như nhau. Hạnh phúc của mỗi người sẽ tùy theo mức ân sủng mà họ đang có khi chết, mức ân sủng tùy theo công trạng họ có được khi còn sống ở trần gian.

*Địa ngục* là nơi giam giữ, đọa đày những linh hồn tội lỗi. Địa ngục được coi là nơi cư ngụ của người chết và của ma quỷ. Địa ngục có tính răn đe các tín đồ không làm điều xấu ở đời này. Địa ngục được đề cập trong sách *Khải Huyền* là một vực lửa và diêm sinh.

*Luyện ngục*: Theo giáo lý Công giáo, luyện ngục là nơi cư ngụ của linh hồn những người tội nhẹ hay chưa xác định rõ công tội chờ ngày phán xét cuối cùng. Mọi người ai cũng có

tổ tiên, ông bà, cha mẹ, anh chị em, bạn bè hay con cái đã qua đời. Những linh hồn này cần được cầu nguyện để họ được ra khỏi luyện hình mà hưởng vinh phúc với Chúa. Các giáo phái Tin Lành không thừa nhận có luyện ngục.

**Câu hỏi 105: Bảy chức thánh là thế nào?**

**Trả lời:**

Bảy chức thánh là các bậc học trong chủng viện Công giáo để đào tạo chủng sinh thành linh mục. Truyền thống gọi bảy bậc trong thời gian chủng viện là:

- 1) Thầy giữ cổng (portien).
- 2) Thầy đọc sách (lecteur).
- 3) Thầy trừ tà (exorciste).
- 4) Thầy giúp lễ (acolyte).
- 5) Thầy phó trợ tế/tùy trợ tế (sousdiacre).
- 6) Thầy trợ tế/Phó tế/Thầy sáu (diacre).
- 7) Linh mục/Thầy cả (Prêtre).

Từ chức thứ nhất đến chức thứ năm là những chức nhỏ chỉ giúp việc trong nhà xứ. Chức 6 có thể được thực hiện một số bí tích. Đủ bảy chức thánh thì trở thành Linh mục.

Những người không theo đuổi được toàn bộ thời gian ở chủng viện để đạt kết quả cuối cùng, giữa chừng bị đuổi hoặc bị buộc phải ra khỏi chủng viện, thì gọi là thầy xuất.

Trước đây qua mỗi bậc học, chủng sinh đều phải thực hiện nghi thức truyền chức, nhưng theo Giáo luật năm 1983, mặc dù vẫn giữ một số chức như giúp lễ, đọc sách..., song không thực

hiện nghi thức truyền chức. Giáo luật quy định buộc truyền chức Phó tế, Linh mục.

**Câu hỏi 106: Bí tích là gì? Bảy phép bí tích là những bí tích nào?**

**Trả lời:**

Bí tích là dấu hiệu hữu hình hay khả giác do Đức Kitô thiết lập để thông ban cho linh hồn ân sủng vô hình và sự thánh hóa nội tâm.

Bảy bí tích bao gồm: Rửa tội, Thêm sức, Giải tội (Hòa giải), Thánh thể (Mình Thánh Chúa), Xức dầu, Truyền chức thánh, Hôn phối; nhân danh Chúa mà các giáo sĩ làm cho tín đồ nhằm thừa nhận một nghi thức của đời sống đạo.

Ví dụ: Bí tích Rửa tội là thừa nhận một người bắt đầu theo đạo và được thông phần sự sống của Chúa để được cứu rỗi linh hồn; Bí tích Hôn phối là thừa nhận người tín hữu nam nữ thành vợ chồng; Bí tích truyền chức thánh là trao chức Phó tế, Linh mục cho một chủng sinh; hay trao chức Giám mục cho các Linh mục.

Bảy phép bí tích do Đức Kitô thiết lập nhằm ban ân sủng cho các tín hữu gồm: Rửa tội, Thêm sức, Mình Thánh Chúa, Hòa giải, Xức dầu bệnh nhân, Truyền chức thánh, Hôn phối.

Phần lớn các hệ phái Tin Lành chỉ thừa nhận và cử hành phép Rửa tội, còn gọi là lễ Baptem bằng hình thức dìm mình xuống nước và chỉ thực hiện phép Thánh Thể với trẻ em 13 - 14 tuổi trở lên, hay gọi đúng hơn là cho dự Tiệc Thánh (không hẳn là phép Mình Thánh Chúa như của Công giáo).

**Câu hỏi 107: Bữa Tiệc Ly là thế nào? Cầu nguyện là gì?**

**Trả lời:**

- *Bữa Tiệc Ly:*

Đến các gia đình Công giáo hay ở các nhà thờ, ta thường thấy một bức tranh của họa sĩ thiên tài thời Phục hưng người Ý là Leonardo da Vinci có tựa đề “Bữa ăn cuối cùng” - Bữa Tiệc Ly, mô tả bữa ăn của Chúa Giêsu với các môn đồ trong buổi chiều Lễ Vượt Qua, trước khi Ngài bị bắt và chịu khổ hình thập giá.

Trong bữa tiệc, Chúa Giêsu đã nói rằng trong 12 môn đệ của mình có kẻ mang lòng phản trắc, âm mưu bán Chúa. Chúa đã bẻ bánh mỳ chia cho từng tông đồ và nói: “này là mình Thầy, các con hãy cầm lấy mà ăn. Thầy chết cho nhân loại được sống”. Sau đó, Ngài cầm chén rượu nho đưa cho các môn đệ và nói: “Các con hãy uống hết chén này, đây là máu Giao ước đã đổ xuống cho nhân loại được sống”.

Giáo hội Công giáo quan niệm: chính những lời nói trên của Chúa Giêsu đã ứng nghiệm bằng cái chết của Người.

Chúa Giêsu đã thiết lập Bí tích Thánh thể, biến bánh thành mình Thánh, rượu của mình thành máu Thánh Chúa; khi ăn Bánh Thánh và uống Rượu Thánh, con người được hiệp thông với Thiên Chúa.

- *Cầu nguyện:*

Cầu nguyện là một hình thức hành lễ tôn giáo; có thể là cách đọc liên tiếp những câu kinh giúp tín hữu ý thức được sự hiện diện của Chúa và tự nguyện đáp lời Người. Cũng có thể là

cách các tín hữu tỏ lòng biết ơn vì những ân huệ mà Chúa đã ban cho bản thân và những người khác; hoặc cũng có thể là cách để tỏ ra ăn năn về những lỗi lầm của mình; có thể xin ơn lành của Chúa, bày tỏ tình yêu mến đối với Thiên Chúa...

Cầu nguyện là một hình thức giao tiếp với Chúa của các tín hữu Công giáo.

**Câu hỏi 108: Tổ chức Công giáo như thế nào? Chánh trương là gì? Phó tế là gì?**

**Trả lời:**

*Tổ chức chung của Giáo hội Công giáo* được tổ chức thành ba cấp chính thức: *Giáo triều Roma, Giáo phận, Giáo xứ.*

Nhìn chung, Giáo hội Công giáo có một cơ cấu tổ chức chặt chẽ, thống nhất, lâu dài và ổn định.

- *Giáo triều Rôma*: là cơ quan điều hành trung ương của Tòa thánh Vatican và Giáo hội Công giáo, bao gồm:

+ *Phủ Quốc vụ khanh*: đặc trách những công việc thường vụ của Giáo hội và phụ trách liên lạc giữa các quốc gia.

+ *Bộ Tòa thánh (9 bộ)*: chịu trách nhiệm về từng lĩnh vực của đời sống Giáo hội.

+ *Hội đồng Tòa thánh (12 hội đồng)*: là những bộ phận chuyên nghiên cứu và tìm kiếm trong những lĩnh vực quan trọng.

+ *Văn phòng Tòa thánh (3 văn phòng)*: giúp điều hành công việc của Tòa thánh và quản lý tài chính.

+ *Tòa án (3 tòa án)*: giải quyết các công việc liên quan đến Xá giải, Ấn tín Tông tòa, Hôn phối.



- *Giáo phận*: Nhiều giáo xứ hợp lại thành một giáo phận. Giáo phận là cấp hành chính chính thức của giáo hội trực thuộc Tòa thánh Vatican về mọi phương diện.

Việc thành lập, bãi bỏ, thay đổi một giáo hội địa phương do Giáo hoàng quyết định.

Cai quản Giáo phận là một giám mục. Theo Giáo luật, giám mục có tất cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong phạm vi tôn giáo.

- *Giáo xứ*: Giáo xứ là đơn vị cuối cùng có tư cách pháp nhân của giáo hội. Đứng đầu giáo xứ là một linh mục chính xứ do giám mục giáo phận bổ nhiệm và dưới quyền của giám mục giáo phận.

Trong điều kiện thiếu linh mục thì có thể một linh mục cai quản nhiều giáo xứ.

Một giáo xứ có thể có nhiều giáo họ.

Trong trường hợp có nhiều linh mục thì một linh mục có thể coi sóc một giáo xứ hoặc nhiều giáo họ.

Ngoài ra, còn có các cấp trung gian mang tính liên hiệp gồm giáo tỉnh, giáo hạt.

*Chánh trương*: là người đứng đầu ban hành giáo xứ đạo ở các tỉnh miền Bắc, tương tự như chức Chủ tịch Hội đồng giáo xứ ở các xứ đạo miền Nam; ngoài ra còn có các ông Trùm (miền Bắc), ông Câu (miền Nam) là người trực tiếp cộng tác với các linh mục quản xứ trong việc phục vụ, điều hành các việc trong giáo xứ.

*Phó tế*: là một trong ba chức thánh trong hàng giáo sĩ của giáo hội (phó tế, linh mục, giám mục) và là chức thứ sáu trong

bậc thang tu luyện để có thể trở thành linh mục (ngôn ngữ bình dân gọi là thầy Sáu), có thể được giúp cho các linh mục.

Có 2 chức phó tế: phó tế vĩnh viễn và phó tế chuyển tiếp (thừa tác) của chức linh mục.

Phó tế vĩnh viễn: những người chỉ dừng lại ở chức phó tế mà không có ý định tiến tới chức linh mục. Họ có thể được truyền chức thánh dù họ đã có gia đình.

Phó tế chuyển tiếp của chức linh mục: được truyền cho những chủng sinh muốn tiến tới chức thánh linh mục sau khi đã được đào tạo trong chủng viện đầy đủ, nhưng phải có thời gian thực hành mục vụ trong các giáo xứ và được xét là thích hợp thì mới có thể tiến tới thánh chức linh mục.

Công đồng Vaticano II đã tái lập chức phó tế vĩnh viễn cho tất cả những người có gia đình vì quá thiếu linh mục.

Trong Giáo hội Anh giáo, từ năm 1987 đã cho truyền chức phó tế cho phụ nữ và có hơn 700 phụ nữ Anh nhận chức phó tế.

Theo số liệu thống kê năm 2020 của Tòa thánh, trên thế giới có 47.054 phó tế vĩnh viễn; trong đó, tập trung chủ yếu ở châu Mỹ (31.106 người), châu Âu (15.090 người), châu Phi (478 người), châu Đại Dương (476 người), châu Á (354 người).

Ở Việt Nam, ngày 21/12/2018, lần đầu tiên Giáo hội Công giáo phong phó tế vĩnh viễn cho thầy Pacome Nguyễn Danh, đan sĩ dòng Biển Đức Thiên Hòa Việt Nam. Ông sinh năm 1955 và lớn lên tại giáo xứ Loan Lý (Tổng Giáo phận Huế). Năm 1967, ông gia nhập Tiểu chủng viện Hoan Thiện nhưng do hoàn cảnh nên đã trở về với gia đình. Sau đó, ông lập gia đình, có 4 người con gồm 2 con trai và 2 con gái. Năm 1986,

khi vợ ông qua đời, ông đã một mình nuôi con. Đến năm 2002, sau khi 3 người con đầu đã lập gia đình, người con gái út gia nhập dòng Mến Thánh Giá Huế, ông một lần nữa theo đuổi ơn gọi tu trì, xin sống đời Thánh hiến trong dòng Biển Đức Thiên Hòa và khấn trọn vào năm 2006. Đây cũng là trường hợp phong phú tế đầu tiên cho một người đã từng lập gia đình và có con cái của Giáo hội Việt Nam, theo như những gì được ghi chép lại được biết.

**Câu hỏi 109: Linh mục, giám mục, giám quản, tổng giám mục là gì? Đức Cha, Đức Ông là ai? Ai được gọi là Đức Thánh Cha? Giáo sĩ, hàng giáo phẩm là thế nào?**

**Trả lời:**

*Linh mục* hoặc *Cha* là từ ngữ của tín hữu Công giáo đối với các vị linh mục nói chung, tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Có thể gọi cha già (nếu muốn nhấn mạnh vào tuổi tác), cha giáo (nếu linh mục đã qua giảng dạy ở chủng viện), cha linh hồn (nếu muốn nhấn mạnh phận vụ về linh hồn), cha bề trên (nếu linh mục là bề trên một dòng tu), cha linh hướng (nếu ở tu viện hoặc tu hội), cha tuyên úy (nếu linh mục trong quân đội), cha xứ (nếu linh mục được giao cai quản giáo xứ)...

*Giám mục* là một chức vụ cao cấp thuộc hàng giáo phẩm của Giáo hội Công giáo. Theo thần học Công giáo, giám mục là người kế vị các tông đồ, được đặt làm Mục tử trong Giáo hội, để thi hành nhiệm vụ thánh hóa, giảng dạy và lãnh đạo trong sự hiệp thông với vị thủ lĩnh là Giám mục Rôma và các giám mục khác trong giám mục đoàn. Giám mục là người được Giáo

hoàng phong chức, bổ nhiệm phụ trách giáo phận. Giám mục phải đi đến tất cả các giáo xứ và các khu dân cư có tín hữu Công giáo thuộc giáo phận. Với các giáo phận có địa dư rộng, mỗi giáo xứ trong giáo phận giám mục phải đến thăm ít nhất 5 năm 1 lần. 5 năm 1 lần, giám mục phải về Rôma yết kiến Giáo hoàng và viếng mộ 2 vị thánh tông đồ Phêrô và Phaolô, phải báo cáo toàn bộ tình hình hoạt động của giáo hội trong giáo phận cho Tòa thánh.

Giám mục là người đứng đầu trong giáo phận, chịu trách nhiệm về việc quản lý mọi mặt đối với các giáo sĩ, tu sĩ dưới quyền trong giáo phận. Tất cả các chức vụ giáo sĩ và giáo dân trong giáo phận do giám mục bổ nhiệm, điều hành.

Giám mục có quyền thiết lập các định chế trong giáo phận theo các giáo luật quy định. Các tổ chức giáo hội ở cơ sở cũng do giám mục thiết lập hoặc thay đổi. Giám mục độc quyền triệu tập công nghị giáo phận. Giám mục có toàn quyền cai quản giáo phận theo giáo luật và dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Giáo hoàng. Giúp việc cho giám mục có thể là phó giám mục, giám mục phụ tá và hội đồng linh mục.

*Giám quản* là chức danh chỉ người tạm quản lý giáo phận và công tác mục vụ trong giáo phận dưới quyền chỉ đạo của giám mục giáo phận. Giám mục có thể là một giám mục cũng có thể là một linh mục.

*Tổng Giám mục* là tước vị cao nhất trong hàng giám mục của một tổng giáo phận (xưa gọi là giáo tỉnh), gồm một số giáo phận, làm phận sự dẫn dắt, giúp đỡ các giám mục giáo phận về lễ lối, lễ nghi phụng tự kinh sách, không có quyền

cai trị và quản lý giáo phận (quyền này về lý thuyết, thuộc về giáo hoàng).

Một tổng giám mục cai quản một hoặc nhiều giáo phận, có quyền và bốn phận triệu tập các giám mục về dự công đồng tỉnh, có quyền mở phiên tòa phúc thẩm xét xử một giám mục thuộc quyền ngài. Tuy nhiên, ngài chỉ có quyền tài phán trực tiếp trên giáo phận mình; thường được gọi là tổng giám mục, vì tầm quan trọng của thành phố hay giáo tỉnh mà ngài cai quản, có nhiệm vụ theo dõi sao cho đức tin và kỷ luật của giáo hội được gìn giữ một cách cẩn thận.

*Đức cha* là cách gọi thông dụng đối với các giám mục Công giáo; hình thức xưng hô này của tín đồ đối với giám mục nhằm khơi dậy lòng tôn kính và nghe lời Đức Giám mục.

*Đức ông* là tước vị danh dự do Giáo hoàng ban cho một linh mục, ngầm hiểu có sự phân biệt nào đó có liên quan đến công việc đi kèm với tước vị này; tuy nhiên, có khi tước vị này chỉ ban một cách hiệu tòa, tức là chỉ có tính cách danh dự.

*Đức Thánh Cha* là danh xưng mà các tín hữu Công giáo dành riêng đối với Đức Giáo hoàng - vị Giáo chủ đứng đầu Công giáo Rôma. Giáo hoàng do hội nghị các hồng y giáo chủ bầu ra, cuộc bầu cử tiến hành bí mật, để được bầu vào chức vụ này phải có tối thiểu 2/3 cộng thêm một số phiếu. Lịch sử Vatican tính đến hiện nay đã có 266 giáo hoàng.

*Giáo sĩ* là những người có chức thánh, gồm có: giáo hoàng, hồng y, giám mục, linh mục, phó tế, là những người được thay mặt Thiên Chúa để cai quản giáo hội, giáo huấn và thánh hóa nhân loại. Họ được coi như là người đại diện cho Thiên Chúa

để chặn dắt đàn chiên ở dưới trần gian. Giáo sĩ đạo Công giáo chỉ có nam giới, không có nữ giới. Do được thay mặt Thiên Chúa qua phép truyền chức thánh nên giáo sĩ đạo Công giáo có tính “thánh thiêng”, trở thành người cha thiêng liêng của giáo hội để chặn dắt đàn chiên và cai quản giáo hội.

Giáo sĩ đạo Công giáo phải giữ luật độc thân, không được lấy vợ, sinh con đẻ cái, không tham của cải vật chất, sống chung với nhau thành cộng đồng riêng, thực hành sứ mệnh mà Thiên Chúa đã giao phó. Y phục là áo chùng đen. Lời nói, hành động của các giáo sĩ về lĩnh vực tôn giáo được xem như là lời nói, hành động của Thiên Chúa, mọi giáo dân phải tin và thực hiện theo. Giáo sĩ đạo Công giáo được chia theo nhiều thứ bậc khác nhau gồm có chức phó tế, chức linh mục, chức giám mục.

Hàng giáo phẩm gồm toàn bộ các giáo sĩ cao cấp như giám mục, tổng giám mục, Hồng y, Giáo hoàng.

Hàng giáo phẩm Việt Nam được thiết lập từ khi nào?

Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam được Giáo hoàng Gioan XXIII thiết lập ngày 24/11/1960, gồm toàn bộ các hồng y, Tổng giám mục, giám mục, linh mục và phó tế trong Giáo hội Công giáo Việt Nam. Lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam đến nay có 125 vị giám mục (trong đó có 6 vị giám mục được phong hồng y).

Theo số liệu thống kê của Giáo hội Công giáo Việt Nam năm 2020, Giáo hội hiện có 2 hồng y, 3 tổng giám mục đương nhiệm, 46 giám mục (trong đó có 28 giám mục đương chức và 18 giám mục đã nghỉ hưu), hơn 5.000 linh mục triều và linh mục dòng.

**Câu hỏi 110: Hồng y, khâm sứ là gì?**

**Trả lời:**

Hồng y là tước hiệu cao cấp của Giáo hội Công giáo Rôma, xếp ngay dưới Giáo hoàng, được Giáo hoàng lựa chọn và tấn phong để trợ giúp công tác với Ngài trong việc quản trị Giáo hội hoàn vũ. Hồng y được chia thành ba đẳng cấp: giám mục, linh mục và phó tế. Theo tước sắc Cum gravissima sint, ngày 15/4/1962, của Giáo hoàng Gioan XXIII, tất cả các hồng y đều phải lĩnh chức giám mục. Các hồng y khi đã được vinh thăng đều được ban tước hiệu của một nhà thờ tại Rôma, song họ chỉ có quyền cố vũ, bảo trợ chứ không được quản lý, điều hành những vấn đề kinh tế, kỷ luật, hành chính của nhà thờ đó. Tất cả các hồng y đều có quyền bầu Giáo hoàng, nhưng theo tước sắc Ingravescetem actatem ngày 21/11/1970, của Giáo hoàng Phaolô VI, những hồng y ngoài 80 tuổi không được tham gia bầu giáo hoàng.

Theo Giáo luật (Điều 354), các hồng y dù làm việc tại giáo triều hay các giáo hội địa phương đến 75 tuổi phải đệ đơn lên Giáo hoàng xin từ chức và tùy Giáo hoàng xem xét, định liệu. Họ có quyền nhận danh hiệu “Đức”, mặc đồ màu đỏ, mang một chiếc nhẫn khảm một viên ngọc lam. Mũ đội tượng trưng của họ là chiếc barrette (mũ có ba hay bốn sừng) màu đỏ, mũ lễ bằng lụa trắng dành cho những dịp trọng thể hay những cuộc họp ở Vatican. Chiếc mũ Hồng y nổi tiếng to và bẹp, đánh những quả tua, chủ yếu là một vật tưởng niệm; được mang trong lễ bổ nhiệm giáo chủ và sẽ được đặt lên ngôi mộ khi mất,

biểu trưng này thường đính huy hiệu của giáo chủ trên đỉnh. Thực tế, những sự phân biệt về trang phục này đã được đơn giản hóa đi nhiều.

*Khâm sứ* là người đại diện Giáo hoàng làm đại sứ chính thức ở một quốc gia hay chính phủ và đồng thời còn được gọi là sứ thần, khâm sai.

### **Câu hỏi 111: Thế nào là xưng tội và giải tội?**

#### **Trả lời:**

Xưng tội và giải tội là một hình thức sám hối về những hành vi, thậm chí là cả suy nghĩ, lời nói của bản thân vi phạm giới răn (10 điều răn của Chúa, 6 điều răn của giáo hội), để được giáo hội do linh mục thay mặt Thiên Chúa xem xét và yêu cầu người mắc tội phải thực hiện một số công việc nào đó như đọc kinh hoặc làm việc thiện để chuộc lại lỗi lầm của mình. Việc giải tội chỉ có hiệu quả khi những tín đồ mắc tội tự mình nhận với linh mục (thay mặt Chúa) và sự chỉ bảo, yêu cầu của linh mục buộc người ấy phải thực hiện một số công việc nào đó.

Đây là một trong bảy phép bí tích của Giáo hội Công giáo nhằm tha thứ những tội lỗi mà bản thân mỗi tín đồ mắc phải. Người được giải tội phải tự xét về hành vi, lời nói, tư duy của mình trên cơ sở đối chiếu với các giới của Thiên Chúa và Giáo hội, rồi xưng những tội lỗi mắc phải với linh mục một cách trung thành. Theo định nghĩa của Giáo luật Công giáo, “tội là một lời nói, một hành vi, hoặc một ước ao nghịch với lề luật vĩnh cửu”.



Quyền giải tội thuộc về tầng lớp giáo sĩ của Giáo hội Công giáo như linh mục, giám mục, giáo hoàng. Linh mục với tư cách thay mặt Thiên Chúa ngồi trong tòa giải tội luận xét, định ra những hình thức sửa chữa đền tội bằng những việc làm nhân đức như đọc kinh hay làm một việc thiện nào đó. Từ Công đồng Latran I (1123), Giáo hội quy định mỗi năm tín đồ xưng tội ít nhất một lần vào mùa chay.

**Câu hỏi 112: Tìm hiểu về Lễ Giáng sinh?**

**Trả lời:**

Giáng sinh là ngày lễ kỷ niệm Chúa Giêsu ra đời. Ngày lễ, xuất hiện vào khoảng năm 354, để kỷ niệm lễ mừng ngày sinh của người khởi xướng đạo, nhưng không có sử liệu nào cho biết Chúa Giêsu sinh ra ngày, tháng, năm nào, nên mỗi nơi chọn một ngày khác nhau.

Các giáo hội chính thống vẫn tổ chức vào ngày 6/1 hằng năm. Từ gốc Noel chỉ có nghĩa là “đẻ”; còn các khái niệm “Cây Noel”, “Ông già Noel”,... đều không liên quan đến việc Chúa Giêsu ra đời. Tục làm hang đá bắt đầu từ năm 1223 theo sáng kiến của giáo sĩ Phrăngxoa Đatxi dựng một hang đá trong rừng già Grecxiô giống như hang Bêlem tả lại cảnh đêm giáng sinh; sau này nhiều nơi dựng hang đá giả trong đêm Noel để thu hút nhiều người tới xem, dần dần biến thành tục lệ cho nhiều gia đình. Theo thói quen, nhiều nơi coi lễ Noel 25/12 là dịp cổ vũ lòng yêu chuộng hòa bình, lành thiện và vun đắp hạnh phúc cho con người trên thế giới.

**Câu hỏi 113: Thế nào là họ đạo, giáo xứ, giáo hạt, giáo phận, giáo tỉnh và giáo miền?**

**Trả lời:**

*Họ đạo* (còn gọi là giáo họ) là một đơn vị dưới giáo xứ và trực thuộc vào giáo xứ. Họ đạo là một tổ chức, một bộ phận cấu thành quan trọng của giáo hội cơ sở. Đây là một tổ chức Công giáo độc đáo riêng có của Việt Nam.

Xuất phát từ vị trí quan trọng của làng Việt truyền thống, các thừa sai trước đây đã dựa vào đó xây dựng tổ chức giáo hội cơ sở tương ứng để truyền giáo, phát triển đạo. Cụ thể, ở miền Bắc và miền Trung, cấu trúc của làng Việt truyền thống khá chặt chẽ với nhiều tầng bậc, vì vậy, tổ chức cơ sở Công giáo ở đây cũng được xây dựng tương ứng có nhiều cấp. Mỗi xứ đạo gồm một vài họ đạo, mỗi họ đạo có một số dâu, giáp đạo. Xứ đạo thường tương ứng với một làng xã, họ đạo tương ứng với thôn, còn dâu, giáp đạo tương ứng với xóm, ngõ. Ngược lại, ở miền Nam, cấu trúc của làng Việt khá đơn giản nên đơn vị giáo hội cơ sở cũng đơn giản, thường chỉ có một cấp là xứ đạo.

*Giáo xứ* còn gọi là địa sở, xứ đạo, là cấp hành chính chính thức thứ ba (sau giáo hội hoàn vũ và giáo phận) của giáo hội. Giáo xứ là một đơn vị căn bản của tổ chức giáo hội cơ sở với một cộng đồng tín hữu có tổ chức được thiết lập một cách bền vững trong giáo phận. Điều 515 Bộ Giáo luật 1983 quy định: Giáo xứ là một cộng đồng tín hữu được thiết lập một cách bền vững ở trong giáo hội địa phương mà việc săn sóc mục vụ

được ủy thác cho cha xứ làm chủ chăn riêng, dưới quyền của giám mục giáo phận.

Như vậy, bốn phận căn bản của giáo xứ là xây dựng và phát triển cộng đồng tín hữu dưới sự săn sóc của linh mục quản xứ; và mối liên hệ của giáo xứ với giáo phận là mối quan hệ trên - dưới, chịu sự quản lý và điều hành chặt chẽ. Mỗi giáo xứ có thể chia thành những đơn vị nhỏ, ở Việt Nam đó là các họ đạo, các khu, các giáp...

Tùy theo tính chất mà giáo xứ được phân loại thành giáo xứ tông thổ và giáo xứ tông nhân. Điều 518 Bộ Giáo luật 1983 xác định rằng, giáo xứ tông thổ được phân định dựa trên địa vực cư trú của tín đồ, có ranh giới nhất định và: *giáo xứ phải có tính cách tông thổ, nghĩa là bao gồm tất cả các tín hữu thuộc một địa sở nhất định; tuy nhiên, ở đâu thấy thuận lợi, cũng có thể thiết lập các giáo xứ tông nhân xét về lý do lễ điển, ngôn ngữ, quốc tịch của các tín hữu thuộc về một lãnh thổ hay kể cả một lý do nào khác.* Giáo xứ tông nhân là giáo xứ không có lãnh thổ riêng, được cấu thành do một số người nào đó được quy định theo luật vì lý do ngôn ngữ, lễ điển hay chủng tộc.

*Giáo hạt* là đơn vị liên kết giữa một số giáo xứ (thường ở gần nhau) trong phạm vi giáo phận do giám mục thiết lập.

Mỗi giáo hạt có một linh mục đứng đầu, gọi là linh mục hạt trưởng (do các linh mục bầu hoặc giám mục bổ nhiệm). Trên thực tế, vị linh mục hạt trưởng không có thẩm quyền cai quản trên các giáo xứ trong giáo hạt mà chỉ khuyến khích các hoạt động mục vụ trong hạt; tổ chức, đôn đốc việc trao đổi kiến thức thần học cho các linh mục và lo liệu đời sống giáo sĩ. Tuy nhiên,

đây cũng là chức vị được trọng vọng nên việc bầu chọn hạt trưởng luôn là vấn đề được cân nhắc kỹ lưỡng. Giáo hạt là một tổ chức có tính liên giáo xứ đạo gần nhau để tiện cho việc quản lý giáo sĩ, các địa phận thường chia ra thành nhiều giáo hạt. Cũng như giáo tỉnh, giáo hạt không phải là đơn vị hành chính đạo mà chỉ là đơn vị có tính trung gian giữa các xứ đạo và giám mục giáo phận. Đứng đầu giáo hạt là linh mục hạt trưởng hay linh mục quản hạt. Linh mục quản hạt có trách nhiệm tổ chức liên kết các linh mục trong giáo hạt của mình trong hoạt động mục vụ, thăm viếng các xứ đạo, phúc trình tình hình các xứ trong hạt với giám mục giáo phận.

*Giáo phận* còn được gọi là địa phận hoặc giáo hội địa phương là một đơn vị hành chính đạo trong cơ cấu tổ chức Công giáo. Điều 369 Bộ Giáo luật 1983 quy định:

Giáo phận là một phần dân Chúa được giao phó cho một giám mục săn sóc cùng với sự cộng tác của linh mục đoàn, để nhờ sự liên kết với chủ chăn mình và bởi sự tập hợp của chủ chăn trong Chúa Thánh Linh, nhờ Phúc Âm và Thánh Thể, cộng đồng ấy lập thành giáo hội địa phương, trong đó giáo hội của Đức Kitô, duy nhất thánh thiện, Công giáo và tông truyền thực sự hiện diện và tác động.

Số lượng giáo dân, phạm vi hoạt động và ảnh hưởng của một giáo phận được giới hạn trong một địa giới nhất định mà giáo luật gọi là lãnh thổ. Giáo phận là cấp hành chính chính thức thứ hai của Giáo hội Công giáo, trực thuộc Tòa thánh Vatican về mọi phương diện. Tương đương với giáo phận là phủ doãn tông tòa và giám quản tông tòa (đơn vị hành chính

tương đương với giáo phận nhưng vì lý do riêng biệt chưa được Tòa thánh nâng lên hàng giáo phận).

Giáo phận được chia thành giáo phận tông nhân và giáo phận tông thổ. Sự phân chia này dựa vào tính chất khác biệt nhiều mặt của các tín đồ, theo đó, giáo phận tông thổ là loại giáo phận được phân định dựa trên địa vực cư trú của tín đồ, có ranh giới nhất định. Điều 372 Bộ Giáo luật 1983 quy định: Một phần dân Chúa, tạo thành một giáo phận hoặc một giáo hội địa phương khác được giới hạn trong một lãnh thổ nhất định, để bao gồm tất cả các giáo hữu đang cư ngụ trong lãnh thổ. Trong khi đó, giáo phận tông nhân lại được phân chia không dựa theo lãnh thổ, địa vực cư trú mà căn cứ vào những điểm tương đồng trong nghi lễ, ngôn ngữ, nghề nghiệp... của các tín đồ. Cai quản giáo phận là giám mục hay tổng giám mục. Giám mục giáo phận vừa là đại diện của giáo hội hoàn vũ đối với các tín hữu trong giáo phận mà mình cai quản; đồng thời là người đứng đầu, đại diện của giáo hội địa phương trong việc hiệp thông với giáo hội hoàn vũ và các giáo hội địa phương khác. Hiện nay, ở nước ta có 26 địa phận với 44 giám mục.

*Giáo tỉnh* bao gồm hai hay nhiều giáo phận trong một khu vực để liên kết với nhau trong quá trình hoạt động mục vụ. Điều 431 Bộ Giáo luật 1983 nêu rõ:

Để cổ vũ sự hoạt động mục vụ chung giữa các giáo phận lân cận, tùy theo hoàn cảnh về nhân sự và về nơi chốn, cũng như để xiết chặt hơn những liên lạc hỗ trợ giữa các giám mục giáo phận, các giáo hội địa phương gần nhau sẽ được hợp lại thành các giáo tỉnh, với giới hạn lãnh thổ rõ rệt.

Đứng đầu giáo tỉnh là tổng giám mục có các quyền hạn chủ yếu sau: chăm lo đức tin và kỷ luật của Giáo hội trong giáo tỉnh; kinh lý các giáo phận trực thuộc nếu giám mục không thể thực hiện; đề cử giám mục giáo phận sau 8 ngày trống ngôi mà chưa có giám quản; cử hành mọi nghi lễ tại các nhà thờ trong giáo tỉnh sau khi báo cho giám mục giáo phận biết.

Giáo miền là liên hiệp của nhiều giáo tỉnh trong một nước, do Tòa thánh Vatican lập ra với mục đích hỗ trợ việc truyền giáo, quản lý hoạt động mục vụ và thiết lập mối quan hệ giữa giáo hội với chính quyền nhà nước. Do giáo miền không phải là cấp hành chính chính thức nên đơn vị này không nhất thiết có pháp nhân trong tổ chức của giáo hội. Các giám mục trong giáo miền lập ra hội đồng giám mục. Hội đồng giám mục có quyền triệu tập Công đồng toàn miền để bàn thảo và định ra những nghị quyết, đường lối hoạt động trong khuôn khổ giáo luật.

**Câu hỏi 114: Thế nào là lễ buộc, lễ trọng, mạc khải?**

**Trả lời:**

*Lễ buộc* là ngày lễ quan trọng do lịch phụng vụ hằng năm đưa ra, trong các ngày lễ này, bất kể vì lý do gì các tín đồ không được vắng mặt như lễ Chúa nhật...

*Lễ trọng* là những ngày lễ quan trọng trong năm của giáo hội, những ngày lễ trọng này có một số thay đổi tùy theo lịch phụng vụ hằng năm mà Tòa thánh đưa ra hoặc do hội đồng giám mục của các quốc gia đưa ra như: Các lễ trọng về Chúa; Các lễ trọng về Đức Mẹ và các thánh trong lịch chung; Các lễ trọng riêng như lễ kính tước hiệu nhà thờ, lễ kỷ niệm cung hiến

thánh đường; Các lễ trọng kính Thánh Tâm Chúa Giêsu, Đức Mẹ lên trời (15/8); Các lễ trọng buộc; Các lễ trọng không buộc. Lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời...

*Mạc khải* là sự vén mở bức màn bí mật của Thiên Chúa với con người, sự tác động trong yên lặng của Thượng đế bộc lộ những điều vượt tầm hiểu biết của con người. Hai từ ngữ “mạc khải” và “mạc khải” đồng nghĩa, nhưng Công giáo chỉ sử dụng từ ngữ “mạc khải”. Theo thần học Công giáo, mạc khải chính vì Thiên Chúa vượt trên tư tưởng và ngôn ngữ loài người. Ngài là Thiên Chúa giấu ẩn, không thể nào đến gần được, ý định của Ngài là một màu nhiệm. Ngài hướng dẫn bước đi của con người mà chính họ lại không hiểu đường lối. Trong cuộc sống, con người gặp phải những bí nhiệm về cuộc đời không thể tự tìm thấy ánh sáng cần thiết. Con người phải quay về với Đấng làm chủ các điều bí ẩn, để Ngài tỏ bày những bí mật không thể hiểu thấu, để Ngài cho thấy vinh quang Ngài. Nhưng trước khi con người quay về với Ngài, Thiên Chúa đã khởi xướng mà nói với họ rồi. Chỉ có những Đấng giáo chủ hay những nguyên căn lớn có nhiệm vụ cứu đời mới có thể nhận được những mạc khải của Thượng Đế.

**Câu hỏi 115: Mười hai Thánh tông đồ là ai? Thế nào là năm toàn xá và ngày tận thế?**

**Trả lời:**

Mười hai sứ đồ được Chúa Giêsu chọn, gồm có:

- 1) Simon được Chúa Giêsu gọi là Phêrô.
- 2) Andrew.

- 3) James "Lớn" (trong tiếng Việt là Giacôbê hoặc Giaco).
- 4) John (Gioan hay Giảng).
- 5) Philip người thành Bethsaida xứ Galilee.
- 6) Bartholomew (tiếng Việt là Batôlômêô).
- 7) Thomas, cũng gọi là Thomas Didymus.
- 8) James "Nhỏ" (phiên âm tiếng Việt là "Giacôbê", con ông Anphê).
- 9) Matthew (Mát Thêu hoặc Ma Thio): người thu thuế.
- 10) Simon người Canaan.
- 11) Judas Iscariot "kẻ bội phản"; được cho là người muốn phục hồi quốc gia Do Thái; sau khi Judas Iscariot tự vẫn, Matthias được chọn vào chỗ của Judas Iscariot trong các tông đồ.
- 12) Thaddaeus, trong Phúc âm Luca gọi là Judas, con của James.

*Năm thánh* (năm toàn xá): Là năm đại xá của Công giáo, được đánh dấu bằng nhiều nghi lễ ở Rôma. Ngày xưa, năm thánh được cử hành một trăm năm một lần, ngày nay cứ 25 năm một lần.

*Ngày tận thế* là một sự tiên đoán ghi trong giáo lý đạo Công giáo cho rằng, đến một ngày kia toàn thế giới sẽ bị hủy diệt, con người sẽ chết. Từ trong tro bụi, các thế hệ được sống lại, khi đó Chúa Giêsu lại xuống trần một lần nữa để có lời phán xét cuối cùng (gọi là ngày phán xét chung). Nếu ai không có tội thì được lên Thiên đường, nếu ai có tội thì phải xuống hỏa ngục. Từ đây, con người được sống sung sướng mãi mãi như thời kỳ Adam và Eva sống nơi vườn địa đàng.



**Câu hỏi 116: Tội tổ tông là thế nào? Rút phép thông công và treo chén là gì?**

**Trả lời:**

Tội tổ tông là tội của Adam và Eva, hai con người đầu tiên Chúa tạo ra đã trái lệnh cấm, nghe theo dụ dỗ của rắn độc, ăn quả cấm, do đó biết xấu hổ vì trần trướng. Chúa phạt cả loài người mãi mãi chịu tội tổ tông này, kẻ nào mới sinh ra đều phải chịu qua phép rửa tội lần đầu - "là phép cho ta khỏi tội tổ tông truyền mà nên con cái Đức Chúa Trời".

Tội nguyên tổ hoặc là tội Adam đã phạm trong tư cách thủ lĩnh nhân loại, hoặc là tội do ông truyền sang cho con cháu, khiến mọi người được thụ thai và sinh ra với tội ấy, ngoại trừ Đức Kitô và Mẹ Người.

Tội của Adam được gọi là tội nguyên tổ trong tư cách là nguyên nhân, tội của con cháu ông được gọi là tội nguyên tổ trong tư cách là hậu quả. Tội của Adam có tính cách cá nhân và nghiêm trọng, tác động lên bản tính con người. Có tính cách cá nhân vì ông đã chủ động phạm tội với tất cả sự tự do. Nghiêm trọng vì ông đã vi phạm một điều Chúa nghiêm cấm; tác động lên toàn thể nhân loại vì do tội đó, ông đã tước mất của hậu sinh sự sống siêu nhiên mà khi chào đời họ đã có thể hưởng được nếu Adam không phạm tội. Tội nguyên tổ nơi con cháu Adam cũng có tính cách cá nhân, nhưng chỉ theo nghĩa mỗi người trong họ đã bị liên lụy vì tội ấy chứ không phải theo nghĩa mỗi người tự ý phạm tội ấy. Tội này cũng nghiêm trọng nhưng chỉ theo nghĩa do tội ấy con người

không được hưởng phúc chứ không vì tội ấy mà con người bị kết án trầm luân hỏa ngục. Tội này cũng nằm trong bản tính theo nghĩa nếu không có sự can thiệp đặc biệt của Thiên Chúa thì ai cũng phải mang tội ấy và chỉ có thể xóa bỏ tội ấy nhờ các phương pháp siêu nhiên.

*Rút phép thông công* là một hình phạt khai trừ một giáo sĩ hoặc tín đồ ra khỏi giáo hội vì phạm trọng tội.

*Treo chén* là chỉ việc các linh mục, giám mục bị đình chỉ việc cử hành các phép bí tích (muốn làm bí tích, phải có bánh và rượu, bánh đựng trong đĩa thánh, còn rượu đựng trong chén, treo chén là nói một cách hình tượng việc không được dùng đến chén đựng rượu thánh, nghĩa là đình chỉ thực hành bí tích - chức năng chủ yếu của giáo sĩ).

Tuy nhiên, treo chén cũng có thể được hiểu là giáo sĩ bị cấm làm lễ nơi đông người, có cầm chén rượu thánh để “uống máu thánh”, nhưng vẫn có thể được làm thánh lễ một cách riêng tư không có đông người dự. Vạ treo chén có thể sẽ được “xá giải”, nếu cấp ra vạ xét thấy đương sự đã thật tình sám hối. Treo chén là một trong các hình thức “phạt vạ” của giáo hội đối với giáo sĩ; bên cạnh treo chén, còn có hình thức kỷ luật treo quyền, nghĩa là đình chỉ các quyền lợi như được nhận tiền bổng lễ, được lên tòa giảng, được đi “ban phúc” cho họ lễ...

### **Câu hỏi 117: Tìm hiểu về quốc gia Vatican?**

#### **Trả lời:**

Vatican là lãnh thổ trung tâm của Đức Giáo hoàng được thành lập theo Hiệp ước Lateranô giữa Tổng thống Italia Mutxônini với Giáo hoàng Piô XI vào năm 1929.

Nhà nước Vatican nằm trong thành phố Rô-ma Thủ đô của nước Italia, với tổng diện tích là 43,48 ha; gồm có điện Vatican, đền thờ thánh Phê-rô, đài phát thanh Vatican và nhiều tòa nhà khác cho Giáo hoàng sử dụng cũng như để điều hành giáo hội trên toàn cầu. Quyền tối hậu của quốc gia Vatican được tập trung nơi Đức Giáo hoàng, nhưng trong thực tế được thi hành qua Ủy ban Giáo hoàng đặc trách quốc vụ (hay phủ quốc vụ khanh).

Về mặt chính trị: Đây là một quốc gia trung lập, có đủ mọi đặc quyền và nghĩa vụ của một quốc gia có chủ quyền. Văn phòng thư ký của Đức Giáo hoàng sẽ lo thiết lập những quan hệ ngoại giao với các nước khác.

**Câu hỏi 118: Công giáo được truyền đến Việt Nam khi nào? Vai trò của Công giáo ở Việt Nam?**

**Trả lời:**

Công giáo được truyền vào Việt Nam thế kỷ XVI và trải qua nhiều thời kỳ lịch sử trong quá trình tồn tại và phát triển.

Công giáo là một tôn giáo du nhập từ nước ngoài vào, sau hơn bốn thế kỷ tồn tại đã từng bước thích hợp với văn hóa bản địa và trở thành một trong những tôn giáo chính ở Việt Nam.

Là tôn giáo độc thần, lúc đầu Công giáo có nhiều điều xa lạ với tâm thức người Việt, song cùng với thời gian và khả năng thích nghi, Công giáo đã tìm được một vị trí đáng kể trong đời sống văn hóa, tâm linh người Việt.

Hiện nay Công giáo có mặt trên hầu hết lãnh thổ Việt Nam và có số lượng khoảng trên 7 triệu tín đồ.

Trong quá trình truyền giáo, tồn tại và phát triển, Công giáo đã góp phần không nhỏ vào quá trình giao lưu văn hóa. Sự đóng góp của Công giáo trong các lĩnh vực: ngôn ngữ, kiến trúc, âm nhạc, lịch... đã làm phong phú, văn minh thêm đời sống văn hóa của dân tộc Việt Nam. Công giáo là một tôn giáo mà phần lớn tín đồ là những người lao động, do đó, có tính quần chúng sâu sắc. Công giáo đề cao những giá trị đạo đức như lòng nhân ái, tính nhân bản, lòng trung thực...

Công giáo đã có sự chung sống, hòa đồng với các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam và xu thế đó ngày càng được khẳng định. Điều đó đã góp phần không nhỏ vào việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

**Câu hỏi 119: Tìm hiểu về Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam?**

**Trả lời:**

Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam (tên viết tắt của tổ chức Ủy ban Đoàn kết người Công giáo Việt Nam xây dựng và bảo vệ Tổ quốc) là một tổ chức tập hợp người Công giáo Việt Nam yêu nước vì mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chính thức thành lập năm 1983, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Những tổ chức tiền thân là các tổ chức trong phong trào yêu nước của người Công giáo Việt Nam, các tổ chức của phong

trào Công giáo yêu nước đã hình thành ngay từ những thập kỷ đầu thế kỷ XX, nhất là từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong những điều kiện đặc biệt, với những hình thức khác nhau ở từng địa phương, như Hội Công giáo Cứu quốc Nam Bộ hạt nhân nòng cốt là các linh mục Hồ Thành Biên, Võ Thành Trinh,...; Ủy ban Liên lạc những người Công giáo kháng chiến Khu Ba, Khu Tả Ngạn, hạt nhân nòng cốt là các linh mục Vũ Xuân Kỳ, Nguyễn Thế Vịnh, Phạm Quang Phước. Các tổ chức Công giáo yêu nước này đã phát hành tờ báo *Vì Chúa, Vì Tổ quốc*. Ở Nam Bộ, *Sáng danh Chúa* ở Bắc Bộ để tuyên truyền, phát huy lòng yêu nước trong đồng bào Công giáo.

Năm 1953, tại Hội nghị Tôn giáo toàn quốc, các đại biểu Công giáo đã nhất trí thống nhất các tổ chức Công giáo kháng chiến, nhưng do điều kiện chiến tranh nên ý định thống nhất các tổ chức yêu nước chưa thực hiện được. Tháng 11/1955, những người tham gia các tổ chức đó đã tập hợp lại, lập ra Ủy ban Liên lạc toàn quốc những người Công giáo Việt Nam yêu hòa bình, yêu Tổ quốc, gọi tắt là Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc, có tôn chỉ mục đích và cơ quan ngôn luận là Tờ báo Chính Nghĩa. Tổ chức này có lúc đã tập hợp trên 300 giáo sĩ và hàng trăm nghìn giáo dân.

Sau ngày đất nước thống nhất, phong trào yêu nước của giới Công giáo có những chuyển biến tích cực, cùng với Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc, một số địa phương cũng hình thành tổ chức yêu nước của người Công giáo như Ủy ban Vận động Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1980). Năm 1981, Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc họp hội nghị mở rộng và đề

ngộ thành lập tổ chức thống nhất của phong trào Công giáo của cả nước. Tháng 11/1983, Đại hội đại biểu những người Công giáo Việt Nam đã thành lập Ủy ban Đoàn kết những người Công giáo Việt Nam xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (gọi tắt là Ủy ban Đoàn kết Công giáo), tiếp nối vai trò các tổ chức tiền thân, là nơi quy tụ những người Công giáo quan tâm đến công việc đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội cũng thông qua điều lệ tổ chức và đổi tên tờ báo *Chính Nghĩa* thành tờ *Tuần báo Người Công giáo Việt Nam*, cùng với việc duy trì *Tờ Công giáo và Dân tộc* của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu hỏi 120: Đạo Tin Lành ra đời như thế nào? Phân biệt đạo Tin Lành và Công giáo?**

**Trả lời:**

*Đạo Tin Lành* ra đời vào đầu thế kỷ XVI, là kết quả của công cuộc cải cách Giáo hội do Linh mục Martin Luther (1483 - 1546) dựa trên công trình nghiên cứu của những nhà thần học thời kỳ tiền cải cách, như: John Wycliffe (1330 - 1384), William Tyndale (1494 - 1536), Jean Calvin (1509 - 1564).

Từ thế kỷ XV, xã hội châu Âu xuất hiện những nhân tố mới, đó là sự ra đời của giai cấp tư sản và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Giai cấp tư sản tấn công mạnh mẽ vào Giáo hội Công giáo La Mã - chỗ dựa chính trị và tinh thần của chế độ phong kiến châu Âu. Vì thế, Giáo hội Công giáo lâm vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng. Trong điều kiện đó, cuộc cải cách tôn giáo do Martin Luther và Jean Calvin đề xướng đã dẫn tới

sự phân hóa giáo hội và giáo phái Tin Lành ra đời. Cũng thời kỳ đó, Giáo hội Anh đã tách khỏi Giáo hội Rôma để trở thành giáo phái độc lập: Anh giáo.

*Phân biệt Đạo Tin Lành và Công giáo:*

Đạo Tin Lành tách ra từ Công giáo cho nên về Kinh Thánh và hệ thống tín điều căn bản của Tin Lành cơ bản giống với Công giáo. Tuy nhiên, Tin Lành có những đặc điểm riêng.

- Kinh Thánh Tin Lành cũng bao gồm hai phần: Cựu ước và Tân ước. Nếu như Cựu ước của Công giáo có 46 quyển và chia thành 3 loại thì Cựu ước của Tin Lành chỉ có 39 quyển. Còn Tân ước, Tin Lành cũng có 27 cuốn như Công giáo và cũng chia thành ba loại tương tự nhau (sách về lịch sử, sách về giáo huấn và sách về tiên tri).

Kinh Thánh là nền tảng thực hành đức tin duy nhất của đạo Tin Lành, Kinh Thánh có thẩm quyền cao nhất trong sinh hoạt và tổ chức của Giáo hội Tin Lành.

+ Kinh Thánh Tin Lành: Gồm 66 quyển, chia thành hai phần: Cựu ước (39 sách) và Tân ước (27 sách).

Cựu ước gồm 39 quyển: Quyển của Môise (5 sách), các sách lịch sử (12 sách), các sách văn thơ (5 sách), và các sách tiên tri (17 sách).

Tân ước gồm 27 quyển: Sách Phúc âm (04 sách), Sách lịch sử (1), các thư tín (21 quyển) và tiên tri (1 quyển).

+ Kinh Thánh Công giáo: Ngoài 66 quyển trong Kinh Thánh được quy điển chung, Giáo hội Công giáo thêm vào 7 sách trong Cựu ước (Giuditha, Huấn ca, Khôn ngoan, Barúc, Maccabê 1 và 2, và Tôbia) viết trong khoảng thời gian giữa Cựu ước và Tân ước.

- Về hệ thống tín điều căn bản: Tin Lành cũng có 5 tín điều căn bản như Công giáo: 1) Thiên Chúa và sự sáng tạo thế giới của Thiên Chúa; 2) Con người và sự sa ngã của con người; 3) Chúa Giêsu và công cuộc cứu chuộc; 4) Chúa Giêsu trở lại và sự phán xét cuối cùng; 5) Thiên đường và địa ngục, thiên thần và ma quỷ.

Năm tín lý Duy nhất:

(1) Duy Ân điển (Sola gratia)

Chỉ bởi ân điển mà con người nhận lãnh sự cứu rỗi, không phải bởi nhờ công đức. Như thế, cứu rỗi là sự cho của Đức Chúa Trời, không phải là từ nỗ lực của con người. Điều này đi ngược với giáo lý công đức của Giáo hội Công giáo.

(2) Duy Đức tin (Sola fide)

Con người được xưng công chính (nghĩa là trở nên vô tội trong mắt Thiên Chúa) chỉ bởi đức tin, không phải bởi việc lành; đời sống được cứu rỗi bởi đức tin, đức tin luôn sản sinh các việc lành, trái với tín lý của Công giáo: “Đức tin và việc lành dẫn đến sự xưng công chính”.

(3) Duy Kinh Thánh (Sola scriptura)

Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, là thẩm quyền và mặc khải duy nhất đến từ Thiên Chúa được ban cho mọi người (nghĩa là mọi người có thể học và hiểu Kinh Thánh). Học thuyết này đi ngược lại giáo huấn của Giáo hội Công giáo cho rằng Kinh Thánh chỉ nên được giải thích theo Truyền thống Tông đồ, gồm có Giáo hoàng và các giám mục tại các cộng đồng của giáo hội.

(4) Duy Chúa Giêsu Cơ Đốc (Solus Christus hoặc Solo Christo)



Chúa Giêsu Cơ Đốc là Đấng Trung bảo duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người. Không phải bà Mary (Maria hoặc Mari), hoặc các thánh, cũng không phải linh mục (hoặc bất kỳ ai khác ngoài Chúa Giêsu Cơ Đốc) có thể hành xử như là đấng trung bảo để đem sự cứu chuộc đến cho loài người. Tín lý này là bất đồng với giáo lý Công giáo về sự cầu nguyện thay của các thánh và về chức năng của linh mục.

(5) Duy Đức Chúa Trời được tôn vinh (Soli Deo Gloria)

Mọi vinh hiển đều dành cho Đức Chúa Trời, vì sự cứu rỗi là công việc bởi tay Người làm, không chỉ là sự chết chuộc tội của Chúa Giêsu trên thập tự giá, nhưng còn là sự ban cho đức tin hầu con người được cứu rỗi bởi sự chuộc tội ấy.

Tin Lành chỉ thừa nhận Chúa Giêsu và Kinh Thánh, không công nhận quyền lực của Tòa thánh Rôma và Công đồng chung. Trong tiếp nhận giáo lý, Tin Lành đề cao Kinh Thánh, song sử dụng có chọn lọc. Những gì Tin Lành cho không phù hợp thì gạt bỏ.

Về mặt đức tin, Tin Lành chỉ thờ chúa Giêsu, không lạy thờ Maria cùng các Thánh tông đồ; Tin Lành tin có các thiên sứ, Thánh tông đồ, Thánh tử đạo và các thánh khác, song không sùng bái và lạy thờ họ. Tin Lành tin có sự hoài thai Chúa Giêsu màu nhiệm của bà Maria, nhưng lại cho rằng bà không phải là mẹ Thiên Chúa và chỉ đồng trinh cho tới khi sinh Chúa. Tin Lành tin có Thiên đường, hỏa ngục nhưng không quá coi trọng, không dùng nó để khuyến khích, răn đe hoặc trừng phạt tín đồ. Đạo Tin Lành không có quan niệm về luyện ngục. Tin Lành cho rằng mọi tín đồ đều có quyền đọc và hiểu lời Chúa

theo cách của mình thông qua trực tiếp đọc Kinh Thánh (khác với quan niệm của Công giáo đó là quyền của Giáo hoàng, giám mục, linh mục). Mặt khác, Tin Lành đặc biệt đề cao lý trí trong xây dựng đức tin và cho rằng chỉ có đức tin mới đưa con người tới sự cứu chuộc. Tin Lành quan niệm mỗi người tự tìm đến với Chúa và giáo sĩ (mục sư, truyền đạo) chỉ là người hướng dẫn, cố vấn cho việc đi tìm con đường ấy.

**Câu hỏi 121: Đặc điểm của luật lệ, lễ nghi Tin Lành?**

**Trả lời:**

Tin Lành là một tôn giáo cách tân, coi trọng lý trí trong đức tin do vậy mà luật lệ, lễ nghi và cách thức hành đạo khá đơn giản.

Trong 7 phép bí tích của Công giáo, đạo Tin Lành chỉ thực hiện 2 phép: Rửa tội (Báptem-Baptism) và Thánh thể (Tiệc thánh - Holy Communion). Đạo Tin Lành cho rằng, Kinh thánh chỉ nói đến 2 phép đó. Thậm chí, Giáo hội Calvin chỉ công nhận bí tích rửa tội, còn bí tích thánh thể được cử hành chỉ là gọi lại ký ức về cái chết của Chúa Giêsu để thực hành sự cứu chuộc.

(1) Thánh lễ Báptem (Baptism)

Ý nghĩa của thánh lễ Báptem là tín nhân công khai niềm tin nơi Chúa Cứu thế Giêsu, nhận mình đã bị chết và chôn đời sống cũ với Chúa Cứu thế, và cùng sống với Chúa trong con người mới.

(2) Thánh lễ Tiệc thánh (Holy Communion)

Thánh lễ Tiệc thánh nhắc nhở người dự về ý nghĩa của sự chết đền tội của Chúa Cứu thế Giêsu thay cho con người, và sự

liên hiệp với Cứu Chúa qua bánh và nước Nho trong lễ Tiệc thánh (tượng trưng cho thân thể và huyết vô tội của Chúa Cứu Thế Giêsu đã đổ ra đền tội thay người dạn), đồng thời nhắc tín nhân nhớ rao truyền sự chết của Cứu Chúa cho mọi người, và hy vọng ngày tương lai sẽ được chung dạn với Chúa trên Thiên đàng.

Phép Thánh thể của Công giáo tiến hành với nghi thức khá rườm rà, phức tạp, tín đồ chỉ được ăn bánh Thánh, còn rượu Thánh chỉ dành cho giáo sĩ. Đạo Tin Lành, tín đồ và giáo sĩ đều cùng ăn và uống bánh Thánh, rượu Thánh. Phép Thánh thể thường được tổ chức vào chủ nhật đầu của tháng.

Rửa tội theo quan niệm của Tin Lành không phải là tẩy trừ tội lỗi một cách linh nghiệm mà là thực hiện sự liên lạc bằng lương tâm và lý trí đối với Chúa Trời. Do vậy, người chịu lễ phải đủ 14 tuổi để hiểu biết lễ đạo, phải sống trong sạch, không được phạm tội. Nghi lễ của phép Báptem không phải là vẩy nước lên đầu một cách tượng trưng mà là chìm mình ngập nước (theo cách Thánh Gioan rửa tội cho Chúa Giêsu trên sông Gioócđan). Tín đồ Công giáo thường xưng tội trong phòng kín trước linh mục, còn tín đồ Tin Lành xưng tội trực tiếp với Chúa Giêsu.

***Câu hỏi 122: Đặc điểm của Nhà thờ đạo Tin Lành? Giới thiệu những ngày lễ trọng của đạo Tin Lành?***

***Trả lời:***

Nhà thờ của đạo Tin Lành thường đơn giản, kiến trúc theo lối hiện đại và trong nhà thờ không có tranh, ảnh, tượng chỉ có

cây thập giá biểu tượng Chúa Giêsu chịu nạn. Do tín hữu đạo Tin Lành thực hiện điều răn thứ 2 của Đức Chúa Trời truyền dạy trong Kinh Thánh: *“Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi thấp này, hoặc trong nước dưới đất”* (Kinh Thánh Xuất Êđíphtô ký 20:2).

Nhà thờ của Công giáo thường được xây dựng tốn kém, kiến trúc đồ sộ và bài trí rất công phu với quan niệm đó là nơi Chúa ngự. Đặc biệt trong nhà thờ treo nhiều tranh, ảnh, tượng.

Những ngày lễ trọng của đạo Tin Lành trong năm gồm: Lễ Noel (Giáng sinh 25/12); Lễ Phục sinh; Lễ Chúa Giêsu lên trời; Lễ Chúa Thánh thần hiện xuống; Lễ Chúa Giêsu chịu nạn.

So với Công giáo, Tin Lành không thực hiện hai lễ trọng của Công giáo là lễ Đức bà Maria hồn và xác lên trời, và lễ các Thánh; không thực hiện một số lễ khác như: Lễ Tro, Lễ Lá, Lễ Đức bà vô nhiễm nguyên tội, Lễ Thánh tông đồ Phêrô và Phaolô, Lễ cầu các linh hồn nơi luyện ngục.

Hàng tuần, Tin Lành có một ngày lễ chính vào chủ nhật và một buổi cầu nguyện vào tối thứ tư. Tất cả các ngày lễ và phép đạo đều không bắt buộc đối với tín đồ. Nếu vì một lý do nào đó tín đồ không tham dự cũng không sao. Các tín hữu đạo Tin Lành dành ngày chủ nhật đến nhà thờ, cơ sở sinh hoạt tôn giáo để thờ phượng Đức Chúa Trời (hát Thánh ca, cầu nguyện, học Kinh Thánh, cầu nguyện) và các buổi cầu nguyện khác, tùy theo nhu cầu của các Hội thánh.

Nghi thức thờ phượng của đạo Tin Lành không quá linh đình như đạo Công giáo, nhưng chú trọng việc mọi người đến với Thiên Chúa trong mối tương giao cá nhân.

Tin Lành hầu như không tổ chức lễ hội với nghi thức rước lễ linh đình như Công giáo.

**Câu hỏi 123: Đặc điểm của sinh hoạt tôn giáo và tổ chức của đạo Tin Lành?**

**Trả lời:**

Trong sinh hoạt tôn giáo, Tin Lành thường duy trì hình thức cầu nguyện. Tuy nhiên, hình thức duy nhất của Tin Lành là tự do và công khai nói lên ý nguyện của mình với Thiên Chúa. Vì thế, tín hữu Tin Lành có quyền cầu nguyện trực tiếp, trình bày suy nghĩ, tấm lòng và nhu cầu với Thiên Chúa. Tin Lành cũng dùng hình thức ca hát để tôn vinh Thiên Chúa. Thánh ca Tin Lành rất phong phú, gồm hàng trăm bài hát theo các chủ đề khác nhau.

Đạo Tin Lành cũng hướng dẫn các tín đồ thực hiện mười điều răn của Thiên Chúa như Công giáo (Công giáo còn có 6 điều răn của Hội Thánh, 21 quy định của Giáo hội và Bộ Giáo luật 1983 gồm 1.752 điều).

Về tổ chức, Tin Lành không lập ra giáo hội phổ quát chung cho toàn đạo mà xây dựng các giáo hội theo hướng tự trị, riêng rẽ, độc lập nên hình thành nhiều hệ phái và đề cao tính dân chủ trong sinh hoạt.

Hệ thống tổ chức của Tin Lành thường có hai cấp: Chi hội và Tổng liên hội (cấp cơ sở và cấp trung ương).

Hầu hết các giáo hội Tin Lành đều xây dựng tổ chức theo hướng đơn giản, gọn nhẹ và đặc biệt quan tâm đến chi hội (hội

thánh cơ sở). Thông thường, khoảng 20 tín đồ trở lên lập một chi hội. Hiện nay, các chi hội của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) có từ 100 tín đồ trở lên. Mỗi chi hội có mục sư hoặc truyền đạo quản nhiệm, Ban chấp sự có ít nhất 5 người do tín đồ bầu ra và có Ban trị sự (5 người) gồm: quản nhiệm, thư ký, thủ quỹ và 2 ủy viên do Ban chấp sự bầu ra.

Cấp hành chính thứ hai được giáo hội Tin Lành quan tâm là cấp trung ương (Tổng liên hội). Đây là cơ quan quyền lực cao nhất điều hành các công việc như: truyền đạo, phong chức, điều chuyển mục sư, bổ nhiệm quản nhiệm, mở trường Thánh kinh, tổ chức các lớp bồi linh, cách chức mục sư, truyền đạo... Tất cả các cấp hành chính của Giáo hội Tin Lành đều được bầu cử trực tiếp bằng phiếu kín.

Giữa hai cấp hành chính nói trên, một số giáo hội Tin Lành còn lập ra cấp trung gian, thường được gọi là giáo khu hay địa hạt.

**Câu hỏi 124: Sinh hoạt về tổ chức đạo Tin Lành có đặc điểm gì?**

**Trả lời:**

Sinh hoạt về tổ chức của đạo Tin Lành được thực hiện thông qua Đại hội đại biểu từ dưới lên theo thường niên và theo nhiệm kỳ. Đại hội các chi hội gọi là hội đồng, ở cấp trung ương gọi là đại hội đồng.

Cơ chế dân chủ của đạo Tin Lành không chỉ được thể hiện trong việc bầu cơ quan lãnh đạo giáo hội các cấp mà còn ngay cả trong các sinh hoạt về tổ chức đạo. Hoạt động của

Ban quản nhiệm đều phải chịu sự kiểm soát của tín đồ trong chi hội đó. Ở một số giáo hội, theo thời gian thường niên, tín đồ còn bỏ phiếu tín nhiệm mục sư, truyền đạo, quản nhiệm và nếu không được đa số tín nhiệm sẽ không được làm công việc đó ở chi hội nữa. Chính cơ chế dân chủ này đã buộc các vị chức sắc phải giữ gìn đạo hạnh và tích cực học tập nâng cao trình độ thần học.

**Câu hỏi 125: Đạo Tin Lành có bao nhiêu hệ phái được công nhận và cụ thể là những hệ phái nào?**

**Trả lời:**

Đạo Tin Lành ở Việt Nam có trên dưới 100 tổ chức thuộc nhiều hệ phái khác nhau, tính đến năm 2020, có 10 tổ chức Tin Lành đã được công nhận và 3 tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo ở Việt Nam:

- 1) Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam).
- 2) Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc).
- 3) Hội Truyền giáo Cơ Đốc Việt Nam.
- 4) Giáo hội Cơ Đốc Phục lâm Việt Nam.
- 5) Tổng hội Báp tít Việt Nam.
- 6) Giáo hội Báp tít Việt Nam.
- 7) Hội thánh Menonite Việt Nam.
- 8) Hội thánh Liên hữu Cơ Đốc Việt Nam.
- 9) Hội thánh Tin Lành Trưởng Lão.
- 10) Giáo hội Phúc Âm ngũ tuần Việt Nam.

Ba tổ chức đã được cấp Chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo:

- 1) Hội thánh Phúc âm toàn vẹn Việt Nam.
- 2) Hội thánh Tin Lành Liên hiệp truyền giáo Việt Nam.
- 3) Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giêsu - Kitô Việt Nam.

**Câu hỏi 126: Chức sắc, hệ phái đạo Tin Lành có đặc điểm gì? Đạo Tin Lành xuất hiện ở Việt Nam khi nào và hiện nay ra sao?**

**Trả lời:**

Về mặt chức danh, đạo Tin Lành có hai chức danh chính mục sư và truyền đạo. Mục sư, truyền đạo Tin Lành không áp dụng luật độc thân. Mục sư, truyền đạo là người chăn chiên nhưng không có quyền thay mặt Chúa ban phúc, xá tội, chức năng chủ yếu của họ là giảng Kinh thánh và quản trị hội thánh cơ sở. Mục sư là người đã tốt nghiệp trường Kinh thánh, được bổ chức truyền đạo ít nhất 2 năm và được Hội đồng phong mục sư phong chức. Còn truyền đạo là các sinh viên đã tốt nghiệp trường Kinh thánh, có bốn phạm giao giảng ở chi hội.

Truyền đạo Tin Lành là người đã tốt nghiệp trường Kinh thánh, được Ban Lãnh đạo Giáo hội công nhận chức danh truyền đạo. Sau thời gian phục vụ (tối thiểu ba năm), Ban Lãnh đạo Giáo hội xét, công nhận chức danh mục sư nhiệm chức. Sau khi được công nhận chức danh mục sư nhiệm chức, người đó tiếp tục phục vụ (tối thiểu hai năm), sau đó Ban Lãnh đạo Giáo hội xét, và tổ chức Hội đồng tấn phong mục sư cho những ứng viên đạt đủ điều kiện.



Ngoài hai chức danh trên, trong các chi hội Tin Lành còn có chức danh chấp sự. Chấp sự là người giúp đỡ, hỗ trợ quản nhiệm trong các công việc của Nhà thờ.

Về hệ phái, Tin Lành có đặc điểm là một tổ chức đa giáo phái. Là một tôn giáo cách tân, thấm đượm tư tưởng tự do tư sản và đề cao vai trò cá nhân, do vậy tôn giáo này khá dân chủ và tự do trong việc tổ chức các giáo phái của mình. Thực tiễn lịch sử gần 500 năm (từ năm 1517 đến nay) hình thành và phát triển của Tin Lành cho thấy, các giáo phái của Tin Lành vẫn tiếp tục xuất hiện và tan vỡ. Hiện nay, Tin Lành có khoảng 100 tổ chức và hệ phái khác nhau. Nguyên nhân của sự biến động và đa dạng của các giáo phái Tin Lành bắt nguồn từ đặc điểm về giáo lý, luật lệ lễ nghi của tôn giáo này; từ tư tưởng tự do tư sản, tự do cá nhân và đặc biệt từ chính sự đa dạng, khác biệt của các nhóm, các tầng lớp xã hội với những quyền lợi về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa rất khác nhau.

Đạo Tin Lành được truyền đến Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX, bởi Hội truyền giáo Phúc âm liên hiệp (The Christian and Missionary Alliance - CMA) - một tổ chức truyền giáo thuộc nhiều hệ phái Tin Lành. Năm 1911, tổ chức Tin Lành đầu tiên được thành lập tại Đà Nẵng.

Qua hơn một thế kỷ, đạo Tin Lành phát triển mạnh tại Việt Nam, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và Tây Nguyên. Ngoài hai tổ chức Hội thánh Tin Lành Việt Nam (CMA miền Bắc và miền Nam), đến năm 2020, có 10 tổ

chức Tin Lành đã được công nhận và 3 tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo ở Việt Nam.

**Câu hỏi 127: Hồi giáo xuất hiện khi nào? Thời điểm du nhập vào Việt Nam? Giới thiệu về người sáng lập ra đạo Hồi?**

**Trả lời:**

Hồi giáo xuất hiện ở bán đảo Ả rập vào đầu thế kỷ VII. Ở Việt Nam, Hồi giáo chủ yếu được du nhập vào người Chăm bằng con đường hòa bình, từ khoảng thế kỷ X - XI. Do sự khác nhau về thời điểm truyền giáo, điều kiện lịch sử, văn hóa, địa lý, hoàn cảnh sống nên trong quá trình phát triển, Hồi giáo trong cộng đồng người Chăm phân hóa thành hai nhóm: Hồi giáo Bàni và Hồi giáo Islam.

Người sáng lập đạo Hồi là Môhamét (Muhammad). Môhamét là người bộ lạc Curerét (Kureish) sinh tại Mécca năm 571. Mô cô cha mẹ từ sớm, lận đận trong buổi thiếu thời, kiếm sống bằng việc chăn gia súc thuê và dẫn đường cho thương khách qua những sa mạc đầy hiểm nguy. Noi gương các nhà ẩn tu Kitô giáo, Môhamét tìm đến hang Húra ở gần Mécca để suy ngẫm, chiêm nghiệm và nhận thấy rằng, mỗi dân tộc phải có một tiên tri của mình và ông là tiên tri của người Ả rập.

Năm 610, Môhamét bắt đầu đi truyền bá lý thuyết tôn giáo mới, rằng chỉ có một Thượng đế duy nhất là Thánh Alla (Alla). Còn ông tự xưng là sứ giả của Thánh Alla, được Người cử xuống cứu vớt nhân loại. Môhamét khai sáng ra đạo Islam, tổ chức truyền đạo, cải giáo ở một nửa thế giới xung quanh Địa Trung Hải bị người Ả rập xâm chiếm. Môhamét không chỉ là

thủ lĩnh của đạo Islam, mà còn là người có tài tổ chức chính quyền, là thống soái của đội quân Hồi giáo. Có thể nói, dưới ngọn cờ cách mạng tôn giáo, Môhamét đã lãnh đạo và tổ chức quần chúng tiến hành một phong trào cách mạng biến đổi xã hội Ả-rập với ý nghĩa vạch thời đại.

**Câu hỏi 128: Tìm hiểu về giáo lý và giáo luật của Hồi giáo?**

**Trả lời:**

Giáo lý Hồi giáo được trình bày trong Kinh Qur'an (Kinh Coran). Kinh Qur'an được viết bằng tiếng Ả-rập, theo thể thơ, vừa bình dân, vừa hoa mỹ, gồm 30 phần, 114 chương (sura), với 6.211 câu (ayat).

Người Hồi giáo đặc biệt đề cao ý nghĩa, tính thiêng liêng, vĩnh cửu của Kinh Qur'an, coi đó là quyển sách chân lý nhất. Người Hồi giáo cho rằng tất cả những điều về giáo lý, luật lệ, lễ nghi, sự thờ phụng, cách thức hành đạo, điều kiện nhập đạo, mối quan hệ gia đình, xã hội, đồng đạo, các nguyên tắc đạo đức... cả việc đạo lẫn việc đời, đều được Thánh Alla giáo huấn, răn dạy cặn kẽ trong Kinh Qur'an.

Người Hồi giáo thường lấy Kinh Qur'an để thề nguyện trong những phiên tòa, trong những cuộc tranh chấp, xô xát... Thậm chí, người ta cho rằng, nếu có quyển Kinh Qur'an trong nhà thì cuộc sống của họ có thể được bảo vệ trước mọi tai họa và bất hạnh. Có từ thời Hồi giáo ra đời, Kinh Qur'an đến nay vẫn giữ nguyên không một chút thay đổi và có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, lịch sử, văn hóa, xã hội của người Ả-rập thời cổ đại, trung đại.

Giáo luật căn bản của Hồi giáo được phản ánh trong Kinh Qur'an, trong Luật Sariat, trong quyển truyền thống Hadith và các tác phẩm khác của đạo; trong đó, vấn đề có tính cốt lõi là thực hành 5 cột đạo:

*Biểu lộ đức tin:* Mọi tín đồ Islam đều phải tin rằng, có một Thượng đế duy nhất là Alla và Môhamét là thiên sứ của Ngài.

*Cầu nguyện 5 lần mỗi ngày:* Sáng sớm (Subuh), giữa trưa (Zuhr), mặt trời ngả bóng (Asa), lúc chập tối (Magrib) và lúc tối (Isa). Việc cầu nguyện trưa thứ 6 hằng tuần được thực hiện chung ở thánh đường, đó là nghĩa vụ bắt buộc, nếu ai bỏ ba ngày liền mà không có lý do chính đáng thì xem như đã ra khỏi đạo. Còn ngày thường không bắt buộc tín đồ phải tới thánh đường, có thể cầu nguyện bất cứ nơi đâu, trừ nơi ô uế hoặc trên mồ mả.

*Chay tịnh tháng Ramadan:* Tháng Ramadan là tháng 9 của Hồi lịch. Trong tháng này, mọi tín đồ đều phải nhịn ăn, uống, hút, không quan hệ nam nữ và tránh mọi cám dỗ khác. Thời gian nhịn bắt đầu từ lúc mặt trời mọc cho đến lúc mặt trời lặn, về đêm được ăn uống bình thường. Một số tín đồ được trừ chay tịnh tháng này, nhưng vẫn phải nhịn ăn vào dịp khác.

*Thực hiện việc bố thí (Zakah):* Là việc làm bắt buộc đối với tín đồ (sau tháng Ramadan), mức thông thường được quy định bằng 1/10 lợi tức thu được hằng năm. Số tiền bố thí được dùng để cấp cho những tín đồ nghèo khổ, túng thiếu, mắc nợ nần...

*Hành hương tại Thánh địa Mécca (Hadji):* Thực hiện Hadji là bắt buộc cho tất cả tín đồ, ít nhất là một lần trong đời, nếu hoàn

cảnh cho phép (có sức khỏe và có tiền). Tín đồ khi hoàn thành Hadji thì được đề cao và từ Hadji được ghi trước tên gọi như một dấu ấn thiêng liêng.

**Câu hỏi 129: Tổ chức giáo hội của Hồi giáo và những ngày lễ trọng của Hồi giáo?**

**Trả lời:**

Đạo Hồi không có tổ chức giáo hội thống nhất toàn thế giới, mà tổ chức theo hệ phái hoặc theo từng quốc gia. Một số tổ chức chỉ có tính chất liên hiệp, không phải là tổ chức giáo hội.

Sau khi Môhamét qua đời, Hồi giáo phân liệt thành những giáo phái khác nhau, trong đó có ba giáo phái chính là Hari djit, Shi'i, Sunit:

*Phái Hari djit*: xuất hiện sớm nhất vào nửa sau thế kỷ VII. Phái này chủ trương thông qua bầu cử công khai để bầu người đứng đầu, không phân biệt giàu nghèo, địa vị xã hội; nhưng cực đoan, thiếu sự khoan dung đối với đối thủ, kể cả đối với tín đồ không cùng tư tưởng. Hiện nay, phái này chỉ còn ở Oman và một vài vùng thuộc Bắc Phi.

*Phái Sunit* (còn gọi là Suna): là phái có số lượng tín đồ đông nhất trong cộng đồng Islam (90%). Sunit có bốn trường phái: Hanafi, Maliki, Shafi'i, Hanbali, song tín đồ có thể chuyển từ trường phái này sang trường phái khác. Trường phái Shafi'i có ảnh hưởng tại các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

*Phái Shi'i*: là phái lớn thứ hai sau phái Sunit, tách ra từ phái này. Hiện nay, phái này ảnh hưởng ở các quốc gia: Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Xyri.

*Những ngày lễ trọng của Hồi giáo gồm:*

- Lễ kỷ niệm ngày Môhamét từ Mécca đến Medina (ngày 6/1 Hồi lịch) năm 622.
- Lễ tự hành hạ, kỷ niệm ngày Imâm Hussein, cháu của Môhamét, bị kẻ ngoại đạo giết hại, ngày 10/1 Hồi lịch năm 680.
- Lễ sinh nhật thiên sứ Môhamét, ngày 5/4/570.
- Lễ kết thúc tháng chay Ramadan, từ ngày 27/9 đến ngày 1/10 Hồi lịch.
- Lễ kỷ niệm ngày thiên thần chuyển bản gốc kinh Qur'an từ ngai vàng Thượng đế Alla xuống trần thế vào tối 27, tháng Ramadan.
- Lễ cúng sinh tổ chức sau 70 ngày, kể từ ngày kết thúc tháng Ramadan, nhằm ngày 10/12 Hồi lịch.

***Câu hỏi 130: Quá trình du nhập đạo Hồi vào Việt Nam?***

***Trả lời:***

Đạo Hồi được truyền vào khu vực Đông Nam Á khá sớm, khoảng thế kỷ X, XI, XII.

Vào thế kỷ X, khi giết trâu để cúng người Chăm đều cầu nguyện, cầu kinh đề cao Thượng đế Alla, như vậy lúc đó Hồi giáo đã được truyền vào Chiêm Thành. Nhưng khoảng trước năm 1470, ở vương quốc này, đạo Hồi chưa phải là tôn giáo chính thống.

Sau khi Chiêm Thành suy vong, nhiều người Chăm bỏ tôn giáo truyền thống là đạo Bàlamôn để theo Hồi giáo. Từ đó, Hồi giáo có chỗ đứng đáng kể trong cộng đồng người Chăm và chính thời điểm này, sự giao hòa giữa đạo Islam và đạo

Bàlamôn đã sản sinh ra một tôn giáo mới của người Chăm, đó là đạo Bani ở miền Nam Trung Bộ.

Từ giữa thế kỷ XIX, ở vùng An Giang ngày nay hình thành vùng thứ hai theo Hồi giáo chính thống của người Chăm: đạo Islam.

**Câu hỏi 131: Đặc điểm của Hồi giáo Chăm Bani và chức sắc của giáo phái này?**

**Trả lời:**

Hồi giáo Chăm Bani là phái Hồi giáo đặc thù, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Đạo Hồi Bani (gọi là Hồi giáo cũ) có khoảng 39.000 tín đồ (Bani phiên âm từ tiếng Ả-rập "Be-ni" có nghĩa là "con trai của đấng tiên tri Môhamét", là kết quả của sự hỗn dung giữa đạo Islam và đạo Bàlamôn với nhiều yếu tố tín ngưỡng dân gian khác của dân tộc Chăm). Hồi giáo Bani là tôn giáo độc đáo chỉ có ở Việt Nam, gắn chặt với dân tộc Chăm, là một phần bản sắc văn hóa của người Chăm. Mặt khác, chính bản sắc văn hóa của người Chăm đã làm "mềm hóa" tính cứng nhắc của Hồi giáo.

Hiện nay, cuộc sống ở nông thôn của người Chăm Bani đã có nhiều thay đổi so với những năm trước đây. Các tu sĩ, chức sắc của đạo Bani, do ảnh hưởng của Bàlamôn giáo, đã hình thành nên một hàng ngũ tu sĩ thuộc tầng lớp trên, có những cách biệt nhất định đối với tín đồ (nhất là trong việc đạo). Trong đời thường, cũng như các tu sĩ Islam, họ không được khuyến khích sống độc thân. Họ rất am hiểu và có kinh nghiệm

về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và là những người vừa có uy tín bên đạo, vừa có uy tín bên đời.

Chức sắc Chăm Bani duy trì theo chế độ cha truyền con nối, các dòng họ đều có người làm chức sắc, vì vậy qua số lượng chức sắc của các chùa Bani, sẽ biết được trong làng Chăm có bao nhiêu dòng họ.

Chức sắc Bani có bốn cấp: cao nhất là Sư cả (Thầy Gru), người quyết định hầu hết mọi vấn đề đời sống tôn giáo của tín đồ; cấp thứ hai là Mum, là người điều khiển các buổi lễ tại chùa Bani, có thời gian tu hành ít nhất 15 năm, thông hiểu Kinh Qur'an, có đạo đức tốt và có khả năng kinh tế; cấp thứ ba là Khotip hay Tip, chỉ đảm nhận một số nghi lễ tại chùa, hay tư gia mà không đảm nhận việc giảng giáo lý; cấp thấp nhất là thầy Chang gồm những người mới nhập tăng lớp tu sĩ.

Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2021, Hồi giáo Chăm Bani tập trung chủ yếu tại ba tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Phước với khoảng 32.000 tín đồ; 400 chức sắc, chức việc và 25 cơ sở thờ tự.

*Về tổ chức:* Năm 2006, cộng đồng Hồi giáo Bani ở Ninh Thuận, đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng Sư cả (lâm thời) của Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận và được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận công nhận ngày 15/9/2006. Năm 2012, Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Bình Thuận được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận công nhận. Như vậy, về tổ chức, tính đến nay, Hồi giáo Chăm Bani có 2 tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận.



**Câu hỏi 132: Tìm hiểu về chức sắc Chăm Islam và tổ chức của Chăm Islam?**

**Trả lời:**

Người đứng đầu là Hakim (giáo cả), họ am hiểu nhiều về giáo lý, giáo luật, có phẩm chất tốt, điều kiện gia đình ổn định; phụ tá cho Hakim là Naep (phó giáo cả), thay mặt và giải quyết công việc khi Hakim vắng mặt; Ahly là người giúp việc cho Hakim về lĩnh vực xã hội; Imâm là người hướng dẫn tín đồ trong buổi lễ; Khôtip là người rao giảng giáo lý trong buổi lễ ngày thứ 6 hằng tuần; Tuân là người dạy giáo lý cho tín đồ.

Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2021, Hội giáo Chăm Islam tập trung ở 14 tỉnh, thành phố: An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai, Ninh Thuận, Kiên Giang, Trà Vinh, Cần Thơ, Tiền Giang, Long An, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận và Hà Nội; có 51.000 tín đồ; 600 chức sắc, chức việc; có 54 cơ sở thờ tự.

*Về tổ chức:* Hội giáo Chăm Islam có các ban đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh, thành phố và ban quản trị thánh đường. Tính đến năm 2021, Chăm Islam có 5 tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố công nhận:

1) Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh được công nhận năm 1992.

2) Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang được công nhận năm 2004 (đổi thành tên Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh An Giang năm 2020).

3) Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh Tây Ninh được công nhận năm 2010 (đổi tên thành Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Tây Ninh năm 2020).

4) Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Ninh Thuận được công nhận năm 2012.

5) Ban Quản trị Thánh đường Al Noor (Hà Nội) được công nhận năm 2013.

Đứng đầu mỗi ban quản trị (ban đại diện) là vị Hakim, tiếp sau là một số chức sắc như Naep, Ahly, thư ký và thủ quỹ. Bên cạnh việc chăm lo đời sống tín ngưỡng, tôn giáo cho tín đồ, ban quản trị còn là cầu nối giữa cộng đồng Hồi giáo địa phương với chính quyền cơ sở.

**Câu hỏi 133: Đạo Cao Đài ra đời khi nào? Ở đâu và do ai sáng lập? Hệ phái của đạo Cao Đài? Tam kỳ phổ độ là gì? “Quy nguyên tam giáo” và “Hiệp nhất ngũ chi” nghĩa là thế nào?**

**Trả lời:**

Ngày 28/9/1926, những người sáng lập đạo Cao Đài làm đơn, kèm theo 247 chữ ký của tín đồ, gửi Thống đốc Nam Kỳ xin phép khai đạo. Được sự đồng ý của chính quyền thực dân, trong ba ngày, từ ngày 18 đến ngày 20/11/1926, lễ khai đạo Cao Đài được tổ chức trọng thể tại chùa Từ Lâm (còn gọi là chùa Gò Kén, hay Thiên Lâm tự) thuộc xã Hiệp Ninh (nay là xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh). Người ta chọn ngày 15/10 năm Bính Dần (Âm lịch), tức ngày 19/11/1926 để kỷ niệm ngày khai đạo.

Khác với sự sáng lập một số tôn giáo khác (chỉ do một người sáng lập), đạo Cao Đài được thành lập lại do nhiều người. Đó là các ông: Ngô Minh Chiêu, Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Cư... Đây là những người tiêu biểu nhất trong số 28 người đã đứng tên trong đơn xin khai đạo, gửi lên chính quyền thực dân lúc đó.

Từ năm 1938, Tòa thánh Tây Ninh là nơi phát xuất, nơi khai đạo Cao Đài nên hội thánh lấy tên là Hội thánh Cao Đài Tây Ninh (Tòa thánh Tây Ninh) là gốc của đạo Cao Đài. Ngoài đạo Cao Đài Tây Ninh còn có nhiều hệ phái, cho đến nay đã có 10/19 hệ phái được Nhà nước công nhận về tổ chức.

Đạo Cao Đài giải thích rằng: Đạo không có giáo chủ hữu hình mở Đạo, mà chỉ có Đức Ngọc Hoàng thượng đế, Đức Cao Đài là giáo chủ vô hình khai đạo với chủ trương Bác ái - Công bình - Thương yêu - Công chính, tức là đem tình yêu thương và sự công bằng cho chúng sanh, về mặt tâm linh giải thoát luân hồi, sanh tử. Mục đích của Đạo là thế đạo đại đồng - thiên đạo giải thoát

*Tam kỳ phổ độ:* Đạo Cao Đài với tên đầy đủ gọi là Đại đạo Tam kỳ phổ độ. Về khái niệm “Tam kỳ phổ độ”, đạo giải thích rằng, đây là tôn giáo do Thượng đế lập ra vào lần thứ ba phổ độ (cứu rỗi) loài người. Ở hai lần phổ độ trước, lần một vào “Hội Tỳ Thượng nguyên” và lần hai vào “Hội Sứ Trung nguyên”, Thượng đế lập ra nhiều tôn giáo, để phù hợp với nhiều dân tộc khác nhau trên thế giới. Còn ở lần thứ ba này, Thượng đế chỉ lập ra một tôn giáo mới, chung cho mọi người, đó chính là đạo Cao Đài. Cũng vì vậy mà đạo Cao Đài còn được xem là “Đại đạo”.

“Quy nguyên tam giáo” và “Hiệp nhất ngũ chi” là khái niệm của đạo Cao Đài: Đạo Cao Đài cho rằng ba tôn giáo lớn: Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo có cùng một nguồn cội từ Đức Chí Tôn và cần thiết phải hợp nhất triết lý ba tôn giáo này - ba tư tưởng: từ bi (Phật giáo), bác ái (Lão giáo) và công bình (Nho giáo) dưới danh nghĩa đạo Cao Đài.

Còn “Hiệp nhất ngũ chi” tức là thống nhất 5 ngành đạo: Nhân đạo của Khổng Tử, Thần đạo của Khương Thái Công (Khương Tử Nha), Thánh đạo của Giêsu Kitô, Tiên đạo của Lão Tử (hay Lão Đam) và Phật đạo của Thích Ca Mâu Ni thể hiện 5 trình độ chuyển hóa, tu tiến để đi đến giải thoát một cách toàn diện.

Tóm lại, ý nghĩa của “Quy nguyên tam giáo” và “Hiệp nhất ngũ chi” là mọi hệ thống triết lý tôn giáo quay về lúc ban đầu.

**Câu hỏi 134: Luật lệ và lễ nghi, tổ chức giáo hội của đạo Cao Đài như thế nào?**

**Trả lời:**

*- Về luật lệ và lễ nghi*

Đạo Cao Đài thực hiện “ngũ giới” như của Phật giáo (bất sát sinh, bất du đạo, bất tà dâm, bất tửu và bất vọng ngữ). Tín đồ rèn luyện đạo đức theo bốn điều trau dồi đức hạnh (tứ đại điều quy): ôn hòa, cung lánh, khiêm tốn và nhường nhịn. Ngoài ra, đạo cũng chú trọng giáo dục đạo đức cho tín đồ theo tiêu chuẩn đạo đức Nho giáo, như tam cương, ngũ thường, tam tông, tứ đức.

Biểu tượng (huy hiệu) của đạo Cao Đài là hình ba cổ pháp: Bình Bát vu (biểu tượng Phật giáo), cây Phất chủ (biểu tượng của Lão giáo) và quyển Kinh Xuân Thu (biểu tượng của Nho giáo).

Đạo kỳ (cờ) của đạo Cao Đài có ba màu (Tam Thanh): màu vàng tượng trưng cho Phật giáo, màu xanh da trời tượng trưng cho Tiên giáo và màu đỏ tượng trưng cho Nho giáo.

Đạo Cao Đài thờ Thiên nhân (Mắt Trời) - biểu tượng của Đức Thượng đế thiêng liêng. Thượng đế của đạo Cao Đài có danh xưng là: Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ tát Ma Ha Tát. Đồng thời, đạo cũng thờ Đức Phật Mẫu, có linh vị là “Diêu trì Kim Mẫu” và thờ cả các vị giáo chủ của một số tôn giáo: Phật, Lão, Nho, Chúa Giêsu Kitô.

Dưới Thiên Nhân là đèn Thái cực (không thờ tượng), dưới đèn Thái Cực thờ các long vị tam giáo, chính giữa long vị là Đức Phật Thích Ca; từ ngoài nhìn vào bên trái là Long vị Đức Thái Thượng Đạo Tổ, từ ngoài nhìn vào bên phải là Đức Nho Tông Khổng Thánh.

Dưới long vị tam giáo là tam chấn: chính giữa Long vị Đức Lý Đại Tiên Trưởng, từ ngoài nhìn vào bên trái là Đức Phật Quan Âm, từ ngoài nhìn vào bên phải là Đức Quan Thánh Đế Quân.

Long vị ngũ chi thờ hàng giữa, từ trên xuống:

Long vị Đức Phật Thích Ca - Phật đạo

Long vị Đức Lý Đại tiên trưởng - Tiên đạo

Long vị Đức Chúa Giêsu - Thánh đạo

Long vị Đức Khương Thái công - Thần đạo

Long vị Giáo tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Nhân đạo.

Lễ nghi của đạo Cao Đài khá cầu kỳ, phản ánh tinh thần tổng hợp các tôn giáo khác nhau. Trên điện thờ nơi thánh thất và trên bàn thờ (tràng thờ) của gia đình tín đồ, lúc nào cũng có một ngọn đèn luôn cháy gọi là Thái cực đăng, ở hai bên có hai ngọn đèn (nến) gọi là lưỡng nghi, biểu hiện của thế giới quan phương Đông về sự hình thành vũ trụ và vạn vật. Lư hương (bình nhang) đặt giữa bàn thờ, khi làm lễ thường đốt 5 nén hương. Đồ cúng của đạo, ngoài hương, có ba thứ là rượu, trà, hoa, tượng trưng cho Tam Bảo của đạo Phật, (Tinh, Khí, Thần của đạo Lão). Chức sắc, tín đồ khi dâng lễ, chân đi theo chữ Tâm (của đạo Nho). Cách lấy dấu giống như của Công giáo, nhưng lại hiểu là tượng trưng cho tam bảo của đạo Phật. Nhạc lễ gồm có chuông, trống và các nhạc cụ dân tộc. Chức sắc của đạo mặc lễ phục theo màu sắc của từng phái đạo: màu vàng là của Phật giáo, màu xanh dương là của Lão giáo, còn màu đỏ là của Nho giáo.

Vào ngày cúng chính, các ngày rằm, mồng một (ngày sóc vọng), các ngày vía các Đấng có thỉnh lời âm cổ (trống), Ngọc hoàng sấm (chuông lớn), thỉnh 4 câu kệ đánh 3 hồi trống, 3 hồi chuông, mỗi hồi 12 chập, mỗi chập 12 dùi.

Khi vào lễ, tất cả thành tâm đứng nghe nhạc tấu thuận thiên. Ở Tòa thánh, những đàn cúng sóc vọng thỉnh 3 bài; những ngày lễ vía các đấng giáo chủ thỉnh 5 bài; những ngày đàn lễ tam nguyên, rằm tháng 1, rằm tháng 7, rằm tháng 10 và cúng đại lễ Ngày vía Đức Chí Tôn ngày 9/1 thỉnh 7 bài. Nhạc tấu thuận thiên ở các Thánh thất gồm 3 bài.

Nội dung tấu: Bát hồn vận chuyển gồm Vật Chất Hồn, Sanh Hồn, Thú Cầm Hồn, Nhân Hồn, Thần Hồn, Thánh Hồn,

Tiên Hồn, Phật Hồn, đồng thanh niệm Chí Tôn là chủ càn khôn vạn vật: “Bát hồn vạn chuyển ca huỳnh lão, vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn”. Đấng tạo hóa là chủ càn khôn vạn vật.

Vật phẩm dâng cúng Trời, Phật và Các Đấng Thiêng Liêng chỉ gồm: Hương, đăng, hoa, trà, quả, thanh chước (rượu) chi nghi thành tâm hiến lễ.

Khi dâng hương nơi thờ Đức Cao Đài và các vị Giáo chủ tam giáo ngũ chi, dâng 5 nén hương, 3 cây hàng trong và 2 cây hàng ngoài - gọi là ngũ hành chi khí; còn các bát hương nội nghi, ngoại nghi và bát hương ở Hiệp thiên đài, đều dâng 3 cây cắm thành 1 hàng ngang.

Phật phẩm cúng dâng lễ vật gồm: Hoa, rượu, trà - tượng trưng tam bảo, nhưng ý nghĩa không như tam bảo của Đạo Phật. Hoa là tượng trưng thân thể, hình hài của người; rượu là khí; trà là thần. Dâng hoa là dâng hình hài của mình và của chúng sanh lên Đấng trọn lành, muốn cho thân được trong sạch thì phải tu hành, giữ lễ, giữ nghĩa từ ý nghĩ đến hành động, giữ gìn đạo pháp của Tôn giáo, luật pháp của đời, thơm tho như các sắc hoa tươi hiến lễ, dâng rượu là dâng trí thức, tinh thần tượng trưng cho sự mạnh mẽ của tín đồ lên Đấng trọn lành. Dâng trà là tượng trưng cho linh hồn với tâm hồn hòa hiệp, thành kính của tín đồ lên Đấng trọn lành.

Đạo Cao Đài nói về người thường có cuộc sống trên thế gian này phải nằm trong khuôn khổ của luật tam thể, đó là: thể xác - thể khí - linh hồn.

*Tổ chức giáo hội của đạo Cao Đài*

Nhìn chung, tổ chức giáo hội của đạo Cao Đài được thiết kế phỏng theo mô hình thể chế nhà nước quân chủ lập hiến (theo

kiểu Nhật Bản). Mỗi hệ phái của đạo Cao Đài có tổ chức giáo hội riêng. Tổ chức của đạo Cao Đài được quy định trong sách *Pháp Chánh truyền*, nói về cơ cấu tổ chức Hội thánh, các chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ từ hàng giáo phẩm đến tín đồ, trong đó đề cập nhiều đến ý nghĩa của ba cơ quan ở trung ương (Tam đài): Bát Quái đài, Cửu Trùng đài và Hiệp Thiên đài.

Bát Quái đài là nơi thờ Đức Thượng Đế, các đấng giáo chủ của Tam giáo và các đấng thiêng liêng khác trong Ngũ chi Đại đạo. Bát Quái đài được xem là nơi thiêng liêng, là linh hồn của đạo (thực chất là điện thờ).

Hiệp Thiên đài, như là cơ quan lập pháp và tư pháp, thực hiện chế độ “Tam viện” gồm: Hội nhân sanh, Hội Thánh, Thượng hội. Hiệp Thiên đài có ba chi: Chi Pháp có chức năng lo việc luật pháp; Chi Đạo có chức năng lo việc hành đạo và Chi Thế có chức năng lo việc đào tạo huấn luyện. Ngoài ra, Hiệp Thiên đài còn có các cơ quan giúp việc, như Bộ Chánh pháp, Hàn lâm viện. Chức sắc đứng đầu Hiệp Thiên đài là Hộ pháp. Dưới Hộ pháp là Thượng phẩm phụ trách Chi đạo và Thượng Sanh phụ trách Chi Thế. Chức sắc của Hiệp Thiên đài do Cơ bút thiên phong từ buổi khai đạo (qua cầu cơ) gồm 15 người: 1 Hộ pháp, 1 Thượng phẩm, 1 Thượng sanh và 12 Thời quân.

Cửu Trùng đài là cơ quan có nhiệm vụ giáo hóa và phổ độ nhân sanh trên đường đạo và cả đường đời. Nó giống như cơ quan hành pháp của Nhà nước. Cửu Trùng đài có 9 viện (cửu viện) như là 9 bộ của Chính phủ. Đó là Hộ viện (Công chánh), Lương viện (lương thực, thực phẩm), Công viện (công nghiệp, tiểu thủ), Học viện (giáo dục), Y viện (y tế), Nông viện (nông



nghiệp), Hòa viện (tư pháp, tòa án), Lại viện (Nội vụ) và Lễ viện (ngoại giao).

Hiện nay, các hệ phái của đạo Cao Đài không còn tổ chức 9 viện như trước nữa, mà chỉ có 9 ban (cửu ban), với chức năng khác trước khá nhiều, chủ yếu chăm lo hành chính đạo.

Từ khi khai đạo Cao Đài, trong sách *Pháp Chánh truyền* của Đạo đã chỉ rõ sự bình quyền giữa nam và nữ. Tôn giáo Cao Đài nam phái được thọ phẩm chức việc, chức sắc; tấn phong nữ phái đến phẩm đầu sư, chỉ trừ hai phẩm Giáo tông và Chương Pháp. Trong Tòa thánh, nữ đầu sư đương là chương quản nữ phái đạo Cao Đài. Trong một họ đạo, vị đầu tộc đạo nữ phái là đứng đầu các chức sắc, chức việc, đạo hữu nữ phái.

Về đạo phục: nữ phái và đạo hữu nam phái cũng dùng đồ trắng.

Các chức sắc nam phái từ phẩm lễ sanh trở lên (hàng chức sắc) thì ban phân ba phái - màu đạo phục khác nhau.

- Phái Thái (phái Phật): mặc đạo phục màu vàng.
- Phái Thượng (phái Tiên): mặc đạo phục màu xanh.
- Phái Ngọc (phái Thánh): mặc đạo phục màu đỏ.

Tuy phân là ba phái, nhiệm vụ có thể khác nhau, nhưng phẩm cấp ngang nhau. Ví dụ: lễ sanh Thái, Thượng, Ngọc như nhau; giao hữu Thái, Thượng, Ngọc như nhau...

Khi cúng tại Điện thờ Phật Mẫu (Đức Diêu Trì Kim Mẫu, theo truyền thuyết cổ đại của Đạo giáo Trung Quốc, là vị nữ thần rất nổi tiếng, là mẹ chung của vạn vật, con người; mà người Việt hay gọi là Bà Tròi), tất cả các chức sắc, chức việc, đạo hữu nam, nữ đều y phục màu trắng. Khi cúng Phật Mẫu,

tín đồ là nam, hay nữ, dù là chức sắc hay đạo hữu (tín đồ), Phật Mẫu không phân biệt và cùng thương yêu mọi người như nhau. Dưới chân Phật Mẫu các con đồng một thể.

**Câu hỏi 135: Đạo Cao Đài có bao nhiêu hệ phái đã được công nhận? Đó là những hệ phái nào?**

*Trả lời:*

Đạo Cao Đài có 10 hội thánh và 1 pháp môn tu hành đã được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo

- 1) Cao Đài Tiên Thiên, tỉnh Bến Tre;
- 2) Cao Đài Chiếu Minh Châu Long, Cần Thơ;
- 3) Cao Đài Truyền giáo;
- 4) Cao Đài Minh Chơn đạo;
- 5) Cao Đài Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- 6) Cao Đài Ban Chính đạo;
- 7) Cao Đài Bạch Y, tỉnh Kiên Giang;
- 8) Cao Đài Chơn lý;
- 9) Cao Đài Cầu Kho Tam quan;
- 10) Cao Đài Việt Nam Bình Đức;
- 11) Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô vi.

Đạo Cao Đài có 19 tổ chức, hệ phái. Đến nay đã có 10 tổ chức, hệ phái được công nhận tư cách pháp nhân; còn 9 hệ phái khác, tuy chưa công nhận, nhưng thực tế vẫn đang hoạt động.

**Câu hỏi 136: Chức sắc của Cửu Trùng đài?**

**Trả lời:**

Chức sắc của Cửu Trùng đài chia ra thành ba ngành: Thái, Thượng và Ngọc, mỗi ngành năm ba viện. Đứng đầu Cửu Trùng đài là chức Giáo tông. Hệ thống chức sắc, chức việc có chín bậc (cửu phẩm), mỗi bậc có số lượng theo quy định và sau Giáo tông, được chia đều cho ba ngành. Chín bậc gồm:

- 1) Giáo tông: 1 vị
- 2) Chuông pháp: 3 vị
- 3) Đầu sư: 3 vị
- 4) Phối sư: 36 vị
- 5) Giáo sư: 72 vị
- 6) Giáo hữu: 3.000 vị
- 7) Lễ sanh: Không hạn định
- 8) Chánh Trị sự (chức việc)
- 9) Phó Trị sự và Thông sự (chức việc).

Tổ chức hành chính các cấp của đạo Cao Đài trước đây có từ 4 đến 5 cấp, từ trên xuống là: Trấn đạo, đứng đầu là Khâm trấn; Châu đạo, đứng đầu là Khâm châu; Tộc đạo, đứng đầu là Đầu tộc; Hộ đạo (hay Hương đạo), đứng đầu là Chánh trị sự. Hiện nay, tổ chức hành chính của đạo được sắp xếp lại, chỉ còn hai cấp: trung ương và cơ sở.

Như vậy, với tính chất là một tôn giáo dung hợp, đạo Cao Đài có một hệ thống giáo lý, luật lệ phức tạp, lễ nghi cầu kỳ, và có một tổ chức giáo hội chặt chẽ.

**Câu hỏi 137: Sự xuất hiện, giáo lý, giáo luật, lễ nghi của Phật giáo Hòa Hảo?**

**Trả lời:**

**Sự xuất hiện của Phật giáo Hòa Hảo:** Năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp đẩy mạnh việc đàn áp phong trào dân chủ ở chính quốc, còn ở Việt Nam, chúng áp dụng chính sách cai trị ngày càng khắc nghiệt. Sự bế tắc trong cuộc sống dưới chế độ hà khắc của thực dân Pháp là một trong những tiền đề thúc đẩy quần chúng Nam Bộ tìm đến, dựa vào các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo. Phật giáo Hòa Hảo do Huỳnh Phú Sổ khởi xướng ở tỉnh An Giang xuất hiện trong bối cảnh lịch sử trên.

**Giáo lý Phật giáo Hòa Hảo**

Giáo lý Phật giáo Hòa Hảo được thể hiện trong 6 cuốn sách do Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ soạn. Đó là:

1) *Sấm giảng khuyên người đời tu niệm*: gồm 912 câu thơ lục bát, xuất bản năm 1939.

2) *Kệ dân của người khùng*: viết theo lối văn thất ngôn trường thiên, có 476 câu, xuất bản năm 1939.

3) *Sấm giảng*: viết theo lối thơ lục bát, có 612 câu, xuất bản năm 1939.

4) *Giác mê tâm kệ*: viết theo lối văn thất ngôn trường thiên, có 846 câu, xuất bản năm 1942.

5) *Khuyến thiện*: viết theo lối văn vần, cả lục bát và thất ngôn, có 756 câu, xuất bản năm 1942.

6) *Cách tu hiền và ăn ở của tín đồ*: viết theo lối văn xuôi, xuất bản năm 1945.

Nội dung giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo chia thành hai phần: Phật học và tu nhân. Phần Phật học dựa vào giáo lý của Phật giáo. Phần tu nhân là tu theo Tứ ân hiếu nghĩa, đó là: ân cha mẹ, tổ tiên; ân đất nước; ân tam bảo và ân đồng bào nhân loại. Phật giáo Hòa Hảo chủ trương vừa học Phật vừa tu nhân, học Phật tạo nên đức, tu nhân tạo nên công, có công đức mới trở thành bậc hiền nhân.

Căn cứ vào nội dung giáo lý, cũng như thực hành trong đời sống tín đồ cho thấy, Phật giáo Hòa Hảo có rất nhiều nguyên tắc đạo đức, lối sống và chuẩn mực văn hóa tốt đẹp, lành mạnh của dân tộc đã được bảo tồn và phát huy.

### **Giáo luật, lễ nghi của Phật giáo Hòa Hảo:**

Phật giáo Hòa Hảo kế thừa những luật lệ của Phật giáo. Nam tín đồ được khuyến để tóc dài, nhưng không phải là một quy định bắt buộc.

Những quy định khác của Phật giáo Hòa Hảo, như tang ma, cưới hỏi... đều rất đơn giản, gọn gàng và tiết kiệm. Luật lệ của Phật giáo Hòa Hảo, mặc dù chủ yếu bằng những lời khuyên răn, nhưng lại được tín đồ tự giác thực hiện.

Phật giáo Hòa Hảo chủ trương không có hàng giáo phẩm, không có chùa, tín đồ tu tại gia. Nghi lễ của Phật giáo Hòa Hảo đơn giản, gọn nhẹ.

Cờ của Phật giáo Hòa Hảo màu đà (nâu đậm), chất liệu bằng vải, chiều ngang bằng 2/3 chiều dài. Biểu tượng của

Phật giáo Hòa Hảo là một hình tròn, nền màu đỏ có dòng chữ viền: Phật giáo Hòa Hảo màu vàng và bông sen trắng nở bốn cánh ở giữa.

**Câu hỏi 138: Cán bộ, công chức xưng hô với chức sắc tôn giáo như thế nào?**

**Trả lời:**

Trong các mối quan hệ, các chức danh quyền lực (chức vụ) của tôn giáo (nay gọi là chức việc) được xưng hô đúng như chức danh của từng cá nhân, ví dụ như: Tổng hội trưởng, Tổng thư ký, Trưởng ban Trị sự, Phó ban Trị sự,... Riêng việc xưng hô trong giao tiếp với chức sắc tôn giáo (những người có phẩm vị), cần quan tâm là các thành phần khác nhau, trong những hoàn cảnh khác nhau, cách xưng hô cũng khác nhau, người trong đạo khác người ngoài đạo, người là cán bộ, công chức khác người dân,...

Đối với Phật giáo, xưng hô trong quan hệ giữa các chức sắc gọi đúng theo các danh xưng của phẩm vị, và đều tự xưng là con. Riêng Phật giáo, việc xưng hô trong giao tiếp của chức sắc còn theo sơn môn, giữa các thế hệ. Tín đồ (còn gọi là Phật tử) khi giao tiếp bình thường gọi tăng, ni là thầy vừa thân mật vừa kính trọng; nhưng khi thực hiện các nghi lễ tôn giáo, tín đồ gọi tăng, ni theo đúng phẩm cấp, như: hòa thượng, thượng tọa, đại đức hay ni trưởng, ni sư,... và nếu chức sắc là chức việc thì sử dụng hai danh xưng, ví dụ: hòa thượng, trưởng ban trị sự,... Trong giao tiếp với chức sắc, tín đồ Phật giáo đều tự xưng là con.

Cán bộ, công chức khi giao tiếp, xưng hô với chức sắc Phật giáo cũng tương tự như tín đồ nhưng không tự xưng là “con” mà danh từ chung được dùng là “tôi” hoặc “chúng tôi”.

Đối với Công giáo, xưng hô trong quan hệ giữa các chức sắc đúng theo các danh xưng của phẩm vị và đều tự xưng là con. Tín đồ (quen gọi là giáo dân) khi giao tiếp với chức sắc, tùy theo phẩm vị để có cách xưng hô: tín đồ gọi linh mục là cha; từ giám mục trở lên có thêm từ đức, gọi giám mục là đức cha, gọi hồng y là đức hồng y, riêng gọi giáo hoàng là đức thánh cha. Trong giao tiếp, tín đồ gọi linh mục gọi là cha, với giám mục có hai cách xưng hô: đức cha hoặc đức giám mục,... Với cán bộ, công chức khi xưng hô với chức sắc Công giáo chỉ gọi theo phẩm vị chính thức (giám mục, linh mục...). Và chức sắc Công giáo thường giữ các chức vụ trong tổ chức (chức việc) nên trong giao tiếp không cần sử dụng hai danh xưng, và cũng không tự xưng là con mà dùng danh từ chung là tôi hoặc chúng tôi.

Đối với đạo Cao Đài, trong giao tiếp, các tín đồ gọi chức sắc là anh, là chị cùng với phẩm vị. Tín đồ và chức sắc đều gọi các chức sắc cao cấp là anh lớn, chị lớn với các phẩm vị (Hiệp Thiên đài từ phẩm Thập nhị Thời quân trở lên, Cửu Trùng đài từ phẩm Giáo sư trở lên), ví dụ: Anh lớn Chương pháp, Anh lớn Bảo thế, Chị lớn Phối sư,... Tín đồ tự xưng là em trong các mối quan hệ, trên ý nghĩa là anh em. Chức sắc cấp dưới cũng tự xưng với chức sắc cấp trên là em. Với cán bộ, công chức trong xưng hô với chức sắc đạo Cao Đài chỉ gọi theo phẩm vị chính thức (chương pháp, bảo thế, đầu sư, phối sư...), không gọi theo cách của tín đồ là thêm danh xưng anh, chị hoặc anh lớn, chị

lớn, cũng không tự xưng là em, mà dùng danh từ chung là tôi hoặc chúng tôi.

Riêng với Tin Lành, vì chỉ có hai phẩm: Mục sư và Truyền đạo nên trong giao tiếp, tín đồ Tin Lành (quen gọi là tín hữu) gọi đúng các chức danh phẩm vị của chức sắc nhưng không xưng con với các mục sư, truyền đạo vì người theo đạo Tin Lành chỉ xưng con với Thiên Chúa. Cán bộ, công chức trong xưng hô với chức sắc đạo Tin Lành gọi đúng phẩm vị từng người (mục sư, truyền đạo) và dùng danh từ chung là tôi hoặc chúng tôi. Trong một số trường hợp, chức sắc Tin Lành có chức vụ quan trọng trong tổ chức, trong xưng hô nên gọi cả hai danh xưng, ví dụ: mục sư, hội trưởng hay mục sư, tổng thư ký,... tương tự như cách xưng hô với chức sắc Phật giáo.

Có một điều rất cần quan tâm về tên gọi và danh xưng của một số tôn giáo. Cụ thể: Với Công giáo, Phật giáo, trong giao tiếp có thể sử dụng danh xưng: ngài, các ngài đối với các chức sắc cao cấp ("bề trên"), chức sắc có uy tín, nhưng không được sử dụng danh xưng ngài đối với đạo Tin Lành vì danh xưng Ngài chỉ Đấng tối cao - Thiên Chúa. Với Phật giáo, sư là danh từ chung chỉ những người tu hành, còn gọi là thầy; nhưng đối với đạo Cao Đài chỉ dùng danh xưng thầy khi nói về Đấng tối cao - Thượng đế. Và, nếu như Công giáo gọi giáo sĩ là các chức sắc có phẩm vị, như linh mục, giám mục,... nhưng với Tin Lành, danh xưng giáo sĩ chỉ sử dụng đối với các chức sắc chuyên hoạt động truyền giáo, không gọi giáo sĩ đối với các mục sư, truyền đạo quản nhiệm các chi hội và giữ các chức vụ trong Hội thánh.



### *Phần thứ ba*

## **CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**



**Câu hỏi 139:** Những chính sách cơ bản của Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo và quan điểm, chủ trương đối với tín ngưỡng, tôn giáo qua các kỳ Đại hội Đảng?

**Trả lời:**

Chính sách cơ bản đối với tôn giáo của Việt Nam là: Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện đoàn kết tôn giáo. Trước sau như một, Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân và xây dựng mối đoàn kết giữa đồng bào có đạo và không có đạo; giữa đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Chỉ sau một ngày đọc *Tuyên ngôn Độc lập* ở quảng trường Ba Đình, trong buổi chủ tọa phiên họp đầu tiên ngày 03/9/1945 của Chính phủ mới thành lập, Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tuyên bố “TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết”<sup>1</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.8.

Từ đó đến nay, quan điểm của Người trở thành quan điểm chung của Đảng và nhân dân ta.

Quan điểm, chủ trương của Đảng đối với tôn giáo được thể hiện trong Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam vào tháng 02/1951: “Đối với tôn giáo: Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng. Đồng thời nghiêm trị những kẻ lợi dụng tôn giáo mà phản quốc”<sup>1</sup> và: “Tín đồ các *tôn giáo* cần được tín ngưỡng tự do”<sup>2</sup>. Thay mặt Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã: “nói rõ để tránh mọi sự có thể hiểu lầm... vấn đề về *tôn giáo*, thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người”<sup>3</sup>.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960), Đảng Lao động Việt Nam xác định: “Đối với tôn giáo, chính sách trước sau như một của Đảng và Nhà nước là: tôn trọng tự do tín ngưỡng; đoàn kết lương giáo; đoàn kết tất cả những người yêu nước và tiến bộ trong các tôn giáo, để cùng nhau phục vụ sự nghiệp giải phóng hoàn toàn đất nước và xây dựng hạnh phúc chung”<sup>4</sup>.

Sau khi đất nước thống nhất, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976) nêu rõ: “Chính sách của Đảng về *tôn giáo* là tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân, đoàn kết tất cả những người yêu nước và tiến bộ trong các tôn giáo, đoàn kết đồng bào có đạo và không có đạo,

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.440, 476.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.50.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.610.

để cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, chống những hoạt động làm hại đến lợi ích của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>.

Bổ sung, phát triển chủ trương, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (1982) khẳng định: “*Chính sách tôn giáo* của Đảng và Nhà nước ta là: tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân; đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo nào để cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước; nghiêm trị những hoạt động lợi dụng tôn giáo làm hại đến lợi ích của Tổ quốc, của chủ nghĩa xã hội. Các cấp bộ đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các tôn giáo, động viên đồng bào có đạo tăng cường đoàn kết với các tầng lớp nhân dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, hăng hái thi đua sản xuất, học tập, làm tốt nghĩa vụ công dân, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng cuộc sống mới”<sup>2</sup>.

Bước vào thời kỳ đổi mới, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng ta xác định: “Đảng và Nhà nước ta, trước sau như một, thực hành chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Lãnh đạo và giúp đỡ đồng bào theo tôn giáo đoàn kết xây dựng cuộc sống mới và hăng hái tham gia bảo vệ Tổ quốc. Cảnh giác, kiên quyết và kịp thời chống lại âm mưu, thủ đoạn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.37, tr.1035.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr.133.

của bọn đế quốc và phản động chia rẽ đồng bào có đạo với đồng bào không có đạo, giữa đồng bào theo đạo này với đồng bào theo đạo khác”<sup>1</sup>.

Trên cơ sở quan điểm đổi mới đất nước, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá và tôn trọng sự thật khách quan, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991) khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân”<sup>2</sup>. Từ đó, Đảng ta nhấn mạnh chủ trương: “Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo...; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân”<sup>3</sup>.

Sau khi tổng kết thành tựu 10 năm đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996) khẳng định: “Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thắng lợi lớn hơn, cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”<sup>4</sup>. Thực hiện yêu cầu đó, về chính sách tôn giáo, Đại hội nhấn mạnh: “Thi hành nhất quán chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Bảo đảm cho

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.451.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.105.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.360.

sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật nhà nước. Nghiêm cấm việc xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”<sup>1</sup>.

Kế thừa, phát triển quan điểm đổi mới về chính sách tín ngưỡng, tôn giáo, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001) khẳng định:

“*Tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo”<sup>2</sup>.

Trên tinh thần đổi mới và phát triển, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006) khẳng định: “*Đồng bào các tôn giáo* là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.404.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.213.

pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân”<sup>1</sup>.

Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm: “Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo* của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân”<sup>2</sup>.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về *tín ngưỡng, tôn giáo*, phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước”<sup>3</sup>.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđđ*, t.65, tr.217.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.81.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.165.

**Câu hỏi 140: Quan điểm, chủ trương của Đảng đối với tôn giáo trong Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam?**

**Trả lời:**

Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về tôn giáo có ghi: “Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảm bảo cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc”<sup>1</sup>.

**Câu hỏi 141: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thể hiện trong Hiến pháp như thế nào?**

**Trả lời:**

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thể hiện ở Hiến pháp - đạo luật cơ bản nhất của Nhà nước ta.

Ngay ở Điều thứ 10 Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ghi: “Công dân Việt Nam có quyền: Tự do tín ngưỡng”.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.84.

Điều 26 Hiến pháp năm 1959: “Công dân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào”.

Điều 68 Hiến pháp năm 1980: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”.

Điều 70 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001): “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật...”

Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”.

Điều 24 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định:

“1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”.

**Câu hỏi 142: Quá trình đổi mới nhận thức và đổi mới công tác tôn giáo qua một số văn bản chủ yếu của Đảng?**

**Trả lời:**

Để đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới, tiếp tục phát huy lòng yêu nước và động viên mọi tiềm năng, trí tuệ của



đồng bào có đạo trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, qua các giai đoạn cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách về tôn giáo. Mỗi khi Đảng ta có chủ trương, quan điểm mới về tôn giáo thì Nhà nước luôn kịp thời thể chế hóa bằng những văn bản pháp quy để đưa chủ trương, quan điểm của Đảng về tôn giáo vào cuộc sống. Đổi mới quan điểm và chính sách đối với tôn giáo được thể hiện ở những văn bản chủ yếu sau:

Ngày 16/10/1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 24-NQ/TW về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới; ngày 21/3/1991, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 69-HĐBT quy định về hoạt động tôn giáo.

Ngày 02/7/1998 Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 37-NQ/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới; ngày 19/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 26/1999/NĐ-CP về các hoạt động tôn giáo.

Ngày 12/3/2003 tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Đảng ta ra Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo. Sau khi có Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 29/6/2004, Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký lệnh công bố Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI thông qua ngày 18/6/2004. Đến ngày 01/3/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

Ngày 15/11/2004 Ban Bí thư ra Thông báo số 160-TB/TW, thì ngày 04/02/2005 Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg về một số công tác đối với đạo Tin Lành.

Nhằm tiếp tục thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, phù hợp với Hiến pháp năm 2013, khắc phục những tồn tại, bất cập của pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo hiện hành; tương thích với các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo mà Việt Nam là thành viên, ngày 16/11/2016, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật tín ngưỡng, tôn giáo với 9 chương, 68 điều.

Như vậy, mọi chủ trương, quan điểm của Đảng về tôn giáo đều được Nhà nước ta kịp thời thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy.

**Câu hỏi 143: Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới?**

**Trả lời:**

Ngày 16/10/1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 24-NQ/TW về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, trong đó có 3 quan điểm quan trọng nhất, đó là: Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.

Các quan điểm chỉ đạo là:

- Công tác tôn giáo phải vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng.

- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

- Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

**Câu hỏi 144: Các quan điểm chỉ đạo của Đảng ta trong Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương về chính sách đối với tôn giáo?**

**Trả lời:**

Ngày 12/3/2003, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Đảng ta ra Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo, trong đó nêu 5 quan điểm chính sách đối với tôn giáo như sau:

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ

cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và

đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

- Vấn đề theo đạo và truyền đạo

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**Câu hỏi 145: Những quan điểm mới của Đảng về tôn giáo thể hiện trong Nghị quyết số 24-NQ/TW và Nghị quyết số 25-NQ/TW so với trước?**

**Trả lời:**

Quan điểm đổi mới của Đảng về tôn giáo thể hiện rõ trong Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương, nội dung đổi mới thể hiện ở một số điểm, chủ yếu sau:

- Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài, “đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”.

- Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân.

- Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.

- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

- Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

- Những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy.

- Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung.

- Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân.

Như vậy, quan điểm trong hai nghị quyết trên có những điểm làm rõ và tái khẳng định, nhưng có những quan điểm hoàn toàn mới so với trước năm 1990.

**Câu hỏi 146:** Những điểm mới thể hiện trong Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị; Thông tri số 21-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới thể hiện như thế nào?

**Trả lời:**

Sau khi tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 10/01/2018

Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Chỉ thị số 18-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo có một số điểm mới thể hiện như sau:

*Một là*, tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về tôn giáo và công tác tôn giáo cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Chủ động, tích cực tiếp xúc với các chức sắc để tăng cường sự hiểu biết, cởi mở, chân thành, tạo niềm tin cho tín đồ các tôn giáo hiểu, đồng tình, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia xây dựng khối đoàn kết giữa đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo và giữa các tôn giáo.

*Hai là*, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước. Lồng ghép nội dung, nhiệm vụ công tác tôn giáo với các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào tôn giáo trong quá trình xây dựng, triển khai các chủ trương, chính sách, các chiến lược, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

*Ba là*, tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật có liên quan đến tôn giáo như: Đất đai, văn hóa, giáo dục, y tế... đảm bảo đồng bộ với pháp luật về tôn giáo và các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

*Bốn là*, đổi mới nội dung, phương thức vận động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với đặc

điểm vùng đồng bào có tôn giáo, quần chúng có tôn giáo khác nhau để phát huy nguồn lực tôn giáo đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

*Năm là*, tăng cường công tác đối ngoại tôn giáo, chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế nhằm giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ tình hình, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo.

Có những điểm làm rõ, củng cố và khẳng định; có những quan điểm hoàn toàn mới phát triển từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo.

Thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng ban hành Thông tri số 21-TT/TU về công tác tôn giáo trong tình hình mới; trong đó có một số điểm mới như sau:

*Thứ nhất*, Tích cực, chủ động tiếp xúc với các chức sắc tôn giáo để tăng cường sự hiểu biết, cởi mở, chân thành, tạo niềm tin cho tín đồ các tôn giáo hiểu rõ, đồng tình, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia xây dựng khối đại đoàn kết giữa đồng bào theo tôn giáo với đồng bào không theo tôn giáo và giữa các tôn giáo.

*Thứ hai*, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực các tôn giáo cho quá trình phát triển thành phố. Chú trọng lồng ghép nội dung, nhiệm vụ công tác tôn giáo với các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng có đông đồng bào tôn giáo trong quá trình xây dựng, triển khai các chủ trương, chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đơn vị.



*Thứ ba*, nghiên cứu, rà soát tổng thể việc sử dụng đất đai có liên quan đến tôn giáo; tiếp tục hướng dẫn kê khai, đăng ký sử dụng đất và sớm hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo trên địa bàn thành phố. Chủ động giải quyết kịp thời, có kết quả các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, cơ sở thờ tự, đặc biệt quan tâm giải quyết dứt điểm những vụ việc tồn đọng, kéo dài có liên quan đến tôn giáo.

**Câu hỏi 147: Mục tiêu của quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo?**

*Trả lời:*

Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo là quá trình dùng quyền lực nhà nước (quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp) của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật để tác động, điều chỉnh, hướng các tín ngưỡng, tôn giáo và hành vi hoạt động, tín ngưỡng, tôn giáo của tổ chức, cá nhân diễn ra phù hợp với pháp luật và giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống của dân tộc.

*Mục tiêu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo:*

- Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, đảm bảo cho các hoạt động tôn giáo được diễn ra bình thường theo quy định của pháp luật.

- Phát huy được những mặt tích cực, khắc phục được những hạn chế tiêu cực của tôn giáo đối với sự phát triển của xã hội.

- Thực hiện đoàn kết đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Câu hỏi 148: Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo và không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau có quyền bình đẳng trước pháp luật không?**

**Trả lời:**

Hiến pháp hiện hành và Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định: Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do lựa chọn việc theo hoặc không theo, thay đổi hoặc từ bỏ một tôn giáo. Không ai được ép buộc, cản trở việc lựa chọn tôn giáo của công dân.

Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo và không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau đều có quyền bình đẳng trước pháp luật, được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ công dân. Mọi hành vi phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo đều được coi là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm cấm.

Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau, không được phân biệt đối xử, kỳ thị, xúc phạm nhau, xúc phạm tổ chức tôn giáo khác làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**Câu hỏi 149: Các tôn giáo được Nhà nước công nhận về tổ chức có được bình đẳng trước pháp luật không?**

**Trả lời:**

Các tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước thừa nhận hoặc công nhận về tổ chức đều được Nhà nước tôn trọng và đều bình đẳng trước pháp luật.

**Câu hỏi 150: Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?**

**Trả lời:**

Điều 3 Luật tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi tắt là Luật) quy định: Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng, đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân; bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

**Câu hỏi 151: Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được quy định thế nào trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo?**

**Trả lời:**

Điều 4 Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gồm:

- Tập hợp đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào

không theo tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Phản ánh kịp thời ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân về các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

- Tham gia tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ, người theo tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức tôn giáo và nhân dân thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

**Câu hỏi 152: Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm?**

**Trả lời:**

Điều 5 Luật quy định những hành vi bị nghiêm cấm gồm:

- Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.
- Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.
- Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo:
  - + Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường;

- + Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;
- + Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;
- + Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.
- Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

**Câu hỏi 153: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 6 Luật quy định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người như sau:

- Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.
- Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo.
- Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.
- Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

- Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Mặt khác, Luật cũng quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc đảm bảo quyền này.

**Câu hỏi 154:** Pháp luật quy định như thế nào về việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc?

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân và được thể hiện niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo bằng lời nói hoặc hành vi của cá nhân theo quy định của pháp luật về nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Tuy nhiên, việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo nêu trên không được làm ảnh hưởng đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của người khác và không trái với quy định của pháp luật có liên quan.

Chính phủ cũng giao cho các bộ, ngành bao gồm: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn cách thức quản lý kinh sách, thời gian, địa điểm sử dụng kinh sách và bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo cho các trường hợp nêu trên.

**Câu hỏi 155: Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 7 của Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thực hiện các quyền sau đây:

- Hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự (sau đây gọi chung là hiến chương) của tổ chức tôn giáo;
- Tổ chức sinh hoạt tôn giáo;
- Xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tôn giáo;
- Sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo;
- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo;
- Nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho;
- Các quyền khác theo quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Câu hỏi 156: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 8 của Luật quy định người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và được thực hiện các quyền:

- Sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo;

- Sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung;

- Mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo;

- Vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam;

- Mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam còn được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

**Câu hỏi 157: Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 9 của Luật quy định tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật tín ngưỡng, tôn giáo và quy định khác của pháp luật có liên quan.



Đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 158: Thế nào là hoạt động tín ngưỡng? Lễ hội tín ngưỡng? Cơ sở tín ngưỡng bao gồm những nơi nào?**

**Trả lời:**

Hoạt động tín ngưỡng là hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng; tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội (khoản 2, Điều 2 của Luật).

Lễ hội tín ngưỡng là hoạt động tín ngưỡng tập thể được tổ chức theo lễ nghi truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng (khoản 3 Điều 2 của Luật).

Cơ sở tín ngưỡng là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác (khoản 4 Điều 2 của Luật).

**Câu hỏi 159: Nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng?**

**Trả lời:**

Điều 10 của Luật quy định hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng phải đảm bảo nguyên tắc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm, bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 160: Cơ sở tín ngưỡng có phải có người đại diện hoặc ban quản lý không? Điều kiện để được bầu cử là người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật thì cơ sở tín ngưỡng phải có người đại diện hoặc ban quản lý để chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động diễn ra tại cơ sở tín ngưỡng.

- Khoản 2 Điều 11 của Luật quy định người được bầu, cử làm người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;
- + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- + Có uy tín trong cộng đồng dân cư.

**Câu hỏi 161: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức để cộng đồng dân cư bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý.

Căn cứ kết quả bầu, cử và các điều kiện về người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản công nhận người đại diện hoặc thành

viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu, cử.

Đối với việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý nhà thờ dòng họ thì không phải thực hiện theo quy định trên.

**Câu hỏi 162: Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật thì việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

**Câu hỏi 163: Hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng có phải đăng ký không? Nếu phải đăng ký thì thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

- Khoản 1 Điều 12 của Luật quy định hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng phải được đăng ký, trừ cơ sở tín ngưỡng là nhà thờ dòng họ.

- Việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng được quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật, theo đó người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng chậm nhất là 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt

đầu hoạt động tín ngưỡng, trừ trường hợp tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục sau thời gian gián đoạn hoặc lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian, địa điểm.

Văn bản đăng ký phải nêu rõ tên cơ sở tín ngưỡng, các hoạt động tín ngưỡng, nội dung, quy mô, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 164: Hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đăng ký có phải đăng ký bổ sung không? Nếu có thì thực hiện như thế nào?**

*Trả lời:*

Khoản 3 Điều 12 của Luật quy định hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đã được đăng ký thì người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm đăng ký bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều này chậm nhất là 20 ngày trước ngày diễn ra hoạt động tín ngưỡng.

**Câu hỏi 165: Trách nhiệm của người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng khi tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ được quy định như thế nào? Văn bản thông báo về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ được quy định thế nào?**

*Trả lời:*

- Khoản 1 Điều 13 của Luật quy định người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng diễn ra định kỳ chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức lễ hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định sau đây: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức lễ hội đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô tổ chức trong một xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức lễ hội đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô tổ chức trong nhiều xã thuộc một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức lễ hội đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô tổ chức trong nhiều huyện thuộc một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật, văn bản thông báo về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ cần nêu rõ tên lễ hội tín ngưỡng, nội dung, quy mô, thời gian, địa điểm tổ chức, dự kiến thành viên ban tổ chức và các điều kiện cần thiết để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong lễ hội.

**Câu hỏi 166: Việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ tại cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng thực hiện theo quy định nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 13 của Luật quy định việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ tại cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

**Câu hỏi 167: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo đảm việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ theo nội dung đã được người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo thông báo.

**Câu hỏi 168: Những lễ hội tín ngưỡng nào trước khi tổ chức phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra lễ hội? Văn bản đăng ký tổ chức các lễ hội tín ngưỡng này cần những nội dung gì?**

**Trả lời:**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật, trước khi tổ chức các lễ hội tín ngưỡng sau đây người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức lễ hội:

+ Lễ hội tín ngưỡng được tổ chức lần đầu;

+ Lễ hội tín ngưỡng được khôi phục sau thời gian gián đoạn;

+ Lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian, địa điểm.

- Văn bản đăng ký tổ chức các lễ hội tín ngưỡng nêu trên cần nêu rõ tên lễ hội, nội dung lễ hội hoặc nội dung thay đổi so với trước, quy mô, thời gian, địa điểm tổ chức, dự kiến thành

viên ban tổ chức và các điều kiện cần thiết để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong lễ hội.

**Câu hỏi 169:** Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục sau thời gian gián đoạn hoặc lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc đăng ký lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục sau thời gian gián đoạn hoặc lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian, địa điểm; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 170:** Các khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng được quản lý và sử dụng như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 15 của Luật, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm quản lý và sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch khoản thu từ việc tổ chức lễ hội.

Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc lễ hội, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về khoản thu, mục đích sử dụng khoản thu đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này.

**Câu hỏi 171: Tổ chức tôn giáo có được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho những người thuộc tổ chức không? Để được thực hiện quyền này cần phải đáp ứng các điều kiện gì?**

**Trả lời:**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật, tổ chức tôn giáo được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho những người thuộc tổ chức.

- Khi thực hiện quyền này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- + Có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo;
- + Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có người đại diện là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi



dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

+ Nội dung sinh hoạt tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật.

**Câu hỏi 172: Những người theo tôn giáo không thuộc tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung không? Để được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cần phải đáp ứng các điều kiện gì?**

**Trả lời:**

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật, những người theo tôn giáo không thuộc tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.

- Khi thực hiện quyền này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo;

+ Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có người đại diện là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

- + Nội dung sinh hoạt tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật;
- + Có giáo lý, giáo luật;
- + Tên của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

**Câu hỏi 173: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 17 của Luật, trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung được quy định như sau:

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc người đại diện của nhóm người theo tôn giáo không thuộc tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo gửi hồ sơ đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo.

- Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức đăng ký; tên tôn giáo; họ và tên, nơi cư trú của người đại diện; nội dung, địa điểm, thời gian sinh hoạt tôn giáo, số lượng người tham gia;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để làm nơi sinh hoạt tôn giáo;

+ Sơ yếu lý lịch của người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung;

+ Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật đối với việc đăng ký của nhóm người theo tôn giáo không thuộc tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

- Về thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 174: Trình tự, thủ tục thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 5 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP<sup>1</sup> trình tự, thủ tục thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung được quy định như sau: Trước khi thay đổi người đại diện, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

Hồ sơ đăng ký gồm có các loại giấy tờ như sau:

---

1. Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, sau đây sẽ viết tắt là Nghị định số 162/2017/NĐ-CP.

- Văn bản đăng ký nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm, họ và tên, nơi cư trú của người đại diện cũ và người đại diện mới của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi;

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện mới;

- Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi người đại diện đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung do tổ chức đăng ký;

- Biên bản cuộc họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp từ chối đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 175:** Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có được thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung không? Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung được phép thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung khi có nhu cầu. Việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung có thể trong cùng một xã hoặc thay đổi địa điểm từ xã này sang xã khác.

Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã, người đại diện của nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ đề nghị gồm các loại giấy tờ như sau:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo và dự kiến địa điểm mới;

- Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo;

- Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký.

Điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi địa điểm; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Văn bản thông báo nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; thời điểm thay đổi; địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới; thời điểm chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ.

**Câu hỏi 176: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung từ địa bàn xã này sang địa bàn xã khác được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định, trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác, người đại diện của nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm mới.

Hồ sơ đề nghị gồm các loại giấy tờ như sau:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo và dự kiến địa điểm mới;

- Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo;

- Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký.

Kèm theo hồ sơ còn có bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu.

Điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến đặt địa điểm mới để sinh hoạt tôn giáo tập trung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ có trách nhiệm xin ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi địa điểm; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

Văn bản thông báo nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; thời điểm thay đổi; địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới; thời điểm chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ.

Người đại diện của nhóm có trách nhiệm gửi kèm bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới.

**Câu hỏi 177: Điều kiện để tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 18 của Luật, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có giáo lý, giáo luật, lễ nghi;
- Có tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động không trái với quy định của pháp luật;
- Tên của tổ chức không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc;
- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;
- Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở;
- Nội dung hoạt động tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật.



**Câu hỏi 178: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 19 của Luật, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được quy định như sau:

- Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 18 của Luật gửi hồ sơ đăng ký hoạt động tôn giáo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức; tên tôn giáo; tôn chỉ, mục đích; nội dung, địa bàn hoạt động; nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam; họ và tên người đại diện tổ chức; số lượng người tin theo; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở;

+ Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;

+ Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;

+ Quy chế hoạt động của tổ chức;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

- Về thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có

địa bàn hoạt động ở một tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; trường hợp từ chối cấp chứng nhận đăng ký phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 179: Tổ chức sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được thực hiện các hoạt động nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 20 của Luật, tổ chức sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được thực hiện các hoạt động sau đây:

- Tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, giảng đạo, bồi dưỡng giáo lý;
- Bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc;
- Sửa chữa, cải tạo trụ sở;
- Tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo;
- Tổ chức đại hội thông qua hiến chương.

**Câu hỏi 180: Điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 21 của Luật, điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo được quy định như sau:

- Hoạt động ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo;

- Có hiến chương với những nội dung cơ bản như tên của tổ chức; tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động; địa bàn hoạt động, trụ sở chính; tài chính, tài sản; người đại diện theo pháp luật, mẫu con dấu; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền, cách thức phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành; điều kiện, thẩm quyền, cách thức giải thể tổ chức tôn giáo; thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc; việc tổ chức hội nghị, đại hội; thể thức thông qua quyết định, sửa đổi, bổ sung hiến chương; nguyên tắc, phương thức giải quyết tranh chấp nội bộ của tổ chức; quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với tổ chức tôn giáo trực thuộc, giữa tổ chức tôn giáo với tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

- Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương;

- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

- Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

**Câu hỏi 181: Trình tự thủ tục, thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 22 của Luật, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo được quy định như sau:

- Tổ chức đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 của Luật gửi hồ sơ đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức đề nghị công nhận, tên giao dịch quốc tế (nếu có); tên tôn giáo; họ và tên người đại diện tổ chức; số lượng tín đồ, địa bàn hoạt động của tổ chức tại thời điểm đề nghị; cơ cấu tổ chức, trụ sở của tổ chức;

+ Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo;

+ Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;

+ Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;

+ Hiến chương của tổ chức;

+ Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

- Về thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về

tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; trường hợp không công nhận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 182: Theo quy định của Luật, hiến chương của tổ chức tôn giáo có những nội dung cơ bản gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 23 của Luật, hiến chương của tổ chức tôn giáo có những nội dung cơ bản sau:

- Tên của tổ chức;
- Tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động;
- Địa bàn hoạt động, trụ sở chính;
- Tài chính, tài sản;
- Người đại diện theo pháp luật, mẫu con dấu;
- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- Nhiệm vụ, quyền hạn của ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- Điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền, cách thức phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành;
- Điều kiện, thẩm quyền, cách thức giải thể tổ chức tôn giáo; thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- Việc tổ chức hội nghị, đại hội; thể thức thông qua quyết định, sửa đổi, bổ sung hiến chương; nguyên tắc, phương thức giải quyết tranh chấp nội bộ của tổ chức;

- Quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với tổ chức tôn giáo trực thuộc, giữa tổ chức tôn giáo với tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Câu hỏi 183: Việc sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 24 của Luật, tổ chức tôn giáo khi sửa đổi hiến chương phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh.

Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, người đại diện, nội dung, lý do sửa đổi kèm theo hiến chương sửa đổi.

Tùy từng trường hợp mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

Tổ chức tôn giáo được hoạt động theo hiến chương sửa đổi kể từ ngày được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận.

**Câu hỏi 184: Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 25 của Luật, tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như sau:

- Tổ chức tôn giáo phải có tên bằng tiếng Việt.
- Tên của tổ chức tôn giáo không trùng với tên tổ chức tôn giáo khác hoặc tổ chức khác đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.
- Tên của tổ chức tôn giáo được sử dụng trong quan hệ với tổ chức, cá nhân khác.
- Tên của tổ chức tôn giáo được pháp luật công nhận và bảo vệ.
- Tổ chức tôn giáo thay đổi tên phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh chấp thuận.
- Tổ chức tôn giáo trực thuộc thay đổi tên thì tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh chấp thuận.

**Câu hỏi 185: Trình tự, thủ tục thay đổi tên của tổ chức tôn giáo được pháp luật quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 7 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định, trước khi thay đổi tên của tổ chức tôn giáo thì tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn bản đề nghị nêu rõ:

- Tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo;
- Tên tổ chức tôn giáo trước và sau khi thay đổi;
- Lý do, dự kiến thời điểm thay đổi kèm theo bản sao có chứng thực quyết định công nhận tổ chức tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 186: Trình tự, thủ tục thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc được pháp luật quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 7 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định, trước khi thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn bản đề nghị nêu rõ:

- Tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo;
- Tên tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi;
- Lý do, dự kiến thời điểm thay đổi kèm theo bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập,



hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 187: Việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 26 của Luật, tổ chức tôn giáo khi thay đổi trụ sở phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới và phải thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh.

Tổ chức tôn giáo trực thuộc khi thay đổi trụ sở phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với

tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh.

**Câu hỏi 188: Trình tự, thủ tục thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 8 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định, trước khi thay đổi trụ sở, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới. Hồ sơ đề nghị gồm các loại giấy tờ sau đây:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi;

- Bản sao có chứng thực quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo đến địa bàn tỉnh khác hoặc bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc đến địa bàn tỉnh khác;

- Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc thay đổi địa điểm;

- Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở mới.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên người đại diện của tổ chức; lý do, thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức trước và sau khi thay đổi kèm theo bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.

**Câu hỏi 189: Trình tự, thủ tục thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 8 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một

tỉnh khi thay đổi trụ sở có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm các loại giấy tờ sau đây:

- Văn bản đề nghị. Văn bản cần nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi;

- Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc thay đổi địa điểm;

- Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở mới.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 190: Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất được quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 27 của Luật, quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất được quy định như sau:

- Sau khi chia, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia chấm dứt tồn tại; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia được chuyển giao cho các tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

- Sau khi tách, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị tách và tổ chức tôn giáo trực thuộc được tách thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình phù hợp với mục đích hoạt động.

- Sau khi sáp nhập, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị sáp nhập được chuyển giao cho tổ chức tôn giáo trực thuộc mà tổ chức đó được sáp nhập vào.

- Sau khi hợp nhất, các tổ chức tôn giáo trực thuộc cũ chấm dứt tồn tại kể từ thời điểm tổ chức tôn giáo trực thuộc mới được thành lập; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc cũ được chuyển giao cho tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

**Câu hỏi 191: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc? Để được thực hiện quyền này cần phải đáp ứng các điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; chia, tách tổ chức tôn giáo trực thuộc thành nhiều tổ chức tôn giáo trực thuộc mới; sáp nhập tổ chức tôn giáo trực thuộc vào một tổ chức tôn giáo trực thuộc khác; hợp nhất các tổ chức tôn giáo trực thuộc thành một tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

Theo quy định tại Điều 28 của Luật, khi thực hiện quyền này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Hiến chương của tổ chức tôn giáo có quy định về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- Hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật;
- Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

**Câu hỏi 192: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 29 của Luật, trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như sau:

- Trước khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; tên tổ chức đề nghị; tên tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến thành lập; tên tổ chức, người đại diện tổ chức trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc tại thời điểm thành lập; địa bàn hoạt động, số lượng

tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

+ Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

+ Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc;

+ Hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có);

+ Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

- Về thẩm quyền chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc thì vẫn bản chấp thuận hết hiệu lực.

**Câu hỏi 193: Tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

- Về tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo:

+ Khoản 1 Điều 30 của Luật quy định, đối với tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo theo quy định của Luật là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

+ Khoản 4 Điều 67 của Luật quy định, đối với tổ chức tôn giáo đã được công nhận trước ngày Luật này có hiệu lực là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày Luật này có hiệu lực. Các tổ chức tôn giáo này có trách nhiệm điều chỉnh hiến chương tại đại hội gần nhất theo quy định tại Điều 23 và đăng ký hiến chương sửa đổi theo quy định tại Điều 24 của Luật.

- Về tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo trực thuộc:

Khoản 2, khoản 3 Điều 30 quy định, tổ chức tôn giáo đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh), cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh) cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng các điều kiện:



- + Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương;
- + Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- + Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Trình tự, thủ tục cấp đăng ký pháp nhân đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc sẽ do Chính phủ quy định.

**Câu hỏi 194: Trình tự, thủ tục cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 9 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên, trụ sở, địa bàn hoạt động, cơ cấu tổ chức, số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tại thời điểm đề nghị; họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo trực thuộc được đề nghị cấp đăng ký;

- Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo trực thuộc từ khi được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

- Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người lãnh đạo của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

- Bản kê khai và giấy tờ chứng minh tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

- Hiến chương, điều lệ hoặc các văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; trường hợp từ chối cấp đăng ký, các cơ quan này phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 195: Việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 31 của Luật, tổ chức tôn giáo quy định:

- Tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể trong trường hợp sau đây:

+ Theo quy định của hiến chương;

+ Không hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; ngừng hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm liên tục;

+ Hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo có quyền giải thể tổ chức tôn giáo.

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh), cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh) có quyền giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc trong các trường hợp không hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; ngừng hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm liên tục hoặc hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

- Trước khi giải thể, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản. Tài sản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh) hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương (đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh) chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể.

- Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc do Chính phủ quy định.

**Câu hỏi 196:** Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Điều 10 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo tự giải thể hoặc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức đề nghị; tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; lý do và dự kiến thời điểm giải thể;

- Bản kê khai tài sản, tài chính;

- Phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có);

- Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Tổ chức tôn giáo tự giải thể hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể có trách nhiệm thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên 05 số báo viết hoặc báo điện tử liên tiếp ở trung ương đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, ở địa phương đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại đối với việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với tổ chức tôn giáo tự giải thể, thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức giải thể là thời điểm tổ chức phải nộp lại bản chính quyết định công nhận tổ chức tôn giáo; giấy chứng nhận của cơ quan công an về việc tổ chức đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc giải thể, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc và nộp lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền các văn bản gồm:

+ Bản chính văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Bản chính văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp;

+ Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc thuộc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể;

+ Giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an về việc tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn bản thông báo nêu rõ tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị; tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; thời điểm giải thể.

**Câu hỏi 197: Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 11 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định:

- Trước 60 ngày dự kiến giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ

chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh cho tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp và tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến bị giải thể.

- Văn bản thông báo nêu rõ tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm giải thể; lý do, dự kiến thời điểm giải thể kèm theo kết luận của cơ quan nhà nước có chức năng thanh tra về tín ngưỡng, tôn giáo về việc tổ chức không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật.

- Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm gửi văn bản giải trình đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải trình, nếu tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị giải thể thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật, tổ chức tôn giáo,

tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự. Hết thời hạn trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; bãi bỏ và thu hồi các văn bản sau đây:

+ Quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp giải thể tổ chức tôn giáo;

+ Văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc;

+ Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu, tổ chức giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm nộp lại các văn bản và thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại các khoản 5, 6 Điều 10 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP.



**Câu hỏi 198: Trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quyết định của tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

- Điều 12 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định:

- Tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quyết định của tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo; tên, trụ sở, cơ cấu tổ chức của cơ sở đào tạo tôn giáo; lý do và dự kiến thời điểm giải thể;

+ Bản kê khai tài sản, tài chính;

+ Phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có); phương thức giải quyết quyền lợi của học viên và những người có liên quan.

- Cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên 05 số báo viết hoặc điện tử liên tiếp ở trung ương đối với cơ sở đào tạo tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, ở địa phương đối với cơ sở đào tạo tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

- Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận cho tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày được chấp thuận việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo và nộp lại cho cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương bản chính văn bản chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bản chính văn bản thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo của tổ chức tôn giáo; giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an về việc cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

- Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Văn bản thông báo nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo; tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể; thời điểm giải thể.

***Câu hỏi 199: Trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 42 của Luật được quy định như thế nào?***

***Trả lời:***

Điều 13 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định:

- Trước 60 ngày dự kiến giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 42 của Luật, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách

nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức tôn giáo và cơ sở đào tạo tôn giáo về việc cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể.

Văn bản thông báo nêu rõ tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể; cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương hoặc tổ chức tôn giáo chịu trách nhiệm giải thể; lý do, dự kiến thời điểm giải thể kèm theo kết luận của cơ quan nhà nước có chức năng thanh tra về tín ngưỡng, tôn giáo về việc cơ sở đào tạo tôn giáo không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ hoạt động đào tạo tôn giáo đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật.

- Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 của Luật, cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản giải trình đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải trình, nếu cơ sở đào tạo tôn giáo không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị giải thể thì cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương ra quyết định giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật, cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể có trách nhiệm

thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự. Hết thời hạn trên, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương ra quyết định giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo.

- Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương ra quyết định giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo; bãi bỏ và thu hồi văn bản chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bản chính văn bản thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo của tổ chức tôn giáo.

- Trường hợp tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu, tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm nộp lại các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều này và thông báo về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP.

**Câu hỏi 200: Trách nhiệm công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 14 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo phải được công bố công khai trên 03 số báo viết hoặc

báo điện tử ở trung ương hoặc địa phương nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo trong thời hạn 15 ngày sau khi giải thể.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền giải thể chịu trách nhiệm việc công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP.

**Câu hỏi 201: Chấm dứt hoạt động, quyền khiếu nại của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo khi bị giải thể được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 15 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo chấm dứt hoạt động kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định về việc giải thể.

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể theo quy định tại các Điều 11, 13 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP không đồng ý với quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo không được thực hiện hoạt động tôn giáo, hoạt động đào tạo tôn giáo.

**Câu hỏi 202: Điều kiện phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 32 của Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử theo hiến chương của tổ chức tôn giáo. Người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
  - + Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo;
  - + Không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.
- Theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật, đối với người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được đề nghị phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị ngoài các điều kiện nêu trên còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
- + Được đào tạo tôn giáo tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam;
  - + Tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Câu hỏi 203: Việc phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc trong tổ chức tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 33 của Luật, việc phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc trong tổ chức tôn giáo được quy định như sau:

- Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương về người được phong phẩm hoặc suy cử làm hòa thượng, thượng tọa, ni trưởng, ni sư của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; mục sư của các tổ chức Tin Lành; phối sư trở lên của các Hội thánh Cao Đài; giảng sư trở lên của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam và các phẩm vị tương đương của tổ chức tôn giáo khác chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày phong phẩm hoặc suy cử.

- Đối với các trường hợp phong phẩm hoặc suy cử chức sắc không thuộc quy định nêu trên, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi chức sắc cư trú và hoạt động tôn giáo chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày phong phẩm hoặc suy cử.

- Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, họ và tên, phẩm vị, địa bàn hoạt động, tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo kèm theo sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của chức sắc.

- Trường hợp người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật, tùy từng trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương hoặc cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có văn bản yêu cầu tổ chức tôn giáo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm hủy kết quả phong phẩm

hoặc suy cử chức sắc và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nêu trên.

**Câu hỏi 204: Việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc trong tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 34 của Luật quy định việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc trong tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:

- Tổ chức tôn giáo trước khi bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc sau đây có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương:

+ Thành viên ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động trong nhiều tỉnh;

+ Người đứng đầu tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong nhiều tỉnh;

+ Người đứng đầu cơ sở đào tạo tôn giáo.

- Các trường hợp không thuộc quy định nêu trên, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi thực hiện việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi chức việc cư trú và hoạt động tôn giáo.

- Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cũng được thực hiện việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc



thuộc tổ chức mình. Trước khi thực hiện việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc, tùy từng trường hợp tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh.

- Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Văn bản đăng ký nêu rõ họ và tên người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; phẩm vị, chức vụ, địa bàn phụ trách trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

+ Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

+ Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nêu trên có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 205: Trách nhiệm của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo sau khi bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 6 Điều 34 của Luật, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử đến cơ quan quản

lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương hoặc cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

**Câu hỏi 206: Việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc quy định tại các Điều 19, 22, 29 và 38 của Luật được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật, đối với người dự kiến lãnh đạo tổ chức quy định tại các Điều 19, 22, 29 và 38 của Luật sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chỉ thực hiện thông báo kết quả về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử theo quy định tại khoản 6 Điều 34 của Luật.

**Câu hỏi 207: Việc chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 35 của Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi đi và nơi đến chậm nhất là 20 ngày.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức thông báo, họ và tên, phẩm vị, chức vụ của người được chuyển, lý do chuyển, địa bàn hoạt động tôn giáo trước khi chuyển, địa bàn hoạt động sau khi được chuyển đến.

**Câu hỏi 208: Việc chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật, trước khi chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến chuyển đến.

Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức đăng ký, họ và tên, phẩm vị, chức vụ của người được chuyển, lý do chuyển, địa bàn hoạt động tôn giáo trước khi chuyển, địa bàn hoạt động sau khi được chuyển đến.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc đăng ký, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện việc chuyển chức sắc, chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật.

**Câu hỏi 209: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc không? Việc cách chức, bãi nhiệm được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 36 của Luật, tổ chức

tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc theo hiến chương của tổ chức.

Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương hoặc cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh.

Văn bản thông báo nêu rõ họ và tên, phẩm vị, chức vụ của người bị cách chức, bãi nhiệm; lý do cách chức, bãi nhiệm kèm theo văn bản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc cách chức, bãi nhiệm.

**Câu hỏi 210: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có quyền cách chức, bãi nhiệm chức việc không? Việc cách chức, bãi nhiệm được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có quyền cách chức, bãi nhiệm chức việc thuộc tổ chức mình. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức việc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

**Câu hỏi 211: Tổ chức tôn giáo có được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo không? Để được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo cần phải đáp ứng các điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 37 của Luật, tổ chức tôn giáo được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo.

Khi thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đào tạo;
- Có địa điểm hợp pháp để đặt cơ sở đào tạo;
- Có chương trình, nội dung đào tạo; có môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam trong chương trình đào tạo;
- Có nhân sự quản lý và giảng dạy đáp ứng yêu cầu đào tạo.

**Câu hỏi 212: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 38 của Luật, trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo được quy định như sau:

- Trước khi thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

- Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản đề nghị thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo nêu rõ

tên tổ chức tôn giáo, tên cơ sở đào tạo, họ và tên người đại diện cơ sở đào tạo, sự cần thiết thành lập cơ sở đào tạo;

+ Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo cơ sở đào tạo;

- Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở đào tạo gồm các nội dung cơ bản: tên cơ sở đào tạo; địa điểm đặt trụ sở; chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu tổ chức, nhân sự; trình độ, loại hình đào tạo; chương trình, nội dung giảng dạy và chuẩn đào tạo của từng loại trình độ đào tạo; tài chính, tài sản;

+ Dự thảo quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp và cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đào tạo; ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa điểm đặt cơ sở đào tạo tôn giáo.

- Về thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 213: Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo, tổ chức tôn giáo cần có văn bản gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Luật, sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương

chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo, tổ chức tôn giáo có văn bản thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo.

Hết thời hạn 03 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu tổ chức tôn giáo không thành lập cơ sở đào tạo thì văn bản chấp thuận hết hiệu lực.

**Câu hỏi 214: Cơ sở đào tạo tôn giáo có thuộc hệ thống giáo dục quốc dân không?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 5 Điều 38 của Luật thì cơ sở đào tạo tôn giáo không thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

**Câu hỏi 215: Hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 39 của Luật, hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo được quy định như sau:

- Chậm nhất là 20 ngày trước khi cơ sở đào tạo tôn giáo bắt đầu hoạt động, người đại diện cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương về hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo kèm theo văn bản thành lập, quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tuyển sinh, danh sách thành viên ban lãnh đạo, báo cáo về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất để bảo đảm hoạt động.

- Việc tổ chức đào tạo, tuyển sinh của cơ sở đào tạo tôn giáo thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tuyển sinh đã thông báo.

- Cơ sở đào tạo tôn giáo khi sửa đổi quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tuyển sinh phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Văn bản đăng ký nêu rõ lý do, nội dung thay đổi kèm theo quy chế sửa đổi.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Cơ sở đào tạo tôn giáo được hoạt động theo quy chế sửa đổi sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Cơ sở đào tạo tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả đào tạo của từng khóa học với cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc khóa học. Văn bản thông báo nêu rõ tên cơ sở đào tạo tôn giáo, khóa đào tạo, số học viên tốt nghiệp.

**Câu hỏi 216: Việc hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 40 của Luật, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan



hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam.

**Câu hỏi 217: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có được mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo không? Việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 41 của Luật, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo.

Việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo được quy định như sau:

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng người chuyên hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi mở lớp. Văn bản đăng ký nêu rõ tên lớp, địa điểm, lý do, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo không thuộc quy định nêu trên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi mở lớp chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai giảng. Văn bản thông báo nêu rõ tên lớp, địa điểm, lý do, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

Trường hợp việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo có hành vi quy định tại Điều 5 của Luật, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không tổ chức hoặc dừng việc mở lớp bồi dưỡng.

**Câu hỏi 218: Việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 42 của Luật, việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo được quy định như sau:

- Cơ sở đào tạo tôn giáo giải thể trong trường hợp sau đây:

+ Theo quyết định của tổ chức tôn giáo;

+ Hết thời hạn 03 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc thành lập, cơ sở đào tạo tôn giáo không tổ chức được hoạt động đào tạo;

+ Hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động đào tạo tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

- Tổ chức tôn giáo có quyền giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có quyền giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo trong trường hợp hết thời hạn 03 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc thành lập, cơ sở đào tạo tôn giáo không tổ chức được hoạt động đào tạo hoặc hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động đào tạo tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo về việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo đến cơ quan quản lý nhà nước về

tín ngưỡng, tôn giáo ở Trung ương chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày giải thể.

- Trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo do Chính phủ quy định.

### **Câu hỏi 219: Hoạt động tôn giáo là gì?**

#### **Trả lời:**

Khoản 11 Điều 2 của Luật, giải thích hoạt động tôn giáo là hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo.

Truyền bá tôn giáo (còn gọi là truyền đạo) là việc tuyên truyền những lý lẽ về sự ra đời, về luật lệ của tôn giáo.

Thông qua hoạt động truyền đạo, niềm tin tôn giáo của các tín đồ được củng cố, luật lệ trong tôn giáo được tín đồ thực hiện. Đối với những người chưa phải là tín đồ, hoạt động truyền đạo giúp họ hiểu, tin và theo tôn giáo.

Khoản 10 Điều 2 của Luật, giải thích sinh hoạt tôn giáo là việc bày tỏ niềm tin tôn giáo, thực hành giáo lý giáo luật, lễ nghi tôn giáo.

Khoản 12 Điều 2 của Luật giải thích tổ chức tôn giáo là tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo.

Hoạt động quản lý tổ chức tôn giáo nhằm thực hiện quy định của giáo luật, hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo, đảm bảo duy trì trật tự, hoạt động trong tổ chức tôn giáo.

**Câu hỏi 220: Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 43 của Luật, việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo được quy định như sau:

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hàng năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được công nhận, chấp thuận hoặc được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo theo quy định sau đây:

+ Thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã;

+ Thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện;

+ Thông báo đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh;

+ Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh.

- Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức, tên các hoạt động tôn giáo, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động.

**Câu hỏi 221: Đối với các hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã thông báo thì có cần thông báo bổ sung không? Việc thông báo bổ sung danh mục hoạt động tôn giáo được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật, đối với hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã thông báo thì người đại diện tổ chức có trách nhiệm thông báo bổ sung chậm nhất là 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động.

- Việc thông báo bổ sung danh mục hoạt động tôn giáo được thực hiện như sau:

+ Thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã;

+ Thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện;

+ Thông báo đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh;

+ Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh.

- Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức, tên các hoạt động tôn giáo bổ sung, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động tôn giáo bổ sung.

**Câu hỏi 222: Việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

- Khoản 1 Điều 44 của Luật quy định:

- Chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị thường niên, tùy từng trường hợp, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến:

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện;

+ Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh;

+ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc tổ chức đại hội không thuộc các trường hợp nêu trên.

- Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị.

**Câu hỏi 223: Việc tổ chức hội nghị liên tôn giáo, hội nghị có yếu tố nước ngoài được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức hội nghị liên tôn giáo, hội nghị có yếu tố nước ngoài có trách nhiệm gửi văn bản

đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức; lý do tổ chức; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị.

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 224: Việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 45 của Luật, đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được quy định như sau:

- Trước khi tổ chức đại hội, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức; lý do tổ chức; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức đại hội;

+ Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức;

+ Dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có).

- Về thẩm quyền chấp thuận tổ chức đại hội:

+ Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

+ Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với việc tổ chức đại hội không thuộc các trường hợp nêu trên; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 225: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được tổ chức các cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký không? Việc tổ chức cuộc lễ được Luật quy định như thế nào?**

*Trả lời:*

Cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo được hiểu là những



cuộc lễ diễn ra ngoài phạm vi nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và những cơ sở khác của tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được tổ chức các cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký.

Việc tổ chức cuộc lễ được quy định như sau:

- Trước khi tổ chức, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức đề nghị, tên cuộc lễ, người chủ trì, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, quy mô, thành phần tham dự cuộc lễ.

- Về thẩm quyền chấp thuận: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ có quy mô tổ chức ở một huyện trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc lễ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi tổ chức cuộc lễ có trách nhiệm hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự cho cuộc lễ.

**Câu hỏi 226:** Việc giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký của chức sắc, chức việc, nhà tu hành được Luật quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật, trước khi giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký, chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Văn bản đề nghị nêu rõ họ và tên người đề nghị, nội dung, lý do, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, thành phần tham dự.

Về thẩm quyền chấp thuận: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc giảng đạo có quy mô tổ chức ở một huyện trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến giảng đạo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc giảng đạo có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi tổ chức giảng đạo có trách nhiệm hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự cho việc giảng đạo.

**Câu hỏi 227:** Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có được sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp không? Nếu được thì thực hiện như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 47 của Luật, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp khác.

Việc sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được thực hiện như sau:

- Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp khác gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt tôn giáo tập trung.

- Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ họ và tên, quốc tịch, tôn giáo của người đại diện; lý do, thời gian, nội dung sinh hoạt, số lượng người tham gia, cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt;

+ Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện;

+ Văn bản đồng ý của người đại diện cơ sở tôn giáo hoặc giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 228: Hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 48 của Luật, hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được quy định như sau:

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức mời; tên tổ chức, cá nhân được mời; mục đích, nội dung các hoạt động; danh sách khách mời; dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm tổ chức;

+ Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

+ Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.

- Về thẩm quyền chấp thuận hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo ở một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

+ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc mời tổ chức,

cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 229: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức không? Nếu được thì thực hiện như thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo.

Khi mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo, tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức mời; tên chức sắc, nhà tu hành được mời; mục đích, nội dung giảng đạo; danh sách khách mời; dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm tổ chức;

+ Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài;

+ Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành được mời.

- Về thẩm quyền chấp thuận:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài

vào Việt Nam để giảng đạo ở một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

+ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài vào Việt Nam để giảng đạo ở nhiều tỉnh trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 230: Nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung có được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo không? Nếu được thì thực hiện như thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 5 Điều 48 của Luật, nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo.

Khi mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo, nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung mời; tên chức sắc, nhà tu hành được mời; mục đích, nội dung giảng đạo; danh sách khách mời; dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm tổ chức;

+ Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài;

+ Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành được mời.

- Về thẩm quyền chấp thuận: Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 231: Trong quá trình giảng đạo, chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài phải thực hiện những quy định gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 6 Điều 48 của Luật, trong quá trình giảng đạo, chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài phải tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

**Câu hỏi 232: Người nước ngoài có được theo học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam không? Nếu được thì trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 49 của Luật, người nước ngoài được theo học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam. Để được học tại các cơ sở này người nước ngoài phải là người cư trú hợp pháp ở Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam, tự nguyện đăng ký học và được cơ sở đào tạo tôn giáo gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định như sau:  
Cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Hồ sơ đề nghị gồm:

- + Văn bản đề nghị nêu rõ tên cơ sở đào tạo tôn giáo; họ và tên, quốc tịch của người đăng ký học, khóa học, thời gian học;
- + Bản dịch hộ chiếu của người đăng ký học sang tiếng Việt có công chứng.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 233: Việc tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài của chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 50 của Luật, việc tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài của chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được quy định như sau:

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

- Hồ sơ đề nghị gồm:

- + Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức, mục đích, chương trình,



thời gian, địa điểm hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài;

+ Giấy mời hoặc văn bản chấp thuận tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo của tổ chức tôn giáo ở nước ngoài.

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 234: Việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 51 của Luật, việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài được quy định như sau:

- Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài bao gồm các trường hợp: Tổ chức tôn giáo Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho công dân Việt Nam ở Việt Nam.

Việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài nêu trên phải được sự chấp thuận trước của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

- Người được đề nghị phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 của

Luật. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được đề nghị phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- + Được đào tạo tôn giáo tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam;
- + Tuân thủ pháp luật Việt Nam.

- Công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

- Trình tự, thủ tục chấp thuận, đăng ký việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài do Chính phủ quy định.

**Câu hỏi 235: Việc tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức sắc, chức việc cho công dân Việt Nam là tín đồ của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, tổ chức tôn giáo có tín đồ là công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức sắc, chức việc ở Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hồ sơ đề nghị gồm các giấy tờ sau đây:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo đề nghị; tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo nước ngoài; lý do đề nghị; họ và tên của người được đề nghị; phẩm vị, chức vụ, địa bàn phụ trách trước và sau khi được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

- Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

- Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 236: Việc tổ chức tôn giáo ở Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, tổ chức tôn giáo ở Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hồ sơ đề nghị gồm các giấy tờ sau đây:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo; lý do đề nghị; họ và tên, phẩm vị (nếu có), quốc tịch của người được đề nghị; phẩm vị được đề nghị;

- Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được đề nghị;

- Bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam cấp;

- Bản sao hộ chiếu, bản chính hoặc bản sao có chứng thực phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người được đề nghị không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo nguyên tắc có đi có lại. Trường hợp người được đề nghị đã cư trú ở Việt Nam trên 06 tháng liên tục phải có thêm bản chính phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 237: Người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài chưa được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở Trung ương chấp thuận thì có được sử dụng chức danh đó để hoạt động tôn giáo ở Việt Nam không?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử,

suy cử có yếu tố nước ngoài chưa được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận thì không được sử dụng chức danh đó để hoạt động tôn giáo ở Việt Nam.

**Câu hỏi 238: Việc công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc của tổ chức tôn giáo Việt Nam được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Hồ sơ đăng ký gồm:

- Văn bản đăng ký nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên, địa bàn phụ trách, phẩm vị, chức vụ của người được đăng ký ở nước ngoài và ở Việt Nam;

- Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được đăng ký;

- Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo ở nước ngoài của người được đăng ký;

- Văn bản chứng minh phẩm vị, chức vụ, địa bàn hoạt động của người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp từ chối đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Công dân Việt Nam đăng ký làm chức sắc, chức việc được hoạt động tôn giáo theo phẩm vị, chức vụ sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận việc đăng ký.

**Câu hỏi 239: Hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 52 của Luật, hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được quy định như sau:

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế theo hiến chương của tổ chức tôn giáo phù hợp với pháp luật Việt Nam.

- Khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia có liên quan.

**Câu hỏi 240: Tổ chức tôn giáo ở Việt Nam có được gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài không? Việc gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 53 của Luật, tổ chức tôn giáo ở Việt Nam được gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài.

Trước khi gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, mục đích, thời điểm gia nhập; tên, hiến chương, tôn chỉ, mục đích hoạt động, trụ sở chính của tổ chức tôn giáo nước ngoài;
- Văn bản chấp thuận hoặc văn bản mời gia nhập của tổ chức tôn giáo nước ngoài.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Khi chấm dứt tham gia tổ chức tôn giáo nước ngoài, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày chấm dứt. Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, tên tổ chức tôn giáo nước ngoài đã gia nhập, lý do chấm dứt, thời điểm bắt đầu chấm dứt.

**Câu hỏi 241:** Tổ chức tôn giáo có được thực hiện hoạt động xuất bản, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo không?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 54 của Luật, tổ chức tôn giáo được thực hiện hoạt động xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo theo quy định của pháp luật về xuất bản và quy định khác của pháp luật.

**Câu hỏi 242:** Tổ chức tôn giáo có được tham gia các hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo không?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 55 của Luật, tổ chức tôn giáo được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Câu hỏi 243:** Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có được tổ chức quyên góp không? Nếu được thì pháp luật quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP), cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tổ chức quyên góp. Việc tổ chức quyên góp là để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo và từ thiện



xã hội trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định của pháp luật có liên quan.

Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức quyên góp, trong đó nêu rõ mục đích, địa bàn, cách thức, thời gian quyên góp; phương thức quản lý và sử dụng tài sản được quyên góp.

Trước khi tổ chức quyên góp các cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tùy thuộc vào địa bàn quyên góp. Nếu quyên góp trong địa bàn một xã thì sẽ thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã trước 05 ngày làm việc; nếu quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương thì thông báo trước 10 ngày; ngoài ra nếu quyên góp không thuộc các trường hợp trên sẽ thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước 15 ngày.

Hoạt động quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch. Tài sản được quyên góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích đã thông báo, phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo và từ thiện xã hội. Không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để quyên góp nhằm trục lợi hoặc trái mục đích quyên góp. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

tiếp nhận thông báo có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo quy định trên.

**Câu hỏi 244: Việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài được pháp luật quy định như thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, đồ dùng tôn giáo thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại.

**Câu hỏi 245: Đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 57 của Luật, đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Câu hỏi 246: Thế nào là công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP,

Điều 2 của Luật, công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo và công trình phụ trợ được hiểu như sau:

- Công trình tín ngưỡng là công trình xây dựng để làm cơ sở tín ngưỡng. Cơ sở tín ngưỡng là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng như đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác.

- Công trình tôn giáo là công trình xây dựng để làm cơ sở tôn giáo, tượng đài, bia và tháp tôn giáo. Cơ sở tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo.

- Công trình phụ trợ là công trình không sử dụng cho việc thờ tự của cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo gồm nhà ở, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, tường rào khuôn viên thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và các công trình tương tự khác.

**Câu hỏi 247: Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 58 của Luật, việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được quy định như sau:

- Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo thực hiện như quy định của pháp luật về xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng.

- Việc tu bổ, phục hồi cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng; việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc các cơ sở này thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật về xây dựng.

**Câu hỏi 248: Việc di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 59 của Luật, việc di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về xây dựng.

**Câu hỏi 249: Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 60 của Luật, quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo gồm những nội dung sau:

- Xây dựng chính sách, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.
- Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.
- Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.
- Phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.
- Nghiên cứu trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.
- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.
- Quan hệ quốc tế trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

**Câu hỏi 250: Trách nhiệm quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 61 của Luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong phạm vi cả nước.
- Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.
- Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Luật.

**Câu hỏi 251: Thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 62 của Luật, thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như sau:

- Thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo là hoạt động thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo trong phạm vi cả nước.

- Thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

+ Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Ủy ban nhân dân các cấp;

+ Thanh tra những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

**Câu hỏi 252: Việc khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về tín ngưỡng, tôn giáo được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 63 của Luật, việc khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như sau:

- Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ và các tổ chức, cá nhân khác có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại, khởi kiện vụ án hành chính, khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Việc giải quyết tố cáo vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

**Câu hỏi 253: Việc xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 64 của Luật, việc xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như sau:

- Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ quy định của Luật này và Luật xử lý vi phạm hành chính, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt cụ thể và thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi

vi phạm hành chính; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

**Câu hỏi 254: Việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo khi thi hành công vụ được Luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 65 của Luật, cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo khi thi hành công vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm sau đây:

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định của Luật và pháp luật có liên quan;
- Thiếu trách nhiệm trong quản lý để xảy ra vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;
- Vi phạm quy định về trình tự, thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

**Câu hỏi 255: Một số lưu ý khi áp dụng Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với tổ chức tôn giáo, hoạt động tôn giáo?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật, nhóm người đã được chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận tổ chức tôn giáo trước ngày Luật có hiệu lực



(01/01/2018) không phải làm các thủ tục đăng ký, công nhận lại theo quy định tại các Điều 17, 19 và 22 của Luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 67 của Luật, tổ chức tôn giáo trực thuộc đã được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; hội đoàn tôn giáo, dòng tu và tổ chức tu hành tập thể đã được cấp đăng ký hoạt động trước ngày Luật có hiệu lực không phải làm các thủ tục đề nghị, đăng ký lại theo quy định tại các Điều 29, 38 của Luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật, đối với tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước ngày Luật có hiệu lực thì thời gian để công nhận là tổ chức tôn giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật được tính từ khi tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 67 của Luật, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật có hiệu lực, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước ngày Luật có hiệu lực có trách nhiệm thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 43 của Luật.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 67 của Luật, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực, cơ sở tín ngưỡng đã thông báo hoạt động tín ngưỡng hằng năm trước ngày Luật có hiệu lực có trách nhiệm đăng ký hoạt động tín ngưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 20, 22, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 17, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 62, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.
9. Trần Đình Ba: *Phong tục tập quán Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012.
10. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo (Chương trình bồi dưỡng chuyên đề dành cho cán bộ, đảng viên)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.

11. Ban Tôn giáo Chính phủ: *Văn bản pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo và liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2020.
12. Ban Tôn giáo Chính Phủ: *Hỏi - đáp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2020.
13. TS. Hà Ngọc Anh: *Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
14. Trác Tân Bình: *Lý giải Tôn giáo*, Nxb. Hà Nội, 2007.
15. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
16. Trương Hải Cường: *Một số vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
17. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004.
18. Khai Đăng (Sưu tầm và biên soạn): *Tản mạn về tín ngưỡng và phong tục của người Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2008.
19. Nguyễn Duy Hình: *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
20. PGS.TS. Đỗ Lan Hiền (Chủ biên): *Cẩm nang về tín ngưỡng, tôn giáo (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
21. Thu Huyền - Ái Phương (Sưu tầm và tuyển chọn): *Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán, hội và lễ hội các dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2011.
22. TS. Đoàn Triệu Long: *Tín ngưỡng truyền thống Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

23. PGS.TS. Nguyễn Đức Lữ: *Tìm hiểu về tôn giáo và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính và VINACIN-BOOKS, Hà Nội, 2011.
24. Nguyễn Đức Lữ: “Hồ Chí Minh về tôn giáo - tư duy sáng tạo độc đáo”, tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2-3/2010.
25. PGS.TS. Nguyễn Đức Lữ: *Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
26. Cao Sư Ninh: “Thư bàn về hiện đại hóa với tôn giáo mới”, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo thế giới*, số 4/1999.
27. John Renard: *Tri thức tôn giáo qua các vấn nạn và giải đáp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005.
28. Sở Nội vụ Hải Phòng: *Cơ sở tôn giáo tiêu biểu thành phố Hải Phòng*, Nxb. Hải Phòng, 2013.
29. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2/2001.
30. Tạp chí *Công tác Tôn giáo*, số 10/2008.
31. Tạp chí *Công tác Tôn giáo*, số 1+2/2011.
32. Hòa thượng Thích Thanh Tứ: *Bước đầu học Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2006.
33. Mai Viên Đoàn Triễn: *An Nam phong tục sách* (Nguyễn Tô Lan dịch chú, giới thiệu), Nxb. Hà Nội, 2008.
34. Ngô Đức Thịnh: *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007.
35. X.A. Tocarep: *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.423.
36. Nhất Thanh - Vũ Văn Khiếu: *Phong tục làng xóm Việt Nam*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
37. Đặng Nghiêm Vạn: *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

38. PGS.TS. Nguyễn Thanh Xuân: “Đôi điều cần biết về tên gọi tôn giáo và chức sắc tôn giáo”, Bản tin *Dân vận Hải Phòng*, số 15/2021.
39. Lý Tế Xuyên: *Việt điện u linh* (Ngọc Hồ dịch), Nxb. Cửu Long, 1992.
40. Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 16/10/1990 về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.
41. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo.
42. Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 10/9/2008.
43. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013.
44. Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 08/3/2017 Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
45. Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
46. Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.
47. Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/1/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới.
48. Thông tri số 21-TT/TU ngày 09/4/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời giới thiệu</i>	7
<i>Phần thứ nhất</i>	
NHẬN THỨC CHUNG VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO	9
<i>Câu hỏi 1: Tín ngưỡng là gì?</i>	9
<i>Câu hỏi 2: Tín ngưỡng và tôn giáo giống và khác nhau như thế nào?</i>	10
<i>Câu hỏi 3: Tính đa thần/phiếm thần của tín ngưỡng Việt Nam được thể hiện như thế nào?</i>	11
<i>Câu hỏi 4: Tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc Việt Nam gồm những hình thức nào?</i>	13
<i>Câu hỏi 5: Những đặc điểm của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam?</i>	15
<i>Câu hỏi 6: Vì sao tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam có đặc điểm đan xen, hòa đồng, khoan dung? Điều đó được thể hiện như thế nào?</i>	16
<i>Câu hỏi 7: Vì sao tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam lại in đậm tính nữ? Điều đó được thể hiện như thế nào?</i>	19
<i>Câu hỏi 8: Vì sao người Việt Nam thường thần thánh hóa những người có công với gia đình, làng, nước?</i>	21

Câu hỏi 9: Việc thần thánh hóa những người có công với gia đình, làng, nước được thể hiện như thế nào?	22
Câu hỏi 10: Tôn giáo là gì?	24
Câu hỏi 11: Hãy nêu những bộ phận hợp thành của một tôn giáo?	25
Câu hỏi 12: Tôn giáo được ra đời từ khi nào?	27
Câu hỏi 13: Tôn giáo có bao nhiêu loại?	28
Câu hỏi 14: Hãy nêu bản chất và nguồn gốc của tôn giáo?	29
Câu hỏi 15: Hãy nêu những tính chất cơ bản của tôn giáo?	32
Câu hỏi 16: Hãy nêu những chức năng cơ bản của tôn giáo?	34
Câu hỏi 17: Các nguyên tắc ứng xử với tôn giáo là gì?	36
Câu hỏi 18: Khi giải quyết vấn đề này sinh từ tôn giáo cần lưu ý những yêu cầu gì?	36
Câu hỏi 19: Hãy nêu những hình thức tôn giáo sơ khai trong xã hội cộng đồng nguyên thủy?	37
Câu hỏi 20: Tôn giáo như thế nào được gọi là tôn giáo dân tộc, tôn giáo khu vực và tôn giáo thế giới?	41
Câu hỏi 21: Hãy nêu những mặt tích cực và tiêu cực của tôn giáo?	43
Câu hỏi 22: Hãy nêu tình hình phát triển tôn giáo trên thế giới hiện nay?	44
Câu hỏi 23: Vì sao hiện nay tôn giáo lại phát triển?	45
Câu hỏi 24: Xu hướng vận động của tôn giáo hiện nay trên thế giới là gì?	48
Câu hỏi 25: Thế nào là “hiện tượng tôn giáo mới”? Tôn giáo mới có biểu hiện tiêu cực hay không? Ở Việt Nam có bao nhiêu “hiện tượng tôn giáo mới”?	53

- Câu hỏi 26:* Tính đa tôn giáo ở Việt Nam thể hiện như thế nào? 56
- Câu hỏi 27:* Vì sao tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam hầu hết là nông dân lao động? Các tín đồ này có đặc điểm gì? 57
- Câu hỏi 28:* Vì sao một số tôn giáo ở nước ta thường bị các thế lực phản động trong và ngoài nước lợi dụng vì mục đích chính trị? 58
- Câu hỏi 29:* Những điểm tương đồng và khác biệt giữa tôn giáo với chủ nghĩa xã hội? 59
- Câu hỏi 30:* Có bao nhiêu tổ chức tôn giáo được công nhận ở Việt Nam hiện nay? 60
- Câu hỏi 31:* Thế nào là tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc? Hội đoàn tôn giáo là gì? Những cơ sở nào được gọi là cơ sở tôn giáo? Hoạt động tôn giáo là gì? Những người nào được gọi là tín đồ, nhà tu hành, chức sắc, chức việc? 63
- Phần thứ hai*
- MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM** 65
- Câu hỏi 32:* Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt diễn ra như thế nào? 65
- Câu hỏi 33:* Tục thờ vua Hùng của người Việt diễn ra như thế nào? 67
- Câu hỏi 34:* Tín ngưỡng thờ cúng vật tổ (Totemism) là gì? 69
- Câu hỏi 35:* Thế nào là tín ngưỡng vòng đời người? 70
- Câu hỏi 36:* Tín ngưỡng vòng đời người được chia thành mấy giai đoạn? 71
- Câu hỏi 37:* Tục cúng mụ và lễ đầy cữ của người Việt diễn ra như thế nào? 72



Câu hỏi 38: Lễ thành đinh của con trai và lễ cài trâm ở con gái là gì?	74
Câu hỏi 39: Lễ tơ hồng trong ngày cưới của người Việt diễn ra như thế nào?	76
Câu hỏi 40: Lễ ăn hỏi là gì?	78
Câu hỏi 41: Lễ khao lão, mừng thọ là gì?	79
Câu hỏi 42: Lễ tang của người Việt Nam diễn ra như thế nào?	81
Câu hỏi 43: Lễ khao lễ thế lính Hoàng Sa là gì?	82
Câu hỏi 44: Cúng cô hồn là gì?	84
Câu hỏi 45: Tại sao phải thờ thần bản mệnh?	85
Câu hỏi 46: Vì sao có tục cúng ba ngày, 49 ngày, 100 ngày cho người mất?	86
Câu hỏi 47: Thế nào là tín ngưỡng nghề nghiệp?	88
Câu hỏi 48: Nguồn gốc của tín ngưỡng nông nghiệp?	89
Câu hỏi 49: Các hình thức cơ bản của tín ngưỡng nông nghiệp ở người Việt Nam là gì?	90
Câu hỏi 50: Tứ pháp là gì?	91
Câu hỏi 51: Tứ pháp - sự giao lưu giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa được thể hiện như thế nào?	92
Câu hỏi 52: Nghi lễ cầu mưa là biểu hiện của tín ngưỡng nào?	94
Câu hỏi 53: Thế nào là tín ngưỡng phồn thực?	95
Câu hỏi 54: Mối liên hệ giữa trống đồng và tín ngưỡng phồn thực được biểu hiện như thế nào?	98
Câu hỏi 55: Những trò diễn, trò chơi, phong tục mang tính phồn thực là gì?	100
Câu hỏi 56: Tại sao lại có nghi lễ hạ điền?	101
Câu hỏi 57: Tết Com mới mang ý nghĩa và mục đích như thế nào?	103

Câu hỏi 58: Tại sao phải thờ cúng Thần Nông?	105
Câu hỏi 59: Thánh sư và tín ngưỡng thờ Thánh sư là gì?	106
Câu hỏi 60: Thánh sư thường được thờ ở đâu?	107
Câu hỏi 61: Bàn thờ vọng là gì?	108
Câu hỏi 62: Thờ các vị hành khiển là gì?	109
Câu hỏi 63: Thờ bà Cô, ông Mãnh là gì?	110
Câu hỏi 64: Thế nào là lễ Nghinh Ông?	111
Câu hỏi 65: Hình thức múa hát bả trạo trong lễ Nghinh Ông diễn ra như thế nào?	113
Câu hỏi 66: Nguồn gốc của tín ngưỡng thờ thần là gì?	114
Câu hỏi 67: Thế nào là tín ngưỡng thờ thành hoàng?	116
Câu hỏi 68: Thành hoàng có nguồn gốc như thế nào?	117
Câu hỏi 69: Thành hoàng thường được thờ ở đâu?	119
Câu hỏi 70: Thành hoàng có những cấp bậc nào?	121
Câu hỏi 71: Thế nào là thờ tiên hiền, hậu hiền?	122
Câu hỏi 72: Tục thờ tiên hiền được thể hiện như thế nào?	123
Câu hỏi 73: Thế nào là tục hèm?	124
Câu hỏi 74: Tục hèm gồm những dạng nào?	125
Câu hỏi 75: Nguồn gốc của tục thờ thần tài, biểu hiện, ý nghĩa và mục đích?	127
Câu hỏi 76: Nguồn gốc của tục thờ Thổ công, biểu hiện, ý nghĩa và mục đích?	128
Câu hỏi 77: Thế nào là tín ngưỡng thờ Mẫu?	129
Câu hỏi 78: Mẫu Tam phủ, Tứ phủ là gì?	130
Câu hỏi 79: Ngọc Hoàng là gì?	132
Câu hỏi 80: Tam tòa Thánh Mẫu là gì?	133
Câu hỏi 81: Tín ngưỡng thờ tứ vị Thánh Bà hay Tứ vị Châu Bà là gì?	134

<i>Câu hỏi 82:</i> Lên đồng - một hoạt động nghi thức gắn với tín ngưỡng thờ Mẫu?	135
<i>Câu hỏi 83:</i> Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay thế nào?	137
<i>Câu hỏi 84:</i> Việt Nam có bao nhiêu tín đồ, chức sắc, nhà tu hành, cơ sở thờ tự, cơ sở đào tạo tôn giáo?	138
<i>Câu hỏi 85:</i> Sự xuất hiện của Phật giáo như thế nào?	143
<i>Câu hỏi 86:</i> Phật giáo thống nhất trong mái nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam như thế nào?	145
<i>Câu hỏi 87:</i> Đặc điểm của giáo lý và kinh sách của Phật giáo?	145
<i>Câu hỏi 88:</i> Niết bàn là thế nào?	146
<i>Câu hỏi 89:</i> Thế giới quan và nhân sinh quan của Phật giáo thể hiện qua một số học thuyết Phật giáo như thế nào? Những hiểu biết về “Tứ diệu đế”?	147
<i>Câu hỏi 90:</i> Vô thường, vô ngã, nhân quả, luân hồi, nghiệp báo là gì?	149
<i>Câu hỏi 91:</i> Ngũ giới, Lục độ, Lục hòa, Thập thiện, Tứ ân là gì?	151
<i>Câu hỏi 92:</i> Thế nào là hệ phái Bắc tông và hệ phái Nam tông?	153
<i>Câu hỏi 93:</i> Phật tử, Đại đức, Thượng tọa, Hòa thượng, Ni sư, Ni trưởng, Pháp chủ là gì?	153
<i>Câu hỏi 94:</i> Phật là gì? Phật A Di Đà là ai? Di lặc là ai?	156
<i>Câu hỏi 95:</i> Bồ tát và La hán là ai?	158
<i>Câu hỏi 96:</i> Chạy đàn, Nam mô A Di Đà Phật và Cúng dường nghĩa là gì?	160
<i>Câu hỏi 97:</i> Quá trình du nhập, tồn tại và phát triển Phật giáo ở Việt Nam như thế nào?	162

Câu hỏi 98: Sự xuất hiện của chùa thờ Phật và đặc điểm của chùa thờ Phật ở Việt Nam?	165
Câu hỏi 99: Các tượng thờ trong chùa được bố trí thế nào? Ý nghĩa của các tượng thờ trong chùa?	167
Câu hỏi 100: Kitô giáo là gì?	172
Câu hỏi 101: Công giáo là gì?	172
Câu hỏi 102: Người sáng lập, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và các bí tích của Kitô giáo?	174
Câu hỏi 103: Những ngày lễ quan trọng của Công giáo và số lượng chức sắc tín đồ Công giáo ở Việt Nam hiện nay.	177
Câu hỏi 104: Adam là ai? Amen nghĩa là gì? Chúa và Chúa Ba Ngôi là thế nào? Thiên đàng, địa ngục, luyện ngục là gì?	178
Câu hỏi 105: Bảy chức thánh là thế nào?	181
Câu hỏi 106: Bí tích là gì? Bảy phép bí tích là những bí tích nào?	182
Câu hỏi 107: Bữa Tiệc Ly là thế nào? Cầu nguyện là gì?	183
Câu hỏi 108: Tổ chức Công giáo như thế nào? Chánh trương là gì? Phó tế là gì?	184
Câu hỏi 109: Linh mục, giám mục, giám quản, tổng giám mục là gì? Đức Cha, Đức Ông là ai? Ai được gọi là Đức Thánh Cha? Giáo sĩ, hàng giáo phẩm là thế nào?	187
Câu hỏi 110: Hồng y, khâm sứ là gì?	191
Câu hỏi 111: Thế nào là xưng tội và giải tội?	192
Câu hỏi 112: Tìm hiểu về Lễ Giáng sinh?	193
Câu hỏi 113: Thế nào là họ đạo, giáo xứ giáo hạt, giáo phận, giáo tỉnh và giáo miền?	194
Câu hỏi 114: Thế nào là lễ buộc, lễ trọng, mạc khải?	198

<i>Câu hỏi 115:</i> Mười hai Thánh tông đồ là ai? Thế nào là năm toàn xá và ngày tận thế?	199
<i>Câu hỏi 116:</i> Tội tổ tông là thế nào? Rút phép thông công và treo chén là gì?	201
<i>Câu hỏi 117:</i> Tìm hiểu về quốc gia Vatican?	202
<i>Câu hỏi 118:</i> Công giáo được truyền đến Việt Nam khi nào? Vai trò của đạo Công giáo ở Việt Nam?	203
<i>Câu hỏi 119:</i> Tìm hiểu về Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam?	204
<i>Câu hỏi 120:</i> Đạo Tin Lành ra đời như thế nào? Phân biệt đạo Tin Lành và Công giáo?	206
<i>Câu hỏi 121:</i> Đặc điểm của luật lệ, lễ nghi Tin Lành?	210
<i>Câu hỏi 122:</i> Đặc điểm của Nhà thờ đạo Tin Lành? Giới thiệu những ngày lễ trọng của đạo Tin Lành?	211
<i>Câu hỏi 123:</i> Đặc điểm của sinh hoạt tôn giáo và tổ chức của đạo Tin Lành?	213
<i>Câu hỏi 124:</i> Sinh hoạt về tổ chức đạo Tin Lành có đặc điểm gì?	214
<i>Câu hỏi 125:</i> Đạo Tin Lành có bao nhiêu hệ phái được công nhận và cụ thể là những hệ phái nào?	215
<i>Câu hỏi 126:</i> Chức sắc, hệ phái đạo Tin Lành có đặc điểm gì? Đạo Tin Lành xuất hiện ở Việt Nam khi nào và hiện nay ra sao?	216
<i>Câu hỏi 127:</i> Hồi giáo xuất hiện khi nào? Thời điểm du nhập vào Việt Nam? Giới thiệu về người sáng lập ra đạo Hồi?	218
<i>Câu hỏi 128:</i> Tìm hiểu về giáo lý và giáo luật của Hồi giáo?	219
<i>Câu hỏi 129:</i> Tổ chức giáo hội của Hồi giáo và những ngày lễ trọng của Hồi giáo?	221

Câu hỏi 130: Quá trình du nhập đạo Hồi vào Việt Nam?	222
Câu hỏi 131: Đặc điểm của Hồi giáo Chăm Bani và chức sắc của giáo phái này?	223
Câu hỏi 132: Tìm hiểu về chức sắc Chăm Islam và tổ chức của Chăm Islam?	225
Câu hỏi 133: Đạo Cao Đài ra đời khi nào? Ở đâu và do ai sáng lập? Hệ phái của đạo Cao Đài? Tam kỳ phổ độ là gì? “Quy nguyên tam giáo” và “Hiệp nhất ngũ chi” nghĩa là thế nào?	226
Câu hỏi 134: Luật lệ và lễ nghi, tổ chức giáo hội của đạo Cao Đài như thế nào?	228
Câu hỏi 135: Đạo Cao Đài có bao nhiêu hệ phái đã được công nhận? Đó là những hệ phái nào?	234
Câu hỏi 136: Chức sắc của Cửu Trùng đài?	235
Câu hỏi 137: Sự xuất hiện, giáo lý, giáo luật, lễ nghi của Phật giáo Hòa Hảo?	236
Câu hỏi 138: Cán bộ, công chức xung hô với chức sắc tôn giáo như thế nào?	238

*Phần thứ ba*

CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC,  
VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO 241

Câu hỏi 139: Những chính sách cơ bản của Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo và quan điểm, chủ trương đối với tín ngưỡng, tôn giáo qua các kỳ Đại hội Đảng?	241
Câu hỏi 140: Quan điểm, chủ trương của Đảng đối với tôn giáo trong Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam?	247
Câu hỏi 141: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thể hiện trong Hiến pháp như thế nào?	247

<i>Câu hỏi 142:</i> Quá trình đổi mới nhận thức và đổi mới công tác tôn giáo qua một số văn bản chủ yếu của Đảng?	248
<i>Câu hỏi 143:</i> Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới?	250
<i>Câu hỏi 144:</i> Các quan điểm chỉ đạo của Đảng ta trong Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương về chính sách đối với tôn giáo?	251
<i>Câu hỏi 145:</i> Những quan điểm mới của Đảng về tôn giáo thể hiện trong Nghị quyết số 24-NQ/TW và Nghị quyết số 25-NQ/TW so với trước?	253
<i>Câu hỏi 146:</i> Những điểm mới thể hiện trong Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị; Thông tri số 21-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới thể hiện như thế nào?	254
<i>Câu hỏi 147:</i> Mục tiêu của quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo?	257
<i>Câu hỏi 148:</i> Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo và không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau có quyền bình đẳng trước pháp luật không?	258
<i>Câu hỏi 149:</i> Các tôn giáo được Nhà nước công nhận về tổ chức có được bình đẳng trước pháp luật không?	259
<i>Câu hỏi 150:</i> Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?	259
<i>Câu hỏi 151:</i> Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được quy định thế nào trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo?	259

- Câu hỏi 152:* Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm? 260
- Câu hỏi 153:* Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người được Luật quy định như thế nào? 261
- Câu hỏi 154:* Pháp luật quy định như thế nào về việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc? 262
- Câu hỏi 155:* Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào? 263
- Câu hỏi 156:* Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được Luật quy định như thế nào? 264
- Câu hỏi 157:* Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào? 264
- Câu hỏi 158:* Thế nào là hoạt động tín ngưỡng? Lễ hội tín ngưỡng? Cơ sở tín ngưỡng bao gồm những nơi nào? 265
- Câu hỏi 159:* Nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng? 265
- Câu hỏi 160:* Cơ sở tín ngưỡng có phải có người đại diện hoặc ban quản lý không? Điều kiện để được bầu cử là người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng được quy định như thế nào? 266
- Câu hỏi 161:* Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng? 266



- Câu hỏi 162:* Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được thực hiện như thế nào? 267
- Câu hỏi 163:* Hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng có phải đăng ký không? Nếu phải đăng ký thì thực hiện như thế nào? 267
- Câu hỏi 164:* Hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đăng ký có phải đăng ký bổ sung không? Nếu có thì thực hiện như thế nào? 268
- Câu hỏi 165:* Trách nhiệm của người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng khi tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ được quy định như thế nào? Văn bản thông báo về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ được quy định thế nào? 268
- Câu hỏi 166:* Việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ tại cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng thực hiện theo quy định nào? 269
- Câu hỏi 167:* Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ? 270
- Câu hỏi 168:* Những lễ hội tín ngưỡng nào trước khi tổ chức phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi diễn ra lễ hội? Văn bản đăng ký tổ chức các lễ hội tín ngưỡng này cần những nội dung gì? 270
- Câu hỏi 169:* Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục sau thời gian gián đoạn hoặc lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi được quy định như thế nào? 271

- Câu hỏi 170:* Các khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng được quản lý và sử dụng như thế nào? 271
- Câu hỏi 171:* Tổ chức tôn giáo có được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho những người thuộc tổ chức không? Để được thực hiện quyền này cần phải đáp ứng các điều kiện gì? 272
- Câu hỏi 172:* Những người theo tôn giáo không thuộc tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung không? Để được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cần phải đáp ứng các điều kiện gì? 273
- Câu hỏi 173:* Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung được Luật quy định như thế nào? 274
- Câu hỏi 174:* Trình tự, thủ tục thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung được pháp luật quy định như thế nào? 275
- Câu hỏi 175:* Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có được thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung không? Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã được quy định như thế nào? 276
- Câu hỏi 176:* Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung từ địa bàn xã này sang địa bàn xã khác được quy định như thế nào? 278

<i>Câu hỏi 177:</i> Điều kiện để tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được quy định như thế nào?	280
<i>Câu hỏi 178:</i> Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được Luật quy định như thế nào?	281
<i>Câu hỏi 179:</i> Tổ chức sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được thực hiện các hoạt động nào?	282
<i>Câu hỏi 180:</i> Điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo được Luật quy định như thế nào?	282
<i>Câu hỏi 181:</i> Trình tự thủ tục, thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?	284
<i>Câu hỏi 182:</i> Theo quy định của Luật, hiến chương của tổ chức tôn giáo có những nội dung cơ bản gì?	285
<i>Câu hỏi 183:</i> Việc sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo được pháp luật quy định như thế nào?	286
<i>Câu hỏi 184:</i> Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?	286
<i>Câu hỏi 185:</i> Trình tự, thủ tục thay đổi tên của tổ chức tôn giáo được pháp luật quy định thế nào?	287
<i>Câu hỏi 186:</i> Trình tự, thủ tục thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc được pháp luật quy định thế nào?	288
<i>Câu hỏi 187:</i> Việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?	289
<i>Câu hỏi 188:</i> Trình tự, thủ tục thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định thế nào?	290

- Câu hỏi 189:* Trình tự, thủ tục thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định thế nào? 291
- Câu hỏi 190:* Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất được quy định thế nào? 292
- Câu hỏi 191:* Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc? Để được thực hiện quyền này cần phải đáp ứng các điều kiện gì? 293
- Câu hỏi 192:* Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào? 294
- Câu hỏi 193:* Tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào? 296
- Câu hỏi 194:* Trình tự, thủ tục cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào? 297
- Câu hỏi 195:* Việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào? 298
- Câu hỏi 196:* Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương được quy định như thế nào? 300
- Câu hỏi 197:* Trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 31 của Luật được quy định như thế nào? 302

<i>Câu hỏi 198:</i> Trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quyết định của tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?	305
<i>Câu hỏi 199:</i> Trình tự, thủ tục giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 42 của Luật được quy định như thế nào?	306
<i>Câu hỏi 200:</i> Trách nhiệm công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo được quy định như thế nào?	308
<i>Câu hỏi 203:</i> Chấm dứt hoạt động, quyền khiếu nại của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo khi bị giải thể được quy định như thế nào?	309
<i>Câu hỏi 202:</i> Điều kiện phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc được Luật quy định như thế nào?	310
<i>Câu hỏi 203:</i> Việc phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc trong tổ chức tôn giáo được Luật quy định như thế nào?	310
<i>Câu hỏi 204:</i> Việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc trong tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?	312
<i>Câu hỏi 205:</i> Trách nhiệm của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo sau khi bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc?	313
<i>Câu hỏi 206:</i> Việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc quy định tại các Điều 19, 22, 29 và 38 của Luật được quy định như thế nào?	314
<i>Câu hỏi 207:</i> Việc chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành được Luật quy định như thế nào?	314

- Câu hỏi 208:* Việc chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích được Luật quy định như thế nào? 315
- Câu hỏi 209:* Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc không? Việc cách chức, bãi nhiệm được thực hiện như thế nào? 315
- Câu hỏi 210:* Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có quyền cách chức, bãi nhiệm chức việc không? Việc cách chức, bãi nhiệm được thực hiện như thế nào? 316
- Câu hỏi 211:* Tổ chức tôn giáo có được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo không? Để được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo cần phải đáp ứng các điều kiện gì? 317
- Câu hỏi 212:* Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 317
- Câu hỏi 213:* Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo, tổ chức tôn giáo cần có văn bản gì? 318
- Câu hỏi 214:* Cơ sở đào tạo tôn giáo có thuộc hệ thống giáo dục quốc dân không? 319
- Câu hỏi 215:* Hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 319
- Câu hỏi 216:* Việc hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam được Luật quy định như thế nào? 320
- Câu hỏi 217:* Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có được mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo không? Việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 321

<i>Câu hỏi 218:</i> Việc giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo được Luật quy định như thế nào?	322
<i>Câu hỏi 219:</i> Hoạt động tôn giáo là gì?	323
<i>Câu hỏi 220:</i> Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo được Luật quy định như thế nào?	324
<i>Câu hỏi 221:</i> Đối với các hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã thông báo thì có cần thông báo bổ sung không? Việc thông báo bổ sung danh mục hoạt động tôn giáo được thực hiện như thế nào?	325
<i>Câu hỏi 222:</i> Việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được Luật quy định như thế nào?	326
<i>Câu hỏi 223:</i> Việc tổ chức hội nghị liên tôn giáo, hội nghị có yếu tố nước ngoài được Luật quy định như thế nào?	326
<i>Câu hỏi 224:</i> Việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được Luật quy định như thế nào?	327
<i>Câu hỏi 225:</i> Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được tổ chức các cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký không? Việc tổ chức cuộc lễ được Luật quy định như thế nào?	328
<i>Câu hỏi 226:</i> Việc giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký của chức sắc, chức việc, nhà tu hành được Luật quy định như thế nào?	330

- Câu hỏi 227:* Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có được sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp không? Nếu được thì thực hiện như thế nào? 330
- Câu hỏi 228:* Hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được Luật quy định như thế nào? 331
- Câu hỏi 229:* Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức không? Nếu được thì thực hiện như thế nào? 333
- Câu hỏi 230:* Nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung có được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo không? Nếu được thì thực hiện như thế nào? 334
- Câu hỏi 231:* Trong quá trình giảng đạo, chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài phải thực hiện những quy định gì? 335
- Câu hỏi 232:* Người nước ngoài có được theo học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam không? Nếu được thì trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định như thế nào? 335
- Câu hỏi 233:* Việc tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài của chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được Luật quy định như thế nào? 336
- Câu hỏi 234:* Việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài được Luật quy định như thế nào? 337



- Câu hỏi 235:* Việc tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức sắc, chức việc cho công dân Việt Nam là tín đồ của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam được pháp luật quy định như thế nào? 338
- Câu hỏi 236:* Việc tổ chức tôn giáo ở Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được pháp luật quy định như thế nào? 339
- Câu hỏi 237:* Người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài chưa được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở Trung ương chấp thuận thì có được sử dụng chức danh đó để hoạt động tôn giáo ở Việt Nam không? 340
- Câu hỏi 238:* Việc công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc của tổ chức tôn giáo Việt Nam được pháp luật quy định như thế nào? 341
- Câu hỏi 239:* Hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được Luật quy định như thế nào? 342
- Câu hỏi 240:* Tổ chức tôn giáo ở Việt Nam có được gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài không? Việc gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài được Luật quy định như thế nào? 343
- Câu hỏi 241:* Tổ chức tôn giáo có được thực hiện hoạt động xuất bản, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo không? 344
- Câu hỏi 242:* Tổ chức tôn giáo có được tham gia các hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo không? 344

- Câu hỏi 243:* Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có được tổ chức quyên góp không? Nếu được thì pháp luật quy định như thế nào? 344
- Câu hỏi 244:* Việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài được pháp luật quy định như thế nào? 346
- Câu hỏi 245:* Đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 346
- Câu hỏi 246:* Thế nào là công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ? 346
- Câu hỏi 247:* Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 347
- Câu hỏi 248:* Việc di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 348
- Câu hỏi 249:* Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm những nội dung gì? 348
- Câu hỏi 250:* Trách nhiệm quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 349
- Câu hỏi 251:* Thanh tra chuyên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 350
- Câu hỏi 252:* Việc khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về tín ngưỡng, tôn giáo được Luật quy định như thế nào? 350
- Câu hỏi 253:* Việc xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào? 351

---

*Mục lục*

---

<i>Câu hỏi 254:</i> Việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo khi thi hành công vụ được Luật quy định như thế nào?	352
<i>Câu hỏi 255:</i> Một số lưu ý khi áp dụng Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với tổ chức tôn giáo, hoạt động tôn giáo?	352
<i>Tài liệu tham khảo</i>	354

Chịu trách nhiệm xuất bản  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: ThS. HOÀNG THỊ THU HƯỜNG

ĐỖ PHƯƠNG MAI

TS. LÊ THỊ THU MAI

Trình bày bìa:

THU TRANG

Chế bản vi tính:

NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in:

Đọc sách mẫu:

LÊ THỊ THU MAI

---

In 500 khổ 16 x 24 cm, tại Nhà in Sự thật.

Số 201 đường Cầu Diễn, tổ dân phố 15, Phúc Diễn - Bắc Từ Liêm - Hà Nội.

Số đăng ký xuất bản: ...-2022/CXBIPH/..../CTQG.

Quyết định xuất bản số: ..-QĐ/NXBCTQG, ngày ../2022.

Mã số ISBN: 978-604-57-....

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2022

